The Nidānakathā of the Jātakathakathā

Translated by N.A Jayawichrama

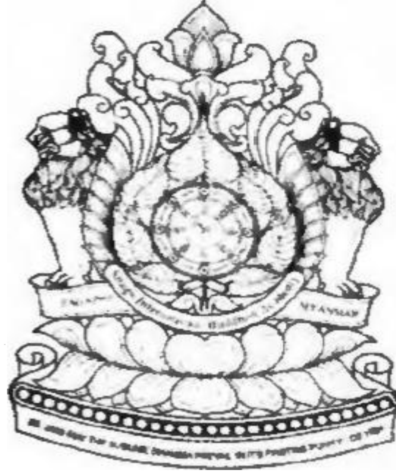
Phiên bản tiếng Việt được thực hiện vào tháng 06/2023

Sītagū Dhamma Series No. (148)

Pāḷi Text Society

The Story of Gotama Buddha

Volume I



The Nidānakathā of the Jātakathakathā

Translated by

N.A Jayawichrama

Compiled and Printed by

Department of Research & Compilation

Sitagū Inernational Buddhist Academy

Sagaing Hills, Sagaing

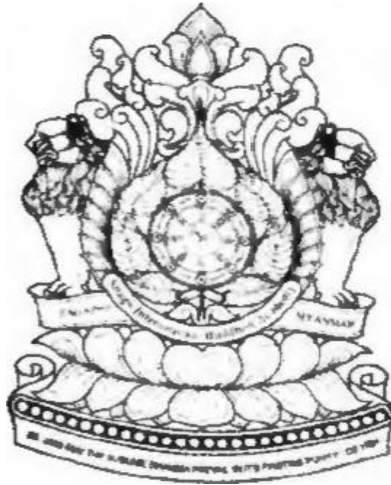
Myanmar

B.E. 2550 M.E. 1368 C.E. 2006

Sītagū Dhamma Series Số (148)
Hiệp hội Kinh điển Pāḷi

CÂU CHUYỆN VỀ ĐỨC PHẬT GOTAMA

Tập I



Phần Giới Thiệu của Chú Giải Bổn Sanh Truyện

Được dịch bởi

N.A Jayawichrama

Biên soạn và in bởi
Phòng Nghiên cứu & Biên soạn
Học viện Phật giáo Quốc tế Sitagū
Đồi Sagaing, Sagaing
Myanmar

B.E. 2550 M.E. 1368 C.E. 2006

MỤC LỤC

LỜI TỪ

Việc tìm hiểu tiền thân Đức Phật Gotama chứa đựng nhiều bài học quý giá và sống động về con đường dẫn đến Quả vị Phật vốn được xem là một hành trình vạn lý đầy nhiêu khê, chông gai và thử thách khốc liệt. Qua đó, chúng ta có thể thấy được nghị lực cùng tấm lòng đại bi vô lượng của một Bậc Đại Trí đã vì lợi ích cho chúng sinh mà thực hiện vô vàn đánh đổi phi thường.

Tác phẩm Nidānakathā (Phần Giới Thiệu Bổn Sanh Truyện) này bằng tiếng Pāḷi là nỗ lực sớm nhất, mang tính quy mô lớn đầu tiên để khắc họa câu chuyện liên quan đến cuộc đời Đức Phật Gotama. Việc chuyển ngữ sang tiếng Anh được hoàn tất vào năm 1951 bởi N.A. Jayawichrama, đây được xem là bản dịch hoàn chỉnh duy nhất của Chú Giải Bổn Sanh Truyện (Jātakatthavannanā) và là bản duy nhất được thực hiện trong thế kỷ trước. Phong cách chuyển ngữ của N.A.Jayawichrama rất độc đáo, văn phong của ông mang màu sắc cổ điển, sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên ngành theo lối viết khá thơ mộng nhưng cực kỳ súc tích. Đồng thời, trong khoảng thời gian quá ngắn ngủi để hoàn thiện bản Việt dịch này, chưa kể vốn liếng ngoại ngữ lẫn kiến giải Phật học còn yếu kém, khiến việc chuyển ngữ gặp nhiều khó khăn. Dù chúng tôi đã thật sự cố gắng nhưng sẽ không tránh được những sai sót và thiếu sót. Vì thế, rất mong độc giả vui lòng góp ý để bản dịch được hoàn thiện hơn.

Nhân đây, xin gửi lời tri ân đến Thiền Sư Ashin Sarana đã giới thiệu cuốn sách này và nhờ lời sách tấn của Ngài mà đội ngũ phiên dịch cũng như bản thân đã có được niềm cảm hứng bắt tay vào việc chuyển ngữ nó. Ngoài ra, nếu không có sự tận tụy giúp đỡ, đóng góp thời gian lẫn công sức quý giá của mọi người ở đây - Thu Thắm, Nguyễn Hoàng, Dương Diệu, Khánh Phương, Ngọc Ánh, Thảo Đường, La Thành, Mường Thanh, Ngọc Phượng và vài người khác nữa thì bản dịch này cũng không thể hoàn thành kịp thời (cho quý độc giả trong khóa học) được. Xin lưu lại đây lời tri ân đến tất cả. Mong mọi người luôn thật hạnh phúc và bình an.

Nguyện chúc cho tất cả tinh tấn trau dồi Pháp học lẫn Pháp hành không ngừng nghỉ để sớm nếm được hương vị Pháp bảo càng sớm càng tốt, để rút ngắn hành trình nhiêu khê trong biển khổ trầm luân.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về địa chỉ email: hasutran1310@gmail.com.

Sài Gòn, 17:51, 23/06/2023

With metta!

CÁC TỪ VIẾT TẮT:

A - Añguttara-nikāya (Tăng Chi Bộ Kinh);

Bv – Buddavamsa (Phật Sử);

D - Digha-nikāya (Trường Bộ Kinh);

Dhp – Dhammapada (Pháp Cú);

DPPN - Dictionary of Pāḷi Proper Names (GPMalasekera) (Từ điển Pāḷi);

Fsb - Phiên bản Tiền Thân Đức Phật của FausbolJ (Hội Văn bản Pāḷi);

MW - Monier-Williams* Từ điển tiếng Phạn-Anh;

PED - Từ điển tiếng Anh-Pāḷi;

S - Samyutta-nikāya (Tương Ưng Bộ Kinh);

SHB – Các Phiên Bản Simon Hewavitarne Bequest bằng tiếng Singhalese;

Sn – Sutianipāta (Kinh Tập);

Sp - Samantapāsādikā (Chú Giải Luật tạng);

Th – Theragāthā (Trưởng Lão Tăng Kệ);

Vin - Vinaya-pitaka (Tạng Luật)

LỜI NÓI ĐẦU

Tác phẩm được dịch ở đây là Nidānakathā, nghĩa đen là "câu chuyện về nguồn gốc" (hay "tiền thân"), hiện còn tồn tại như một phần giới thiệu cho tuyển tập các câu chuyện về tiền kiếp của Đức Phật Gotama (Jātaka),• là một phần của phần thứ năm và là phần cuối cùng của Kinh tạng, Khuddaka Nikāya (Tiểu Bộ Kinh). Tác phẩm này bao gồm ba thể loại khác nhau: thứ nhất là những bài kệ, có lẽ là phần cổ nhất của văn bản; thứ hai là phần văn xuôi và giải thích các đoạn kệ; thứ ba là phần chú giải (ở đây chỉ tìm thấy ba lần). Các nhà học giả hiện đại thường nghĩ rằng cả phần văn xuôi của các đoạn kệ và phần chú giải được viết bởi cùng một tác giả và họ cho rằng đó là Ngài Buddhaghosa, một nhà sư và là học giả vĩ đại thế kỷ thứ 5. Phần văn xuôi đôi khi chỉ đơn giản là lặp lại những gì các bài kệ truyền tải và hầu như không có bất kỳ thông tin bổ sung nào, đôi khi các bài kệ sẽ khó hiểu nếu không có các phần văn xuôi dài nối chúng lại với nhau. Việc kết hợp văn xuôi và các phần chú giải với nhau được gọi là Jātakatthavaṇṇana, "Chú giải Jātaka". Trong ấn bản do Fausboll xuất bản, phần chú giải được in bằng loại chữ nhỏ hơn và chúng tôi đã tuân theo quy ước đó trong bản dịch này.

Tác phẩm được chia thành ba phần:

(i) Phần đầu tiên, sau phần mở đầu ngắn gọn là "Kỷ nguyên xa xôi" (Dūre Nidāna). Bản thân nó có hai phần: thứ nhất, câu chuyện về Siddhattha Gotama, tiền thân là ẩn sĩ Sumedha đã phát nguyện tự mình trở thành Phật thay vì gia nhập cộng đồng tăng già (saṅgha) của Đức Phật Dīpaṅkara với tư cách là một Tỷ kheo và chứng ngộ Niết Bàn ngay trong kiếp sống đó; phần tiếp theo là danh sách mười Ba La Mật phải được vun bồi toàn hảo trên con đường dẫn đến Phật quả. Phần thứ hai tường thuật lại những vị Phật quá khứ đã tiên tri về quả vị Phật tương lai của Gotama với những bản phác thảo ngắn gọn về hình thức mà Sumedha/Gotama được tái sinh trong mỗi kiếp, tiếp theo là danh sách các pháp độ Ba La Mật được nhắc lại một lần nữa nhưng lần này có liên quan đến những câu chuyện tiền thân minh họa cho từng câu chuyện ấy.

(ii) Phần thứ hai, "Kỷ nguyên Trung đại" (Avidūre Nidāna) thuật lại câu chuyện từ thời điểm Đức Phật Tương lai (Đức Bồ Tát) giáng trần từ cõi trời Đâu Suất

• Để biết thông tin chi tiết hơn, hãy xem KRNorman. Văn học Pāḷi (Harrassowit/. Wiesbaden. 1983), tr.77-84. 128-29; và M. Winternil/. /4 Lịch sử văn học Ấn Độ.ed. Motilal Banarsidass. 1983). trang 108- 51. 108-83.

(Tusita) và đản sinh với tên gọi Siddahattha Gotama cho đến khi đạt được Giác ngộ (ở đây được gọi là "Bậc Toàn Giác", *sabbaññuta* như thường thấy trong văn học sau này).

(iii) Phần thứ ba, "Kỷ nguyên gần đây" (Santike Nidāna), đề cập đến việc Đức Phật bị Ma Vương và các con gái của vị ấy cám dỗ, quyết định thuyết pháp của Ngài và nhiều sự kiện khác nhau trong những ngày đầu thuyết pháp, cho đến khi đại cư sĩ Anathapiṇḍika (Cấp Cô Độc) cúng dường Tịnh xá Kỳ Viên (Jetavana).

Tác phẩm này, giống như tất cả các tác phẩm của Buddhagosa và các chú giải sư Pāḷi khác, không được viết lại từ đầu mà chủ ý là dựa trên các tác phẩm trước đó. Chánh kinh và chú giải, bằng cả tiếng Pāḷi và tiếng Sinhalese. Nó cho thấy sự phụ thuộc vào hai tác phẩm khác trong Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikāya), Phật Sử (Buddhavaṁsa) và Hạnh Tạng (Cariyāpitaka) (mặc dù phiên bản của Hạnh Tạng được sử dụng rõ ràng khác với phiên bản hiện có): nó cũng đề cập đến các bản văn Kinh điển khác nhằm gán ý kiến cho các nhà chú giải, các bậc thầy khác và cho "các thành viên của Trường phái Abhidhamma". Câu chuyện về việc Siddhatha nhìn thấy "Bốn điềm báo" và sự xuất gia sau đó được nối tiếp bởi một câu chuyện tương tự kể về một vị Phật tiền nhiệm – Đức Phật Vippasī, được tìm thấy trong bài Kinh Đại Bổn (Mahāpadāna Sutta) của Trường Bộ Kinh (Digha Nikāya) mà tác phẩm có đề cập đến. Phần thứ ba và phần cuối cùng, "Kỷ nguyên gần đây" (Santike Nidāna) rõ ràng phụ thuộc vào lời tường thuật về thời kỳ đầu của Giáo Pháp mà ngày nay được tìm thấy trong Đại Phẩm (Mahāvagga) của Luật tạng. Nhiều tình tiết khác trong câu chuyện cũng được tìm thấy rải rác trong Kinh điển. Mặc dù những câu chuyện tiền thân và đôi khi là tự truyện về cuộc đời Đức Phật được tìm thấy trong những bản văn này và những bản văn khác, nhưng Nidānakathā là cuốn tiểu sử mang tính quy mô lớn đầu tiên về Đức Phật Gotama được tìm thấy bằng tiếng Pali, song, nó không đầy đủ, nhưng kết thúc với sự cúng dường Tịnh xá Kỳ Viên (Jetavana) và sự khen ngợi về những lợi ích của việc cúng dường tu viện. Việc đưa vào tác phẩm phần giải thích những lợi ích như vậy (anisaṁsā) xuất hiện sớm nhất và đã trở nên rất phổ biến cả trong văn học tiếng Pāḷi và trong ngôn ngữ bản địa của các quốc gia theo truyền thống Theravāda.

Phần giới thiệu Tiền Thân Đức Phật (Nidānakathā) trước đây đã được chuyển ngữ. Phiên bản đầu tiên do T.W.Rhys Davids thực hiện vào năm 1880 và được xuất

bản với tựa đề Những câu chuyện tái sinh trong Phật giáo.[#] Giống như tất cả các bản dịch của ông, uyển chuyển và nói chung là chính xác, nhưng có một số lỗi và văn phong của ông khá cổ điển; điều này đặc biệt đúng với trường hợp ông sử dụng thuật ngữ Cơ đốc giáo ("phúc âm" cho "dhammadesanā" (Phước thiện thuyết pháp), "thiên thần" cho "deva" (chư Thiên), v.v.). Ông không dịch chú giải. Cuốn *Phật giáo qua các bản dịch* của H.Warren xuất bản lần đầu năm 1896 chứa bản dịch nhiều phần của Kỷ nguyên xa xôi (Dūre Nidāna) và tất cả các phần khác của Kỷ nguyên trung đại (Avidūre Nidāna), đối với Kỷ nguyên gần đây (Santike Nidāna) thì ông đã thay thế bằng Tạng Luật (Vinaya). Do đó, bản được trình bày ở đây là bản dịch hoàn chỉnh duy nhất của Chú Giải Bổn Sanh Truyện (Jātakatthavannanā) và là bản duy nhất được thực hiện trong thế kỷ này. Nó được xuất bản lần đầu tiên ở Sri Lanka vào năm 1951 cùng với một ấn bản của một tác phẩm Pāḷi bằng tiếng Sinhalese. Phiên bản hiện tại có một số thay đổi và bổ sung cho bản dịch và phần chú thích, tất cả đều đã được Giáo sư Jayawickrama thực hiện hoặc phê duyệt; chúng tôi đã đề cập phần giới thiệu ban đầu của ông ấy và tiêu đề cho các phần khác nhau của câu chuyện mà ông ấy đã chèn vào. Các số trong ngoặc vuông [ ] đề cập đến văn bản do Fausboll biên tập và được xuất bản bởi Hội Văn bản Pāḷi (PTS); đôi khi những nội dung khác được ghi lại trong phần chú thích cuối trang.

Chúng tôi xuất bản Câu chuyện về Đức Phật Gotama như một phần của loạt sách bìa mềm của Hội Văn bản Pāḷi (PTS) để sử dụng trong các trường đại học, cao đẳng và cho độc giả phổ thông.

Tháng 8 năm 1989 - Steven Collins

[#] Ý định ban đầu của Rhys Divids là dịch toàn bộ tuyển tập Jakata, như được thấy trong tiêu đề này; những ấn bản đầu tiên của tác phẩm này bao gồm các phiên bản của hầu hết trong số bốn mươi câu chuyện Jakata đầu tiên cũng như bản dịch Nidāna-katha của ông. Nhưng ông ấy đã từ bỏ kế hoạch, và tất cả những câu chuyện Jakatas sau đó đã được dịch bởi E. Cowell el.; Phiên bản Nidāna-katha của Rhys Davids sau đó đã được tái bản một mình, với một số bổ sung của CAF Rhys Davids, dưới cùng một tiêu đề.

LỜI GIỚI THIỆU GỐC CỦA NGƯỜI DỊCH

Phần giới thiệu (Nidānakathā) Tiền Thân Đức Phật (Jātakaṭṭhakathā) đóng vai trò là phần giới thiệu những câu chuyện tiền thân có trong tác phẩm đó. Mặc dù thực tế là nó có ý nghĩa như một lời nói đầu cho các mẩu chuyện tiền thân. Tuy nhiên, nó mang đầy đủ các đặc điểm của một tác phẩm độc lập. Đề cập đến ba giai đoạn – Kỷ nguyên xa xôi (Dūre), trung đại (Avidūre) và gần đây (Santike), bắt đầu từ câu chuyện về Đức Phật từ khi Ngài còn là ẩn sĩ Sumedha cho đến khi được cúng dường Tịnh xá Kỳ Viên Jetavana. Kỷ nguyên xa xôi (Dūre Nidāna) bao gồm hai phần: một là câu chuyện về Sumedha và thứ hai là những lần Ngài được thọ ký bởi hai mươi bốn vị Phật quá khứ. Bàn luận về các pháp độ Ba La Mật chiếm một vị trí quan trọng trong câu chuyện. Kỷ nguyên trung đại (Avidūre Nidāna) thuật lại những sự việc từ khi Đức Bồ Tát rời cõi trời Đâu Suất (Tusita) cho đến khi chứng đắc Phật quả. Kỷ nguyên gần đây (Santike Nidāna) có ý định đưa ra "nhiều trường hợp liên quan đến việc Ngài ở lại nhiều nơi khác nhau", nhưng chỉ dừng lại ở chuyến viếng thăm của Đức Phật đến thành Xá Vệ (Sāvatthi), nơi Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đã xây dựng Tịnh xá Kỳ Viên (Jetavana) và cúng dường đến Ngài. Bản thân câu chuyện này ít liên quan đến "Các câu chuyện tiền thân bắt đầu từ Apannaka, mà Bậc đại trí vĩ đại và lừng lẫy đó đã thuật lại quá khứ (của mình) và phần giới thiệu của Bổn Sanh Truyện (Nidānakathā) chỉ đề cập sơ qua đến một vài câu chuyện tiền thân mà bất kỳ tác phẩm nào khác sau tác phẩm này đều đã thực hiện. Mặt khác, việc nó đề cập đến sự nghiệp của Đức Bồ Tát được coi là đủ thuyết phục để câu chuyện giới thiệu này mở đầu cho tuyển tập Bổn Sanh Truyện. Bên cạnh đó, việc thỉnh thoảng đề cập đến Phần giới thiệu của Bổn sanh truyện (Nidānakathā) trong "các tác phẩm hiện tại" (paccuppannavatthu) của một số câu chuyện tiền thân có thể củng cố những tuyên bố rằng Nidānakathā là một phần thiết yếu của Chú Giải Bổn Sanh Truyện (Jātakatthakathā), miễn là tính xác thực của các tác phẩm hiện tại (paccuppanavatthu) này có thể được đảm bảo.

Những vấn đề liên quan đến Phần giới thiệu Bổn Sanh truyện (Nidānakathā) rất khác với những vấn đề liên quan đến Bổn Sanh Truyện (Jātaka). Trong chừng mực chúng ảnh hưởng đến Nidānakathā, chúng phải được đề cập ở đây. Người Sri Lanka và Miến Điện đã rất quen và tin tưởng vào việc gán Chú Giải Bổn Sanh Truyện (Jātakatthakathā) cho nhà chú giải sư vĩ đại Buddhaghosa. Người ta tin rằng chính ông là người đã dịch những câu chuyện tiền thân bằng tiếng Sinhalese sang tiếng Pāli.

Nhưng cũng có khả năng lớn là người ta chỉ chuyển tải một bức tranh không đầy đủ về tính xác thực nhằm cố gắng gán tác phẩm này cho Buddhaghosa.

Bộ sách đồ sộ này không thể chỉ nhờ vào nguồn này (Sihalatthakathā), vì đã bỏ qua phần xưa cổ (Porāna) mà trong hầu hết các vấn đề đều chứa đựng giá trị truyền thống; chắc chắn đã tồn tại một phiên bản của tuyển tập Bổn sanh truyện trước khi nó được kết tinh ở phiên bản hiện tại. Không có nghi ngờ gì về sự tồn tại sớm của các câu chuyện tiền thân được đưa vào Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikāya) khi mà Bổn Sanh Truyện được xếp là cuốn sách thứ mười của Tiểu Bộ Kinh, truyền thống khẩu truyền liên quan đến các câu kệ tiền thân này, bản thân chúng đã khó hiểu và chứa hầu hết các câu chuyện hiện được đưa vào phần giới thiệu của Bổn sanh truyện (Jātakatthakathā). Không phải ngẫu nhiên mà tất cả những câu chuyện tiền thân này được biên soạn lại với nhau bởi một biên tập viên, người đã viết phần chú giải và trong một số trường hợp có thể điền vào những khoảng trống khi cần thiết. Bên cạnh đó, có rất nhiều câu chuyện tiền thân được đề cập trong các bài kinh Pāḷi. Chẳng hạn như Kinh Đại Thiện Kiến Vương (Mahāsudassana Sutta), Kinh Đại Điển Tôn (Mahāgovinda Sutta), Kinh Vua Mahādeva (Mahādeva Sutta), v.v. Nhưng có rất ít hoặc không có bằng chứng thuyết phục nào cho thấy rằng tất cả những điều này là nhờ Buddhaghosa. Như Rhys Davids (Buddhist Birth Stories, p.lxiii foll.) và Burlingame (Buddhist Legends, HOS Vol.28) đã đề cập rằng các chú giải của Bổn Sanh Truyện (Jātaka) và Pháp Cú Kinh (Dhammapada) khác biệt đáng kể so với các chú giải do Buddhaghosa viết trên phương diện ngôn ngữ và văn phong; và Winternitz (Lịch sử Văn học Ấn Độ, Tập 2, 192) kết luận rằng ông (Buddhaghosa) không thể viết chúng. Tất cả những gì có thể nói là một nhà soạn giả ở Sri Lanka, có lẽ trong thời kỳ chú giải, đã sửa đổi các câu chuyện tiền thân còn tồn tại, dịch các tài liệu có sẵn sang tiếng Sinhalese, đồng thời sử dụng tự do các chú giải khác mà ta có thể thấy trong các trường hợp chẳng hạn như: "Tuyên bố được đưa ra trong Chú giải Bổn sanh Truyện như vào thời điểm Hoàng tử Rāhula được bảy ngày tuổi không được tìm thấy trong các Chú giải khác", như đã đề cập trong tập sách của chúng tôi. Điều gì áp dụng cho Chú Giải Bổn Sanh Truyện (Jātakaṭṭhakathā) cũng phù hợp với Phần Giới Thiệu Bổn Sanh Truyện (Nidānakathā).

Phần Giới Thiệu Bổn Sanh Truyện (Nidānakathā) bằng tiếng Pāḷi là nỗ lực sớm nhất để khắc họa một câu chuyện liên quan đến cuộc đời của Đức Phật. Các tác phẩm như chương giới thiệu của Đại Phẩm Luật Tạng (Vinaya Mahāvagga), Phật Sử

(Buddhavaṁsa) và Hạnh Tạng (Cariyāpitaka) đã có trước nó. Nhưng chúng đã không kể lại một câu chuyện có liên quan về cuộc đời của Đức Phật. Nhiều sự kiện được đề cập trong bản tường thuật tiểu sử trong Luật tạng được tóm tắt trong Kỷ nguyên gần đây (Santike Nidāna), trong khi Kỷ nguyên xa xôi (Dūre Nidāna) được khắc họa trong Phật Sử (Buddhavaṃsa) và Hạnh Tạng (Cariyāpiṭaka) rất nhiều và trên thực tế, bao gồm toàn bộ chương thứ hai của Phật Sử (Buddhavaṃsa). Thỉnh thoảng nó trích dẫn các bài kệ của hai tác phẩm này. Trong phần mô tả về Mười Ba La Mật, Phần Giới Thiệu Bổn Sanh Truyện (Nidānakathā) vay mượn rất nhiều từ Hạnh Tạng (Cariyāpiṭaka). Nhưng chi tiết mà nói thì sự khác biệt thể hiện trong hai tác phẩm đã khiến các học giả như Charpentier (WZKM. 1910. 351 foll.) kết luận rằng phiên bản Hạnh Tạng (Cariyāpiṭaka) hiện tại là sự sắp xếp lại của một cuộc suy thoái trước đó và rằng Phần Giới Thiệu Bổn Sanh Truyện (Nidānakathā) đã dựa trên mô tả về các pháp độ Ba La Mật sau này. Một số vấn đề được đề cập trong Phần Giới Thiệu Bổn Sanh Truyện (Nidānakathā) được tìm thấy trong các bài kinh riêng biệt trong các tác phẩm Kinh điển trước đó. Các sự kiện liên quan đến Sự Xuất Ly Vĩ Đại được tìm thấy trong Kinh Đại Bổn (Mahāpadāna Sutta) thuộc Trường Bộ Kinh (Dīgha Nikāya) và trong Nidānakathā cũng có nhắc đến. Kinh Đại Bổn (Mahāpadāna Sutta) đề cập đến sáu vị Phật khác, những vị Phật này cũng được nêu trong Nidānakathā, trong khi nó đề cập một cách đầy đủ đến câu chuyện về Đức Phật Vipassī. Vài bài kinh thuộc Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikāya) chẳng hạn như Đại Kinh Sư Tử Hống (Mahāsīhanada), Đại Kinh Saccaka (Mahāsaccaka), Kinh Vương Tử Bồ Đề (Bodhirājakumāra), Kinh Saṅgārava và Kinh Thánh Cầu (Ariyapariyesana) tường thuật đầy đủ về Sự Xuất Ly và sự phấn đấu, mặc dù đã loại bỏ tất cả những chi tiết râu ria được tìm thấy trong Phần Giới Thiệu Bổn Sanh Truyện (Nidānakathā). Sự tầm cầu cao thượng (kimkusala-gavesana) là một yếu tố quan trọng trong các bài kinh trên nhưng trong bản Nidānakathā thì đã lược bỏ đi vài dòng. Tuy nhiên, việc miêu tả sáu năm tu khổ hạnh không thể gọi là không đầy đủ, mặc dù những bài kinh thuộc Trung Bộ Kinh được đề cập ở trên đưa ra những chi tiết nhỏ mà trong tác phẩm này không có. Tường thuật về những điều kỳ diệu khi Bồ Tát ra đời phần lớn dựa vào bài Kinh Hy Hữu Vị Tằng Hữu Pháp (Acchariyadhamma Sutta) thuộc Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikāya), trong khi Kinh Sợ Hãi Khiếp Đảm (Bhayabherava) cũng thuộc Trung Bộ Kinh, chứa đựng câu chuyện về sự thành tựu giác ngộ của Đức Phật được lặp lại trong nhiều bài kinh khác của Trường Bộ và Trung Bộ Kinh, ví dụ như Kinh Song Tầm (Dvedhāvitakka Sutta). Những cuộc chạm trán với Ma Vương (Māra) được tìm thấy trong những đoạn

riêng biệt của Tương Ưng Bộ Kinh (Samyutta Nikāya) và Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikāya). Ba bài kinh đầu (Kinh Nalaka, Kinh Pabbajja, Kinh Padhana) đề cập đến sự ra đời, sự xuất gia và sự nỗ lực của Bồ Tát được tìm thấy trong Kinh Tập (Sutta Nipāta) còn trong Nidānakathā chỉ giới thiệu người đọc Kinh Pabbajja (mà thôi) và chú giải của nó với việc mô tả cuộc gặp gỡ đầu tiên của Bồ Tát với Vua Bimbisara xứ Ma-Kiệt-Đà (Magadha). Kinh về Không Giữ Quan Điểm Nào (Magandiya Sutta) kể về Đức Phật từ bỏ cuộc sống xa hoa trong ba cung điện. Các sự kiện được thuật lại trong Kỷ nguyên gần đây (Santike Nidhana) dù không quá chi tiết nhưng ít nhiều giống với lời tường thuật trong Đại Phẩm Luật Tạng (Vinaya Mahāvagga). Là một tác phẩm cùng thời, Chú Giải Phật Sử (Buddhavaṁsa Atthakatha) cũng cung cấp một số thông tin được lặp lại trong Nidānakathā.

Nidānakathā không đứng một mình với tư cách là một tác phẩm thuộc thể loại này. Các nhà văn sau này như Buddharakkhita, tác giả của Jinālañkāra (1156 CN) và Vanaratana Medhañkara, tác giả của Jinacarita (vào nửa sau của thế kỷ 13 CN) đã viết những bài thơ hoa mỹ về cuộc đời của Đức Phật, trong khi Mālālañkara Vatthu, một tiểu sử của Đức Phật được viết ở Miến Điện (1773 CN). Mặt khác, các tác phẩm Phật giáo được viết bằng tiếng Phạn (Sanskrit) ra đời sớm hơn, đồ sộ hơn Nidānakathā dù đưa ra những điểm tương đồng gần với nó hơn. Tác phẩm Mahāvastu còn được gọi là Luật tạng của Lokottaravadin thuộc trường phái Mahāsañghika, cũng đề cập đến tiểu sử của Đức Phật mà nhìn chung là phù hợp với lời tường thuật trong Nidānakathā. Điều tuyên bố đó của Mahāvastu là Luật tạng vì nó chứa đựng một vài sự kiện liên quan đến việc gia nhập Tăng đoàn vốn được tìm thấy trong các chương đầu của Đại Phẩm Luật Tạng Pāḷi. Bên cạnh đó, các chi tiết tiểu sử được tìm thấy trong Đại Phẩm (Mahāvagga) 1 được cho là xuất hiện trong cuốn sách thứ ba của Mahāvastu. Điều này tương ứng với Kỷ nguyên gần đây (Santike Nidāna) của Nidānakathā. Hai cuốn sách khác của Mahāvastu chứa các phần song song với Kỷ nguyên xa xôi (Dūre) và Kỷ nguyên trung đại (Avidūre Nidāna) của Nidānakathā. Những phần không liên quan được đề cập trong Mahāvastu khiến việc sắp xếp một câu chuyện có liên quan trở nên khó khăn, và do đó tầm quan trọng của những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm bị giảm đi. Lalitavistāra được coi là một tác phẩm của truyền thống Đại thừa (Mahāyāna), bắt đầu từ chương thứ hai trình bày tiểu sử của Đức Phật. Nó bắt đầu ở chỗ Kỷ nguyên trung đại (Avidūre Nidāna) bắt đầu trong bản Pāḷi. Sự nhất trí cực kỳ chặt chẽ với các tài liệu Pāli thời kỳ đầu đã khiến các học giả tin rằng “Lalitavistāra là

bản viết lại của một bản văn Hīnayāna (Tiểu Thừa) về tiểu sử Đức Phật của trường phái Nhất Thiết Hữu Bộ, được mở rộng và tô điểm theo tinh thần Đại thừa" (Winternitz. ii. 252). Cuốn sách gồm nhiều phần chặt chẽ không thể tách rời một cách rõ ràng thành các lớp khác nhau. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, Phật Sở Hành Tán hay Huyền thoại về cuộc đời của Đức Phật của Asvaghosa cũng nên được đề cập ở đây; ông là một nhà thơ vĩ đại nhất trong tất cả các nhà thơ Phật giáo.

Mặc dù những tác phẩm Phật giáo bằng tiếng Phạn này ra đời trước Nidānakathā, nhưng chúng vẫn giữ được tính truyền thống, giai đoạn phát triển về hệ tư tưởng và quan niệm của họ về Đức Phật đại diện cho một giai đoạn phát triển tiếp theo giai đoạn được mô tả trong Nidānakathā, vốn trung thành hơn với truyền thống Pāḷi nguyên thủy của các bộ Nikaya trước đó, trong khi Nó tiếp thu một số nguyên tắc của Đại thừa được thấy là đã xuất hiện trong các tác phẩm như Phật Sử (Buddhavamsa) và Hạnh Tạng (Cariyāpitaka). Các Pháp độ Ba La Mật được công nhận, nhưng không nhắc đến mười cõi (Bhūmī) được đề cập ngay cả trong một tác phẩm như Mahāvastu, một cuốn sách đánh dấu sự chuyển đổi từ Phật giáo sơ khai sang Đại thừa. Xu hướng giáo điều phổ biến trong Lokottaravādins được tìm thấy từ Mahāvastu nhưng lại không được tìm thấy trong Nidānakathā, đó là yếu tố Bồ Tát được sinh ra thế giới này chứ không phải Đức Phật. Khía cạnh này được nhấn mạnh rất nhiều trong kinh Lalitavistāra, trong đó sự xuất hiện của Đức Phật trên trái đất được gọi là một "sự hiện thân" (lalita - the play - vai diễn), và Ngài được tôn vinh như một đấng thần linh. Mặc dù thường xuyên giới thiệu các phép thần thông siêu việt, thường được chứng thực trong cả hai tác phẩm, nhưng nhân cách của Đức Phật lịch sử nổi bật một cách ưu việt. Ngài là Bậc Cao Thượng, điều này không có nghi ngờ gì cả nhưng đó là kết quả của sự toàn tri và Giác ngộ của Ngài. Ngài vượt trội hơn tất cả chư thiên và nhân loại nhưng không phải là một vị thần cư trú ở Sukhāvalī. Các học thuyết của Như Lai Tạng (Tathāgatagarbar) và Tam Thân (Trikāya) rất xa lạ với Nidānakathā. Vì vậy, xét về mặt tổng thể thì tác phẩm Nidānakathā chứa đựng nội dung và đặc điểm sớm hơn những tác phẩm Phật giáo bằng tiếng Phạn này, dù theo trình tự thời gian thì nó được viết sau chúng.

Ở đây không có chủ ý đi sâu thảo luận những vấn đề liên quan đến Bổn Sanh Truyện đã được các học giả bàn luận lâu dài. Tôi xin giới thiệu với độc giả những tác phẩm sau: ấn bản Bổn Sanh Truyện của V. Fausboll gồm sáu tập với phần Phụ lục (Tập 7) do Denies Andersen viết; Ấn bản của Tỷ kheo Widurupola Piyatissa mang tựa

"Simon Hewavitarne Bequest Series"; "*Những câu chuyện tái sanh trong Phật giáo*" bao gồm phần chuyển ngữ của tác phẩm Nidānakathā và Bổn Sanh Truyện (câu chuyện 1-40) của T.W.Rhys Davids; *Những Giai Thoại Tiền Thân, là* bản dịch của tuyển tập những câu chuyện tiền thân được chọn lọc của H.T Francis và EJ Thomas; bản dịch Bổn Sanh Truyện dưới sự biên tập của EB Cowell (sáu tập và một tập phụ lục). *Phật giáo Ấn Độ* của T. W. Rhays Davids; *Văn học và ngôn ngữ Pāḷi* của W. Geiger; *Lịch sử văn học Pāḷi* của B.C Law; *Lịch sử Văn học Ấn Độ* (Tập 2) của M. Winternitz; và *Bách khoa toàn thư về tôn giáo và đạo đức* (bài viết về Jātaka), R.Fick: Tổ chức xã hội.

Những cuốn sách sau đây có thể được tham khảo cùng với chúng khi nghiên cứu Nidānakalhā: *Lịch Sử Ấn Độ Cambridge*, Tập 1 (các chương liên quan); *Cuộc đời Đức Phật Gotama* của E.H.Brewster; *Cuộc đời của Đức Phật theo Truyền thuyết và Lịch sử* (The Life of the Buddha as Legend and History) của E.J.Thomas; *Cuộc đời của Đức Phật* (Life of Buddha) của Rockhill's; *Der Buddhismus I* của Kern, trong đó có bản dịch nội dung miễn phí của Nidānakathā; Phật giáo trong các bản dịch của Warren bao gồm bản dịch của Kỷ nguyên xa xôi (Dūre) và Kỷ nguyên trung đại (Avidūre Nidāna).

Ấn bản hiện tại của Nidānakathā là dành cho độc giả phổ thông làm quen với câu chuyện truyền thống về cuộc đời của Đức Phật. Các bản dịch trước đó được đề cập ở trên không dễ dàng có được trong khi bản nổi tiếng nhất trong số đó, *Những câu chuyện tái sanh trong Phật giáo* (Buddhist Birth Stories) đã không còn được xuất bản từ lâu. Tôi đã mạo hiểm đưa ra những cách giải thích cho một số đoạn văn chưa được dịch hoặc được dịch theo cách khác của Rays Davids. Bản dịch đã loại bỏ những đoạn chú giải vì không cần thiết và tôi cũng đã nỗ lực trung thành với nguyên tác Pāḷi một cách trung thực nhất có thể. Như vậy, bản dịch này cũng có thể được sử dụng cho sinh viên.

Tháng 1, năm 1951.

N.A.J.

LỜI MỞ ĐẦU

Ngài Sitagu Sayadaw (Hiệu trưởng Học viện Phật giáo Quốc tế Sitagu) thực hiện nhiệm vụ hoằng dương Giáo lý của Đức Phật bằng cách lấy các tiêu chuẩn sống sau đây làm yếu tố quyết định. Đó là:

1. Bảo tồn
2. Bảo vệ
3. Tuyên truyền
4. Quảng bá và
5. Phục hồi.

Các học giả tính kỷ nguyên Phật giáo bắt đầu kể từ ngày Đức Phật nhập diệt. Đến nay đã hơn 2500 năm. Nói chính xác thì bây giờ là 2549 năm trong khi lịch Miến Điện là 1368 năm.

Khi xem xét về sự tồn tại của Giáo lý nhà Phật vào thời đó, người ta thấy rằng đã có quá nhiều thăng trầm xảy ra, lúc thịnh vượng lúc suy đồi, lúc lên lúc xuống, lúc cao lúc thấp như cách bay của chim gõ kiến. Phật giáo phát triển thịnh vượng dưới thời trị vì của các vị vua anh minh có lòng tin nơi Phật và bảo trợ giáo lý nhà Phật.

Ngược lại, dưới sự cai trị của những vị vua không có tín tâm thì Phật giáo không được phát triển tốt đẹp. Kể từ ngày Đức Phật nhập diệt cho đến nay, các bậc Trưởng lão do Tôn giả Mahākassapa lãnh đạo đã liên tiếp tổ chức sáu Cuộc kiết tập Tam tạng kinh điển nhằm mục đích:

1. Bảo vệ Giáo Pháp khỏi sự tấn công của ngoại đạo,
2. Giữ nguyên tính nguyên thủy trong lời dạy của Đức Phật,
3. Truyền bá đến những nơi không có chánh pháp và
4. Hoằng dương Giáo pháp phát triển hơn nữa

Trong khi làm như vậy, ba nguyên tắc sau đây đã được tuân theo:

1. *Apaññattam tathāgatena na paññapetabbam*: những pháp nào không được Đức Thế Tôn thuyết giảng không nên được trình bày như thể Ngài có thuyết giảng;

2. *Paññattam na samucchinditabbam*: không nên hủy bỏ những điều đã được Đức Thế Tôn giải thích;

3. *Yathapaññattesu sikkhāpadesu samādāya vuttabbam*: tuân thủ những điều giới do Thế Tôn chế định.

Vì vậy, bổn phận của những đệ tử hậu thế là phải gìn giữ Giáo Pháp của Đức Phật như nó vốn có.

Theo lời khuyên dạy của Ngài Tam Tạng Mingon Sayadaw thì "người biết trách nhiệm thì phải có trách nhiệm". Theo đó, Ngài Sitagu Sayadaw với mong muốn đảm nhận trách nhiệm quảng bá Giáo Pháp đã đặt ra bốn dự án truyền giáo trong đó có dự án giáo dục với sự thành lập Học viện Phật giáo Quốc tế Sitagu.

Để thực hiện dự án giáo dục này, Ngài Sitagu Sayadaw đã quy tụ được nhiều học giả với mong muốn duy trì Giáo lý của Đức Phật như vốn có. Sau đó, ngài khuyến khích họ chuyển ngữ sách Tam tạng Pāḷi được viết bằng tiếng Myanmar và dịch chúng sang tiếng Anh.

Bên cạnh đó, Ngài cũng quy định các khóa học văn học Phật giáo cho các hệ đào tạo Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ với mục đích thành lập một trường Đại học Phật giáo tiêu chuẩn thế giới. Ông đặc biệt nhấn mạnh đến việc đề xuất giáo trình bằng tiếng Anh và phương tiện giảng dạy cũng là tiếng Anh, vốn được xem là ngôn ngữ quốc tế để nó phù hợp với tên gọi "Học viện Phật giáo Quốc tế". Để thực hiện mục đích nói trên, ông đã chọn một số đầu sách văn học Pāḷi đã được dịch rất chuẩn và quy định nó trong chương trình học. Ông cũng kêu gọi các học giả dịch một số sách Phật giáo Pāḷi mà chưa được dịch hoặc chưa đáp ứng được ý nghĩa của các văn bản Pāḷi nguyên thủy.

Học viện Phật giáo Quốc tế Sitagu cũng giống như các trường Đại học tiêu chuẩn thế giới khác, lấy Tam Tạng Kinh điển Pāḷi làm nền tảng và phân chia các Khoa và phân khoa như sau:

(a) Khoa Nghiên cứu Kinh điển Phật giáo chuyên dạy về Tam Tạng Kinh điển Pāḷi gốc, Chú giải và Sớ giải.

(b) Khoa Phật học đại cương giảng dạy các môn học liên quan khác như Triết học, Lịch sử, Biên niên sử và văn học.

Khoa Nghiên cứu Kinh điển Phật giáo bao gồm ba phân khoa:

(1) Khoa nghiên cứu Tạng Luật

(2) Khoa nghiên cứu Tạng Kinh

(3) Khoa nghiên cứu Tạng Vi Diệu Pháp.

Tất cả các bản văn Pāḷi gốc, Chú giải và Sớ giải được giảng dạy trong mỗi phân khoa.

Trong Khoa Phật học Đại cương, có 5 phân khoa:

(1) Khoa Truyền Giáo

(2) Khoa Văn hóa và Lịch sử

(3) Khoa Ngôn ngữ học

(4) Khoa Triết học

(5) Khoa Ngoại giao.

Những sinh viên đã hoàn thành cả hai khóa học tiếng Anh và Phật Pháp được nhận trực tiếp vào chương trình Cử nhân (Phật giáo) mà không cần thi kiểm tra đầu vào. Môn học về lịch sử Đức Phật và Phật giáo cũng được thiết lập cho chương trình cử nhân.

Đối với một trường Đại học Phật giáo, việc giảng dạy cho sinh viên biết về lịch sử của Đức Phật từ cấp độ cơ bản là một điều cần thiết. Do đó, Viện hàn lâm đã ấn định dùng một cuốn sách giáo khoa liên quan đến câu chuyện về cuộc đời của Đức Phật.

Khi những đầu sách tiêu chuẩn liên quan đến lịch sử Đức Phật được thu thập, người ta đã tìm thấy rất nhiều sách như sau:

(1) Tathāgata Udāna Dīpanī còn được biết đến là Mūlamahā Buddhavaṁsa do Ngài Sirisaddhammābilankāra viết vào năm 1902; tương đương năm 1264 theo lịch Miến Điện;

(2) Vaṁsadīpanī do Ngài Melhi Sayadaw viết vào năm 1916, tương đương năm 1278 theo lịch Miến Điện.

(3) Jinatthapukāsanī do Kyithelaythat Sayadaw viết vào khoảng năm 1817-1939, tương đương năm 1179-1256 theo lịch Miến Điện.

(4) Tiểu luận Sāsanālaṅkāra do Dhammathingyan viết vào năm 1831, tương đương năm 1193 theo lịch Miến Điện.

(5) Mālālaṅkāra Buddhavamsa do Methi Sayadaw đời thứ hai viết vào năm 1798, tương đương năm 1160 theo lịch Miến Điện.

Mahā Buddhavaṁsa do Ngài Tam Tạng Mingon Sayadaw viết vào năm 1960, tương đương năm 1322 lịch Miến Điện.

Biên Niên Sử Chư Phật hay Đại Phật Sử (Mahā Buddhavaṁsa) do Ngài Mingon Sayadaw viết có sáu tập được in thành tám cuốn và được các học giả công nhận là tác phẩm xuất sắc vì nó được biên soạn dựa trên các bản văn Pāḷi nguyên thủy và cũng dựa trên Chú giải Phật Sử (Buddhavaṁsa) với tên gọi là Madhuratthavilāsinī do Trưởng lão Ācariya Buddhadatta sống ở Kāvīrapaṭṭana, phía đông Anurādhapura ở Sri Lanka, viết.

Nhưng không thể giới thiệu những đầu sách trên làm sách giáo khoa vì chúng có kích thước quá lớn. Vì vậy, Viện Hàn lâm đã quyết định giao nhiệm vụ cho Tiến sĩ Veluriyañānālaṅkāra (Trợ lý Thư ký kiêm Trưởng Ban Khoa Luật Tạng) tìm kiếm cuốn sách phù hợp viết về tiểu sử cuộc đời của Đức Phật. Sau đó, Tiến sĩ Veluriyañāna đã quyết định thực hiện điều này với sự giúp đỡ quý giá của Ashin Candimā (Cử nhân thứ hai, Học Viện Phật Giáo Quốc Tế Sitagu).

Theo nghị quyết của Thượng viện Hàn lâm, cuốn sách "Câu chuyện về Đức Phật Gotama" do Giáo sư Tiến sĩ N.A. Jayawichrama viết đã được xác nhận và được sử dụng cho các khóa học hệ cử nhân của Học Viện Phật Giáo Quốc Tế Sitagu với những thông tin sau:

(a) trở thành một cuốn sách chính xác về lịch sử cuộc đời của Đức Phật,

(b) trở thành một cuốn sách lịch sử tiêu chuẩn trong đó trình bày những thông tin thực sự cần thiết,

(c) phải là một cuốn sách chuyển ngữ được các học giả trên toàn thế giới công nhận và,

(d) là cuốn sách có giá trị để đa số sinh viên tham cứu.

Cuốn sách này không có gì để phủ nhận hay tranh luận về các sự kiện lịch sử bởi vì nó là bản dịch trực tiếp của Phần giới thiệu của Chú Giải Bổn Sanh Truyện. Bên cạnh đó, chắc chắn đây là một cuốn sách hữu ích cho những ai quan tâm đến văn học và cũng có thể là nguồn tham khảo cho những sinh viên muốn bắt chước phong cách dịch thuật.

Cuốn sách chỉ là bản dịch phần mở đầu của Chú Giải Bổn Sanh Truyện mà thôi nhưng lại là cuốn sách xuất hiện sớm nhất, có trình tự (chặt chẽ) nhất và chính xác

nhất minh họa về lịch sử cuộc đời của Đức Phật do Chú giải sư Trưởng lão Buddhaghosa viết.

Bên cạnh đó, đối với những Phật tử đam mê văn học Phật giáo thì cuốn sách này rất đáng đọc vì nó không chỉ đề cập đến Đức Phật Gotama mà còn tô điểm bằng câu chuyện ngắn gọn về những vị Phật khác mà dưới sự dẫn dắt của Chư vị, Đức Phật của chúng ta đã viên mãn mười pháp độ Ba La Mật. Khi nghiên cứu lịch sử cuộc đời của Đức Phật Gotama, người ta thấy có ba giai đoạn sau:

(1) Kỷ nguyên xa xôi (Dūre Nidāna)

(2) Kỷ nguyên trung đại (Avidūre Nidāna)

(3) Kỷ nguyên gần đây (Santike Nidāna)

Trong Kỷ nguyên xa xôi, bắt đầu bằng việc khắc họa cuộc đời của ẩn sĩ Sumedha cho đến khi Bồ Tát sinh ra ở cõi trời Đâu Suất (Tusitā) và trong khoảng thời gian đó, Ngài đã viên mãn mười pháp độ Ba La Mật. Kỷ nguyên trung đại bắt đầu từ lúc Bồ Tát giáng thế từ cung trời Đâu Suất (Tusitā) cho đến khi chứng đắc Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Và cuối cùng là Kỷ nguyên gần đây kể từ thời điểm Ngài chứng đắc Phật quả cho đến khi chấp nhận Tịnh xá Kỳ Viên (Jetavana) do Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường.

Trên hết, như Steven Collins, người viết lời tựa đã nói rằng này cuốn sách này đã được xuất bản và phát hành để sử dụng trong các trường Đại học và Cao đẳng, cũng như cho độc giả phổ thông.

Tiến sĩ Veluriyañāna

28/07/2006.

10:15 phút sáng

KÍNH ĐẢNH LỄ THẾ TÔN, ĐỨC A-LA-HÁN,

ĐỨC CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC

ᏋᏋ

PHẦN GIỚI THIỆU CỦA CHÚ GIẢI BỔN SANH TRUYỆN

1. Bậc Đại Hiền Giả, vị lãnh đạo của thế giới, người đã đạt được những phước thiện không thể đong đếm được cho nhân loại trong hàng muôn triệu kiếp[1] tái sinh;

2. Kính đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, đảnh lễ Giáo pháp và đảnh lễ chư Tăng, ba ngôi châu báu cao thượng ở đời;

3. Mọi chướng ngại được vượt qua nhờ phước thiện phát sinh từ việc đảnh lễ Tam Bảo;

4. Những Câu Chuyện Tái Sinh bắt đầu từ Apannaka, khắc họa một Hiền Nhân vĩ đại và lừng lẫy đã đương đầu đối diện với những hoàn cảnh khác nhau đã kể lại từ xa xưa;

5. Bậc Đại Sư, Bậc Thầy Vĩ Đại [của thế giới], hướng đến sự cứu độ chúng sinh, đã vun bồi những hạnh nghiệp vĩ đại trong vô lượng kiếp để thành tựu sự Giác Ngộ;

6. Những người trong đội ngũ biên tập và soạn thảo đã tổng hợp lại tất cả những thông tin mà họ đã thảo luận cùng nhau xoay quanh chủ đề Bổn Sanh Truyện;

7. Trưởng lão Atthadassī đã đến gặp tôi với mong muốn duy trì biên niên sử của Đức Phật này và đã thỉnh mời tôi làm điều đó;

8. Ai sống một cuộc đời xuất ly khỏi thế gian, luôn đồng hành với các bạn đồng phạm hạnh và cũng như vậy với Trí tuệ sáng suốt của tâm tĩnh lặng;

9. Thông thạo trong việc trình bày có phương pháp, xuất thân từ một trong những trường Phật giáo đầu tiên (Mahiṃsāsaka), và hơn nữa bởi nhà sư có trí tuệ sắc bén Buddhadeva.

10. Chú Giải Bổn Sanh truyện minh họa sự thù thắng vĩ đại của những phước thiện mà các bậc Đại nhân đã trau dồi vượt quá sức tưởng tượng.

11. Tôi sẽ giải thích và liên kết chặt chẽ bản thân mình với phương pháp trình bày hiện tại so với những người trong Đại Viện. Mong bậc đại đức ghi nhớ kỹ khi tôi

---

[1] Một crore (Pāḷi koti) = 10,000,000.

nói![2]

Ba kỷ nguyên

12. Bản chú giải Bổn Sanh Truyện này, nếu được giải thích theo ba kỷ nguyên – kỷ nguyên xa xôi, kỷ nguyên trung đại và kỷ nguyên gần đây thì những người nghe nó sẽ hiểu rõ ràng hơn, vì họ được dõi theo nó ngay từ đầu; vì vậy chúng tôi sẽ giải thích nó theo ba thời kỳ.

Ở đây, ngay từ đầu, nên hiểu giới hạn của những thời kỳ đó. Câu chuyện kể liên tục từ thời điểm Bậc Đạo Sĩ đưa ra lời phát nguyện dưới chân Đức Phật Dīpaṅkara cho đến khi Ngài đản sinh ở cung trời Đâu Suất (Tusita) sau khi kết thúc kiếp sống ấy dưới cái tên Vessantara, được gọi là Kỷ nguyên xa xôi. Câu chuyện liên tục kể từ khi Ngài nhập diệt từ cung trời Tusita cho đến khi Ngài chứng đắc Nhất thiết trí tại vô địch bảo tọa Giác ngộ dưới gốc cây bồ đề, được gọi là Kỷ nguyên trung đại. Và Kỷ nguyên gần đây sẽ được khắc họa ở nhiều nơi khác nhau trong suốt hành trình hoằng pháp mà Thế Tôn đã đi qua. Giờ ta bắt đầu với Kỷ nguyên xa xôi.

[2] Mười một khổ thơ này tất cả tạo thành một câu đơn; mỗi khổ thơ được dịch riêng: chủ ngữ là “tôi” (câu 7), động từ là “sẽ trình bày” (câu 11) và tân ngữ là “Chú giải Jātaka” (câu 10).

KỶ NGUYÊN XA XÔI (Dūre Nidāna)

Câu chuyện về Sumedha

13. Bốn A-tăng-kỳ[3] và một trăm ngàn đại kiếp trước, có một thành phố tên là *Amaravatī*. Ở đây có một Bà La Môn tên là *Sumedha*, xuất thân cao quý cả hai bên nội ngoại, dòng dõi thuần khiết[4] trải qua bảy thế hệ, không bị luận tội và không bị chê trách (vì xuất thân) khi sinh ra, khỗi vĩ, tuấn tú, hòa nhã và được trời phú cho một nước da và vẻ đẹp tuyệt vời. Không vướng bận vào những công việc nào khác, người thanh niên đã dành thời gian trau dồi thành tựu kiến thức về dõng dõi Bà La Môn của mình. Cha mẹ qua đời khi Ngài còn trẻ.

Bấy giờ người phụ trách quản lý tài sản của Ngài mang sổ sách kế toán đến, mở các phòng chứa đầy vàng bạc, châu báu, ngọc trai và các thứ quý giá khác và nói rằng:

"Thưa Hoàng thân, rất nhiều của cải từng của là mẹ ngài, rất nhiều của cải từng của cha ngài, và rất nhiều của cải từng của ông bà và ông bà cố của ngài nữa";

sau khi cho Ngài xem của cải thuộc sở hữu của thế hệ thứ bảy, vị quan đã yêu cầu Ngài hãy sử dụng nó. Nhà thông thái Sumedha đã suy ngẫm: "Cha mẹ, ông bà của ta và những người khác đã tích lũy được khối tài sản này nhưng khi giã từ cõi đời, họ không mang theo được gì dù chỉ một *kahāpana*[5] nhưng ta nên làm gì đó để mang chúng theo cùng." Được sự cho phép của nhà vua,[6] để làm rõ toàn bộ ý nghĩa của tuyên bố này, câu chuyện về Sumedha nên được thuật lại ở đây.

Mặc dù trong Phật Sử (*Buddhavamsa*)[7] đã đề cập đầy đủ nhưng do thực tế là nó được lưu truyền dưới dạng số liệu, nên nó không hoàn toàn rõ ràng. Chính vì vậy mà chúng tôi sẽ thường xuyên tường thuật lại những lời tuyên bố để giải thích các đoạn kệ.

14. Trong Phật Sử (Buddhavamsa) có đề cập rằng bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp trước có một thành phố tên là Amaravatī hay Amara luôn vang dội mười loại âm thanh.

---

[3] Nghĩa đen: "Một khoảng thời gian vượt quá mọi sự tính toán.". Khoảng thời gian của một *kappa* (Kiếp) có thể được tưởng tượng từ những ví dụ trong văn bản Pāli, nhưng một A-tăng-kỳ (*asaṅkheyyas*) là một khoảng thời gian quá lớn mà bất kỳ ai cũng không thể biết được.

[4] *Gahaṇika* chủ yếu đề cập đến sự trong sạch của người mẹ sinh ra một *kulaputta* như được mô tả trong cụm từ ví dụ; *gahaṇi*, nghĩa đen: tử cung.

[5] Một xu tiền đồng nhỏ.

[6] "đã nói với nhà vua về điều đó."

[7] Bv Chương 2 foll.

Bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp về trước có một thành phố tên là Amara, xinh đẹp và khả ái, luôn vang dội mười âm thanh, và có rất nhiều đồ ăn thức uống.

15. "Luôn vang dội mười âm thanh" ở đây có nghĩa là thành phố không khi nào vắng mười âm thanh sau: tiếng voi, tiếng xe ngựa, tiếng trống, tiếng trống ấm, tiếng đàn luýt, tiếng hát, tiếng vỏ ốc, tiếng nhạc cụ, và tiếng của "ăn, uống và vui vẻ". Đoạn kệ dưới đây chỉ mô tả một khía cạnh của những âm thanh này:

Tiếng voi rống, tiếng ngựa hí, tiếng trống và tiếng tù và, tiếng xe ngựa ầm ĩ và tiếng "ăn uống" với lời mời ăn uống được tìm thấy trong Phật Sử (Buddhavamsa); và tiếp theo đề cập rằng: Thành phố có đầy đủ mọi tiện nghi cần thiết, đầy đủ mọi lạc thú, sở hữu bảy thứ quý giá, đông đúc với nhiều dân tộc khác nhau, là nơi ở của những người đức hạnh và thịnh vượng như thành phố của chư thiên[8].

16. Trong thành phố Amaravatī này, có một Bà La Môn tên là Sumedha, chủ nhân của một khối tài sản trị giá nhiều triệu đồng vàng, sở hữu nhiều của cải và ngũ cốc.

Ngài đã học hết kinh Vệ Đà[9], học thuộc lòng các câu thần chú[10], bằng sự chuyên tâm, ngài đã đạt được sự hoàn hảo trong việc học ba kinh Vệ Đà, cực kỳ thông thạo về tiên tri bói toán, sở hữu trí tuệ sắc bén và biết làm tròn bổn phận của mình.

Con Đường Dẫn Đến Niết Bàn

17. Rồi một ngày nọ, khi Bậc Thông Thái Sumedha đang ở một mình trong tầng trên lộng lẫy của lâu đài của mình, Ngài ngồi kiết già rồi bắt đầu quán chiếu: "Hỡi bậc thông thái, đau đớn thay là sự thụ thai cho một kiếp sống mới, dù hiện thân ở bất cứ nơi nào thì cũng có ngày phải tan rã. Và ta phải chịu đựng sinh, già, bệnh và chết. Là con người như ta, ta có trách nhiệm tìm kiếm trạng thái bất tử vĩnh hằng của Niết Bàn, trạng thái tịch tịnh và thoát khỏi sinh, già, bệnh tật, cả những thống khổ lẫn lạc thú. Chắc chắn phải có một con đường độc đạo dẫn đến Niết Bàn, để giải thoát khỏi sự tái sinh." Điều đó được nói như sau:

"Khi ngồi một mình, ta suy niệm như vầy:

---

[8] Từ này thường được dịch là "các chư Thiên" mặc dù các chư Thiên thường được dịch thoáng ra là vị thần. Từ này bắt nguồn từ gốc *dyu* : phát quang, tỏa sáng (so sánh với động từ *jotati* trong tiếng Pali).

[9] Các văn bản thiêng liêng của Bà La Môn, ban đầu có ba số (*Rg, Yajur* và *Sāma*) với số thứ tư (*Atharva*) được thêm vào sau đó.

[10] Thánh ca của Veda, chủ yếu của Rg Veda.

Đau đớn thay là sự tái sinh và sự tan rã của tấm thân này.

Ta phải chịu đựng sinh, già và bệnh tật. Vì vậy, ta sẽ đi tìm kiếm nơi nương tựa tịch tịnh thoát khỏi mọi sự rã tan và chết chóc.

Hãy để ta từ bỏ cơ thể thối nát chứa đầy ô trược này và ra đi với lòng không khao khát và ham muốn về nó. Nhất định tồn tại một con đường như vậy. Ta sẽ tìm kiếm con đường đó để đạt được sự giải thoát hoàn toàn khỏi sự hình thức trầm luân."

18 Ngài quán tưởng sâu xa thêm: "Cũng như trên thế gian này có lạc thú hoàn toàn đối lập với khổ đau, nên ở đâu có hiện hữu ắt có hình thức không còn hiện hữu nữa, cũng giống như có nóng thì phải có lạnh, vì vậy phải có Niết Bàn là trạng thái có thể dập tắt ngọn lửa dục vọng và những nhiễm ô tương tự; cũng như có trạng thái cao thượng và trong sạch hoàn toàn đối lập với trạng thái xấu xa và đê tiện, nên ở đâu có sự tàn độc của sự sinh thì phải có Niết Bàn đối lập với sự không sinh vì nó đưa sự sinh đến chỗ đoạn diệt." Kệ nói rằng:

Cũng như có đau khổ thì cũng có an vui, vì vậy, nơi nào có sự sinh thì cũng có sự sự diệt.

Cũng như ở đâu có nóng ở đó có lạnh, nên ở đâu có ba ngọn lửa[11], ở đó có Niết bàn.

Cũng như có ác pháp thì thiện pháp cũng hiện hữu, vì vậy chỗ nào có sinh thì ắt có diệt.

19. Bậc Thông Thái Sumedha lại suy nghĩ thêm: "Như một người chìm đắm trong đống rác rưởi, từ xa trông thấy một hồ nước lớn đầy năm thứ hoa sen, phải nên tìm đến cái hồ nước đó và sẽ nghĩ rằng: "Làm thế nào để đưa ta đến được đó?". Nếu vị ấy không tự tìm cầu, thì đó không phải là lỗi của cái hồ, vì thế, khi có cái hồ vĩ đại của Niết Bàn bất tử gột rửa hết tất thảy mọi nhiễm ô thì việc không tìm kiếm nó không phải là lỗi của cái hồ vĩ đại - trạng thái bất tử của Niết Bàn. Và nếu một người bị bọn cướp bao vây mà không thoát ra được trong khi có phương tiện để thoát thân, thì lỗi không phải ở phương tiện mà ở chính người đó. Cũng vậy, nơi nào có con đường phước hạnh dẫn đến Niết Bàn cho người bị bao phủ và tràn ngập bởi phiền não, việc không tìm kiếm con đường đó không phải là lỗi của con đường, mà là ở chính vị ấy. Và nếu một người mắc bệnh không tìm kiếm sự trợ giúp của một thầy thuốc đang có mặt và có khả năng điều trị bệnh cho mình, bệnh của anh ta không được chữa khỏi, thì

[11] Lửa Tham, lửa Sân, lửa Si.

đó không phải là lỗi của thầy thuốc. Tương tự như vậy, nếu người bị căn bệnh phiền não dày vò, không tìm kiếm vị thầy đang ở ngay bên cạnh và là người thông thạo con đường đưa đến sự diệt trừ phiền não, thì lỗi thuộc về người đó chứ không phải ở vị Đạo sư đã chấm dứt phiền não.” Vì thế kệ ngôn nói:

20. Như một người sa vào ô uế, thấy chiếc hồ đầy nước sạch mà không tìm đến, đó không phải lỗi của cái hồ;

21. Như vậy, khi có sự hiện diện của cái hồ bất tử có khả năng rửa sạch vết nhơ phiền não, nếu vị ấy không tìm kiếm nó, đó không phải là lỗi của hồ bất tử.

22. Cũng như người bị kẻ thù vây hãm mà không chạy trốn mặc dù có lối thoát, thì đó không phải là lỗi của con đường;

23. Cũng vậy, khi có một con đường phước hạnh, kẻ bị vây quanh bởi phiền não mà không tìm đến nó, thì đó không phải là lỗi của con đường lành.

24. Cũng như khi một người mắc bệnh mà không tìm thầy thuốc chữa ở đó chữa trị cho mình, thì đó không phải là lỗi của vị thầy thuốc;

25. Vì vậy, nếu một người bị áp bức và hành hạ bởi những căn bệnh phiền não không tìm kiếm vị Thầy, thì đó không phải là lỗi của người Thầy.

26. Ngài tiếp tục suy nghĩ: “Giống như một người quen ăn mặc sung sướng, thoải mái vứt bỏ cái xác treo trên cổ mình, cũng vậy, Ta không nên dính mắc với thân xác này, từ bỏ tấm thân ô trược này và đi vào thành phố Niết Bàn. Cũng như những người đàn ông và đàn bà sau khi thải bỏ những thứ phẫn uế của họ xuống đất sẽ không nhặt lên và ôm nó vào lòng hay bọc vào trong vải quần áo, mà bỏ đi với sự ghê tởm, không thèm muốn gì ở đó cả. Tương tự như vậy, ta cũng nên vứt bỏ thân xác thối rữa này, không dính mắc vào nó và đi vào thành phố Niết bàn. Như những người thủy thủ ra đi bỏ lại, không dính mắc vào một con tàu đang tan vỡ thành từng mảnh, ta cũng sẽ vứt bỏ không dính mắc một chút nào với tấm thân này, cái thân thể luôn liên tục rỉ ra những thứ uế trược từ chín lỗ đang mưng mủ, và đi vào thành phố Niết Bàn. Cũng như một người mang theo nhiều đồ quý giá đi cùng đường với một số tên cướp, chọn con đường an toàn để tránh chúng vì sợ bị cướp mất viên ngọc quý, cũng như vậy, cái thân bất tịnh này có thể so sánh với tên cướp châu báu, và nếu ta có bất kỳ ham muốn nào đối với nó, Giáo lý Cao Thượng dẫn đến đạo lộ tối thượng ví như viên ngọc sẽ bị mất đối với ta, do đó, ta phải từ bỏ thân xác giống như tên cướp này và đi vào thành phố Niết Bàn.” Do đó có câu kệ rằng:

27. Giống như một người bước đi trong sự thoải mái và tự do với toàn quyền kiểm soát bản thân, sau khi thoát khỏi việc một cái xác bị trói vào cổ với sự khiếp sợ. Vì vậy, ta sẽ từ bỏ thân xác ô uế, một đống thối rữa này, ra đi không dính mắc và khao khát nó.

28. Cũng như người nam người nữ thải ra phẫn uế trên đất và bỏ đi mà không dính mắc hay khao khát nó. Vì vậy, ta sẽ từ bỏ cái thân đầy dẫy mọi thứ ô uế này, như người ta rời bỏ nhà vệ sinh sau khi đã thải chất cặn bã.

29. Cũng như người chủ từ bỏ chiếc thuyền đã mục nát, tan vỡ, ngập nước, ra đi không dính mắc và mong cầu. Cũng vậy, ta sẽ từ bỏ cơ thể với chín lỗ thông này cùng với những dòng vật chất không ngừng chảy ra, như những người chủ đã từ bỏ chiếc thuyền mục nát.

30. Như một người mang theo của cải, rời bỏ bọn cướp nếu anh ta cùng đi với chúng, vì sợ mất của cải; vì vậy, ta sẽ đi, từ bỏ cái thân này, được ví như một tên cướp hùng mạnh, vì sợ tổn hại đến đức hạnh của ta.

Xuất ly làm ẩn sĩ khổ hạnh

31. Bậc Thông Thái Sumedha, bằng nhiều ví dụ đa dạng đã suy nghiệm về chủ đề gắn liền với sự xuất gia này, [như đã nói ở trên] đã cho đi số tài sản vô hạn của mình tới những người ăn xin và những người hành khất lang thang với mục đích từ thiện tại nơi ở của mình; từ bỏ những thú vui vật chất và dục lạc, ngài rời thành phố Amara để đến Hy Mã Lạp Sơn, nơi ngài xây dựng cho mình một ẩn thất gần đỉnh núi Dhammaka và dựng một thảo am với một đường kinh hành không có năm khiếm khuyết. Để phát triển năng lực thần thông đi kèm với tám tầng thiền chứng, thường được mô tả bằng những câu như “khi tâm đã đạt được sự an tịnh như vậy.” Trong thảo am đó, ngài từ bỏ thế gian như một nhà tu khổ hạnh, trút bỏ chiếc áo choàng có chín nhược điểm và khoác lên mình tấm y bằng vỏ cây có mười hai ưu điểm. Vì vậy, sau khi trở thành một vị ẩn sĩ, ngài từ bỏ túp lều có tám điều bất lợi, nương nhờ vào gốc cây với mười điều lợi ích và nuôi mạng bằng những loại trái cây tự rụng xuống chỗ ngài ngồi, từ chối mọi vật phẩm làm từ ngũ cốc. Dấn thân vào việc thực hành khổ hạnh khắc nghiệt trong các tư thế ngồi, đứng và đi, trong vòng một tuần, ngài đã làm chứng đắc được tám tầng thiền định và năm phép thần thông. Do đó, ngài đã đạt được năng lực của thắng trí theo như quyết tâm của mình. Kệ ngôn nói rằng:

32. Sau khi suy nghĩ như vậy, ta đã trao tài sản trị giá nhiều trăm triệu đồng

tiền vàng của mình cho người giàu cũng như người nghèo và chuẩn bị đến dãy Hy Mã Lạp Sơn.

33. Cách Tuyết Sơn không xa là đỉnh núi có tên Dhammaka. Ở đó, ta cẩn thận và cần mẫn xây dựng ẩn thất và thảo am cho mình.

34. Ở đó, Ta đã xây dựng con đường kinh hành, không có năm khuyết điểm và có tám ưu điểm; và ta đã phát triển sức mạnh tuệ giác.

35. Sau đó, ta cởi bỏ y phục có chín nhược điểm và khoác lên mình chiếc áo làm bằng vỏ cây với mười hai ưu điểm.

36. Ta từ bỏ thảo am có tám khuyết điểm của mình và đến gần gốc cây có mười ưu điểm.

37. Ta từ chối thọ nhận tất cả ngũ cốc được gieo và trồng, và thu thập trái rụng làm thức ăn bằng nhiều cách thiện lành mà không có ngoại lệ.

38. Ở đó, ta tinh tấn thực hành trong oai nghi ngồi, đứng và đi, trong vòng một tuần, ta đạt được năng lực của thắng trí.

Năng lực của tuệ giác

39. Trong văn bản này có đề cập đến túp lều, thảo am, đường kinh hành được xây dựng bởi chính Bậc Thông Thái Sumedha. Nhưng ở đây nghĩa đúng của nó là Vua trời Đế Thích Sakka đã nhìn thấy Bậc Đạo Sĩ khi Ngài lên đường với ý định đi vào vùng Hy Mã Lạp Sơn và leo đến đỉnh Dhammaka trong cùng một ngày, đã ra lệnh cho vị thiên tử[12] Vissakamma rằng: "Hãy đi đến đó, Bậc Thông Thái Sumedha ở phương kia đã khởi tâm xuất gia. Hãy xây dựng cho vị ấy một nơi trú ngụ." Vị Thiên tử đồng ý thực hiện lời yêu cầu của Đế Thích và tạo dựng một ẩn thất đẹp đẽ, một túp lều có mái che tốt và một đường kinh hành xinh đẹp. Đức Thế Tôn cũng có nói rằng sự xuất hiện của ẩn thất như vậy là do năng lực phước đức của Ngài, "Này Sariputta, trên đỉnh Dhammika đó. Ta cẩn thận và siêng năng xây dựng ẩn thất và túp lều của mình; ở đó ta đã xây dựng một đường kinh hành không có năm khiếm khuyết.

Ở đây "ta đã xây dựng cẩn thận" có nghĩa là "chính ta đã xây dựng một cách cẩn thận"; "túp lều được dựng kỹ càng" có nghĩa là ngay cả thảo am cũng được dựng lên một cách cẩn thận.

---

[12] *Devaputta* cũng có nghĩa là "vị chư Thiên". Khi đặc tính của một vị Thiên chắc chắn là nam tính, thuật ngữ deva và *devaputta* được sử dụng ưu tiên thay cho *devatā* vì đây là ngữ pháp cho giới tính nữ.

40. "Không có năm khuyết điểm", năm loại khuyết điểm được liệt kê như sau: đất cứng và không bằng phẳng, có cây mọc bên trong, bị bao phủ bởi cỏ dại, quá hẹp và quá rộng. Nếu đường kinh hành xây trên nền đất cứng và không bằng phẳng thì chân sẽ bị đau, phồng rộp, tâm không được tĩnh lặng, đề mục thiền trở nên mờ mịt; nhưng khi đi bộ thoải mái trên mặt đất mềm và bằng phẳng, sự hành thiền mang lại kết quả. Do đó độ cứng và sự không bằng phẳng của nền đất nên được coi là một trong những nhược điểm. Nếu có một cái cây trên đường kinh hành, dù ở giữa hay ở điểm cuối, người ta sẽ dễ va vào trán hoặc đầu vào cây khi đi tới đi lui mà không chú ý đến nó. Đây là nhược điểm thứ hai khi có sự hiện diện của một cái cây bên trong. Nếu đường kinh hành mọc đầy cỏ và dây leo thì dễ giẫm phải những sinh vật như rắn trong chỗ tối, lỡ giết chết chúng hoặc đau đớn khi bị chúng cắn. Đây là điều bất lợi thứ ba khi có cỏ dại mọc um tùm. Nếu đường kinh hành quá chật hẹp, dài một cubit[13] hay nửa cubit, vấp vào ranh giới của nó và làm móng chân hoặc ngón chân bị thương. Đây là điều bất lợi thứ tư khi nó quá chật hẹp. Nếu đường kinh hành quá rộng khiến tâm bị phóng dật và không thể tập trung. Đây là nhược điểm thứ năm khi nó quá rộng. Đường kinh hành rộng một cubit rưỡi, có lối đi hai bên bằng một cubit để trống, và dài sáu mươi cubit, với bề mặt mềm rải đều cát là thích hợp nhất. Tu viện của Trưởng lão Dipappasadaka Mahinda[14] ở Cetiyagiri là một nơi như vậy. Do đó có câu nói "Ta đã xây dựng một đường kinh hành không có năm khiếm khuyết ở đó."

41. Tuyên bố "được ban tặng tám phẩm chất tốt đẹp" ngụ ý rằng đời sống của một vị Tỷ kheo có tám điều lợi ích. Tám điều lợi ích đó là: không có tài sản như của cải và ngũ cốc; nuôi mạng chân chánh, không lỗi lầm bằng việc đi khất thực; điềm tĩnh thọ dụng vật thực do khất thực có được; tránh khỏi sự áp bức của các thị tộc thống trị trên lãnh thổ khi họ thu thuế đối với tài sản cố định và tiền bao gồm tiền chì và đồng; không có bất kỳ sự dính mắc hay thích thú nào với các đồ vật sử dụng hàng ngày; thoát khỏi nỗi sợ bị những kẻ trộm lấy cắp đồ; không có giao thiệp nào với các vị vua và quan chức; và tự do đi lại giữa bốn phương trời mà không chướng ngại. Và vì vậy ngài tuyên bố rằng "Ta đã xây dựng ở đó một thảo am có tám phẩm chất tốt,

---

[13] *Ratana*, một thước đo tuyến tính (xem PED s.v.*ratana*). Theo truyền thống của người Singhalese thậm chí ngày nay, 2 *vidailhi* (spans) = 1 ratana và là chiều dài từ khuỷu tay đến đầu ngón tay giữa. Cp. cũng vậy *aratni* Vệ đà (xem s.v. trong MW); trong thời kỳ Vệ đà, một *aratnivras* được tính từ khuỷu tay đến đầu ngón tay út. Bảng này là: 12 *aṅguli*= 2 *vidatthi*= 1 *ratana*, 7 *ratana* = 1 *yaṭṭhi* và 12 *yaṭṭhi* = 1 *usabha*.

[14] Nghĩa đen: "Người đã đem lại sự an lạc trên Hòn Đảo". Đây là ám chỉ đến Trưởng lão *Mahinda*, con trai của Hoàng đế *Asoka* (A Dục), người đã thiết lập Phật giáo ở Sri Lanka.

bởi vì sống trong thảo am đó, ta có thể hưởng được tám lợi ích xứng với phẩm hạnh của một tu sĩ.”

42. Lời tuyên bố “Ta đã phát triển những năng lực của thắng trí” có nghĩa là “Về sau, khi sống trong thảo am đó, ta đã thực hành thiền định với đề mục kasina[15] và đạt được trí quán sát nội tâm bằng cách suy ngẫm về vô thường và khổ góp phần hỗ trợ cho sự phát triển những năng lực thắng trí và sự chứng đạt các tầng thiền, ta đã tuệ tri sâu sắc hơn trên con đường phát triển tâm”. Ý nghĩa là: “Khi trú ở đó, vì ta có thể đạt được năng lực như vậy nên ta đã xây dựng thảo am sao cho phù hợp chứng đạt thắng trí và năng lực của trí tuệ trực giác.”

43. Sau đây là câu chuyện đưa ra bối cảnh của lời tuyên bố đó: “Ta đã vứt bỏ trang phục cư sĩ với chín nhược điểm”. Người ta nói rằng vị thiên tử Vissakamma trở về cõi trời sau khi tạo ra một ẩn thất được trang bị đầy đủ nào thảo am, phòng đá, đường kinh hành, v.v., ẩn sau nhiều bụi hoa và các loại cây cho quả, có một một hồ chứa nước tươi mát đẹp đẽ, được bảo vệ khỏi các loài thú hoang, các loài chim nguy hiểm và thích hợp với cuộc sống ẩn dật. Vị Thiên tử còn đặt một tấm ván ngả lưng ở hai đầu của đường kinh hành xinh đẹp và một phiến đá xanh có bề mặt bằng phẳng ở giữa lối kinh hành để ngồi. Bên trong thảo am có tất cả những vật dụng cần thiết của một ẩn sĩ như khăn trùm đầu cho mái tóc bện, quần áo bằng vỏ cây, một cây đinh ba, một cây trượng cong, một cái bình đựng nước, vỏ sò và cốc uống nước ở ngoài hiên; chảo than, củi và các vật dụng khác trong nhà bếp; tạo ra mọi thứ có ích cho một ẩn sĩ và ghi lên tường của thảo am đó một dòng chữ: “Những ai muốn từ bỏ thế gian để sống đời phạm hạnh có thể tùy nghi sử dụng những vật dụng cần thiết này”. Lúc ấy, Bậc Thông Thái Sumedha trong lúc tìm kiếm một trú xứ thoải mái dọc theo dòng thác ở chân đồi của dãy Hy Mã Lạp Sơn, đã nhìn thấy ở khúc quanh của dòng sông một nơi ẩn cư tốt lành này, vốn dĩ nơi này là món quà của Đế Thích Sakka, được tạo ra bởi Thiên tử Vissakamma. Ngài đi đến cuối đường kinh hành và không nhìn thấy dấu chân nào, nghĩ rằng những vị ẩn sĩ sống trong đó rất có thể đang ngồi trong thảo am để nghỉ mệt sau khi đi khất thực ở làng trở về, Ngài đợi một lúc nhưng vẫn không có động tĩnh gì, vì muốn tìm hiểu thêm nên Ngài đã mở cửa thảo am và bước vào bên

[15] *Kasina*, những phương tiện hỗ trợ cho *kammaṭṭhāna* hoặc các đề mục thiền định được liệt kê như *paṭhavī* (đất) *āpo* (nước), v.v. (xem Thanh tịnh đạo). Từ này được kết nối từ nguyên học với *kasina* (Sk. krtsna) có nghĩa là "toàn bộ" hoặc "trọn vẹn". Các cụm từ như *paṭhavī-kasaṇa* đôi khi được dịch là "đồ tạo tác bằng đất", v.v., nhưng không có sự chứng minh rõ ràng nào cho việc dịch như vậy.

trong. Trong khi nhìn xung quanh, Ngài đọc dòng chữ trên bức tường của thảo am và quyết định rằng những vật dụng cần thiết đó phù hợp để sử dụng, Ngài nên lấy chúng và từ bỏ thế gian rồi trút bỏ cả quần áo bên trong và bên ngoài của mình. Sau đó, Ngài nói: "Ở đó ta đã vứt bỏ quần áo của mình"; "Này Xá-lợi-phất (Sariputta), sau khi vào trong thảo am như vậy, ta đã vứt bỏ y phục với chín nhược điểm trong thảo am đó."

44. Navadosamupāgatam có nghĩa là "Ta đã vứt bỏ y phục của mình khi thấy chín nhược điểm của nó". Đây là chín điều bất lợi phát sinh từ y phục của người đời khi họ đã có chí nguyện từ bỏ thế gian để sống đời ẩn tu khổ hạnh: chúng rất đắt tiền là một bất lợi, phải phụ thuộc vào người khác để có được chúng là một bất lợi khác, chúng nhanh chóng bị vấy bẩn do sử dụng là một bất lợi khác. Khi quần áo bị bẩn, nó phải được giặt và nhuộm. Nó bị hao mòn khi sử dụng là một nhược điểm khác. Khi nó đã mòn và sờn chỉ, nó phải được sửa sang bằng cách vá nó lại. Khó khăn trong việc có được nó ngay cả khi đi tìm kiếm là một bất lợi nữa. Nó không phù hợp với cuộc sống khổ hạnh là một điều khác. Một nhược điểm nữa là nó phải được giữ gìn thậm chí với những tên trộm, vì nó phải được bảo vệ để không bị kẻ trộm lấy mất. Một nhược điểm nữa là nó tạo thành một vật trang sức cho người mặc. Tiếp theo là nó trở thành gánh nặng trên vai của một người và khơi dậy sự dính mắc vào đó.

45. Câu "Ta mặc áo bằng vỏ cây" có ý nghĩa là: "Này Sāriputta, sau đó ta thấy chín ưu điểm này và đã từ bỏ y phục của ta và mặc y bằng vỏ cây. Ta lấy làm y nội và y ngoại cho mình, y bằng vỏ cây được làm bằng những sợi cỏ muñja[16] đan lại với nhau".

46. "Sở hữu mười hai đức tính" nghĩa là có mười hai điều lợi ích. Có mười hai điều lợi ích phát sinh từ một chiếc áo bằng vỏ cây: thứ nhất, nó ít giá trị, dễ chịu và dễ sử dụng; thứ hai, người ta có thể dễ dàng tự bện được; thứ ba, nó không dễ bị vấy bẩn khi sử dụng và không mất nhiều thời gian giặt giũ; thứ tư, nó có thể được vá lại khi mặc tùy mục đích sử dụng; thứ năm, khi cần cái mới thì có thể tạo ra dễ dàng; thứ sáu, nó phù hợp với đời sống khổ hạnh; thứ bảy, nó không có ích gì đối với kẻ trộm cắp; thứ tám, nó không phải là vật trang sức cho người mặc; thứ chín, nó rất nhẹ; thứ mười, nó mang lại sự tri túc đối với y phục; thứ mười một, vật liệu làm y có thể kiếm được bằng phương cách chính đáng và hợp pháp; thứ mười hai, một chiếc y bằng vỏ cây thì có mất đi cũng không có gì phải tiếc.

[16] Cỏ sậy *muñja* là loại cỏ thiêng đối với Bà La Môn giáo, dùng trong các nghi lễ hiến tế.

47. Làm sao ta từ bỏ nó khi người ta nói: "Ta từ bỏ thảo am với tám điều bất lợi?" Cởi bỏ bộ y phục đắt tiền của mình, ta lấy bộ y bằng vỏ cây màu đỏ trông giống như một vòng hoa anoja[17] được treo trên chiếc mắc áo bằng tre và mặc vào, bên trên khoác một bộ quần áo bằng vỏ cây khác màu vàng kim, và đặt lên một bên vai bộ da hươu có móng guốc, trông giống như một bông hoa punnaga[18] trải rộng. Ta tháo dây chiếc mũ trùm đầu mái tóc bện và đặt một chiếc ghim làm bằng gỗ cứng vào nút thắt trên cùng để giữ cho nó chắc chắn. Tiếp theo, ta tháo chiếc bình nước màu san hô khỏi sợi dây treo trông giống như một chuỗi ngọc trai. Và lấy cây gậy cong ba chỗ, một đầu treo chậu nước, đầu kia treo cái móc, cái thúng và cây đinh ba. Đặt lên vai cái ách, ta cầm cây gậy của nhà tu khổ hạnh trong tay phải và rời khỏi thảo am. Đi tới đi lui trên con đường kinh hành rộng sáu mươi cubit, ta nhìn vào bộ dạng mới của mình và cảm thấy được khích lệ bởi những cân nhắc như: "Mong ước của ta đã thành hiện thực! Sự từ bỏ của ta là hoàn hảo! Đời sống phạm hạnh thực sự đã được tất cả những Bậc Đại Hùng như chư Phật khen ngợi và tán dương! Ta đã phá hủy xiềng xích của cuộc sống tại gia! Ta đã xuất gia trong sự từ bỏ! Ta đã nhận được sự xuất gia cao nhất! Ta sẽ hoàn thành nhiệm vụ của một nhà sư và đạt được niềm hạnh phúc của Đạo và Quả!" Ta đã đặt gánh nặng mang trên vai sang một bên và dành phần còn lại trong ngày ngồi bất động như một pho tượng vàng trên phiến đá xanh đặt giữa lối kinh hành. Chiều tối, ta vào thảo am, thả lỏng chân tay, nằm trên tấm trải cói trên chiếc giường bằng tre; và thức dậy sớm vào lúc hừng đông, ta suy nghiệm về việc đến đây: "Ta đã nhìn thấy những nguy hiểm của đời sống tại gia và từ bỏ vô số của cải và vinh quang để vào rừng tu. Ta đã trở thành một ẩn sĩ trong hành trình viễn ly mà ta ước vọng. Từ giờ trở đi, ta không được lơ là trong nhiệm vụ của mình.

48. Những suy nghĩ tham dục giống như những con ruồi nuốt chửng kẻ ẩn tu đang từ bỏ sự cô tịch. Bây giờ ta cho rằng đã hợp thời để thúc đẩy cuộc sống ẩn dật của mình. Về phần ta, ta xuất gia vì thấy cuộc sống gia đình có nhiều chướng ngại; và đây là một ẩn thất dễ chịu, nền trát vữa màu quả *bilva*[19] chín, tường trắng sáng như bạc, mái tranh lá màu chân chim bồ câu, giường tre có màu như màu một tấm thảm đẹp, nơi ở có tất cả tiện nghi của một ngôi nhà, và đối với ta không có tiện nghi nào mà một gia chủ có thể cung cấp hơn thế nữa ngoài những thứ này." Suy ngẫm về

[17] *Anoja*: Một loại cây bụi có hoa màu đỏ được sử dụng để làm vòng hoa.
[18] *Punnaga*: Một loài cây được biết đến bởi mùi ngọt ngào ở hoa của nó, tiếng Singha: domba.
[19] Trái chim ưng, tiếng Singha: beli.

những nhược điểm của ẩn thất theo cách này, Ngài thấy tám điều bất lợi.

49. Sau đây là tám điều bất lợi phát sinh từ việc sử dụng ẩn thất: thứ nhất là cần phải nỗ lực làm nhiều việc khác nhau liên quan đến việc tập hợp nhiều vật dụng thuộc về nó; thứ hai là phải liên tục xem chừng trong việc thay mới rơm, lá và vữa trát khi chúng bị bong ra khỏi vị trí cũ; phải ưu tiên nhường chỗ ở cho những người trưởng thượng và khi bị đánh thức vào những giờ giấc không phù hợp sẽ khiến người ấy không thể đạt được sự an tịnh trong tâm, do đó khả năng bị đánh thức bất cứ lúc nào là điều bất lợi thứ ba; sự nhạy cảm [của cơ thể] do được che chở khỏi sự lạnh và nóng là bất lợi thứ tư; thứ năm là nó che giấu mọi hành vi đáng bị chỉ trích, vì một người ở trong những cánh cửa đóng kín có thể thực hiện bất kỳ hành động xấu xa nào; xem nó như tài sản cá nhân là thứ sáu; thực tế là sự hiện diện của một ngôi nhà đòi hỏi nó phải được chia sẻ với những người khác - đây là điều thứ bảy; thứ tám là nó tạo thành một tài sản chung, vì nó là đồng sở hữu bởi rận, bọ, thằn lằn và các sinh vật khác. Thấy tám điều bất lợi này, Bậc Đại Sĩ từ bỏ thảo am. Cho nên nói: "Ta từ bỏ ẩn thất có tám điều bất lợi."

50. Ý nghĩa của câu: "Ta đến gốc cây vì nó có mười ưu điểm" được giải thích là "Từ bỏ sự được che giấu bên trong, ta đi đến gốc cây có mười ưu điểm". Sau đây là mười lợi ích: thứ nhất, nó đòi hỏi ít sự sinh hoạt; thứ hai, nó đòi hỏi ít sự chăm sóc vì người ta chỉ cần đi bộ tới nó; thứ ba, nó không cần dọn dẹp vì nó có thể được sử dụng một cách thuận tiện dù có quét hay không; thứ tư, nó không cung cấp sự che chắn cho một hành động tà hạnh, vì nó không che giấu hành vi sai trái hay người ta sẽ làm điều bất thiện ở đó; thứ năm, nó sẽ rèn luyện ta sự chịu đựng về mặt thể chất, vì không có gì rèn luyện sự chịu đựng của cơ thể bằng việc sống ngoài trời; thứ sáu, nó không phải là một vật sở hữu; thứ bảy, không có sự dính mắc như một ngôi nhà; thứ tám, không giống như trong một ngôi nhà được chia sẻ bởi nhiều người, không cần thiết phải rời đi với những lời yêu cầu như "Ta sắp dọn dẹp, hãy đi ra ngoài"; thứ chín, nó mang lại niềm vui cho người sống cuộc sống này; và thứ mười, gốc cây là trú xứ thì đi đâu cũng có thể tìm được, không có gì đáng lo ngại. Ngài nói rằng: "Ta đến gốc cây vì thấy được mười ưu điểm này."

51. Suy ngẫm về tất cả những vấn đề này, Bậc Đại Sĩ lên đường đi khất thực vào ngày hôm sau. Do đó, người dân trong làng cảm thấy rất hoan hỷ và cúng dường đến Ngài. Sau khi dùng bữa xong, Ngài trở về ẩn thất, ngồi xuống và suy nghĩ: "Không phải vì ý tưởng kiếm được thức ăn mà ta trở thành một tu sĩ khất thực, nhưng

những thứ thức ăn mềm này làm tăng trưởng sự tham dục và sự say mê của ta. Không có giới hạn nào cho những đau khổ bắt nguồn từ vật thực. Hãy để ta từ bỏ tất cả thức ăn có nguồn gốc từ ngũ cốc dù chúng được gieo trồng hay tự mọc, và chỉ sống dựa vào hoa quả rụng trên đường." Từ đó trở đi, ngài đã làm như vậy và nỗ lực bền bỉ, tinh tấn hết sức, trong vòng một tuần, ngài đã chứng đắc bát thiền cùng năm thắng trí. Kệ nói rằng:[20]

52. Ta từ chối tất cả các loại ngũ cốc được gieo trồng hay tự mọc và nhặt trái cây rụng để làm thức ăn vì chúng có nhiều tính chất tốt đẹp mà không có ngoại lệ. Sau đó, ta tinh tấn thực hành thiền trong oai nghi ngồi, đứng và đi, và trong vòng một tuần, ta đã chứng đạt được những năng lực của thắng trí.

Đức Phật Nhiên Đăng (Dīpaṅkara)

53. Trong khi đạo sĩ khổ hạnh Sumedha đang tận hưởng niềm phúc lạc từ những sở chứng của mình và đã đạt đến năng lực tri kiến như thật thì vị Đấng Đạo Sư hiệu Dīpaṅkara xuất hiện trên thế gian này. Vào thời điểm Ngài giáng sinh, đản sinh, Giác ngộ và chuyển vận bánh xe Pháp, toàn bộ mười ngàn thế giới chấn động, rung lắc, và tạo ra một âm thanh lớn. Ba mươi hai điềm báo tự hiển lộ. Đạo sĩ khổ hạnh Sumedha, người đang tận hưởng niềm an lạc từ những thành tựu đạt được đã không nghe thấy âm thanh ấy, cũng như không nhìn thấy những điềm báo đó. Có ghi lại như sau:

Trong khi ta đã đạt được đỉnh cao của sự thành tựu như vậy và thuần thục viên mãn các pháp sở chứng của bậc ẩn sĩ thì Đấng Chiến thắng hiệu là Dīpaṅkara, Đấng Lãnh đạo của tam giới đã xuất hiện trên thế gian. Mải mê hưởng thu sự an lạc của các tầng thiền định,[21] nên ta không thấy bốn điềm báo lúc Ngài giáng sinh, đản sinh, Giác Ngộ và thuyết giảng Chánh Pháp.

54. Vào lúc này, Đức Phật Nhiên Đăng (Dīpaṅkara) - Đấng Thập Lực, trong khi du hành cùng với bốn trăm ngàn vị A-la-hán[22] đã đến thành phố Rammaka và trú ngụ trong đại tu viện Sudassana. Người dân của thành Ramma nghe nói rằng Đức

---

[20] Như trên P.16, vv. 37,38.

[21] *jhāna* là một trạng thái nhập định hỷ lạc sinh khởi từ thiền. Các học giả đã dịch sai từ này thành "xuất thần". Tốt nhất là từ này không nên được dịch vì ý tưởng này hoàn toàn xa lạ với tư tưởng và văn học tôn giáo của người Châu Âu.

[22] Từ gốc *arh* là đáng kính, xứng đáng, v.v. Nó thường không được dịch và trong một số trường hợp được dịch là "Người xứng đáng". Từ đồng nghĩa thông dụng của nó là *khīṇāsava* "thoát khỏi những ô nhiễm" hay "không bị ung nhọt" mô tả thuộc tính chính của bậc A-la-hán.

Dīpankara đi đầu trong đoàn người là vị đã đạt đến Giác Ngộ tối thượng và đã chuyển vận bánh xe Giáo pháp cao quý, đang cư trú tại tu viện lớn Sudassana khi đến thành phố Ramma trong suốt hành trình hoằng pháp. Họ mang theo những dược phẩm như bơ tươi trong suốt, vải và y phục, trầm hương, vòng hoa và những món quà khác trong tay, và đi đến chỗ Bậc Đạo Sư. Họ bị hấp dẫn, bị thu hút mãnh liệt và tột cùng hoan hỷ với Đức Phật, Giáo pháp và Tăng đoàn. Họ tôn kính đảnh lễ Ngài, cúng dường hương thơm và những thứ tương tự rồi ngồi xuống một bên lắng nghe lời thuyết Pháp. Đứng dậy khỏi chỗ ngồi, họ thỉnh mời Ngài thọ trai vào ngày hôm sau rồi ra về.

55. Vào ngày hôm sau, sau khi đã chuẩn bị đồ cúng dường thịnh soạn và trang hoàng thành phố, họ sửa sang con đường mà Đức Phật sẽ đi qua, rải đất ở những nơi bị nước xói mòn và sang bằng phẳng, họ phủ cát trắng lên như những lớp bạc. Họ rải ngũ cốc và hoa, treo biểu ngữ và cờ phướn làm bằng vải nhuộm nhiều màu, trồng những cây chuối và đặt những chiếc chum đựng đầy nước. Lúc bấy giờ đạo sĩ Sumedha từ ẩn thất đứng dậy, bay qua không trung phía trên nơi những người đó đang làm việc, thấy họ vui mừng hớn hở; vì muốn biết lý do nên Đạo sĩ đã từ trên trời giáng xuống, đứng một bên và hỏi: “Này các bạn, các bạn trang trí con đường này cho ai?” Kệ ghi lại rằng:

56. Người dân ở các quận biên giới đã mời Đấng Như Lai; lòng đầy hoan hỷ nên họ sửa sang con đường mà Ngài sẽ đến.

57. Lúc bấy giờ ta rời ẩn thất và đi qua bầu trời với bộ quần áo làm bằng vỏ cây đang tung bay trong gió.

58. Thấy đám đông vui mừng nhiệt thành, hoan hỷ và thích thú, sau đó ta từ trên trời giáng xuống và nói chuyện với những người đàn ông;

59. Vô số người thích thú, hân hoan và vui mừng khôn xiết; con đường lớn này đang được khai thông cho ai?”

60. Những người đàn ông trả lời: “Thưa Bậc Đại Sĩ Sumedha, Ngài không biết rằng Đấng Thập Lực Dīpaṅkara, người đã Giác ngộ viên mãn và chuyển vận bánh xe Pháp đang trú tại tu viện lớn Sudassana, đã đến thành phố của chúng tôi trong chuyến hoằng pháp hay sao? Chúng tôi đã mời Ngài đến thọ trai và đang sửa sang, trang trí con đường này cho Đức Phật, Đức Thế Tôn đi qua.” Đạo sĩ khổ hạnh Sumedha nghĩ: “Trên đời này âm thanh của từ “Phật” hiếm có, và hiếm có hơn nữa là sự xuất hiện của một vị Phật; ta cần phải tham gia cùng những người này để dọn đường mà Đấng

Thập Lực sẽ đi qua.” Sau đó Ngài nói với những người đàn ông đó: “Này các bạn, nếu các bạn đang trang trí con đường này cho Đức Phật, hãy cho ta góp một phần sức lực trang trí con đường cùng với các bạn.” Họ đồng ý và nói: “Thật tốt” và biết rằng nhà tu khổ hạnh Sumedha sở hữu nhiều phép thần thông nên họ quyết định chọn một khu vực bị nước xoáy trôi, họ giao nó cho ngài và nói rằng: “Ngài hãy sửa chữa nơi này.” Sumedha, được thúc đẩy bởi niềm hoan hỷ phát sinh từ những suy nghĩ về Đức Phật đã suy niệm như sau: “Ta có thể dùng thần thông để sửa chửa chỗ này một cách dễ dàng, nhưng nếu ta làm như vậy thì không khiến ta thỏa lòng, hôm nay ta phải làm điều đó bằng nỗ lực thể chất của mình”. Nghĩ xong, ngài mang đất ném vào chỗ đó.

61. Nhưng trước khi ngài có thể lấp xong nơi đó, Đấng Thập Lực Dīpaṅkara dẫn đầu một đoàn tỷ kheo gồm bốn trăm ngàn vị A-la-hán đã chứng đắc Lục Thông và đã tận diệt mọi phiền não, đã bước vào con đường được trang trí lộng lẫy với vẻ uy nghi vĩ đại trong sự vinh quang vô lượng của một vị Phật, giống như một con sư tử trên cao nguyên thạch tín đỏ đang vươn mình hoạt động. Trong lúc ấy, chư Thiên cúng dường thiên hoa, thiên hương và thiên nhạc vang dội khắp trời, còn loài người thì cúng dường các loại hương thơm thế gian và những vòng hoa. Đạo sĩ khổ hạnh Sumedha với đôi mắt mở to trông thấy hình tướng của Đấng Thập Lực đang dần tiến đến dọc theo con đường được trang trí lộng lẫy, Ngài sở hữu vẻ đẹp hoàn hảo với ba mươi hai tướng tốt cùng tám mươi tướng phụ của một Bậc Đại Nhân. Ngài được bao quanh bởi một vầng hào quang rộng một thước và phát ra khối tia sáng sáu màu của một vị Phật, giống như những tia chớp và sự khuếch tán mạnh mẽ tỏa ra từng cặp trên bầu trời màu ngọc. Vị ấy nghĩ: “Hôm nay ta thà hy sinh mạng sống của mình cho Đức Thập Lực chứ không để Thế Tôn nước đi lên vũng sình lầy. Mong cho Ngài cùng với bốn trăm ngàn vị A-la-hán đã hoàn toàn dứt trừ phiền não đi trên lưng ta như đi trên chiếc cầu ván bằng ngọc; đó sẽ là thứ tài sản và phúc lạc vĩnh cửu của ta”. Ngài cởi dây buộc mái tóc của mình và vén những lọn tóc rối, trải trên vũng bùn tấm da hươu và tấm y bằng vỏ cây, rồi nằm xuống vũng bùn như đang cúng dường một cây cầu làm bằng các tấm ván ngọc. Kệ có nói:

62. Khi ta hỏi, họ trả lời: “Đấng Chiến Thắng hiệu là Dīpaṅkara, Bậc Thủ lĩnh của thế gian, Đức Phật vô song đã xuất hiện trong thế giới này; con đường lớn này đang được dọn sạch để tiếp đón Ngài.”

63. Nghe đến chữ “Phật”, trong lòng ta liền khởi lên niềm hoan hỷ sâu sắc; lặp đi lặp lại danh hiệu “Phật” trong tâm, ta cảm thấy ngập tràn trong niềm hạnh phúc.

64. Vui mừng và xúc động, ta đứng đó suy nghĩ: “Ta sẽ gieo hạt giống phước lành ngay tại đây mà không chậm trễ một giây phút nào.”

65. Nếu các bạn sửa sang đường sá, hãy chia cho ta một phần; Ta cũng sẽ dọn sửa con đường này”.

66. Sau đó họ giao cho ta một đoạn đường để sửa sang. Sau đó, ta nghĩ tưởng trong đầu chữ “Phật” và tiếp tục dọn đường.

67. Trước khi phần của ta được hoàn thành, Bậc Đại Trí Giả Dīpankara, Đấng Chiến Thắng đã bước vào con đường cùng với bốn trăm ngàn vị Thánh A-la-hán sở hữu Lục Thông, những bậc đã hoàn toàn diệt trừ tất thảy những lậu hoặc trầm luân.

68. Sự chào đón trở nên tưng bừng hơn khi tất cả hội chúng đều hướng đến Ngài, nhiều tiếng trống vang lên, cả chư Thiên và nhân loại đều vui mừng hoan hỷ và thốt ra những tiếng chào mừng.

69. Chư thiên trông thấy người phàm, người phàm nhìn thấy chư Thiên, tất thảy đều chắp tay hướng theo đảnh lễ Đấng Như Lai.

70. Chư Thiên với thiên nhạc và loài người với âm nhạc trần gian, tất thảy họ đều làm cho âm nhạc vang dội theo mỗi bước chân của Như Lai.

71. Những vị Thiên còn lại từ trên không trung trút xuống nào hoa mandārava[23], hoa sen và hoa pāricchatta[24] ở khắp mọi hướng.

72. Loài người đứng khắp trên mặt đất tung lên trên trời các loài hoa campaka[25] saḷala[26] nīpa[27] gỗ lim[28] Punnāga và ketaka[29] khắp mọi hướng.

73. Ở đó ta cởi dây buộc tóc, trải tấm y vỏ cây và tấm da nai lên vũng bùn rồi nằm phủ phục xuống và nói:

Mong Đức Phật cùng chúng đệ tử của Ngài đi trên thân ta. Đừng để Ngài dẫm vào vũng bùn; nó sẽ là phúc lạc cho ta.”

---

[23] *Mandārava:* loài hoa ban đỏ hoặc cây san hô, còn gọi là tiểu hồng môn.
[24] *Pāricchatta:* loài hoa đỏ, một loại hoa trời được tìm thấy ở vườn *Nandavana* trên tầng trời *Indra* (Đao lợi -ND).
[25] *Campaka: Champak* hay *Mechelia champak*, một loại cây có hoa lớn màu vàng thơm.
[26] *Saḷala:* còn gọi là *salala*, một bụi cây thơm.
[27] *Nīpa:* cây *Kadamb*a hoặc *Nauclea Kdamba*.
[28] Gỗ Lim: cây *Na* hoặc *Mesua ferrea*.
[29] *Ketaka:* một loại cây bụi thường được trồng để làm hàng rào; thông vít hoặc dứa dại.

Quyết tâm đạt được Giác Ngộ

74. Nằm trên vũng bùn, vị Đạo sĩ ấy lần nữa mở to mắt và thấy sự uy nghiêm của Đức Phật Dīpankara, Đấng Thập Lực, rồi nghĩ: "Niềm mong ước của ta là có thể vào thành phố Ramma với tư cách là một sa di trong Tăng đoàn để đoạn trừ mọi ô nhiễm. Nhưng mục đích của ta không chỉ đơn thuần là đoạn trừ phiền não và chứng đắc Niết Bàn như một người vô ưu. Thay vào đó, ta muốn như Thế Tôn Dīpankara, Đấng Thập Lực, đạt được sự Giác ngộ tối thượng và đưa chúng sinh lên con thuyền Giáo pháp để vượt qua biển khổ trầm luân (Samsāra)[30] và sau đó đi vào Niết bàn viên mãn. Đó mới là điều ta mong muốn." Sau đó, cùng với sự đầy đủ của tám điều kiện, Ngài phát nguyện thành Phật và nằm xuống. Vì thế trong kệ có nói:

75. Khi nằm trên đất, ta chợt nghĩ như sau: Nếu ta muốn thì hôm nay ta sẽ dứt sạch tất thảy lậu hoặc trầm luân.

76. Có ích gì khi ta chứng đắc Pháp ở đây và bây giờ, với tư cách là một người vô danh? Ta sẽ đạt được quả vị Toàn giác và trở thành một vị Phật vì lợi ích của vô lượng chúng sinh, chư Thiên và nhân loại.

77. Có ích gì khi ta vượt qua đại dương sinh tử một mình dù với sự kiên định bất thối? Ta sẽ đạt được quả vị Toàn giác và trở thành một vị Phật vì lợi ích của vô lượng chúng sinh, chư Thiên và nhân loại.

78. Bằng lời phát nguyện và quyết tâm được ta thốt ra trước Bậc Tối Thắng, Ta sẽ chứng đắc Nhất thiết trí và hóa độ cho nhiều người.

79. Cắt đứt dòng chảy luân hồi miên viễn và tận diệt ba cõi giới tái sinh[31], ta sẽ bước trên con thuyền Giáo Pháp và cứu độ vô lượng chúng sinh, chư Thiên và nhân loại."

Từ đó, ngài quyết tâm trở thành một vị Phật Toàn Giác.

Tám điều kiện

80. Sự kiên định phải hội đủ tám điều kiện sau: được sinh ra làm người, là một người nam cao quý, có đủ tất cả điều kiện cần thiết để chứng đắc quả vị A-la-hán, gặp một vị Phật còn tại thế, phải là bậc xuất gia, sở hữu năng lực tiềm ẩn để chứng đắc giáo pháp cao siêu, sẵn sàng xả ly kể cả thân mạng của mình và ý chí vô cùng mạnh

[30] Vòng luân hồi hay vòng sinh tử tiếp diễn.
[31] Ba cõi giới tái sinh: *kāma* (dục giới), *rūpa* (sắc giới) and *arūpa* (vô sắc giới). (xem PED s.v. *bhava*).

mẽ để đạt được ước nguyện.

81. Chí nguyện thành Phật của một người được thực hiện viên mãn trong kiếp sống là một con người ở cõi nhân loại. Chí nguyện đó không thể được hoàn thành viên mãn bởi một loài rồng (Long Vương - *nāga*),[32] một loài kim sí điểu (loài chim thần - *supaṇṇa)*[33] hay một vị thiên hóa thân nam. Cũng vậy là một con người, chí nguyện này chỉ được hoàn thành viên mãn bởi một nam nhân chứ không phải là một người nữ, thái giám hay một người ái nam, ái nữ. Ngay cả khi là một người nam, chí nguyện đó chỉ được hoàn thành viên mãn bởi một người có khả năng chứng đắc được quả vị A-la-hán trong kiếp sống đó chứ không phải kiếp khác. Ngoài việc sở hữu khả năng chứng đắc này, chí nguyện của một người thành tựu viên mãn phải được thực hiện trước sự hiện diện của một vị Phật hiện tiền, chứ không phải người đó thực hiện tại gần một ngôi đền hoặc dưới cội cây Bồ Đề sau khi Đức Phật nhập diệt. Chí nguyện của một người được thành tựu viên mãn trước sự hiện diện của Đức Phật chỉ khi người đó là một vị ẩn sĩ sống đời xuất gia phạm hạnh chứ không phải là cư sĩ. Cũng vậy, đối với một ẩn sĩ sống đời xuất gia, chí nguyện chỉ được thành tựu viên mãn khi người đó thành tựu năm pháp thần thông và chứng đắc tám tầng thiền, chứ không phải với người không có những phẩm chất ấy. Ngay cả đối với người sở hữu những phẩm chất đặc biệt như vậy thì chí nguyện của người đó chỉ được thành tựu viên mãn khi vị ấy có quyết tâm xả ly triệt để tất cả, thậm chí là hy sinh thân mạng của mình vì lợi ích của Chư Phật chứ không phải của ai khác. Ngoài những phận sự đã hoàn thiện trên, chí nguyện chỉ được thành tựu viên mãn dành cho người có khao khát, nỗ lực, cố gắng và ý chí vô cùng mãnh liệt vì quyết tâm đạt được Giác ngộ chứ không phải vì lý do nào khác.

82. Dưới đây là một ví dụ để minh họa tầm quan trọng của sự nỗ lực. Nếu một người có khả năng băng qua toàn bộ quả địa cầu của vũ trụ đang bị nhấn chìm trong nước và vượt sang bờ bên kia bằng chính sức mạnh của mình thì người đó có thể đạt được sự Giác ngộ. Hoặc, nếu một người có thể đi đến bờ bên kia bằng việc kiên trì bước đi với đôi chân trần băng qua con đường mọc um tùm bụi tre khắp quả địa cầu, người ấy có thể đạt được sự Giác ngộ. Hoặc nếu một người có khả năng đến được bờ kia bằng việc thận trọng bước trên mặt đất rải đầy vũ khí sắc nhọn bao phủ khắp quả

[32] Những sinh vật siêu nhiên hoặc bán thần thánh thường được thể hiện dưới dạng rắn hổ mang trong nghệ thuật.

[33] Kẻ thù tự nhiên của rắn. Những sinh vật có cánh trong thần thoại, ăn thịt con mồi đằng sau và gần giống với garula thường gọi kim sí điểu hoặc chim thần thoại.

đại cầu này thì người ấy có thể đạt được sự Giác ngộ. Ngoài ra, nếu người ấy có khả năng đi đến bờ kia khi mà toàn bộ thế giới bao phủ bởi than hồng rực lửa ngay dưới chân mình thì vị đó có thể đạt được sự Giác ngộ. Người mà không thấy khó khăn nào khi thực hiện bất kỳ hành động nào trong số này, nói rằng: "Ta sẽ băng qua đây và đi đến bến bờ kia," và là người có sự khao khát, nỗ lực, cố gắng và phấn đấu với ý chí vô cùng dũng mãnh như vậy thì chí nguyện của vị ấy sẽ được thành tựu viên mãn, chẳng phải của ai khác. Hội đủ cả tám phẩm chất trên, vị ẩn sĩ Sumedha đã quyết tâm chứng đạt Giác ngộ và trải mình xuống đất.

Đức Phật hiệu Gotama

83. Đức Thế Tôn Dīpankara đã đi đến đó; Đức Phật ngự đứng phía trên đầu của vị đạo sĩ Sumedha, với Phật nhãn vị lai kiến minh (trí tuệ thấy biết rõ kiếp vị lai của chúng sinh), như thể mở ra cả một kho châu báu, nhìn nhà tu khổ hạnh Sumedha đang nằm trên vũng bùn, Ngài đã xét thấy bằng Phật nhãn của mình hướng về vị lai: "Vị khổ hạnh nằm đây quyết tâm thành Phật; liệu quyết tâm của anh ta sẽ được thành tựu hay không?"; và Ngài đã thấy trước rằng sau bốn A-tăng-kỳ *(asaṅkheyya)* và một trăm ngàn đại kiếp Trái Đất nữa, vị đạo sĩ này sẽ trở thành một vị Phật Toàn Giác hiệu là Gotama; và khi đứng đó, Ngài đã tuyên bố lời thọ ký giữa đại chúng: "Các ngươi có thấy nhà tu hành khổ hạnh đang nằm trên vũng bùn này không?", "Thưa vâng, bạch Thế Tôn." "Anh ta nằm đây và đã phát nguyện trở thành một vị Phật. Ước nguyện của anh ta sẽ thành tựu. Anh ta sẽ trở thành một vị Phật hiệu là Gotama sau bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp Trái Đất nữa. Trong kiếp sống đó, trú xứ của anh ta sẽ là kinh thành Kapilavatthu, thân mẫu là hoàng hậu Māyā, cha là đức vua Suddhodana, vị đại đệ tử đứng đầu là Trưởng lão Upatissa, vị đại đệ tử đứng thứ hai là Trưởng lão Kolita, vị thị giả của Đức Phật ấy sẽ là Ānanda, vị nữ đại đệ tử đứng đầu là Tỷ kheo ni Khemā, và vị nữ đại đệ tử đứng thứ hai là Tỷ kheo ni Uppalavaṇṇā. Khi túc duyên giải thoát chín muồi, vị ấy sẽ thực hiện hành trình Xuất Ly Vĩ Đại; bằng nỗ lực vô cùng dũng mãnh sẽ chứng đắt Nhất Thiết Trí dưới cội cây Bồ đề (Assattha[34]) sau khi nhận bát cơm sữa dưới cội cây Đa (Banyan[35]) và thọ dụng bữa ăn bên bờ sông Ni-Liên-Thiền (Nerañjarā). Kệ nói rằng:

84. Đức Phật Dīpaṇkara, bậc thấu suốt thế gian, đã thọ nhận việc cúng dường khi ngự đứng ngay gần đầu ta nằm, đã tuyên bố điều này:

---

[34] Ficus religiosa Cây Bồ đề
[35] Ficus bengalensis Cây đa

85. Hãy nhìn vị tu sĩ khổ hạnh này! Trong vô lượng kiếp nữa anh ta sẽ trở thành một vị Phật Toàn Giác tren thế gian này.

86. Đức Bồ Tát sẽ giã từ thành phố xinh đẹp (Kapilavatthu) vốn được đặt tên theo vị ẩn sĩ Kapila, với hành trang mang theo là sự nỗ lực dũng mãnh và thực hành khổ hạnh đầy khắc nghiệt.

87. Khi ngồi dưới gốc cây đa Ajapāla[36], Ngài ấy sẽ thọ nhận món cơm sữa và đi đến dòng sông Ni-Liên-Thiền (Nerañjarā).

88. Đấng Chiến Thắng ấy sẽ thọ thực món cơm sữa bên bờ sông Ni-Liên-Thiền (Nerañjarā) và đi đến cội cây Bồ Đề theo con đường đã được trang hoàng sẵn.

89. Sau khi nhiễu quanh khuôn viên cội Bồ Đề một cách đầy cung kính, bậc Vô Thượng Sĩ vĩ đại ấy sẽ chứng đắc Phật quả tại cội cây Assattha.

90. Mẫu thân sinh ra vị ấy sẽ có tên Māyā, phụ thân vị ấy tên là Suddhodana và vị ấy sẽ mang hiệu là Gotama.

91. Kolita và Upatissa sau khi thoát khỏi mọi ràng buộc và dính mắc, với tâm được chế ngự và điềm tĩnh, sẽ trở thành hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài.

92. Ngài Ānanda sẽ là vị thị giả phục vụ Đấng Chiến Thắng ấy, Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là (hai vị) nữ Thượng Thủ Thinh Văn hàng đầu của Ngài.

93. Họ sẽ thoát khỏi những ràng buộc và mọi dính mắc, tâm họ được chế ngự và trở nên điềm tĩnh. Cội cây Bồ đề của Đức Thế Tôn ấy được gọi tên là Assattha."

Các điềm báo

94. Đạo sĩ Sumedha phát sinh đại thiện tâm vô cùng hoan hỷ khi biết rằng ước nguyện của mình sẽ được thành tựu. Đông đảo chư thiên và nhân loại tề tựu cũng dâng tràn niềm hân hoan sau khi nghe lời thọ ký của Đức Phật Dīpankara - vị Phật sở hữu mười trí lực (Thập lực trí)★, rằng vị đạo sĩ khổ hạnh Sumedha mang hạt giống

[36] Cây đa Goatherd bên bờ sông Neraṅjara (tìm đọc ở s.v. trong DPPN)

★ Thập lực trí (dasabala-ñāṇa) của Đức Phật, chỉ mười năng lực hiểu biết siêu nhiên, mười trí đặc biệt của một vị Phật. Thập lực bao gồm:
1. Ṭhānāṭhānakosalla-ñāṇa: xứ phi xứ trí lực, tuệ thiện xảo biết rõ chỗ nào đúng và chỗ nào sai, năng lực trí tuệ phân biệt đúng sai, khả thi hay không khả thi, sự thật hay giả dối,
2. Kammavipāka-ñāṇa: nghiệp báo trí lực, tuệ biết rõ nghiệp quả của chúng sanh trong quá khứ, vị lai và hiện tại đều do nghiệp thiện hay ác mà trổ quả,
3. Sabbattha-gāminī-paṭipadā-ñāṇa: biến thú hạnh trí lực, tuệ biết rõ tất cả con đường tái sanh, tuệ biết rõ tất cả các hànhnghiệp thế nào để đưa chúng sanh đến chỗ vui hoặc khổ trong tam giới,

Toàn Giác Trí của chư Phật. Cư dân của mười ngàn thế giới lại nghĩ rằng: "Giống như một người băng ngang dòng sông, khi họ thấy khó khăn để sang bờ đối diện thì họ sẽ tìm cách khác để vượt dòng sông rộng lớn ấy, cũng vậy nếu chúng con lỡ dịp chứng đắc Đạo và Quả trong giáo pháp của Đức Phật Dīpaṇkara - Đấng Thế Tôn sở hữu mười trí lực (Thập lực trí), vậy thì mong cho chúng con đủ duyên lành chứng đắc Đạo và Quả trong thời giáo pháp của Ngài (Sumedha) khi Ngài trở thành một vị Phật Toàn Giác ở tương lai!" Nói rồi họ đi đến việc thực hiện sự quyết tâm đó. Đức Phật Dīpankara, Đấng Thế Tôn với mười trí lực ấy đã đích thân ca ngợi đức Bồ Tát và tôn vinh Ngài với tám đóa hoa rồi nhiễu quanh Ngài một cách cung kính. Bốn trăm ngàn chư vị Thánh A-la-hán cũng đã cung kính cúng dường Đức Bồ Tát bằng hương thơm và vòng hoa rồi nhiễu quanh Ngài một cách đầy cung kính. Chư thiên và nhân loại cũng tự mình cung kính đảnh lễ Đức Bồ Tát rồi dần dần lui ra.

95. Khi tất cả đã rời đi, Đức Bồ Tát đứng dậy khỏi chỗ nằm và ngồi kiết già trên đống hoa, suy niệm về các pháp độ Ba La Mật. Khi Đức Bồ Tát an tọa như vậy, chư Thiên của toàn bộ mười ngàn thế giới tề tựu về đồng thanh hoan hô và ca ngợi Đức Bồ Tát bằng mọi cách tán dương, rằng: "Hỡi Bậc ẩn sĩ khổ hạnh Sumedha, tất cả những điềm báo đã tự hiển lộ lúc chư Bồ Tát quá khứ ngồi kiết già với mục đích quán xét các pháp độ Ba La Mật, tất cả những điều ấy đều đã xuất hiện trong ngày hôm nay. Không còn nghi ngờ gì nữa, Ngài sẽ trở thành một vị Phật Toàn Giác. Chúng tôi biết chắc chắn điều đó. Vì lợi ích cho chúng sanh mà các điềm báo này xuất hiện, Ngài chắc chắn sẽ trở thành một vị Phật. Mong Ngài hãy kiên định và không thoái chí."

---

4. Anekadhātu-nānādhātu-ñāṇa: chủng chủng giới trí lực, tuệ biết rõ các giới loại sai biệt, tuệ biết rõ tất cả nguyên chất khác nhau là: đất, nước, gió, lửa, hư không và thức tánh, v.v...,
5. Nānādhimuttikatā-ñāṇa: chủng chủng giải trí lực, tuệ biết rõ tất cả chúng sanh có cá tính hèn hạ hay thanh cao,
6. Indriyaparopariya-ñāṇa: căn thượng hạ trí lực, tuệ biết rõ tất cả chúng sanh căn cơ học đạo cao thấp khác nhau,
7. Jhānādisaṅkilesādi-ñāṇa (jhānavimokkhādi): thiền giải thoát lậu hoặc tam muội trí lực, tuệ biết rõ tất cả các tầng thiền và sự giải thoát các lậu hoặc,
8. Pubbenivāsa-ñāṇa: túc mạng trí lực, tuệ nhớ lại vô số kiếp trong quá khứ, tuệ biết rõ tất cả những tiền kiếp của mình và của chúng sanh tới vô lượng vô biên kiếp, khi sanh ra dòng dõi thế nào, tên họ gì, hình dáng ra sao, vui khổ thế nào đều biết rõ không sai, v.v...,
9. Dibbacakkhu-ñāṇa: thiên nhãn trí lực, tuệ nhãn biết rõ tất cả sự sanh tử luân hồi của chúng sanh đều do theo duyên nguyện lành dữ cấu tạo,
10. Āsavakkhaya-ñāṇa: lậu tận trí lực, tuệ biết rõ tất các các pháp trầm luân (là pháp làm cho chúng sanh chìm đắm mãi mãi không thoát khỏi khổ) và diệt tận các pháp ấy, không cho phát sanh lên nữa.
Nguồn: Từ Điển Thuật Ngữ Pali Anh Việt - Tỷ kheo Đức Hiền
(Lời người dịch)

96. Nghe những lời nói này của Đấng Vô Thượng Sĩ, hết thảy chư Thiên và nhân loại đều hoan hỷ thốt lên: Đây là hạt giống Toàn Giác Trí của Chư Phật!

97. Chư Thiên và nhân loại trong mười ngàn thế giới đồng hoan hỷ, reo vui, vỗ tay và chắp tay cung kính đảnh lễ Đức Bồ Tát.

98. Họ nói rằng: "Nếu chúng ta không thành tựu trong giáo pháp của vị Phật hiện tiền, thì chúng ta sẽ giác ngộ được trong giáo pháp của Ngài ở thời vị lai.

99. Cũng như một người bơi qua dòng sông, đến chỗ cạn thấp hơn và vượt qua vùng nước lớn khi không đi đến được chỗ cạn đối diện với họ.

100. Vì vậy, nếu tất cả chúng ta bỏ lỡ dịp may chứng đắc Đạo và Quả trong thời Đức Phật hiện tiền thì chúng ta sẽ gặp gỡ vị ấy trong thời vị lai.

101. Đức Phật Dīpankara, Bậc thấu suốt thế gian, đã thọ nhận vật cúng dường của ta, đã tôn vinh hành động của ta và rời đi bằng bước chân phải của Ngài.

102. Ở đó, tất cả đệ tử của Đấng Chiến Thắng ấy đều nhiễu quanh ta một cách cung kính. Nhân loại, loài rồng (nagas) và Càn Thát Bà (gandhabbas)[37] đã đảnh lễ ta rồi rời đi.

103. Khi Vị Lãnh Đạo của thế gian rời đi cùng với đoàn tùy tùng của Ngài khuất tầm nhìn, ta đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi với đại thiện tâm vô cùng hoan hỷ.

104. Hỷ lạc tràn ngập khắp châu thân ta, niềm hân hoan tràn ngập khắp châu thân, niềm hoan hỷ làm ta phấn chấn và sau đó ta ngồi kiết già.

105. Sau đó, khi đang ngồi kiết già, ta suy nghiệm như sau: Ta đã chứng đắc tất cả các tầng thiền *(jhāna)* và đạt đến sự toàn hảo về tri kiến.

106. Trong một ngàn thế giới[38] không có vị thánh nhân nào sánh bằng ta; trong các pháp thần thông, ta là vô song và ta đã đạt được niềm hỷ lạc như vậy.

107. Khi ta ngồi kiết già, cư dân trong mười ngàn thế giới đã xôn xao bàn tán rằng "Ngài chắc chắn sẽ thành Phật!"

108. Những điềm báo khi chư vị Bồ Tát quá khứ ngồi kiết già, điều này được chứng kiến trong hôm nay.

109. Cái lạnh được xua tan, cái nóng được làm dịu bớt, những điềm báo này

[37] Chư thiên cõi trời
[38] Đọc sāhassikamha lokamhi, "trong vũ trụ bao gồm một ngàn thế giới", như trong dasasahassī lokadhātu.

được chứng kiến hôm nay; Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

110. Mười ngàn thế giới tĩnh lặng và bất động; những điềm báo này được chứng kiến hôm nay, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

111. Gió lớn ngừng thổi, suối ngừng chảy, những điềm báo này được chứng kiến hôm nay, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

112. Hoa trên cạn và dưới nước đều bung nở ngay tức thì, hôm nay tất cả đều nở hoa, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

113. Tất cả các loại dây leo và cây cối đều kết quả, hôm nay tất cả đều cho ra quả, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

114. Châu báu ở phía trên hoặc chôn dưới lòng đất đều cùng nhau tỏa sáng lấp lánh, hôm nay châu báu đều tỏa sáng lấp lánh, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật,

115. Thiên nhạc đồng thời trổi vang dậy cùng cung nhạc trần gian, cả hai âm thanh đều ngân vang trong ngày hôm nay, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

116. Ngay lập tức thiên hoa tung bay với muôn triệu bông hoa đủ sắc màu, hôm nay hoa cõi trời rơi xuống không ngừng nghỉ, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

117. Đại dương bao la bỗng tĩnh lặng, mười ngàn thế giới rung chuyển, hôm nay tiếng vang gầm trời, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

118. Mười ngàn ngọn lửa trong cõi địa ngục bị dập tắt ngay lập tức, hôm nay những ngọn lửa đó đã bị dập tắt, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

119. Mặt trời chiếu sáng và tất cả các ngôi sao đều được thấy rõ, hôm nay chúng được nhìn thấy rõ, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

120. Những nơi không có mưa bỗng đâu nước phun ra từ lòng đất, mưa liên tục phun ra từ lòng đất, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

121. Vô số vì sao và chòm sao tỏa sáng trong vòm trời; chòm sao Visākha kết hợp với Mặt Trăng, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

122. Những sinh vật sống trong hốc, trong hang đã rời khỏi nơi ở của chúng, hôm nay chúng đã rời khỏi hang ổ của mình, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

123. Chúng sinh không còn bất mãn, tất thảy đều mãn nguyện, hôm nay tất thảy đều an vui, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

124. Bệnh tật nay được tiêu trừ, nạn đói đã qua đi, hôm nay chúng không còn

được nhìn thấy nữa, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

125. Tham ái giờ đã cạn, sân hận và si mê đã biến tan, hôm nay tất cả đều tan biến, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

126. Sợ hãi không tồn tại nữa, vì đây là những gì có được ngày hôm nay. Nhờ dấu hiệu đó, chúng tôi tin rằng Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

127. Không có hạt bụi nào bị khuấy động, vì điều này được nhìn thấy hôm nay. Nhờ dấu hiệu đó, chúng tôi tin rằng Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

128. Mùi hôi thối không còn, hương trời tỏa khắp nơi, hôm nay hương thơm lan tỏa khắp, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

129. Tất cả chư Phạm thiên cõi trời vô sắc đều được trông thấy, tất cả họ đều được trông thấy hôm nay, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

130. Tất thảy địa ngục đều được nhìn thấy, tất cả đều được nhìn thấy hôm nay, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

131. Tường, cửa và đá bây giờ không còn rào cản, tất cả đã chuyển thành không gian, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

132. Ngay thời khắc này chẳng có sự sinh và chết, điều ấy được thấy trong hôm nay, Ngài chắc chắn sẽ thành Phật.

133. Hãy kiên định, đừng thoái chí, hãy tiến về phía trước. Chúng tôi biết chắc chắn rằng Ngài sẽ thành Phật.

134. Bồ Tát được khích lệ rất lớn khi nghe được lời thọ ký từ Đức Phật Dīpaṅkara - Vị Phật với mười trí lực (Thập lực), và từ chư Thiên khắp mười ngàn thế giới; và Ngài suy nghĩ rằng: “Quả thật, chư Phật chẳng có lời tuyên bố suông; không có sai biệt trong lời tuyên bố của chư Phật. Cũng như vậy, chân lý thì nhất định sẽ hiển lộ, ví như tung nắm đất lên trời thì nó khắc sẽ rơi xuống, gần bom thì ắt sẽ chết, Mặt Trời mọc lúc rạng đông, sư tử khi rời khỏi hang thì cất tiếng rống vang trời, như người đàn bà đến giai đoạn cuối của thai kỳ thì sẽ sinh con; cũng vậy, những lời thọ ký của chư Phật chắc chắn thành hiện thực và không bao giờ sai biệt. Chắc chắn ta sẽ thành Phật."

135. Sau khi nghe lời tiên tri của Đức Phật cũng như của chư Thiên trong mười ngàn thế giới, ta rất vui mừng và ngập tràn hoan hỷ, bèn suy nghĩ rằng:

136. Chư Phật không nói hai lời, Đấng Chiến Thắng chẳng thể nói suông, chư Phật không thể nói dối. Chắc chắn ta sẽ thành Phật.

137. Như nắm đất được tung lên trời thì chắc chắn nó sẽ rơi xuống đất, cũng vậy, những lời nói của chư Phật vĩ đại là vĩnh hằng và chắc chắn.

138. Giống như cái chết đến với mọi chúng hữu tình là điều chắc chắn, cũng vậy, những lời nói của chư Phật vĩ đại là vĩnh hằng và chắc chắn.

139. Như Mặt Trời sẽ ló dạng khi màn đêm nhường chỗ cho rạng đông là điều chắc chắn, cũng vậy, những lời của chư Phật vĩ đại là vĩnh cửu và chắc chắn.

140. Như sư tử khi rời khỏi hang sẽ gầm rống vang rừng là điều chắc chắn, cũng vậy, những lời của chư Phật vĩ đại là vĩnh cửu và chắc chắn.

141. Giống như việc sinh nở là điều chắc chắn với những người đến giai đoạn cuối của thai kỳ, cũng vậy, những lời của Đức Phật vĩ đại là vĩnh cửu và chắc chắn.

Các điều kiện hỗ trợ sự Giác Ngộ:

Bố thí Ba La Mật

142. Sau khi đã phát nguyện: "Ta chắc chắn sẽ trở thành một vị Phật," Ngài đã quán xét trong toàn bộ vũ trụ để thẩm xét những điều kiện hỗ trợ cho sự Giác ngộ và suy xét rằng "đâu là điều kiện hỗ trợ cho sự Giác ngộ? Chúng ở hướng trên hay hướng dưới, ở hướng chính hay hướng phụ?" và Ngài quán thấy được Pháp Toàn Thiện đầu tiên, Bố thí cần được thực hành và noi gương theo chư vị Bồ Tát quá khứ. Ngài tự nhủ rằng: "Này hỡi bậc trí tuệ Sumedha, từ nay trở đi hãy thực hành pháp toàn thiện đầu tiên – Bố Thí Ba La Mật. Giống như cái bình úp đổ nước ra không giữ lại gì cũng chẳng nhận lại chi, cũng vậy, bằng cách bố thí mọi thứ mình có đến những người cần, tùy theo mong muốn của mỗi người, chẳng giữ lại gì, bất kể sang giàu hay danh lợi, vợ con hay chân tay, thân phần khác trên thân thể, Ta chắc chắn sẽ thành Phật dưới cội cây Bồ đề." Nói thế rồi Ngài đưa ra lời quyết định cho pháp độ Ba La Mật đầu tiên - Bố thí Ba La Mật.

143. Bây giờ, ta quán xét ở đây, ở kia, hướng trên, hướng dưới hay trong cả mười phương, xa đến tận vô lượng vũ trụ để tìm kiếm những điều kiện hỗ trợ cho sự Giác ngộ.

144. Sau đó, trong quá trình quán xét, ta đã thấy Bố thí chính là Pháp Toàn Thiện đầu tiên, con đường cao quý mà các bậc trí trước giờ đã đi qua.

145. Đầu tiên, hãy kiên định và ta cần tiến tới thực hành Bố thí Ba La Mật nếu muốn chứng đạt Toàn Giác Trí.

146. Cũng giống như một cái bình nước đầy đến miệng khi bị người ta lật úp sẽ đổ hết nước ra ngoài và chẳng còn giữ lại gì bên trong;

147. Cũng vậy, khi thấy có người cần được bố thí dù cao sang, trung lưu hay thấp hèn, ta nên bố thí tất cả giống như cái bình bị úp.

Trì giới Ba La Mật

148. Khi Ngài quán xét sâu hơn, Ngài tự thấy rằng: "Chỉ riêng điều này không thể tạo nên những điều kiện hỗ trợ sự Giác ngộ," Ngài đã quán thấy Pháp Toàn Thiện thứ hai, Trì Giới Ba La Mật, và nghĩ rằng: "Nãy hỡi Bậc trí tuệ Sumedha, từ giờ trở đi hãy trau dồi viên mãn Trì Giới Ba La Mật nữa. Cũng giống như con linh dương camarī bảo vệ cái đuôi của nó bằng cả tính mạng, cũng vậy, từ nay về sau, bất kể tính mạng, ta hãy gìn giữ Giới hạnh của mình và trở thành một vị Phật." Suy xét như vậy, Ngài đã đưa ra lời quyết định cho Ba La Mật thứ hai, Trì Giới Ba La Mật.

149. Quả thực chỉ những điều này sẽ không đủ tạo duyên hỗ trợ cho sự Giác ngộ. Ta sẽ quán xét những điều kiện khác nữa để hỗ trợ cho sự Giác ngộ.

150. Sau đó, trong quá trình quán xét, ta đã nhìn thấy Pháp Toàn Thiện thứ hai, Trì Giới Ba La Mật, con đường cao quý mà các bậc hiền triết vĩ đại xa xưa đã đi qua.

151. Thứ hai, hãy kiên định và ta cần tiến tới thực hành Trì Giới Ba La Mật này nếu ta muốn chứng đạt sự Giác ngộ.

152. Cũng giống như con linh dương camarī thà phải hy sinh mạng sống của nó nhưng tuyệt đối không để cái đuôi của mình bị tổn thương.

153. Vì vậy, để hoàn thiện toàn hảo Giới hạnh trong bốn phạm trú★, hãy luôn bảo vệ Giới hạnh của mình như con linh dương camarī bảo vệ cái đuôi của nó.

Xuất Ly Ba La Mật

154. Khi ngài thẩm sát xa hơn và nói rằng: "Chỉ riêng những điều này không thể tạo nên các điều kiện hỗ trợ sự Giác ngộ," Ngài đã nhìn thấy Pháp Toàn Thiện thứ ba, Xuất Ly Ba La Mật và nghĩ rằng, "Này hỡi Bậc trí tuệ Sumedha, từ giờ trở đi hãy hoàn thành Xuất ly Ba La Mật nữa. Giống như một người đàn ông sống trong ngục tù

★ Là Giới luật nên được tuân theo trong cõi Dục giới (kāmaloka), cõi Sắc giới (rūpaloka), cõi Vô sắc giới (arūpaloka) và trong cõi siêu thế (là Niết Bàn, tức là, bởi những người đã đạt được Đạo & Quả, chư vị A-la-hán, Đức Phật) (lời người dịch).

lâu năm chẳng ưa thích gì nó, mà tỏ ra chán ghét và không muốn sống ở đó nữa, cũng thế ta nên khao khát thoát khỏi mọi hình thức hiện hữu, xem chúng như nhà tù và chán ghét chúng, ta nên hướng tới con đường xuất ly và trở thành một vị Phật.” Suy nghĩ như vậy, Ngài đưa ra quyết định vững chắc về Ba La Mật thứ ba, Xuất ly Ba La Mật.

155. Quả thực chỉ những điều này sẽ không đủ tạo duyên cho sự Giác ngộ. Ta sẽ quán xét những điều kiện khác nữa làm duyên chín muồi cho sự Giác ngộ.

156. Sau đó, trong quá trình quán xét, ta đã thấy Pháp Toàn Thiện thứ ba, Xuất ly Ba La Mật, con đường cao quý mà các bậc trí vĩ đại xa xưa đã đi qua.

157. Thứ ba, hãy kiên định và ta cần tiến tới thực hành Xuất ly Ba La Mật này, nếu ta muốn chứng đạt sự Giác Ngộ.

158. Như một người sống lâu năm trong ngục tù, chịu cảnh dày vò đau khổ, không dính mắc mà luôn khao khát được giải thoát khỏi nó.

159. Vì vậy, hãy xem tất cả các mọi hình thức hiện hữu như những nhà tù và hướng tới sự xuất ly để đạt sự giải thoát khỏi tất thảy mọi hình thức hiện hữu ấy.

Trí Tuệ Ba La Mật

160. Khi quán xét xa hơn và nói rằng: “Chỉ riêng những điều này không thể tạo nên các điều kiện hỗ trợ sự Giác ngộ,” Ngài đã thấy Pháp Toàn Thiện thứ tư, Trí Tuệ Ba La Mật, và nghĩ: “Này hỡi Bậc trí tuệ Sumedha, từ giờ trở đi hãy hoàn thành Trí Tuệ Ba La Mật nữa. Đừng tránh né bất kỳ ai dù họ thấp hèn, trung lưu hay cao sang, ta cần tiếp cận với tất cả các tầng lớp trí thức và đặt câu hỏi đến họ. Giống như một tu sĩ đi khất thực đến từng nhà theo đúng trình tự, không né tránh bất kỳ gia cảnh nào, bắt đầu với gia đình nghèo khổ, và nhanh chóng thọ nhận thức ăn nuôi mạng, hãy tiếp cận tất cả những bậc trí và học hỏi từ họ bằng cách đặt câu hỏi trở để thành một vị Phật. “Quán chiếu như thế, rồi Ngài đưa ra quyết định vững chắc về Pháp Toàn Thiện thứ tư, Trí Tuệ Ba La Mật.

161. Quả thực chỉ những điều này thôi chưa đủ để làm duyên cho sự Giác ngộ. Ta sẽ suy xét thêm những điều kiện khác nữa cũng làm duyên chín muồi cho sự Giác ngộ.

162. Sau đó, trong quá trình quán xét, ta đã thấy Pháp Toàn Thiện thứ tư, Trí Tuệ Ba La Mật, con đường cao quý mà các bậc trí vĩ đại xa xưa đã đi qua.

163. Thứ tư, hãy kiên định và ta cần tiến tới thực hành Trí tuệ Ba La Mật, nếu

ta muốn chứng đạt Giác ngộ.

164. Giống như một vị tu sĩ khi đi khất thực từng nhà để nhận vật thực nuôi mạng mà không hề phân biệt gia đình giàu có, nghèo khổ hay trung lưu.

165. Cũng vậy, không ngừng đặt câu hỏi đến các bậc trí để viên mãn Trí tuệ Ba La Mật và chứng đạt được sự Giác ngộ.

Tinh tấn Ba La Mật

166. Khi Ngài quán xét sâu hơn và nói rằng: "Chỉ riêng điều này không thể tạo nên các điều kiện hỗ trợ sự Giác ngộ," Ngài đã nhìn thấy Pháp Toàn Thiện thứ năm, Tinh Tấn Ba La Mật, và nghĩ rằng: "Này hỡi Bậc Trí tuệ Sumedha, từ nay trở đi hãy hoàn thành Tinh tấn Ba La Mật nữa. Cũng như sư tử, chúa tể của muôn loài, đại diện cho sức mạnh dũng mãnh trong mọi oai nghi, vì thế hãy tận tâm nỗ lực bền bỉ, không thoái chí trong mọi oai nghi trong mọi hình thức hiện hữu và trở thành một vị Phật." Quán chiếu như vậy rồi Ngài đưa ra quyết định vững chắc về Pháp Toàn Thiện thứ năm, Tinh Tấn Ba La Mật.

167. Quả thực chỉ những điều này thôi sẽ không đủ tạo nên điều kiện cho sự Giác ngộ. Ta sẽ tìm kiếm các điều kiện khác cũng làm duyên chín muồi cho sự Giác ngộ.

168. Sau đó, trong quá trình quán xét, ta đã nhìn thấy Pháp Toàn Thiện thứ năm, Tinh Tấn Ba La Mật, con đường cao quý mà các bậc trí vĩ đại xa xưa đã đi qua.

169. Thứ năm, hãy kiên định và ta cần tiến tới thực hành Tinh Tấn Ba La Mật nếu ta muốn chứng đạt Giác ngộ.

170. Cũng giống như sư tử - vị chúa tể của muôn loài, trong các tư thế ngồi, đứng và đi, luôn thể hiện quyền lực tối cao và lòng dũng cảm.

171. Vì vậy, hãy kiên định nỗ lực trong mọi hình thức hiện hữu để vun bồi toàn hảo Tinh Tấn Ba La Mật và chứng đạt sự Giác ngộ.

Nhẫn Nại Ba La Mật

172. Khi Ngài quán xét sâu hơn và nói rằng: "Chỉ riêng những điều này không thể tạo thành các điều kiện hỗ trợ sự Giác ngộ", Ngài đã thấy Pháp Toàn Thiện thứ sáu - Nhẫn Nại Ba La Mật và nghĩ rằng: "Này hỡi Bậc trí tuệ Sumedha, từ nay trở đi hãy hoàn thành thêm Nhẫn Nại Ba La Mật, hãy luôn bình thản trước mọi khen chê. Cũng giống như mặt đất chứa đựng cả những thứ thanh tịnh (sạch sẽ) và bất tịnh (dơ

bẩn), vì lý do đó Trái Đất không hề biểu lộ sự thích thú hay bất mãn mà chỉ chấp nhận và chịu đựng, không khổ đau, không oán thù, vì vậy hãy bình thản trước mọi khen chê để trở thành một vị Phật .” Quán chiếu như thế, rồi Ngài đưa ra quyết định vững chắc vào Pháp Toàn Thiện thứ sáu, Nhẫn Nại Ba La Mật.

173. Quả thực chỉ những điều này sẽ không đủ tạo nên điều kiện cho sự Giác ngộ. Ta sẽ tìm kiếm những điều kiện khác nữa cũng làm duyên chín muồi cho sự Giác ngộ.

174. Sau đó, trong quá trình quán xét, ta đã nhìn thấy Pháp Toàn Thiện thứ sáu, Nhẫn nại Ba La Mật, con đường cao quý mà các bậc trí vĩ đại xa xưa đã đi qua.

175.Thứ sáu, hãy kiên định và tự mình thực hiện lấy điều này. Với sự quyết tâm hoàn toàn vào Nhẫn nại Ba La Mật, ta sẽ chứng đắc Toàn Giác Trí.

176. Cũng giống như Trái Đất phải chịu đựng tất cả những gì được ném lên nó, cả sự thanh tịnh và bất tịnh mà không có sự oán giận hay thích thú.

177. Vì vậy, khi chịu đựng được lời khen hay tiếng chê của người đời, người ấy sẽ đạt được Nhẫn Nại Ba La Mật và chứng đắc sự Giác ngộ.

Chân Thật Ba La Mật

178. Khi Ngài quán xét sâu hơn và nói rằng: “Chỉ riêng những điều này không đủ tạo nên các điều kiện hỗ trợ sự Giác ngộ”, Ngài đã thấy Pháp Toàn Thiện thứ bảy, Chân Thật Ba La Mật và suy tư rằng: “Này hỡi Bậc trí tuệ Sumedha, từ nay trở đi hãy thực hành viên mãn Chân Thật Ba La Mật nữa. Dù cho tiếng sét có đánh ngang đầu cũng đừng cố ý thốt ra lời nói dối chỉ để được giàu có, để được thỏa mãn dục vọng và những động cơ tương tự. Giống như “ngôi sao chữa lành” Venus theo đuổi lộ trình của nó qua tất cả các mùa mà không chạy theo một quỹ đạo nào khác, cũng vậy, hãy luôn tôn trọng sự thật và không nói lời dối trá, ta sẽ trở thành một vị Phật.” Quán chiếu như vậy, rồi Ngài đưa ra lời quyết định vào Pháp Toàn Thiện thứ bảy, Chân Thật Ba La Mật.

179. Quả thực chỉ những điều này sẽ không đủ tạo duyên cho sự Giác ngộ. Ta sẽ tìm kiếm những điều kiện khác nữa cũng làm duyên chín muồi cho sự Giác ngộ.

180. Sau đó, trong quá trình quán xét, ta đã nhìn thấy Pháp Toàn Thiện thứ bảy, Chân Thật Ba La Mật, con đường cao quý mà các bậc trí vĩ đại xa xưa đã đi qua.

181. Thứ bảy, hãy kiên định và tự mình thực hiện lấy điều này. Bằng việc

không nói dối, ta sẽ chứng đạt sự Giác ngộ toàn hảo.

182. Giống như 'ngôi sao chữa lành' giữ được cân bằng bởi thế giới và chư Thiên của nó, không đi chệch hướng trong các mùa, thời gian hoặc năm tháng khác nhau.[39]

183. Vì vậy, đừng chệch khỏi con đường của những điều chân thật. Sau khi thực hành viên mãn Chân Thật Ba La Mật, ta sẽ chứng đạt sự Giác ngộ.

Quyết định Ba La Mật

184. Khi Ngài quán xét sâu hơn, nói rằng: "chỉ riêng những điều này không thể tạo nên các điều kiện hỗ trợ sự Giác ngộ". Ngài đã thấy Pháp Toàn Thiện thứ tám, Quyết Định Ba La Mật và suy tư rằng: "Này hỡi Bậc trí tuệ Sumedha, từ giờ trở đi hãy hoàn thành Quyết định Ba La Mật nữa. Hãy kiên định với bất kỳ sự quyết định nào ta đưa ra. Như một tảng đá, dù gió có quật tứ phía thì nó không hề dao động hay rung chuyển mà vẫn giữ nguyên vị trí. Cũng tương tự như vậy, hãy kiên định với quyết tâm của mình và trở thành một vị Phật." Quán chiếu như vậy, Ngài đưa ra lời quyết định vững chắc về Pháp Toàn Thiện thứ tám, Quyết định Ba La Mật.

185. Quả thực chỉ những điều này sẽ không đủ tạo nên điều kiện cho sự Giác ngộ. Ta sẽ tìm kiếm những điều kiện khác nữa cũng làm duyên chín muồi cho sự Giác ngộ.

186. Sau đó, trong quá trình quán xét, ta đã nhìn thấy Pháp Toàn Thiện thứ tám, Quyết Định Ba La Mật, con đường cao quý mà các bậc trí vĩ đại xa xưa đã đi qua.

187. Thứ tám, hãy kiên định và tự mình thực hiện lấy điều này. Bằng sự bất thối, ta sẽ chứng đạt sự Giác ngộ toàn hảo.

188. Như núi đá đứng vững chắc và không lay chuyển trước gió mạnh, vẫn giữ nguyên vị trí của nó.

189. Cũng vậy, hãy luôn kiên định với quyết định của mình. Sau khi thực hành viên mãn Quyết Định Ba La Mật, ta sẽ chứng đạt sự Giác ngộ.

Tâm Từ Ba La Mật

190. Khi Ngài quán xét sâu hơn và nói rằng: "Chỉ riêng những điều này không thể tạo thành các điều kiện hỗ trợ sự Giác ngộ", Ngài đã thấy Pháp Toàn Thiện thứ

[39] Đọc *utuvasse vā* như trong SHB

chín, Tâm Từ Ba La Mật, và suy tư rằng: "Này hỡi Bậc trí tuệ Sumedha, từ nay trở đi hãy hoàn thiện Tâm Từ Ba La Mật nữa. Luôn giữ tâm thanh thản đối với tất cả mọi người dù họ đối xử với mình tốt đẹp hay xấu xa. Cũng giống như nước mang đến sự mát mẻ như nhau đến cả kẻ ác lẫn người thiện, ta cũng nên giữ tâm thanh thản như vậy, với lòng yêu thương tất cả chúng sinh và trở thành một vị Phật". Quán chiếu như vậy, Ngài đưa ra quyết định vững chắc về Pháp Toàn Thiện thứ chín, Tâm Từ Ba La Mật.

191. Quả thực chỉ những điều này thôi sẽ không đủ để tạo nên điều kiện cho sự Giác ngộ. Ta sẽ tìm kiếm những điều kiện khác nữa cũng làm duyên chín muồi cho sự Giác ngộ.

192. Sau đó, trong quá trình quán xét, ta đã nhìn thấy Pháp Toàn Thiện thứ chín, Tâm Từ Ba La Mật, con đường cao quý mà các bậc trí vĩ đại xa xưa đã đi qua.

193. Thứ chín, hãy kiên định và tự mình thực hiện lấy điều này. Hãy thương yêu tất cả chúng sanh vô hạn nếu muốn chứng đạt sự Giác ngộ.

194. Giống như nước luôn ngập tràn sự mát mẻ đến cả người thiện lẫn kẻ ác, gột rửa bụi bẩn và bất tịnh.

195. Cũng vậy, hãy phát triển tâm từ đến với cả bạn bè cũng như kẻ thù. Sau khi vun bồi viên mãn Tâm Từ Ba La Mật, ta sẽ chứng đạt sự Giác Ngộ.

Tâm xả Ba La Mật

196. Khi Ngài quán xét sâu hơn và nói rằng: "Chỉ riêng những điều này thì không thể tạo nên các điều kiện hỗ trợ sự Giác ngộ", Ngài đã thấy Pháp Toàn Thiện thứ mười, Tâm Xả Ba La Mật, và suy tư rằng: "Này hỡi Bậc trí tuệ Sumedha, từ nay trở đi hãy vun bồi Tâm xả Ba La Mật nữa. Thanh thản trước những thuận duyên và nghịch duyên. Giống như Trái Đất luôn bình thản khi bị vứt lên bởi những thứ tinh khiết lẫn bất tịnh, ta cũng cần bình thản trước mọi thuận cảnh và nghịch cảnh và trở thành một vị Phật". Quán chiếu như vậy, Ngài đã đưa ra lời quyết định vững chắc về Pháp Toàn Thiện thứ mười, Tâm Xả Ba La Mật.

197. Quả thực chỉ những điều này sẽ không đủ để tạo nên điều kiện cho sự Giác ngộ. Ta sẽ tìm kiếm những điều kiện khác nữa cũng làm duyên chín muồi cho sự Giác ngộ.

198. Sau đó, trong quá trình quán xét, ta đã nhìn thấy Pháp Toàn Thiện thứ mười, Tâm Xả Ba La Mật, con đường cao quý mà các bậc trí vĩ đại xa xưa đã đi qua.

199. Thứ mười, hãy kiên định và tự mình thực hiện lấy điều này. Kiên định và vững chãi, ta sẽ chứng đạt sự Giác ngộ.

200. Giống như Trái Đất không có hận thù hay thích thú mà bình thản chấp nhận cả những thứ sạch sẽ lẫn dơ bẩn mà người đời trút lên nó.

201. Vì vậy, hãy luôn bình thản trước mọi hạnh phúc lẫn khổ đau. Khi thực hành viên mãn Tâm xả Ba La Mật, ta sẽ chứng đạt sự Giác ngộ."

Các Pháp độ Ba La Mật

202. Tiếp theo, Ngài quán chiếu rằng: "Chỉ những điều này trên thế gian chính là những điều kiện hỗ trợ cho sự Giác ngộ, giúp phát triển cho sự Chứng đắc và phải được hoàn thành viên mãn bởi chư vị Bồ Tát. Ngoài mười Ba La Mật này ra, không có ba Ba La Mật nào khác. Mười Ba La Mật này không ở trên trời cũng chẳng ở dưới đất, cũng không bắt nguồn từ phương Đông, mà sinh khởi ngay trong chính tâm của ta." Sau khi nhận ra sự thật rằng các Pháp Ba La Mật này được hình thành từ trong tâm, Ngài đã đưa ra quyết định vững chắc để thực hành chúng; và giữ vững quyết tâm ấy lặp đi lặp lại cho đến khi Ngài thuần thục quán xét tất cả các Pháp Ba La Mật theo chiều xuôi lẫn chiều ngược. Khi quán các Pháp ấy đến điểm kết thúc, Ngài quán xét chúng từ điểm kết thúc ấy về lại điểm đầu; quán xét các pháp ở chính giữa, Ngài kết thúc ở hai đầu và quán xét ở hai đầu và kết thúc ở điểm giữa.

Trái Đất rung chuyển

Quán xét rằng sự hy sinh chi phần thân thể là pháp Ba La Mật cao thượng, hy sinh của cải vật chất thế gian là các pháp Ba La Mật thông thường và hy sinh thân mạng là pháp Ba La Mật tối thượng. Vị ấy làm chủ mười Pháp Ba La Mật cao thượng, mười Ba La Mật thông thường và mười Ba La Mật tối thượng, giống như một người tạo ra nhũ tương của hai loại dầu cùng loại hoặc khuấy động đại dương bao quanh vũ trụ bằng cách sử dụng đỉnh núi Sumeru hùng vĩ làm thanh khuấy. Khi Ngài tiếp tục làm chủ mười Pháp Ba La Mật, nhờ năng lực đức hạnh của Ngài, đại địa cầu dài bốn mươi ngàn *nahutas*[40] và bề dày hai trăm ngàn do tuần (*yojanas*)[41] này chuyển động, rung lắc dữ dội tạo nên một tiếng gầm lớn, giống như một bó lau sậy bị giày đạp bởi một con voi hoặc một nhà máy ép mía với áp lực lên nó; và nó quay tròn như bánh xe của thợ gốm hay bánh xe của nhà máy dầu.

---

[40] Một *nahuta* là một con số rất lớn, "vô số"
[41] Một *yoyana* là một khoảng cách dài, một *"leagu"*. Đây được coi là khoảng cách mà một đội ngựa có thể kéo một cỗ xe mà không mệt mỏi (xem s.v. trong PED)

203. Các pháp làm chín muồi sự Giác ngộ ở thế gian chỉ có chừng ấy, ngoài ra không có pháp nào khác hơn thế nữa; hãy thiết lập bản thân thật vững vàng trong các Pháp ấy.

204. Trong khi Ngài suy nghiệm các pháp này về tính chất tự nhiên và đặc điểm của chúng, do oai lực của các pháp và giới hạnh của Ngài, Trái Đất và mười ngàn thế giới rung chuyển.

205. Trái Đất lay động gào thét như máy ép mía bị khuấy rối, hay như bánh xe của máy ép dầu rung chuyển như thế nào thì Trái Đất đã rung chuyển như thế ấy.

Đức Phật hiệu Gotama

206. Trong khi Trái Đất đang rung chuyển, cư dân của thành phố Ramma đã không thể chịu nổi mà ngất đi và nằm dài trên mặt đất như những cây Sāla[42] lớn bị quật đổ bởi những cơn đại hồng phong ùa về lúc Trái Đất bị hủy diệt; chum đựng nước và những đồ gốm khác va vào nhau vỡ tan thành từng mảnh. Dân chúng bị kích động vì sợ hãi, đến gặp vị Đức Phật và hỏi Ngài rằng: "Kính bạch Đức Thế Tôn, sự hỗn loạn này là do loài rồng hay bất kỳ ai khác trong số chư Thiên, quỷ, và những chúng sinh khác gây ra? Chúng con không biết đó là gì." Ngài trả lời rằng: "Đừng sợ, đừng bận tâm. Không có điều gì nguy hiểm xảy đến với các con. Bậc trí tuệ Sumedha, người mà hôm nay được Như Lai thọ ký sẽ thành Đức Phật trong tương lai có hiệu là Gotama, hiện đang quán chiếu về các Pháp độ Ba La Mật. Khi vị ấy quán chiếu về các Pháp Ba La Mật thật kỹ lưỡng thì toàn bộ mười ngàn thế giới đồng thời rung chuyển và vang dội do năng lực đức hạnh của vị ấy." Kệ nói rằng:

207. Tất cả những ai đã tập hợp tại tu viện nơi Đức Phật đang cư ngụ, trong lúc run rẩy họ bị choáng váng rồi ngất xĩu ra đó.

208. Hàng ngàn chum đựng nước và hàng trăm cái bình khác đã bị nghiền thành bột và nằm rải rác khắp nơi do va vào nhau.

209. Dân chúng phấn chấn, run rẩy, sợ hãi, kích động và rối loạn trong tâm, họ tập hợp lại với nhau và đến hỏi Đức Phật Dīpaṅkara.

210. Họ hỏi Ngài: "Điều gì sẽ xảy ra trên thế giới này, là điềm lành hay điềm gỡ? Cả thế giới đều gặp tai họa, hỡi Thế Tôn, bậc thấu suốt thế gian, hãy ngăn ngừa tai họa đó.

[42] Shorea robusta, cây biểu tượng của dòng Sakya.

211. Đấng Thiện Thệ Dīpaṅkara đã trấn tĩnh họ rằng: Hãy bình tĩnh, đừng sợ hãi trước sự rung chuyển này của Trái Đất.

212. Người mà hôm nay được Như Lai tiên tri sẽ trở thành một vị Phật tương lai của thế gian, giờ đây đang suy ngẫm về các Pháp mà chư Phật quá khứ đã đi qua.

213. Khi Ngài quán chiếu về các Pháp này dẫn đến sự chứng đạt Giác ngộ hoàn toàn một cách kỹ lưỡng, địa đại của mười ngàn thế giới đã rung chuyển.

Bài ca Ngợi khen

214. Dân chúng cũng ngập tràn niềm hoan hỷ khi nghe những lời thọ ký của Đức Như Lai, họ rời khỏi thành phố Ramma, mang theo vòng hoa, nước hoa và dầu thơm đi đến chỗ Đức Bồ Tát. Họ dâng vòng hoa ấy cùng những đồ vật khác rồi đảnh lễ Ngài, sau khi nhiễu quanh Ngài một cách đầy tôn kính, họ trở về thành phố Ramma. Chính Bồ Tát đã đưa ra quyết tâm để hoàn thiện mười Ba La Mật và đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Kệ nói rằng:

215. Dân chúng sau khi nghe Đức Phật nói thì tâm họ được lắng dịu. Tất cả đã đến gần ta rồi đảnh lễ ta lần nữa.

216. Sau khi đã vun bồi viên mãn giới hạnh dẫn đến sự Giác ngộ, với sự quyết tâm kiên cố, khi ấy ta đã đảnh lễ Đức Phật Dīpaṅkara và đã từ chỗ ngồi đứng dậy.

217. Sau đó, chư Thiên trong một ngàn thế giới đã tụ họp lại ở đó và cúng dường lên Đức Bồ Tát những vòng hoa và hương thơm khi Ngài đứng dậy khỏi chỗ ngồi của mình, thốt lên những lời ca ngợi và lời chúc tốt lành rằng: "Hỡi vị Đạo sĩ khổ hạnh đáng kính Sumedha, hôm nay Ngài đã đưa ra một lời phát nguyện thật vĩ đại dưới chân Đức Phật Dipankara - vị Phật sở hữu mười trí lực (Thập lực trí); nguyện mong Ngài hoàn thành ước nguyện ấy mà không gặp bất kỳ chướng ngại nào, mong không có nỗi sợ hãi hay lo lắng nào khởi lên trong tâm Ngài, mong cho không có bệnh tật nào dù là nhỏ nhất xảy đến nơi thân thể Ngài, ngưỡng mong Ngài sẽ sớm hoàn thành viên mãn các Pháp Toàn Thiện và chứng đạt Toàn Giác Trí. Cũng giống như cây ra hoa kết trái khi đến mùa, tương tự như vậy, khi mọi duyên lành chín mùi, Ngài sẽ sớm chứng đạt sự Giác ngộ tối thượng." Sau khi thốt ra những lời này, họ trở về trú xứ của mình. Đức Bồ Tát cũng vậy, được Chư thiên tán thán như vậy, Ngài đưa ra lời quyết định vững chắc và suy nghĩ rằng sau khi hoàn thành mười Pháp độ Ba La Mật, Ngài sẽ trở thành một vị Phật sau bốn A-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn đại kiếp Trái Đất nữa; rồi Ngài bay lên không trung để trở về dãy núi Hy Mã Lạp Sơn. Kệ nói rằng:

218. Khi Ngài đứng dậy từ chỗ ngồi, cả Chư thiên và nhân loại trải hoa của cả cõi trời và cõi người.

219. Cả Chư thiên và nhân loại đều ban lời chúc lành rằng: "Quyết định của Ngài thật vĩ đại, mong Ngài thành tựu như ý nguyện.

220. Mong cho mọi tai ương lắng dịu, mọi đau khổ và bệnh tật đều tiêu tan; mong cho không có tai họa xảy đến với Ngài. Nguyện mong Ngài sớm chứng đạt sự Giác ngộ tối thượng.

221. Giống như cây nở hoa khi đến mùa, hỡi đấng Đại Hùng, nguyện mong Ngài sẽ trổ hoa trí tuệ Toàn tri của chư Phật

222. Cũng như tất cả các Đấng Giác ngộ tối thượng đã thành tựu viên mãn mười Ba La Mật, tương tự như thế, hỡi Đấng Đại Hùng, nguyện mong Ngài hãy hoàn thành viên mãn mười Ba La Mật.

223. Cũng giống như tất cả chư Phật đã chứng đạt sự Giác ngộ tại Vô địch bảo tọa, hỡi Đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy giác ngộ tại Vô địch bảo tọa.

224. Giống như tất cả các Đấng Giác Ngộ tối thượng đã chuyển vận bánh xe Pháp, hỡi Đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy chuyển vận bánh xe Pháp.

225. Cũng như mặt trăng vào ngày rằm thanh khiết và chiếu sáng, tương tư như thế, với ước nguyện đã được vẹn toàn, xin Ngài hãy chiếu sáng khắp mười ngàn thế giới.

226. Giống như mặt trời được thoát khỏi thần Rāhu[43] thì chiếu sáng vô cùng rạng rỡ với nguồn năng lượng tột cùng, tương tự như thế, sau khi đã giải thoát khỏi trầm luân, nguyện mong Ngài hãy tỏa sáng với sự vinh quang ấy.

227. Giống như muôn sông chảy vào đại dương, tương tự như thế, cầu mong chư thiên và nhân loại sẽ tề tựu trước mặt Ngài.

228. Khi được đại chúng tán dương và ca ngợi như vậy, vị ấy đã thọ trì mười giới và sau đó tiến vào khu rừng thẳm.

Dứt phần nói về Sumedha.

[43] Điều này đề cập đến nhật thực. Trong thần thoại Ấn Độ, thần Rāhu được cho là nuốt chửng các thiên thể trong quá trình nhật thực diễn ra.

SỰ THỌ KÝ

Đức Phật Dīpaṅkara

229. Và thế là các cư dân của thành phố Ramma trở về thành phố và dâng cúng vật thực đến đấng Đức Phật cùng với hội chúng Tỷ kheo. Đức Như Lai đã giáo huấn đám đông và an trú họ vào việc thọ trì quy y Tam Bảo. Sau khi rời thành phố Ramma, Ngài đã hoàn thành mọi phận sự nên làm của một vị Phật đến cuối đời và tịch diệt vô dư Niết Bàn, chấm dứt sự tồn tại của ngũ uẩn. Tất cả những gì được nói đến và được hiểu đến liên quan đến phần này đã được nêu trong Phật Sử (Buddhavaṃsa).[44] Kệ nói rằng:

230. Tại nơi đó họ đã dâng cúng đến Thế Tôn cùng hội chúng Tỷ kheo và quy y Tam Bảo dưới sự dẫn dắt của Đức Phật Dīpaṅkara

231. Đức Như Lai đã an trú người này trong ba ngôi Tam Bảo, người thì thọ trì năm giới, có người thì thọ trì mười giới.

232. Có người đã xuất gia với sự chứng đắc bốn Đạo và Quả tối thượng,[45] Có người chứng đắc Tứ Vô Ngại Giải[46].

233. Đức Như Lai đã giúp cho nhiều vị chứng đắc tám tầng thiền định[47] và có người chứng Tam Minh và Lục Thông.[48]

234. Bằng cách ấy, Bậc Đức Phật đã giáo huấn và tế độ chúng sinh. Nhờ vậy, Giáo Pháp của Ngài đã được phổ biến rộng rãi.

235. Bậc Toàn Giác hiệu Dīpaṅkara với những hảo tướng đã cứu giúp vô lượng chúng sanh hoàn toàn thoát khỏi khổ cảnh.

236. Sau khi nhìn thấy chúng sanh có thể giác ngộ dầu ở cách hàng trăm do tuần, trong nháy mắt, Đức Thế Tôn đi đến đó và giúp họ giác ngộ.

---

[44] [38] Bv II, 189 ff

[45] Đây là “quả” của bốn giai đoạn chứng đắc Niết-bàn, trong đó hành giả trở thành “nhập lưu” (sotāpanna), “nhất lai” (sakadāgāmi), “bất lai” (anāgāmi) và một vị A-la-hán.

[46] Patisambhida-. giây PED s.v.

[47] Đây là tám giai đoạn thiền định: xem PED s.v. samāpatti.

[48] Tam Minh là: (1) thiên nhãn minh (dibbacakkhu), thấy được sự chết và tái sinh của chúng sinh, (2) túc mạng minh - nhớ về các kiếp trước (pubbenivāsānussati-ñānā) và (3) lậu tận minh - sự đoạn tận của các pháp trầm luân (āsava-khaya-ñāṇāy, thêm vào đó là thần thông (addhi), thiên nhĩ (dibbasota) và hiểu biết về tâm người khác (tha tâm thông- ceto-pariya-ñāna) để tạo nên “lục thông". Đôi khi chỉ đề cập Ngũ Thông, như trong đoạn kệ 210. Pháp thần thông siêu thế (tức là tuệ giác đoạn diệt các lậu hoặc (tương đương với sự chứng đắc quả vị A-la-hán)) bị lược bỏ, và chỉ có năm pháp thần thông hiệp thế được đề cập.

237. Trong sự lãnh hội lần thứ nhất, Đức Phật đã giác ngộ một tỷ vị, và trong lần thứ hai (Ngài đã giác ngộ) một ngàn tỷ vị.

238. Khi Đức Phật thuyết giảng Giáo Pháp tại cõi trời, lần lãnh hội thứ ba này có chín mươi mươi tỷ vị chứng Thánh.

239. Đức Bổn Sư Dīpaṅkara đã có ba lần Đại Hội Thánh Tăng, lần thứ nhất có một ngàn tỷ vị (tỷ kheo)

240. Hơn nữa, khi Thế Tôn cư ngụ tại đỉnh núi Nārada, có một tỷ vị Thánh A-la-hán đã dứt trừ mọi phiền não hội tụ.

241. Khi Thế Tôn ngự ở mỏm núi Sudassana, đã có chín trăm tỷ vị tề tựu xung quanh Ngài.

242. Vào lúc bấy giờ, ta là một đạo sĩ bện tóc có năng lực thù thắng, có thể đi lại trên không trung và viên mãn năm thắng trí.[49]

243. Sau khi nghe Giáo pháp, đã có mười ngàn và hai mươi ngàn vị chứng thánh, sự chứng đắc Đạo và Quả của một hoặc hai vị là không thể tính đếm được.

244 Giáo pháp vô cùng thanh tịnh của Đức Thế Tôn Dīpaṅkara đã được phát triển, thành công và được phổ biến rộng rãi đến phần đông nhân loại.

245 Bốn trăm ngàn vị Lục Thông với năm thắng trí luôn luôn tề tựu vây quanh Bậc Thế Gian Giải Dīpaṅkara.

246. Thời bấy giờ, những ai đã từ bỏ thế gian để sống đời phạm hạnh mà vẫn chưa được thành tựu Đạo và Quả thì những ấy đáng bị chê trách.

247. Nhờ chư vị A-la-hán kiên định, những vị đã diệt tận hoàn toàn phiền não trầm luân mà Giáo lý đã được làm cho rực rỡ và tỏa sáng trong thế giới của chư Thiên và nhân loại.

248. Kinh thành của Đức Phật Dīpaṅkara có tên là Rammavatī, cha là vị vua dòng Sát đế lỵ (Khattiya)[50] có tên là Sumedha, và thân mẫu là Sumadhā.

249. Hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Đức Phật Dīpaṅkara tên là Sumañgala và Tissa và vị thị giả của Ngài tên là Sāgata.

---

[49] Xem ghi chú trước; Sumedha không thể chứng quả A-la-hán vì lúc đó ngài không thể trở thành Đức Phật Gotama

[50] i.e. “quý tộc”, “vua”, “chiến binh”

250. Nandā và Sunandā là hai vị nữ Đại đệ tử hàng đầu của Ngài và cây Pipphalī[51] được gọi là cội cây Bồ Đề của Đức Thế Tôn ấy.

251. Thế Tôn Dīpaṅkara cao tám mươi hắc tay và Ngài sáng ngời như cây cột đèn Dīpa[52] hay như cây Sāla chúa nở hoa.

252. Tuổi thọ của bậc Thế Tôn ấy là một trăm ngàn năm. Trong suốt thời gian trụ thế, Ngài đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt thoát khỏi biển tử sanh.

253. Ngài đã làm rạng rỡ Chánh Pháp và đã giúp cho chúng sanh vượt thoát khổ. Sau khi bốc cháy như một khối lửa, Ngài cùng chư vị Thinh Văn đã nhập Niết Bàn.

254. Thần thông ấy, danh tiếng ấy, và các bánh xe châu báu nơi hai bàn chân[53] ấy, tất cả đều hoàn toàn biến mất. Phải chăng tất cả các pháp hữu vi đều vô thường?

Đức Phật Koṇḍañña - Vua Chuyển Luân Vương Vijitāvī

255. Sau Đức Phật Dīpaṅkara, Đức Thế Tôn hiệu là Koṇḍañña xuất hiện sau vô lượng đại kiếp Trái Đất, Ngài cũng có ba lần Đại Hội Thánh Tăng; lần đầu tiên có một ngàn tỷ vị, lần thứ hai là mười tỷ vị và lần thứ ba là chín trăm triệu vị Tỷ kheo. Vào lúc bấy giờ, Đức Bồ Tát là vị Chuyển Luân Vương tên hiệu Vijitāvī; vị ấy đã dâng cúng những vật thực thượng hạng đến Hội chúng Tỷ kheo lên đến một tỷ vị do Đức Phật dẫn đầu. Bậc Đạo Sư tiên tri rằng Bồ Tát sẽ thành Phật và thuyết giảng Giáo Pháp. Sau khi lắng nghe lời thuyết giảng của Bậc Đạo Sư, vị ấy từ bỏ vương vị và xuất gia. Ngài đã thông thuộc Tam Tạng kinh điển, chứng đắc tám tầng thiền và năm thắng trí; khi mệnh chung vẫn giữ được các tầng thiền chứng nên vị ấy đã tái sinh vào cõi Phạm thiên. Thành phố của Đức Phật Koṇḍañña tên là Rammavatī, Khattiya Sunanda là cha của Ngài, hoàng hậu Sujātā là mẹ của Ngài, Bhadda và Subhadda là hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài, Anuruddha là vị thị giả của Ngài, Tissā và Upatissā là hai vị nữ Đại đệ tử hàng đầu của Ngài và cây Sālakalyāni[54] chính là cội Bồ đề của Ngài. Thân Ngài cao tám mươi hắc tay (40 mét) và tuổi thọ Ngài kéo dài đến một trăm ngàn năm.

---

[51] Cây bồ đề, giống Assattha (Bo), ficus religiosa

[52] Diễn giải tiếng Singhalese (sanne) nói rằng đây là một giá đỡ đèn. (Dĩpa có thể có nghĩa là "ánh sáng"). Dĩparukkha ở đây có lẽ có nghĩa là cây thông Deodar.

[53] Đây là một trong "ba mươi hai tướng của một Bậc Đại Nhân" (tức là một vị Phật), *mahãpurisa-lakkhanãni.*

[54] Tương tự như sala.

Tiếp theo Dĩpankara là Đấng Thế Tôn hiệu là Koṇḍañña, oai nghiêm và vinh quang không giới hạn, vô lượng và không thể có được.[55]

Đức Phật Maṅgala

256. Sau Đức Phật Koṇḍañña, sau khoảng thời gian vô dài vô thủy vô chung, có bốn vị Phật là Maṅgala, Sumana, Revata và Sobhita xuất hiện trong cùng một đại kiếp Trái Đất. Đức Thế Tôn Maṅgala đã có ba lần Đại Hội Thánh Tăng. Trong số đó, lần đầu tiên có một ngàn tỷ vị Tỷ Kheo, ở lần thứ hai là mười tỷ vị và ở lần thứ ba là chín trăm triệu vị. Người anh họ của Ngài có tên là Ānanda cùng với một đoàn tùy tùng lên đến chín mươi triệu vị đã đến đảnh lễ Đức Thế Tôn để lắng nghe giáo pháp. Bậc Đạo Sư đã thuyết pháp theo tuần tự với nhiều chủ đề khác nhau. Cùng với đoàn tùy tùng, vị hoàng thân Ānanda đã đắc quả A-la-hán cùng với Tứ Tuệ Phân Tích. Khi Đức Bổn Sư hướng tâm suy xét về những thiện nghiệp quá khứ của họ, Ngài đã nhìn thấy phước báu có đầy đủ bình bát và y áo bằng cách hóa hiện và nói rằng: "Hãy đến đây, này các Tỷ kheo," rồi Ngài duỗi cánh tay phải ra. Lập tức tất cả đều thọ nhận bát và y áo một cách diệu kỳ và có tướng mạo như những vị đại Trưởng lão đã sáu mươi tuổi hạ, họ đi đến đảnh lễ Đức Bổn Sư và đứng xung quanh Ngài. Đây là lần Đại Hội Thánh Tăng lần thứ ba (trong Giáo Pháp) của Thế Tôn Maṅgala.

257. Trong khi hào quang của chư Phật khác tỏa ra trong khoảng cách tám mươi hắc tay, thì hào quang của Đức Thế Tôn ấy vô song hơn cả vì hào quang ấy luôn luôn rọi sáng cả đêm lẫn ngày khắp mười ngàn thế giới. Không chỉ chiếu sáng cây cối, đất đai, rừng núi, đại dương và những thứ tương tự khác ngay cả nồi niêu xoong chảo, v.v. cũng được chiếu sáng như thể chúng được phủ bên ngoài một lớp vàng. Tuổi thọ của Ngài là chín mươi ngàn năm. Trong suốt thời kỳ giáo pháp của Ngài, Mặt Trăng, Mặt Trời và vô số tinh tú khác không thể tỏa sáng bằng chính ánh sáng tự nhiên của chúng. Vì không có ánh sáng Mặt Trời nên người ta không phân biệt được ngày và đêm. Dân chúng đi lại và làm việc bằng ánh sáng tỏa ra từ hào quang của Đức Phật cũng giống như ban ngày họ làm việc dưới ánh sáng Mặt Trời. Họ phân biệt ngày và đêm nhờ vào tiếng chim hót lúc hừng đông và những đóa hoa nở vào lúc chạng vạng.

258. Phải chăng những vị Phật khác không có năng lực như vậy? Hoàn toàn không phải thế vì thực ra chư Phật đều có những năng lực như vậy: các Ngài có thể tỏa hào quang chiếu sáng khắp mười ngàn thế giới hoặc hơn thế nữa nếu các Ngài

[55] Bv III, I.

muốn. Các vị Phật khác có hào quang tỏa ra từ kim thân chỉ từ một sải tay, thì hào quang của Đức Phật Maṅgala luôn luôn tỏa sáng khắp mười ngàn thế giới vì đó là kết quả của ước nguyện mà Ngài đã thực hiện trong kiếp quá khứ.

Dạ xoa Kharadāṭhika

259. Khi còn là một vị Bồ Tát, kiếp đó Ngài có tên là Vessantara, Ngài cùng vợ và các con cư ngụ trên một ngọn núi có tên là Vañka. Khi đó, có một dạ xoa[56] hung dữ tên là Kharadāthika (Nanh thô) chuyên ăn thịt người. Nghe tiếng Bồ Tát là người hào phóng, bố thí rộng rãi, nó đã hóa hiện thành một người Bà La Môn đến xin Ngài bố thí hai đứa con. Bồ Tát đã vô cùng hoan hỷ với ý nghĩ bố thí hai con của mình cho vị Bà La Môn ấy. Ngài đã bố thí cả hai đứa con của mình khiến cho đại địa xa đến tận đại dương của nó rúng động. Bồ Tát khi ấy chứng kiến cảnh con Dạ xoa đang đứng tựa gần phía cuối thảo am và nhai ngấu nghiến hai đứa trẻ như một bó củ sen. Bậc Đại Nhân chỉ lặng nhìn con Dạ xoa và nhìn thấy máu tuôn ra từ miệng nó mà không chút sầu khổ. Trái lại, Ngài tràn đầy hoan hỷ khi suy ngẫm về quả phước bố thí cao thượng này. Ngài đã đưa ra lời quyết định rằng kết quả của hành động (bố thí) cao thượng ấy, trong thời vị lai, từ kim thân của Ngài sẽ tỏa ra hào quang như đã đề cập ở trên. Kết quả cho lời phát nguyện này, hào quang phát ra từ kim thân của Thế Tôn sáng chói và tràn ngập cả một vùng rộng lớn như đã nói ở trên.

260. Tuy nhiên, trong một kiếp trước. Người ta kể rằng khi còn là một vị Bồ Tát, Ngài đã nhìn thấy một ngôi đền thờ cho một vị Phật, và nghĩ rằng mình nên hy sinh mạng sống cho vị Phật ấy, rồi Ngài đã quấn quanh toàn thân thể làm thành một ngọn đuốc. Rồi Ngài đổ đầy bơ lỏng vào một chiếc bát bằng vàng có trang trí những nụ hoa khảm đá quý trên đó trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng, rồi thắp một ngàn chiếc tim đèn trong đó; và sau khi đốt cháy toàn bộ cơ thể của mình, Ngài đội chiếc bát lên đầu rồi đi nhiễu quanh Bảo tháp suốt đêm một cách đầy cung kính. Mặc dù Ngài đã hành trì như vậy suốt đêm đến sáng, nhưng chẳng có sợi lông nào của Ngài bị lửa đốt cháy mà dường như Ngài đã được bảo vệ trong chiếc đài của một đóa hoa sen. Quả thực đây là Pháp bảo vệ người hành pháp.[57] Vì Đức Thế Tôn đã nói rằng:

261. Pháp bảo vệ người hành Pháp,

Hành pháp mang lại an lạc.

---

[56] Yakkha- dạ xoa, một sinh vật siêu nhiên, một tín đồ của Vessavana. Trong trường hợp này, anh ta là một con quỷ, nhưng yakkha và con quỷ không giống nhau.
[57] Từ *dhamma* ở đây ám chỉ *dhammatā*, "bản chất của sự vật"

Đây là lợi ích của việc hành pháp,

Có vậy người đức hạnh sẽ không tái sinh trong khổ cảnh[58]

Bà La Môn Suruci

262. Cũng do kết quả của việc phước này mà ánh hào quang tự nhiên từ kim thân của Thế Tôn Maṅgala vẫn chiếu sáng khắp mười ngàn thế giới. Thời bấy giờ, đức Bồ Tát của chúng ta sinh ra là vị Bà La Môn Suruci; khi thỉnh mời Đức Bổn Sư đến thọ thực, vị ấy đã lắng nghe được một bài pháp thù thắng từ Đức Phật, rồi thỉnh Đức Phật: "Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài đến nhà con thọ thực vào ngày mai."

"Này Bà La Môn, ông muốn thỉnh bao nhiêu vị Tỷ kheo?" [Đức Phật hỏi]

"Bạch Đức Thế Tôn, có bao nhiêu vị Tỷ kheo trong Tăng đoàn của Ngại ạ?"

Lúc bấy giờ mới chỉ có Đại Hội Thánh Tăng lần đầu tiên;

Chính vì thế Ngài nói, "Khoảng một ngàn tỷ vị."

"Bạch Thế Tôn, con xin thỉnh mời tất cả. Xin hãy thọ lãnh lễ cúng dường vật thực tại nhà con."

Đức Phật im lặng nhận lời. Sau khi thỉnh mời Đức Phật và chúng Tăng, Bồ Tát về nhà và suy nghĩ rằng: "Về vật thực, y áo và những vật dụng khác ta có thể bố thí đủ cho từng ấy vị Tỷ kheo, nhưng làm sao có thể sắp xếp đủ chỗ ngồi cho chư vị ấy đây?"

263. Ý nghĩ này của Bồ Tát đã khiến cho chỗ ngồi bằng đá cẩm thạch trắng cao tám mươi bốn ngàn do tuần của Vua trời Đế Thích Sakka nóng lên. Rồi Đế Thích với thiên nhãn đã suy xét: "Ai muốn ta rời khỏi chỗ ngồi này?" Vị ấy nhìn thấy Bậc Đại Nhân và suy nghĩ: "Bà La Môn Suruci đã thỉnh Tăng đoàn do Đức Phật dẫn đầu đến thọ thực và đang lo lắng về chỗ ngồi. Ta sẽ đến đó và đóng góp một chút công đức." Đế Thích Sakka sau đó hóa thành một người thợ mộc với cây rìu trong tay xuất hiện trước mặt Bồ Tát. Người thọ mộc (tức Sakka) hỏi: "Có việc gì cho tôi làm không, thưa Ngài? " Trông thấy người thợ mộc, Bồ Tát hỏi:

"Ông có thể làm được những gì?"

"Không có việc gì mà tôi không biết làm. Nếu có bất kỳ ai muốn xây nhà hay cung điện, tôi đều có thể làm được."

---

[58] Xem SI 42

"Nếu thế thì tôi có một số công việc dành cho ông đây."

"Việc gì vậy?"

"Tôi đã thỉnh một ngàn tỷ vị Tỷ kheo đến thọ thực vào ngày mai, ông có thể dựng cho tôi một tòa đại sảnh để đón tiếp chư vị không?"

"Được, tôi có thể làm được miễn sao ông trả công cho tôi." "Này ông bạn, được thôi"

"Tốt lắm, tôi sẽ xây dựng nó," Nói rồi vị ấy (Sakka) nhìn quanh để tìm chỗ đất thích hợp. Có một khu đất rộng cỡ mười hai hoặc mười ba do tuần, với bề mặt bằng phẳng như kích thước vòng tròn để hành thiền đề mục kasina.

264. Nhìn quanh chỗ đó, vị ấy (Sakka) tự nghĩ: "Xin cho một tòa đại sảnh tráng lệ bằng bảy báu hiện ra từ lòng đất." Ngay lập tức, một tòa đại sảnh bằng bảy báu từ lòng đất trồi lên. Những cột trụ bằng vàng có đầu cột bằng bạc, những cột trụ bằng bạc có đầu cột bằng vàng, những cột trụ bằng ngọc có đầu cột bằng san hô, những cột trụ bằng san hô có đầu cột bằng ngọc và những cột trụ bằng bảy báu thì có đầu cột bằng bảy báu. Nhân đó, vị ấy nhìn vào tòa đại sảnh (bằng bảy báu) và ước nguyện: "Xin hãy xuất hiện những dãy chuông leng keng được treo lơ lửng xen kẽ giữa cột này và cột kia." Ngay lập tức những dãy chuông xuất hiện. Khi làn gió nhẹ thoảng qua sẽ tạo ra âm thanh nhẹ nhàng như âm thanh phát ra từ năm loại nhạc cụ mà chư Thiên biểu diễn trong buổi hòa nhạc. Vị ấy tiếp tục ước nguyện, "Xin cho những tràng hoa thơm ở cõi trời hãy buông xuống." Ngay khi ấy những tràng hoa thơm ở cõi trời xuất hiện. Lại nữa, vị ấy ước nguyện: "Những chỗ ngồi và những cái đế để bát cho một ngàn tỷ vị Tỷ kheo, hãy từ đất mà hiện lên." Ngay tức thì những thứ ấy xuất hiện. Vị ấy (Sakka) ước nguyện tiếp: "Những cái chum nước ở mỗi góc hãy hiện ra." Và chúng đã hiện ra.

265. Khi tất cả mọi thứ đã được hình thành, Đế Thích Sakka đến chỗ Bồ Tát và nói rằng: "Thưa ông Bà La Môn, hãy nhìn xem tòa đại sảnh tôi đã kiến tạo và hãy trả thù lao hậu hĩnh cho tôi." Bồ Tát đi đến tòa đại sảnh và toàn thân của Ngài tràn ngập năm loại hỷ lạc khi ngắm nhìn nó. Khi ngắm nhìn tòa đại sảnh, Ngài chợt nghĩ: "Con người không thể nào làm được tòa đại sảnh này. Do ước muốn thiện lành của ta là tổ chức một cuộc bố thí vĩ đại và nhờ đức hạnh của ta, chắc chắn chỗ ngồi của Đế Thích (Sakka) đã nóng lên. Sự nóng lên này ắt đã khiến Đế Thích, thiên chủ của Chư thiên đến xây dựng đại sảnh này. Có được đại sảnh như thế này mà ta bố thí cúng dường

trong một ngày thì thật không hợp lẽ. Ta sẽ thực hiện cuộc bố thí cúng dường vĩ đại này trong bảy ngày." Nhưng việc bố thí những của cải vật chất bề ngoài cho dù có to lớn đến cỡ nào cũng không thể khiến cho tâm của Bồ Tát hân hoan. Nỗi hoan hỷ của vị Bồ Tát lại tùy thuộc vào vật phẩm cúng dường bố thí - cho dù phải cắt đầu, móc mắt, xé tim gan. [Ví như] Khi Bồ Tát sinh sống tại thành Sivi (được nhắc đến trong Câu chuyện tiền thân (Jātaka) số 499), dẫu cho hàng ngày Bồ Tát có tiêu tốn hết khoảng năm ammanas[59] tương đương với năm trăm ngàn đồng tiền vàng (kahāpaṇas) để phân phát bố thí ngay tại bốn cổng thành nằm giữa thành phố thì việc bố thí này cũng không thể phát sinh niềm hoan hỷ nơi Ngài khi thực hiện việc bố thí này. Thế nhưng khi Vua trời Đế thích Sakka hóa thân thành một vị Bà La Môn và hỏi xin đôi mắt của Ngài, thì chỉ khi ấy trong Ngài mới phát sinh niềm hoan hỷ mà móc cặp mắt ra bố thí cho vị ấy. Không hề có một chút tiếc nuối ân hận nào mảy may khởi sinh trong tâm Ngài [khi thực hiện việc bố thí] dẫu chỉ bằng đầu sợi tóc.

266. Do vậy chẳng bao giờ một vị Bồ Tát hài lòng với sự bố thí của mình. Chính vì thế Bậc Đại Nhân ấy nghĩ rằng mình nên bố thí trong bảy ngày đến một ngàn tỷ vị Tỷ kheo; Ngài mời chư vị ngồi trong tòa đại sảnh và bố thí cho Tăng đoàn vật thực có tên gọi là Gavapāna trong một tuần lễ. Gavapāna là một loại thức ăn được chế biến trong những chiếc nồi to chứa đầy sữa, đun sôi và cho thêm gạo vào cùng với mật ong, đường thốt nốt và bơ lỏng. Chỉ với sức người thì không đủ khả năng để phục vụ hết chúng Tăng. Do đó, bên cạnh mỗi người đều có một vị Thiên tham dự vào công việc phục vụ. Một khu vực rộng mười hai hoặc mười ba do tuần không đủ rộng để chứa hết tất cả các vị Tỷ kheo. Do đó, chư vị Tỷ kheo phải vận dụng thần thông để đi vào chỗ ngồi của mình. Thời gian cúng dường vật thực cũng kết thúc, tất cả bình bát của các vị Tỷ kheo đều được rửa sạch. Bồ Tát lại cúng dường vật thực làm thuốc chữa bệnh bằng cách bỏ đầy bát nào bơ, sữa, mật ong, mật đường và cúng dường tam y đến chư vị. Những bộ tam y được dâng đến các vị Tỷ kheo nhỏ hạ nhất trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng.

267. Khi Đức Phật Maṅgala đang ban thời pháp thọai để tán dương những vật thí được cúng được đến Ngài và Tăng chúng, bằng Phật nhãn, Đức Phật suy xét: "Người này đã thực hiện sự bố thí vĩ đại, tương lai người ấy sẽ thành đạt quả gì?" Rồi Đức Phật thấy trước rằng, vị này nhất định sẽ thành Phật hiệu là Gotama trong một hiền kiếp sau hai A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp kể từ hôm nay. Đức Phật gọi

[59] Singhalese amuna, một thước đo được tính là 16 kuruni (khoảng 4 giạ)

Bà La Môn Suruci và nói lời tiên tri: "Sau hai A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa, ngươi nhất định sẽ thành Phật hiệu là Gotama." Nghe lời tiên tri của Đức Phật Maṅgala, Bồ Tát phấn khởi và vui sướng, rồi chợt nghĩ: "Đức Phật đã tiên tri rằng ta chắc chắn sẽ thành Phật, vậy đời sống tại gia còn có ích gì đối với ta. Ta sẽ xuất gia ngay bây giờ." Sau khi từ bỏ tài sản của một vị Bà La Môn giàu có, tựa như nhổ đi bãi nước bọt, Bồ Tát xuất gia Tỷ kheo dưới chân Đức Phật Maṅgala, thông thuộc Tam tạng kinh điển, chứng đắc Bát thiền và Ngũ thông. Nhờ không bị hoại thiền nên sau khi thân hoại mạng chung, Bồ Tát tái sanh vào cõi Phạm thiên.

268. Nơi sinh của Đức Phật Maṅgala là Utttara. Thân phụ của Ngài là Sát Đế Lỵ Uttara, thân mẫu Ngài là Uttara, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Sudeva và Dhammasena, vị thị giả của Ngài là Đại đức Pālita, hai vị nữ Đại đệ tử hàng đầu của Ngài là Sīvali và Asokā, cội bồ đề của Ngài là cây Nāga (Gỗ lim); Đức Phật cao tám mươi hắc tay. Ngài viên tịch Niết Bàn sau chín mươi nghìn năm trụ thế, toàn bộ mười ngàn thế giới trở nên tối đen mù mịt ngay tức khắc. Tiếng ta thán của chúng sanh vang dội khắp các cõi nhân gian.

Sau Đức Phật Koṇḍañña là Thế Tôn Maṅgala, người đã giương cao ngọn đuốc Chánh pháp và xua tan bóng đêm trên thế gian này.

Đức Phật Sumana - Atula

269. Sau khi Đức Thế Tôn Maṅgala viên tịch Niết Bàn để lại bóng tối bao trùm khắp mười ngàn thế giới, Đức Bổn Sư có tên là Sumana xuất hiện trên thế gian này. Ngài cũng có ba lần Đại Hội Thánh Tăng chỉ gồm những bậc Lậu Tận (A-la-hán); lần đầu tiên có một ngàn tỷ vị Tỷ kheo, lần thứ hai có chín trăm tỷ vị Tỷ kheo trên ngọn Núi Vàng và lần thứ ba có tám trăm tỷ vị. Lúc bấy giờ có Bậc Đại Nhân là Long vương Atula có đại thần lực và uy nghiêm. Khi hay tin rằng Đức Phật đã xuất hiện, vị ấy cùng bà con quyến thuộc đã rời khỏi chỗ ngụ từ long cung đi đến cúng dường thiên nhạc cho Đức Thế Tôn cùng với sự hiện diện của một ngàn tỷ vị Tỷ kheo; vị ấy đã thực hiện việc đại thí đến Tăng đoàn, vị ấy dâng y đến mỗi vị Tỷ kheo rồi sau đó Quy y Tam bảo. Đức Bổn Sư ấy cũng đã tiên tri rằng Long Vương sẽ trở thành Phật trong tương lai. Nơi sinh ra của Đức Thế Tôn đó được gọi là Khema, cha của Ngài là vua Sudatta, mẹ của Ngài là Sirimā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Saraṇa và Bhāvitatta, Trưởng lão Udena là thị giả của Ngài, hai vị nữ đệ Đại tử hàng đầu của Ngài là Sonā và Upasonā và cội cây bồ đề của Ngài tên là Nāga (Gỗ lim). Đức Phật Sumana cao chín mươi hắc tay với tuổi thọ là chín mươi ngàn năm.

Kế sau Đức Phật Maṅgala là Đấng Lãnh Đạo có tên Đức Phật Sumana, bậc vô song trong tam giới và cao quý nhất trong hết thảy chúng sinh.

Đức Phật Revata - Atideva

270. Kế sau Đức Phật Sumana, xuất hiện Đức Bổn Sư có tên là Revata. Ngài cũng có ba lần Đại Hội Thánh Tăng; số vị Tỷ kheo ở lần đầu tiên là không thể tính đếm được, ở lần thứ hai có một ngàn tỷ vị Tỷ kheo và lần thứ ba cũng tương tự như vậy. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh ra là Bà La Môn Atideva; sau khi nghe một bài pháp từ Đức Bổn Sư, Ngài Quy y Tam bảo, với hai tay chắp lại trên đầu, vị ấy xướng lên ngàn câu kệ để tán dương những ân đức của Đức Phật khi Ngài đã thoát khỏi mọi phiền não và dâng cúng chiếc áo khoác trị giá một ngàn đồng tiền vàng của vị ấy. Đức Phật cũng tiên tri rằng Ngài sẽ trở thành một vị Phật trong tương tai. Thành phố của Đức Thế Tôn Revata có tên là Dhaññavatī, cha của Ngài là Khattiya Vipula và thân mẫu của Ngài tên là Vipulā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Varuna và Brahmadeva, vị Tỷ kheo thị giả của Ngài là Sambhava, hai vị nữ Đại đệ tử hàng đầu của Ngài là Bhaddā và Subhaddā và cội bồ đề của Ngài là cây Gõ lim. Thân Ngài cao tám mươi hắc tay với thọ mạng của Ngài là sáu mươi ngàn năm.

Kế sau Đức Phật Sumana là Đấng Lãnh Đạo có tên là Revata, là Đấng Chiến Thắng tối thượng và vô song, là duy nhất và không gì sánh bằng trong tam giới.

Đức Phật Sobhita - Bà La Môn Ajita

271. Kế sau Đức Phật Sumana, xuất hiện Đức Bổn Sư có tên là Sobhita. Ngài cũng có ba lần Đại Hội Thánh Tăng; lần đầu có một ngàn tỷ vị Tỷ kheo, lần thứ hai có chín trăm tỷ vị Tỷ kheo và lần thứ ba có tám trăm tỷ vị Tỷ kheo. Đức Bồ Tát lúc bấy giờ sinh ra là Bà La Môn Ajita; sau khi vị ấy lắng nghe bài pháp của Đức Bổn Sư Sobhita, Ngài đã Quy y Tam bảo và bố thí vật thực rất rộng rãi đến Đức Phật và chúng Tăng. Đức Phật cũng tiên tri rằng vị Bà La Môn này sẽ trở thành một vị Phật trong tương lai. Nơi sinh của Đức Thế Tôn ấy có tên là Sudhamma, cha của Ngài là vua Sudhamma, thân mẫu của Ngài là Sudhammā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Asama và Sunetta, vị thị giả của Ngài là Tỷ kheo Anoma, hai vị nữ Đại đệ tử của Ngài là Nakulā và Sujātā và cội bồ đề của Ngài là cây Gõ lim. Thân Ngài cao năm mươi tám hắc tay, và tuổi thọ Ngài là chín mươi ngàn năm.

Kế sau Đức Phật Revata là Đức Phật Sobhita với tâm điềm tĩnh, tĩnh lặng, vô song và không gì sánh bằng.

Đức Phật Anomadassi - Nguyên soái dạ xoa

272. Sau Đức Phật Sobhita, một A-tăng-kỳ đại kiếp trôi qua, có ba vị Phật xuất hiện trong cùng một đại kiếp có tên là Anomadassī, Paduma và Nārada. Đức Thế Tôn Anomadassī có ba lần Đại Hội Thánh Tăng; lần đầu có tám trăm ngàn*[60], lần thứ hai có bảy trăm ngàn và lần thứ ba có sáu trăm ngàn vị Tỷ kheo. Lúc bấy giờ Bồ Tát của chúng ta sinh làm một nguyên soái dạ xoa cai quản hàng ngàn tỷ vị dạ xoa với oai lực hùng mạnh. Khi nghe Đức Phật đã xuất hiện trong thế gian, Ngài ấy đã đến yết kiến Đức Phật và bố thí rộng rãi đến Đức Phật và Hội chúng Tỷ kheo của Ngài. Đức Bổn Sư cũng tiên đoán vị ấy sẽ trở thành Đức Phật trong tương lai. Nơi sinh ra của Đức Thế Tôn Anomadassī tên là Candavatī, cha Ngài là đức Vua Yasavā, thân mẫu Ngài là Yasodhara, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Nisabha và Anoma, vị thị giả của Ngài tên là Varuna, hai vị nữ Đại đệ tử của Ngài là Sundarī và Sumanā và cội bồ đề của Ngài là Terminalia Arjuna.[61] Thân Ngài cao năm mươi tám hắc tay và thọ mạng của Ngài là một trăm ngàn năm.

Kế sau Đức Phật Sobhita là Đấng Thiện Thệ Anomadassī, Bậc tối thượng trong Tam thế, danh tiếng lẫy lừng, huy hoàng và vô song.

Đức Phật Padunma - Sư tử

273. Kế sau Đức Phật Anomadassī là Đức Bổn Sư có tên Paduma. Ngài ấy cũng có ba lần Đại Hội Thánh Tăng; lần đầu có một ngàn tỷ vị Tỷ kheo, lần thứ hai có ba ngàn tỷ vị Tỷ kheo và lần thứ ba có hai ngàn tỷ vị Tỷ kheo cư trú trong rừng rậm cách xa các ngôi làng. Vào thời bấy giờ, lúc Như Lai sống trong khu rừng rậm đó, Bồ Tát sinh ra làm một con sư tử và phát khởi lòng kính mến vô cùng khi nhìn thấy Đức Bổn Sư, người đang an trú trong Diệt Thọ Tưởng Định. Sư tử đảnh lễ Ngài, đi vòng quanh Ngài với sự tôn kính, rống lên ba lần trong niềm hân hoan và đứng đó đợi Đức Như Lai trong bảy ngày mà không hề từ bỏ niềm hoan hỷ xuất phát từ những suy nghĩ về Đức Phật; dành thời gian của mình trong niềm vui sướng và hạnh phúc ấy, sư tử đã hy sinh mạng sống của mình để từ chối việc đi săn mồi. Sau bảy ngày trôi qua, Đức Bổn Sư xuất khỏi thiền Diệt Thọ Tưởng Định nhìn thấy con sư tử và muốn rằng Hội chúng Tỷ kheo nên đến để Bồ Tát [con sư tử] thành tâm bày tỏ lòng cung kính. Ngay

---

[60]* Chúng tôi nghi ngờ rằng chỗ này là tám trăm ngàn *koti* vị. Tương đương với tám ngàn tỷ vị thì sẽ hợp lý hơn với thọ mạng một trăm ngàn năm của Đức Phật Anomadassī. (1 koti = 10.000.000). (ND)

[61] Cây Arijuna hay Kakudha, thường mọc gần nước và được gọi là kumbuk trong tiếng Sinhalese.

lập tức, chư vị Tỷ kheo đến và trong tâm của con sư tử dâng lên niềm tín tâm bất động đối với chúng Tăng. Đức Như Lai đọc được suy nghĩ của sư tử và tiên tri rằng sư tử sẽ thành Phật trong tương lai. Thành phố của Đức Thế Tôn Paduma tên là Campaka, cha của Ngài là vua Asama, mẹ là Asamā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Sāla và Upasāla, vị Tỷ kheo thị giả là Varuna, hai Thánh nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Rāmā và Surāmā và cây bồ đề của Ngài là cây Sona[62]. Thân Ngài cao năm mươi tám hắc tay và tuổi thọ là một trăm ngàn năm.

Theo sau Đức Phật Anomadassī là Đấng Giác Ngộ tên là Paduma, vị thủ lĩnh của nhân loại, độc nhất vô nhị.

Đức Phật Nārada - Bậc ẩn sĩ khổ hạnh

274. Sau Đức Phật Paduma, Đức Bổn Sư hiệu là Nārada xuất hiện. Ngài cũng có ba Đại Hội Thánh Tăng; lần thứ nhất có một ngàn tỷ vị Tỷ kheo, lần thứ thứ hai có chín trăm tỷ vị và tám trăm tỷ vị ở lần thứ ba. Lúc bấy giờ Bồ Tát đã từ bỏ cuộc sống tại gia, sống đời một ẩn sĩ khổ hạnh và thành tựu tám tầng thiền chứng và năm thắng trí; Ngài đã bố thí rất nhiều cho hội chúng Tỷ kheo do Đức Phật đứng đầu và cúng dường gỗ đàn hương đỏ. Đức Phật Paduma cũng tiên tri rằng Bồ Tát sẽ thành Phật trong tương lai. Thành phố của Đức Thế Tôn đó được gọi là Dhaññavatī, cha của Ngài là Sát Đế Lỵ Sudeva, mẹ của Ngài là Anomā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Bhaddasāla và Jitamitta, vị Tỷ kheo thị giả là Vāsettha, hai vị nữ Đại đệ tử hàng đầu của Ngài là Uttarā và Phaggunī và cây bồ đề của Ngài là cây Sona vĩ đại. Thân Ngài cao tám mươi bốn hắc tay và tuổi thọ của Ngài là chín mươi ngàn năm.

Sau Đức Phật Paduma là Đấng Toàn Giác hiệu là Nārada, bậc Tối Thượng Nhân, Bậc Vô Song không kẻ sánh bằng.

Đức Phật Padumuttara - Jatila

275. Sau Đức Phật Nārada, một trăm ngàn đại kiếp trước kể từ bây giờ, trong đại kiếp ấy chỉ xuất hiện một vị Phật tên là Padumuttara. Ngài cũng có ba lần Đại Hội Thánh Tăng: lần đầu tiên có một ngàn tỷ vị Tỷ kheo, lần thứ hai có chín trăm tỷ vị trên núi Vebhāra, và lần thứ ba có tám trăm tỷ vị. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh ra là một quận trưởng tên là Jatila; Ngài cúng dường tam y[63] cho Tăng Đoàn do Đức Phật đứng đầu. Thế Tôn Nārada cũng tiên tri rằng Bồ Tát sẽ thành Phật trong tương lai. Vào thời

[62] [61] Sanskrit syonaka, Oroxylumindicum (tiếng Phạn)

[63] Đọc ticīvaradānaṁ như với SHB.

của Đức Thế Tôn Padumuttara không có những vị thầy ngoại đạo, vì thế tất cả chư Thiên và nhân loại chỉ nương tựa nơi Đức Phật. Thành phố của Ngài tên là Hamsavatī, cha Ngài là Sát-đế-lị Ānada, mẹ Ngài là Sujātā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Devala và Sujāta, vị thị giả của Ngài là Sumana, hai vị nữ Đại đệ tử hàng đầu của Ngài là Amitā và Asamā, cây Bồ Đề của Ngài là cây Sala. Thân Ngài cao tám mươi tám hắc tay và hào quang từ kim thân của Ngài tỏa khắp mười hai do tuần và tuổi thọ của Ngài là một trăm ngàn năm.

Sau Đức Phật Nārada, Đấng Toàn Giác hiệu là Padumuttara, Bậc Tối Thượng Nhân, Bậc Chiến Thắng, không bị chao động tựa đại dương.

Đức Phật Sumedha - Uttara

276. Sau Đức Phật Padumuttara, khi ba mươi ngàn đại kiếp Trái Đất đã trôi qua, có hai vị Phật tên là Sumedha và Sujāta xuất hiện trong cùng một đại kiếp. Thế Tôn Sumedha cũng có ba lần Đại Hội Thánh Tăng, lần đầu tiên có một tỷ vị A-la-hán ở thành phố Sudassana, lần thứ hai có chín trăm triệu và hội chúng thứ ba là tám trăm triệu vị. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh ra là một thanh niên Bà La Môn tên là Uttara; Ngài đã cúng dường rất nhiều cho Tăng Đoàn do Đức Phật đứng đầu, chi tám trăm triệu (đồng tiền vàng) từ tài sản mà Ngài đã cất giữ cẩn thận. Sau khi nghe Pháp và quy y, Ngài đi xuất gia. Bậc Đạo Sư đã thọ ký rằng Ngài sẽ trở thành một vị Phật trong tương lai. Thành phố của Đức Phật Sumedha tên là Sudassana, cha của Ngài là vua Sudatta, mẹ của Ngài là Sudattā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Saraṇa và Sabbakāma, vị thị giả của Ngài là Sagara, hai vị nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Rāmā và Surāmā, và cây Bồ Đề vĩ đại của Ngài là Kadamba[64]. Thân Ngài cao tám mươi tám hắc tay và thọ mạng của Ngài là chín mươi ngàn năm.

Sau Đức Phật Padumuttara, Bậc Lãnh Đạo hiệu là Sumedha, Bậc Hiền Triết tối thượng của toàn thể thế gian, có oai lực nổi bật, vô song.

Đức Phật Sujāta - Vua Chuyển Luân Vương

277. Tiếp theo Đức Phật Sumedha là Đức Bổn Sư tên là Sujāta. Ngài cũng có ba lần Đại Hộ Thánh Tăng, lần đầu tiên có sáu mươi ngàn Tỷ kheo, lần thứ hai có năm mươi ngàn và lần thứ ba là bốn mươi ngàn vị. Lúc bấy giờ Bồ Tát sinh ra là một vị vua Chuyển Luân Vương, khi nghe tin có một vị Phật xuất hiện trên thế gian này, Ngài đã đến gặp Đức Phật đó; lúc nghe Pháp, Ngài quyết định bố thí cả vương quốc

[64] Nauclea cadamba, Sinhalese kolon

gồm bốn đại châu cùng với bảy báu cho Tăng Đoàn có Đức Phật lãnh đạo và xuất gia trước sự chứng kiến của Đức Phật. Tất cả thần dân của quốc độ đã thu gom sản vật từ vùng đất của mình, xây cất các tu viện và liên tục thực hiện đại thí đến Tăng Đoàn do Đức Phật đứng đầu. Đức Thế Tôn đó cũng thọ ký cho Ngài. Thành phố của Đức Phật tương lai tên là Sumaṅgala, cha của Ngài là vua Uggata, mẹ của Ngài là Pabhāvatī, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Sudassana và Deva, vị thị giả của Ngài là Nārada, hai vị nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Nagā và Nāgasamālā, và cây Bồ Đề của Ngài là cây tre khổng lồ. Người ta nói rằng cây này ít rỗng hơn và có thân dày hơn những cây tre thông thường, những cành lớn phía trên óng ánh như một chùm lông công. Thân của Đức Phật Sujāta cao năm mươi hắc tay và tuổi thọ của Ngài là chín mươi ngàn năm.

Trong cùng một đại kiếp Maṇda đó, Vị Lãnh Đạo hồng danh là Sujāta, có hàm sư tử, vai rộng, không ai sánh bằng, không thể bị tấn công."

Đức Phật Piyadassī - Kassapa

278. Sau Đức Phật Sujāta, một ngàn tám trăm đại kiếp về trước có ba vị Phật tên là Piyadassī, Atthadassī và Dhammadassī xuất hiện trong cùng một đại kiếp. Đức Phật Piyadassī cũng có lần Đại Hội Thánh Tăng, lần đầu tiên có một nghìn tỷ vị Tỳ kheo, lần thứ hai có chín trăm triệu vị và lần thứ ba là tám trăm triệu vị. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh ra là thanh niên Bà La Môn Kassapa, thông thạo ba kinh Vệ Đà; được nghe một bài thuyết Pháp của Đạo Sư, vị ấy đã xây dựng một tịnh xá cúng dường của cải trị giá một ngàn tỷ (đồng tiền vàng) và an trú trong Tam Quy và Giới luật. Sau đó, Bậc Đạo Sư đã thọ ký rằng Ngài sẽ thành Phật sau một ngàn tám trăm đại kiếp nữa. Thành phố của Đức Phật tương lai là Anoma, cha của Ngài là vua Sudinna, mẹ của Ngài là Candā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Pālita và Sabbadassī, vị thị giả của Ngài là Sobhita, hai vị nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Sujātā và Dhammadinnā và cây Bồ Đề là Piyaṅgu[65]. Thân Ngài cao tám mươi hắc tay và tuổi thọ là chín mươi ngàn năm.

"Sau Đức Phật Sujāta, Đấng Lãnh Đạo Thế Gian hiệu là Piyadassī xuất hiện trên thế gian, Bậc tự mình chứng ngộ, khó thể đạt đến, không thể sánh bằng và có danh tiếng vĩ đại."

[65] Piyangu là một loại cây nhỏ. Hạt của nó được dùng làm thuốc gây nôn. Tài liệu tham khảo ở đây có lẽ là cây Piyaka, một loại kadamba, Bv có kakudha (terminalia arjuna)

Đức Phật Atthadassī - Susīma

279. Sau Đức Phật Piyadassī, Đức Bổn Sư hiệu là Atthadassī xuất hiện. Ngài cũng có ba lần Đại Hội Thánh Tăng, lần thứ nhất có chín triệu tám trăm ngàn vị Tỷ kheo, lần thứ hai có tám triệu tám trăm ngàn vị và lần thứ ba cũng có số lượng như vậy. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh ra là một ẩn sĩ có oai lực thần thông tên là Susīma; anh ta mang một tán hoa Mandārava từ cõi trời và cúng dường cho Đức Phật. Bậc Đạo Sư tiên tri rằng Ngài sẽ thành Phật trong tương lai. Thành phố của Đức Thế Tôn đó có tên là Sobhita, cha của Ngài là vua Sāgara, mẹ của Ngài là Sudassanā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Santa và Upasanta, vị thị giả là Abhaya, hai nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Dhammā và Sudhammā và cây Bồ Đề của Ngài là Campaka. Cơ thể của Ngài cao tám mươi hắc tay. Ánh hào quang từ kim thân Đức Phật luôn luôn chiếu khắp một vùng có phạm vi một do tuần. Tuổi thọ của Ngài là một trăm ngàn năm.

Cũng chính trong đại kiếp Maṇḍa ấy, Bậc Anh Hùng giữa loài người, Atthadassī, đã đạt đến quả vị Toàn Giác tối thượng, phá tan màn đêm vô minh mịt mù.

Đức Phật Dhammadassī - Đế Thích Sakka

280. Tiếp theo Đức Phật Atthadassī, Đức Bổn Sư hiệu là Dhammadassī xuất hiện trên thế gian. Ngài cũng có ba lần Đại Hội Thánh Tăng, lần đầu tiên có một tỷ vị Tỷ kheo, lần thứ hai là bảy trăm triệu vị và lần thứ ba là tám trăm triệu vị. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh ra làm vua trời Đế Thích Sakka; vị ấy cúng dường các thiên hương, thiên hoa và thiên nhạc. Bậc Đạo sư đã thọ ký cho Ngài. Thành phố của Thế Tôn ấy tên là Saraṇa, cha của Ngài là vua Saraṇa, mẹ của Ngài là Sunandā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Paduma và Phussadeva, vị thị giả là Sunetta, hai nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Khemā và Sabbanāmā và cây Bồ Đề là cây Dền đỏ có tên khác là Bimbijāla. Thân Ngài cao tám mươi hắc tay và tuổi thọ là một trăm ngàn năm.

Cũng chính trong đại kiếp Maṇḍa ấy, vị có danh tiếng lẫy lừng Dhammadassī đã chiếu sáng thế gian lẫn các cõi trời, xua tan màn đêm tăm tối.

Đức Phật Siddhatta - Maṅgala

281. Sau Đức Phật Dhammadassī, trong chín mươi bốn đại kiếp về trước, chỉ có một vị Phật xuất hiện hiệu là Siddhattha. Ngài cũng có ba lần Đại Hội Thánh Tăng, lần đầu tiên có một ngàn tỷ vị Tỷ kheo, lần thứ hai có chín trăm triệu vị và lần thứ ba là tám trăm triệu vị. Vào lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh ra là một tu sĩ khổ hạnh tên là Maṅgala chứng đắc ngũ thông và được phú cho năng lực của trí tuệ nội quán; vị đó mang đến một quả táo hồng lớn và dâng cúng cho Như Lai. Đức Bổn Sư đã thọ dụng

quả đó và thọ ký cho Bồ Tát rằng Ngài sẽ trở thành một vị Phật trong chín mươi bốn đại kiếp nữa. Thành phố của Đức Thế Tôn đó có tên là Vebhāra, cha Ngài là vua Jayasena, mẹ Ngài là Suphassā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Sambahula và Sumitta, vị thị giả của Ngài là Revata, hai nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Sīvalī và Surāmā và cây Bồ Đề của Ngài là Kanikāra[66]. Thân Ngài cao sáu mươi hắc tay và tuổi thọ là một trăm ngàn năm.

Sau Đức Phật Dhammadassī, Bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã tiêu diệt tất cả màn đêm tăm tối như Mặt Trời mọc lên giữa không trung.

Đức Phật Tissa - Sujata

282. Sau Đức Phật Siddhattha, chín mươi hai đại kiếp trở về trước, trong cùng một đại kiếp có hai vị Phật tên là Tissa và Phussa đã xuất hiện trên thế gian. Đức Thế Tôn Tissa có lần Đại Hội Thánh Tăng, lần đầu tiên có một ngàn tỷ vị Tỷ kheo, lần thứ hai là chín trăm triệu vị và lần thứ ba là tám trăm triệu vị. Vào lúc bấy giờ, Đức Bồ Tát sinh ra là một vị Sát Đế Lỵ tên là Sujāta sở hữu sự giàu có và danh tiếng lẫy lừng; Ngài đã từ bỏ cuộc sống gia đình để sống cuộc đời khổ hạnh và chứng đắc các pháp thần thông phi thường. Khi nghe tin Đức Phật xuất hiện, Ngài đã mang hoa thánh Mandārava và hoa Pāricchattaka đến cúng dường Đức Như Lai lúc bấy giờ đang di chuyển giữa bốn hội chúng, và Ngài đã tạo ra một tán hoa trên bầu trời. Đức Bổn Sư cũng tiên tri rằng Ngài sẽ thành Phật trong chín mươi hai đại kiếp nữa. Thành phố của Đức Thế Tôn đó có tên là Khema, cha của Ngài là Sát Đế Lỵ Janasandha, mẹ của Ngài là Paduma, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Brahmadeva và Udaya, vị Tỷ kheo thị giả là Sambhava, hai nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Phussā và Sudattā và cây bồ đề của Ngài là Tomentosa[67]. Thân Ngài cao sáu mươi hắc tay và tuổi thọ là một trăm ngàn năm.

Theo sau Đức Phật Sidhattha là Thế Tôn hiệu Tissa, độc nhất và vô song, vô lượng đức hạnh và vô biên danh vọng, vị Lãnh Đạo tối cao của thế gian.

Đức Phật Phussa - Vijitāvī

283. Theo sau Thế Tôn Sidhattha, Đức Phật Phussa xuất hiện. Ngài cũng có lần Đại Hội Thánh Tăng, lần đầu tiên có sáu mươi tỷ vị Tỷ kheo, lần thứ hai và lần thứ ba có lần lượt là năm mươi tỷ và ba mươi hai tỷ vị Tỷ kheo. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh ra là Sát Đế Lỵ Vijatāvī. Ngài đã từ bỏ vương quốc rộng lớn của mình và thọ giới dưới

---

[66] *Cochlospermum religiosum,* Sinhalese kinihiri

[67] Asana, Terminalia tomentosa, Singhalese piyā

sự hướng dẫn của Đức Bổn Sư, nghiên cứu ba bộ Kinh tạng và thuyết giảng Giáo lý cho đại chúng. Ngài đã hoàn thành viên mãn Trì Giới Ba La Mật. Đức Thế Tôn bấy giờ cũng đã tiên tri cho Bồ Tát. Thành phố của Đức Thế Tôn Phussa là Kāsi, cha của Ngài là vua Jayasena, mẹ Ngài là Sirimā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Surakkhita và Dhammasena, vị thị giả của Ngài là Sabhiya, hai Thánh nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Cālā và Upacālā, và cây bồ đề của Ngài là cây Myrobalan[68]. Thân ngài cao năm mươi tám hắc tay và tuổi thọ là chín trăm ngàn năm.

Trong cùng đại kiếp Manda, có Đức Bổn Sư độc nhất vô nhị Phussa, vô đối và vô song, Bậc Lãnh Đạo tối thượng của thế gian.

Đức Phật Vipassī - Atula

284. Sau Đức Phật Phussa, chín mươi mốt đại kiếp trở về trước, có Đức Thế Tôn hiệu là Vipassī xuất hiện trên thế gian. Ngài cũng có ba lần Đại Hội Thánh Tăng, lần đầu tiên có sáu triệu tám trăm ngàn vị Tỷ kheo, lần thứ hai có một trăm ngàn vị và lần thứ ba là tám mươi ngàn vị. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh ra làm Long Vương Atula có siêu thần lực và uy nghiêm; Ngài đã dâng cho Thế Tôn một chiếc ghế bằng vàng khảm bảy viên ngọc quý. Đức Phật bấy giờ cũng đã tiên tri rằng Bồ Tát sẽ trở thành một vị Phật trong chín mươi mốt đại kiếp nữa. Thành phố của Đức Thế Tôn đó có tên là Bandhumatī, cha của Ngài là vua Bandhumā, mẹ của Ngài là Bandhumatī, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Khanda và Tissa, vị Tỷ kheo thị giả của Ngài là Asoka, hai Thánh nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Candā và Candamittā, và cây bồ đề của Ngài là Pātali[69]. Thân Ngài cao tám mươi hắc tay và ánh hào quang từ kim thân của Ngài tỏa chiếu khắp một vùng có phạm vi rộng một do tuần. Thọ mạng của Ngài là tám mươi ngàn năm.

Theo sau Đức Phật Phussa là Đấng Giác ngộ, Bậc vĩ đại vô song của nhân loại, Đấng Toàn Tri hiệu là Vipassī đã xuất hiện trên thế gian.

Đức Phật Sikhī - Arindama

285. Sau Đức Phật Vipassī, cách hiện tại ba mươi mốt đại kiếp trong quá khứ, có hai vị Phật xuất hiện tên là Sikhī và Vessabhū. Thế Tôn Sikhī cũng có ba lần Đại Hội Thánh Tăng, lần đầu tiên có một trăm ngàn vị Tỷ kheo, lần thứ hai có tám mươi ngàn vị và lần thứ ba có bảy mươi ngàn vị. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh ra làm vua Arindama; vua đã cúng dường rất nhiều như y áo cho Tăng đoàn do Đức Phật dẫn đầu

[68] Āmalaka, Phyllanthus embelica, Sinhalese nelli
[69] Hoa kèn, Stereospermum saveolens, Sinhalese palol

và một con voi chúa được trang bị bảy báu, và cả tứ vật dụng chất thành đống cao bằng một con voi. Đức Phật Sikhī cũng thọ ký rằng Đức Bồ Tát sẽ thành Phật trong ba mươi mốt đại kiếp nữa. Thành phố của Đức Thế Tôn đó là Arunavatī, cha của Ngài là Sát Đế Lỵ Aruna, mẹ của Ngài là Pabhāvatī, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Abhibhū và Sambhava, vị Tỷ kheo thị giả là Khemañkara, hai Thánh nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Makhilā và Padumā, và cây bồ đề của Ngài là Puṇḍarīka[70]. Thân Ngài cao ba mươi bảy hắc tay và hào quang từ kim thân của Ngài chiếu khắp một vùng rộng ba do tuần. Tuổi thọ của Ngài là ba mươi bảy ngàn năm.

Theo sau Đức Phật Vipassī là Đấng Giác Ngộ Sikhī, bậc cao thượng nhất trên thế gian, Đấng Chiến Thắng, độc nhất và vô song.

Đức Phật Vesabhū - Sudassana

286. Tiếp theo đó là Đức Phật hiệu Vessabhū xuất hiện trên thế gian. Ngài cũng có lần Đại Hội Thánh Tăng, lần đầu tiên có tám triệu vị Tỷ kheo, lần thứ hai có bảy triệu vị và lần thứ ba có sáu triệu vị Tỷ kheo. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh làm vua Sudassana, Ngài đã cúng dường rất nhiều gồm y áo cho Tăng đoàn do Đức Phật đứng đầu, và thọ giới dưới sự hướng dẫn của Thế Tôn. Nhờ đức hạnh viên mãn, Ngài có được niềm tịn tín vô hạn nhờ suy niệm về Đức Phật. Đức Như Lai ấy cũng đã thọ ký rằng Bồ Tát sẽ thành Phật trong ba mươi mốt đại kiếp nữa. Thành phố của Thế Tôn đó có tên là Anupama[71]. Cha Ngài là vua Suppatīta, mẹ là Yasavatī. Hai vị Chí Thượng Thinh Văn Ngài là Sona và Uttara, vị Tỷ kheo thị giả của Ngài là Upasanta, hai Thánh nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Dāmā và Samālā, cây bồ đề của Ngài là cây Sāla. Thân Ngài cao sáu mươi hắc tay và tuổi thọ là sáu mươi ngàn năm.

Trong cùng đại kiếp Manda đó, Đấng Chiến Thắng hiệu Vessabhū độc nhất và vô song đã xuất hiện trên thế gian.

Đức Phật Kakusandha - Khema

287. Sau Đức Phật Vessabhū, trong đại kiếp hiện tại có bốn vị Phật ra đời là Kakusandha, Konagamana, Kassapa và Đức Phật Gotama. Đức Thế Tôn Kakusandha chỉ có duy nhất một lần Đại Hội Thánh Tăng gồm bốn mươi ngàn vị Tỷ kheo. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh ra làm vua Khema, ông đã cúng dường rất nhiều gồm bát bát và y áo

---

[70] Puṇḍarīka, thuộc loài mangifera, hoàn toàn khác với puṇḍarīka thông thường, thường xuất hiện trong tiếng Pāḷi, một loại hoa súng trắng. Cf. Tiếng Singhalese aṭamba.
[71] Cũng như SHB, Fsh, có Anopama, Bv Anoma

cho Tăng đoàn do Đức Phật đứng đầu, và còn tặng thêm collyrium★ và các loại thuốc khác. Sau khi nghe một bài pháp từ Đức Phật Vessabhū, Bồ Tát xuất gia sống đời phạm hạnh. Đức Phật Vessabhū cũng đã thọ ký cho Bồ Tát. Thành phố của Thế Tôn Kakusandha có tên là Khema, cha của Ngài là Bà La Môn Aggidatta, mẹ của Ngài là Bà La Môn Visākhā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Vidhura và Sañjīva, thị giả của Ngài là Tỷ kheo Buddhija, hai Thánh nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Sāmā và Campakā, và cây Bồ đề là cây Sirīsa[72]. Thân Ngài cao bốn mươi hắc tay và tuổi thọ là bốn mươi ngàn năm.

Theo sau Đức Phật Vesabhū là Đức Thế Tôn hiệu Kakusandha, Bậc Toàn Tri của nhân loại, vô song và không thể bị đánh bại.

Đức Phật Konāgamana - Pabbata

288. Tiếp theo Đức Phật Kakusandha là Đức Bổn Sư Konāgamana xuất hiện. Ngài cũng chỉ có một lần Đại Hội Thánh Tăng gồm ba mươi ngàn vị Tỷ kheo. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh làm vua Pabbata; Ngài đến thăm Đức Phật cùng với nhóm đại thần và nghe một bài pháp thoại, sau đó ông đặt bát cúng dường đến Tăng đoàn do Đức Phật đứng đầu và thực hiện đại thí các món vật quý như lụa đã giặt, lụa Trung Hoa mềm, lụa Kasi, vải len, vải gai mịn và vải dệt bằng chỉ vàng và thọ giới dưới sự chỉ dạy của Bậc Đạo Sư. Đức Phật lúc bấy giờ cũng đã thọ ký cho Bồ Tát. Thành phố của Đức Thế Tôn đó có tên là Sobhavatī, cha của Ngài là Bà La Môn Yaññadatta, mẹ của Ngài là Bà La Môn Uttarā, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Bhīyasa và Uttara, vị Tỷ kheo thị giả của Ngài là Sotthiya, hai Thánh nữ đệ tử hàng đầu của Ngài là Samuddā và Uttarā và cây bồ đề của Ngài là cây Fig[73]. Thân Ngài cao ba mươi hắc tay và tuổi thọ của Ngài là ba mươi ngàn năm.

Theo sau Đức Phật Kakusandha là Đấng Giác Ngộ Konāgamana, Bậc Lãnh đạo vô song, Đấng Chiến Thắng, Bậc Vô Thượng Sĩ trong Tam giới.

Đức Phật Kassapa - Jotipāla

289. Theo sau đó là Đức Phật hiệu Kassapa xuất hiện trên thế gian. Ngài cũng có một lần Đại Hội Thánh Tăng gồm hai mươi ngàn vị Tỷ kheo. Lúc bấy giờ, Bồ Tát sinh ra là một người Bà La Môn có tên là Jotipāla; vị ấy thông tuệ ba bộ kinh Vệ Đà

★ collyrium là một thuật ngữ cổ để chỉ một loại kem dưỡng da hoặc nước rửa được sử dụng làm chất tẩy rửa cho mắt, đặc biệt là trong các bệnh về mắt. (ND).

[72] Accacia sirissa

[73] Focus glomerata, tiếng Singhalese dimbul

và trở nên nổi tiếng trên trái đất và trên thiên giới, và cũng là bạn thân của người thợ gốm Ghatīkāra. Đức Bồ Tát cùng người bạn thợ gốm của mình đến gặp Đức Phật và sau khi nghe thời pháp xong, Ngài đi xuất gia. Với sự nổ lực phi thường, Bồ Tát đã nghiên cứu ba tạng kinh và làm Giáo pháp sáng chói bằng việc trau dồi viên mãn đời sống phạm hạnh. Đức Phật đương thời cũng đã thọ ký cho Bồ Tát. Thành phố nơi Đức Thế Tôn sinh ra là Bārānasī, cha của Ngài là Bà La Môn Brahmadatta, mẹ là Bà La Môn Dhanavatī, hai vị Chí Thượng Thinh Văn của Ngài là Tissa và Bhāradvaja, vị Tỳ kheo thị giả của Ngài là Sabbamitta, hai Thánh nữ đệ tử hàng đầu của ngài là Anujā và Hruvelā, và cây bồ đề của ngài là cây Banya. Thân thể của ngài cao hai mươi hắc tay và tuổi thọ của ngài là hai mươi ngàn năm.

Sau Đức Phật Konāgamana là Đấng Giác ngộ Kassapa, bậc tối thượng nhất trong loài người, Đấng Chiến Thắng, Đấng Pháp Vương vĩ đại.

Chư Phật

290. Trong đại kiếp mà Đấng Thập Lực, Đức Phật Dīpaṅkara xuất hiện, có ba vị Phật khác cũng xuất hiện trong cùng đại kiếp ấy. Bồ Tát không nhận được sự thọ ký nào từ chư vị nên tên của ba vị Phật này không được đề cập ở đây, nhưng bản chú giải đưa ra tuyên bố sau đây nhằm liệt kê tất cả chư Phật bắt đầu từ đại kiếp đó:

291. Đức Phật Taṇhaṅkara, Medhaṅkara, Saraṇaṅkara, Bậc giác ngộ Dīpaṅkara và Koṅḍañña, bậc cao nhất trong loài người.

292. Đức Phật Maṅgala, Sumana, Revata, Sobhita, Anomadassī, Paduma, Nārada, và Padumuttara,

293. Sumedha, Sujāta và Bậc danh tiếng lừng lẫy Piyadassīi, Atthadassī, Dhammadassī, và Siddhattha, Thủ lĩnh của thế gian.

294. Đức Phật Tissa, Phussa và Bậc Giác Ngộ Vipassī, Sikhī, Vessabhū, Kakusandha, Koṇāgamana, và Thế Tôn Kassapa.

295. Đây là những Đấng Giác Ngộ đã thoát khỏi mọi chấp thủ, Bậc điều phục tâm, sự xuất hiện của chư vị như ánh sáng Mặt Trời xua tan bóng đêm dày đặc. Chư vị bùng cháy như những cột lửa và viên tịch Niết Bàn cùng với chúng đệ tử của mình.

296. Ở đây, Bồ Tát của chúng ta đã trải qua bốn A-tăng-kỳ (asaṅkheyya) và một trăm ngàn đại kiếp để thực hiện chí nguyện thành Phật và được thọ ký bởi hai mươi bốn vị Phật quá khứ, bắt đầu từ Đức Phật Nhiên Đăng (Dīpaṅkara). Không có vị

Phật nào khác ngoài Đấng Toàn Giác này xuất hiện sau Thế Tôn Kassapa. Theo cách này, Bồ Tát đã nhận được sự thọ ký chắc chắn sẽ thành Phật bởi hai mươi bốn vị Phật, bắt đầu từ Đức Phật Nhiên Đăng (Dīpaṅkara).

Sự quyết tâm bao gồm sự kết hợp của tám điều kiện: tái sinh làm người, phải là người nam cao quý, có đủ tất cả điều kiện cần thiết để chứng quả vị A-la-hán (trong kiếp sống đó), gặp một vị Phật còn tại thế, phải là bậc xuất gia sống đời tu sĩ, chứng đắc bát thiền và các phép thần thông, sẵn sàng cúng dường mạng sống của mình và ý chí kiên quyết... giáo hóa Giáo Pháp cao diệu cho chúng sinh hữu duyên cùng biết tới.[74]

297. Kết quả của sự quyết tâm: "Vậy thì, hãy để ta tìm kiếm những điều kiện góp phần vào sự Giác ngộ"[75] được thực hiện dưới chân Đức Phật Nhiên Đăng (Dīpaṅkara), bằng cách tập hợp tám điều kiện này lại với nhau, Ngài thu hết can đảm và nhìn thấy những điều kiện góp phần tạo nên sự Giác ngộ, bắt đầu với Bố thí Ba La Mật (khi ngài nói) "Khi thẩm sát những điều kiện ấy, ta nhận thấy Bố thí Ba La Mật là pháp hành đầu tiên,"[76] và sau khi thực hành viên mãn chúng, Ngài tái sinh làm vị thiên Vessantara. Và khi đã vun bồi toàn vẹn các pháp độ Ba La Mật, vốn được xem là điều kiện cho Nhất Thiết Trí của chư vị Bồ Tát, những vị đã thực hiện quyết tâm chứng đắc quả vị Phật, đều được tán dương như vậy.

298. Do vậy, những chúng sinh hội đủ tất cả những điều kiện và được thọ ký chắc chắn sẽ thành Phật thì trong suốt khoảng thời gian dài hàng ngàn tỷ đại kiếp về sau, những vị ấy sẽ được đảm bảo những điều sau:

299. Chư vị sẽ không sinh ra trong đia ngục A-tỳ (Avīci) hay Điạ ngục Vạt Đồng (Lokantarika), họ cũng không phải chịu cảnh đói khát trong những kiếp sống như những chúng sinh chết do bị lửa thiêu đốt và khao khát triền miên, cũng không bị sinh ra làm ác linh luôn thèm muốn.[77]

300. Dù sinh trong cõi bàng sinh, chư vị không sinh làm những sinh vật nhỏ bé. Khi được sinh làm người, sẽ không bao giờ bị mù quáng.

301. Chư vị sẽ không bị điếc, câm, bại liệt bẩm sinh; sẽ không sinh làm người nữ, cũng không thuộc loại lưỡng tính và hoạn quan (tức đàn ông bị thiến).

---

[74] Chú thích cuối câu 80 (trên, tr.39)
[75] Chú thích cuối câu 143 (trên, tr.55)
[76] Chú thích cuối câu 144 (trên, tr.55)
[77] Cách đánh số và sắp xếp các câu thơ ở đây khác với Fsb.

302. Chư vị sau khi đã được thọ ký trở thành Phật sẽ không hề nao núng dù trong hình thức tái sinh nào. Chư vị giải thoát khỏi mọi tội ác ghê tởm và giới hạnh trong sạch như pha lê.

303. Chư vị không bị vướng kẹt vào bất cứ quan điểm nào, Họ có tri kiến trong mọi hành động.[78] Khi được tái sinh ở cõi trời, chư vị sẽ không sinh vào cõi Sắc Giới Vô Tưởng (không có tâm thức).

304. Chư vị cũng không tái sinh trong các cõi Ngũ Tịnh Cư Thiên.[79] Hướng về sự xuất ly, các bậc giới đức tách mình khỏi sự lẩn quẩn trong vòng sinh tử luân hồi, chư vị tầm cầu vì hạnh phúc của thế gian và để vun bồi viên mãn các Pháp độ Ba La Mật của mình.

Bố Thí Ba La Mật

305. Trong vô số kiếp trầm luân trong biển khổ luân hồi (Samsāra) để trau dồi hạnh lành, Ngài đã gặt hái được những phước thiện ấy. Trong lúc vun bồi các Pháp độ Ba La Mật, Ngài đã vun bồi Bố thí Ba La Mật trong nhiều kiếp sống khác nhau mà không có giới hạn; chẳng hạn như trong những kiếp Ngài sinh ra làm Bà La Môn Akitti, Bà La Môn Sañkha, làm vua Dhanañjaya, vua Mahasudassana, vua Mahāgovingda, Nimi vĩ đại, hoàng tử Canda, người thương buôn Visayha, vua Sivi và Thiên tử Vessantara. Thực vậy, câu chuyện về Ngài sinh ra làm một chú thỏ khôn ngoan được đề cập chi tiết trong Câu chuyện Tiền thân (Jātaka) số 316 như sau:

Nhìn thấy anh ta đến xin ăn, ta đã hy sinh bản thân mình. Đối với ta, không có gì sánh bằng lòng bố thí - đây là Bố thí Ba La Mật của ta.

Trì Giới Ba La Mật

306. Khi ngài hy sinh bản thân như vậy, Bố thí Ba La Mật của Ngài biến thành Ba La Mật bậc thượng. Tương tự như vậy, Ngài đã vun bồi viên mãn Trì giới Ba La Mật trong nhiều kiếp sống khác nhau mà không có giới hạn; chẳng hạn như trong những kiếp Ngài sinh làm Long Vương Sīlavā, Campeyya, Bhūridatta và Chaddanta; làm hoàng tử Alīnasattu, con trai của vua Jayaddisa. Thực vậy, Câu chuyện Tiền thân (Jātaka) số 524 đã khắc họa rõ điều ấy:

---

[78] Họ không phải là những người theo chủ nghĩa hư vô (natthikavādī) nhưng thừa nhận sự vận hành của nghiệp.

[79] Suddhāvāsa (Ngũ Tịnh Cư) gồm Vô Phiền Thiên (Avihā), Vô Nhiệt Thiên (Atappā), Thiện Kiến Thiên (Sudassā), Thiện Hiện Thiên (Sudassī), và Sắc Cứu Cánh Thiên (Akaniṭṭha).

"Khi bị những đứa trẻ trong làng quấy rầy bằng cọc và vũ khí lên người, ta mảy may không chút khó chịu - đây là Trì giới Ba La Mật của ta."

Xuất ly Ba La Mật

307. Khi Ngài hy sinh bản thân mình, Trì giới Ba La Mật của Ngài trở thành Ba La Mật bậc thượng. Tương tự như vậy, Ngài đã vun bồi viên mãn Xuất ly Ba La Mật trong nhiều kiếp sống khác nhau mà không có giới hạn; chẳng hạn như những kiếp Ngài sinh làm hoàng tử Somanassa, hoàng tử Hatthipāla và Hiền giả Ayoghara và từ bỏ vương quốc của mình. Thực vậy, câu chuyện Tiền thân (Jātaka) số 525 về Cūlasutasoma đã khắc họa rõ điều ấy:

"Ta đã từ bỏ vương quốc mà mình sở hữu giống như một bãi nước bọt. Khi từ bỏ nó, ta không dính mắc với nó nữa, và đây là Xuất ly Ba La Mật của ta."

Trí Tuệ Ba La Mật

308. Khi Ngài ra đi bỏ lại vương quốc phía sau lưng, thoát khỏi mọi dính mắc, Xuất ly Ba La Mật của Ngài trở thành Ba La Mật bậc thượng. Tương tự như vậy, Ngài đã vun bồi viên mãn Trí tuệ Ba La Mật trong nhiều kiếp sống khác nhau mà không có giới hạn; chẳng hạn như trong những kiếp Ngài sinh ra là Hiền giả Vidhura, Hiền giả Mahāgovinda, Hiền giả Kuddāla, Bậc trí tuệ Araka, Bậc ẩn sĩ khổ hạnh Bodhi và Bậc trí tuệ Mahosadha. Thực vậy, câu chuyện Tiền thân (Jātaka) số 240 về Túi bánh bột (Sattubhasta) đã khắc họa rõ điều ấy:

Với trí tuệ quán xét của mình, ta đã xoa dịu nỗi đau của người Bà La Môn. Đối với ta không có gì sánh bằng trí tuệ, và đây là Trí Tuệ Ba La Mật của ta.

Tinh Tấn Ba La Mật

309. Khi Ngài chỉ ra con rắn đã chui vào túi, Trí tuệ Ba La Mật của Ngài trở thành Ba La Mật bậc thượng. Tương tự như vậy, Ngài đã vun bồi viên mãn Tinh tấn Ba La Mật và những pháp độ Ba La Mật khác trong nhiều kiếp sống khác nhau mà không có giới hạn. Thực vậy, câu chuyện Tiền thân (Jātaka) số 539 về Mahājanaka đã khắc họa rõ điều ấy:

Tất cả loài người đã chết giữa đại dương mênh mông không bến bờ; nhưng trong suy nghĩ của ta không hề có sự đối nghịch nào và đây là Tinh Tấn Ba La Mật của tôi.

Nhẫn Nại Ba La Mật

310. Khi Ngài băng qua đại dương theo cách này, Tinh Tấn Ba La Mật của Ngài trở thành Tinh Tấn Ba La Mật bậc thượng. Câu chuyện Tiền thân (Jātaka) số 313 về Khantivāda đã khắc họa rõ điều ấy:

Ta không tỏ ra giận dữ với đức vua Kāsi khi ông ấy tấn công ta bằng một chiếc rìu sắc bén như thể ta là một vật vô tri vô giác; đây là Nhẫn Nhục Ba La Mật của ta.

Chân Thật Ba La Mật

311. Khi Ngài chịu đựng nỗi đau đớn tột cùng như một vật vô tri vô giác, Nhẫn Nại Ba La Mật của Ngài trở thành Nhẫn Nại Ba La Mật bậc thượng. Câu chuyện Tiền thân (Jātaka) số 537 về Mahāsutasoma đã khắc họa rõ điều ấy:

Ta đã phóng thích một trăm chiến binh để bảo vệ sự chân thật trong lời nói và từ bỏ cuộc sống của ta, đây là Chân Thật Ba La Mật tối thượng.

Quyết Tâm Ba La Mật

312. Khi bảo vệ sự chân thật bằng chính mạng sống của mình, Chân Thật Ba La Mật của Ngài trở thành Chân Thật Ba La Mật bậc thượng. Câu chuyện Tiền thân (Jātaka) số 538 về người câm què (Mūgapakkha) đã khắc họa rõ điều ấy;

Cha mẹ ta và danh vọng cao vời mà ta có được không thù ghét ta nhưng Sự Toàn Giác đối với ta mới là điều đáng quý. Do đó ta đã khởi lên phát nguyện này.

313. Khi ngài quyết tâm từ bỏ ngay cả mạng sống của mình để phát nguyện, Quyết Tâm Ba La Mật của Ngài trở thành Quyết Tâm Ba La Mật bậc thượng. Câu chuyện Tiền thân (Jātaka) số 303 về Ekarāja đã khắc họa rõ điều ấy;

Không ai có thể khiến ta cảm thấy kinh hoàng hay sợ hãi, nhưng ta được củng cố trong sức mạnh của lòng từ và ta luôn vui thích sự ẩn cư nơi núi khu rừng rộng mở.[80]

Tâm Từ Ba La Mật

314. Khi Ngài mở rộng tâm từ đến độ không quan tâm đến mạng sống của mình, Tâm Từ Ba La Mật của Ngài trở thành Tâm Từ Ba La Mật bậc thượng. Câu chuyện Tiền thân (Jātaka) số 522 về Lomahamsa đã khắc họa rõ điều ấy;

Xem nghĩa trang là giường, lấy xương (người) làm gối. Những đứa trẻ của những người chăn gia súc tụ tập quanh ta và trêu chọc ta bằng nhiều cách khác nhau.

[80] Pavana được giải thích là sườn núi hoặc rừng cây

Tâm Xả Ba La Mật

315. Khi Ngài giữ tâm quân bình không dao động trong khi lũ trẻ trong làng cố gắng khiến Ngài đau khổ hoặc hạnh phúc bằng những hành động như nhổ nước bọt vào Ngài hoặc dâng Ngài những vòng hoa và nước hoa thì Tâm Xả Ba La Mật của Ngài trở thành Tâm Xả Ba La Mật bậc thượng. Đây chỉ là phần tóm tắt của câu chuyện. Người đọc nên tham khảo thêm Hạnh Tạng (Cariyāpitaka) để có cái nhìn chi tiết và thấu đáo hơn. Sau khi hoàn thành các Pháp độ Ba La Mật trong kiếp Ngài là vị thiên tử Vessantara, người ta nói rằng;

Ngay cả Trái đất vô tri này dù không biết đau đớn hay vui sướng, đã rung chuyển bảy lần vì năng lực bố thí của ta.

Vì vậy, sau khi huân tập những đại thiện nghiệp đã làm địa cầu chấn động, vị ấy mạng chung và tái sinh ở cõi trời Đâu Suất (Tusita). Theo cách này, câu chuyện bắt đầu từ sự kiện dưới chân Đức Phật Nhiên Đăng (Dīpaṅkara) cho đến khi Ngài đản sinh ở Cung trời Đâu Suất (Tusita) nên được hiểu là thuộc Kỷ nguyên Xa xôi.

KỶ NGUYÊN TRUNG ĐẠI (Avidūre Nidāna)

Ba lần chấn động

316. Lúc Bồ Tát ở Cung Trời Đâu Suất (Tusita), đã râm rang một lời tuyên bố chấn động về Đức Phật. Trên thế gian có ba lời tuyên bố gây huyên náo, đó là tuyên bố về đại kiếp, tuyên bố về một vị Phật và tuyên bố về một vị Vua Chuyển Luân Vương. Ở đây, có một hạng chư Thiên được gọi là Lokabyūha thuộc cõi trời Dục Giới biết được rằng sau một trăm ngàn năm nữa, ở cõi nhân loại sẽ xuất hiện một bình minh mới trong đại kiếp này. Con người sẽ trong hình dạng mái tóc xõa và rối bù, khuôn mặt buồn bã, lấy tay lau nước mắt, mặc quần áo màu đỏ và đại diện cho một diện mạo thế giới cực kỳ mất trật tự. Họ tuyên bố: "Này các bạn, một trăm ngàn năm nữa kể từ thời điểm này, bình minh của một đại kiếp mới sẽ xuất hiện. Thế giới này sẽ diệt vong. Ngay cả đại dương cũng sẽ trở nên khô cạn. Trái Đất vĩ đại này và ngọn núi Sumeru hùng vĩ kia sẽ bị thiêu rụi và lụi tàn. Thế giới sẽ dần băng hoại cho đến tận cõi Phạm Thiên (Brahmā). Này các bạn, hãy phát triển tình yêu thương, tâm bi mẫn, sự cảm thông và tâm quân bình. Các bạn, hãy kính trọng cha mẹ và kính trọng những người lớn tuổi trong gia đình." Đây được gọi là lời tuyên bố chấn động của đại kiếp Trái Đất.

317. Chư thiên hộ giới đã biết rằng một vị Phật, một Đấng Giác Ngộ sẽ xuất hiện trên thế giới trong một ngàn năm nữa đã đi loan báo: "Này các bạn, một ngàn năm nữa trên thế gian sẽ xuất hiện một vị Phật." Đây gọi là lời tuyên bố chấn động về một vị Phật. Bản thân chư Thiên biết rằng một trăm năm nữa sẽ xuất hiện một vị Vua Chuyển Luân Vương liền đi loan báo rằng: "Này các bạn, một trăm năm nữa một vị Vua Chuyển Luân Vương sẽ xuất hiện trên thế gian". Đây được gọi là lời tuyên bố chấn động về một vị Vua Chuyển Luân Vương. (Ba lời tuyên bố náo động này thật vĩ đại.)

Lời thỉnh mời của chư Thiên

318. Chư thiên của tất cả mười ngàn thế giới đã được nghe ba lời tuyên bố chấn động ấy nhưng trong ba lời tuyên bố này, lời tuyên bố náo động về Đức Phật đã khiến chư Thiên tập hợp tất cả lại với nhau, xác định chúng sinh nào sẽ trở thành Phật và đi đến cầu xin Ngài (thực hiện lời tuyên bố). Họ làm như vậy sau khi chứng kiến những dấu hiệu đầu tiên xuất hiện. Vào dịp này, tất cả họ cùng với Tứ Đại Thiên Vương, cùng với các Thiên Chủ của các cõi trời Dạ Ma (Suyāma), Đâu Suất (Santusita), Tha Hóa Tự Tại (Paranimmita) và Ma Vương Vasavatti cùng các vị Đại Phạm Thiên của

mỗi hệ vũ trụ, họ đã tập hợp lại trong một thế giới và đi đến chỗ Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất (Tusita) và thỉnh cầu rằng: "Thưa Ngài, khi ngài viên mãn Mười Pháp độ Ba La Mật, Ngài làm như vậy không phải vì mục đích trở thành Thiên Chủ Đế Thích (Sakka) hay Ma Vương (Māra), một vị Phạm Thiên (Brahma) hay một vị Vua Chuyển Luân Vương, mà Ngài đã huân tập viên mãn chúng với ước nguyện chứng đắc Nhất Thiết Trí để cứu giúp chúng sinh. Thưa Ngài, giờ đây, thời khắc cho Quả vị Phật đã đến. Thưa Ngài, bây giờ là lúc Ngài trở thành Phật."

Cân Nhắc Năm Điều Trọng Đại

319. Sau đó, trước khi đưa ra lời tuyên bố đảm bảo nào với chư Thiên, chư Phạm Thiên, Đức Bồ Tát đã cân nhắc năm điều trọng đại bao gồm: thời gian, quốc độ, dòng tộc, người mẹ và tuổi thọ của người mẹ. Trong năm điều này, đầu tiên Ngài xem xét về thời gian liệu đã chín muồi hay chưa. Ở phương diện này, nếu tuổi thọ trung bình của nhân loại vượt quá một trăm ngàn năm thì không phải lúc. Vì sao vậy? Bởi vì vào lúc đó, khi tuổi thọ quá dài, chúng sinh sẽ không lưu tâm đến sự sinh, hoại, và chết. Bên cạnh đó, Giáo Pháp của chư Phật không bao giờ thiếu ba đặc tính là vô thường, khổ và vô ngã (*anicca, dukkha,* và *anatta*). Khi thuyết giảng về tính vô thường, bệnh tật và vô ngã cho chúng sinh, họ sẽ không nghĩ rằng điều đó đáng để nghe và tin theo mà lại đặt câu hỏi: "Họ nói điều gì vậy?" Kết quả là họ sẽ không hiểu được. Trong trường hợp thiếu vắng sự nhận thức, chúng sinh sẽ không thể nào giác ngộ Giáo Pháp cao thượng thời kỳ đó. Vì vậy, đây không phải là thời gian chính xác. Khi tuổi thọ trung bình của nhân loại ít hơn một trăm năm thì cũng không phải lúc, tại sao vậy? Bởi vì vào lúc đó, chúng sinh có quá nhiều phiền não và nếu có nghe Giáo Pháp thì cũng sẽ không đem lại tác dụng hay lợi ích gì đối với họ khi phiền não triền miên đã chế ngự họ, mà giống như một đường kẻ bằng que trên mặt nước[81], nó sẽ sớm biến mất. Vì vậy, đây cũng không phải là lúc thích hợp. Nhưng khi tuổi thọ trung bình của nhân loại ít hơn một trăm ngàn năm và hơn một trăm năm thì đó là thời điểm thích hợp. Lúc bấy giờ, tuổi thọ là một trăm năm, do đó Bậc Đạo Sĩ thấy rằng đã đến lúc để giáng sinh (trên Trái Đất).

(II) Quốc độ

320. Tiếp theo, khi xem xét quốc độ, Ngài nhìn vào bốn lục địa với nhiều hòn đảo xung quanh và thấy rằng chư Phật không sinh ra ở ba Đại Châu kia (Bắc Cưu Lưu Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Đông Thắng Thân Châu) mà chỉ sinh ra ở Châu Diêm

[81] Rāji, một dòng hay một bản thô.

Phù Đề hoặc Nam Thiệm Bộ Châu (Jambudīpa); do đó Ngài đã nhìn thấy Đại Châu mà mình sẽ sinh ra.

321. Lại xem xét trong khu vực, Ngài nghĩ: "Châu Nam Thiệm (Jambudīpa) quả thật rộng lớn, rộng đến mười ngàn do tuần. Chư Phật sinh ra ở quốc độ nào?" và Ngài đã nhìn thấy Trung Thổ. Trong Luật Tạng có mô tả vùng Trung Thổ[82] với những thông tin sau: "Phía đông là thị trấn Kajañgala, xa hơn nữa là Mahāsāla, sau đó ở vùng phụ cận là các quận biên giới; ở giữa khu vực Đông Nam là sông Salalavatī, bên kia sông là các quận biên giới kéo dài đến tận Trung Thổ; về phía Nam là thị trấn Setakannika, xa hơn nữa là các quận biên giới mà Trung Thổ trải dài tới; về phía Tây là ngôi làng Bà La Môn Thūna, xa hơn nữa là các quận biên giới mà Trung Thổ trải dài đến." Chiều dài ba trăm do tuần, chiều rộng hai trăm năm mươi do tuần và chu vi là chín trăm do tuần. Chính trong vùng này, chư Phật Toàn Giác và chư Phật Độc giác, chư vị Chí Thượng Thinh Văn, chư vị Đại Thinh Văn, tám mươi Đại đệ tử, các vị Chuyển Luân Vương, giai cấp Sát Đế Lỵ (khattiya) và giai cấp Bà La Môn đầy quyền lực khác đã được sinh ra. Và Ngài đi đến quyết định, "Thành phố Kapilavatthu nằm ở đây, và ta nên sinh ra ở đó."

(III) Dòng tộc

322. Tiếp theo, Ngài suy xét đến gia đình: "Chư Phật không sinh ra trong một gia đình giai cấp Vệ Xá (Vessa) hay Thủ Đà La (Sudda), mà sinh ra trong gia đình thuộc một trong hai giai cấp là Sát Đế Lỵ (Khattiya) hoặc Bà La Môn (Brāhmana) vốn được người đời xem là giai cấp ưu việt vào thời đó. Vào lúc này, giai cấp Sát Đế Lỵ (Khattiva) được coi trọng hơn, Ta sẽ được sinh ra trong một gia đình Sát Đế Lỵ (Khattiva), vua Suddhodhana sẽ là cha của ta"; và Ngài đã thấy trước gia đình của mình.

(IV) Người Mẹ

323. Tiếp theo, Ngài cân nhắc đến người mẹ như sau: "Thân mẫu của Đức Phật không phóng đãng cũng không nghiện rượu, bà đã viên mãn các pháp Ba La Mật trong một trăm ngàn đại kiếp và việc thọ trì năm giới của bà không hề bị gián đoạn từ khi sinh ra. Hoàng hậu Mahāmāyā là một người như vậy, bà ấy sẽ là mẹ của Ta."

(V) Tuổi thọ của Người Mẹ

Xem xét thêm về việc người mẹ sẽ sống bao lâu, Ngài thấy rằng bà còn sống mười tháng bảy ngày nữa.

[82] Vin I 197

Quan niệm về Bậc Đại Nhân

324. Sau khi cân nhắc năm điều trọng đại, Ngài tôn vinh chư Thiên bằng cách bảo đảm với họ rằng: "Này chư vị, đã đến lúc ta trở thành Phật" và yêu cầu họ rời đi; Ngài bước vào Vườn Hoan Hỷ (Nandana) ở Thành phố Tusita cùng với chư Thiên của cõi trời Đâu Suất (Tusita). Ở mỗi cõi trời đều có một khu vườn tên là Nandana và ở đó chư Thiên đi nhắc nhở cho nhau về những cơ hội mà một người đã có trong quá khứ để làm điều thiện và lặp đi lặp lại rằng: "chết ở đây, bạn sẽ tái sinh ở cảnh giới tốt hơn." Vì vậy, Ngài cũng được bao quanh bởi chư Thiên và họ nhắc nhở Ngài về những phước thiện mà Ngài đã vun bồi; Khi Ngài đi đến (khu vườn) đó, Ngài mạng chung và giáng sinh trong bào thai của hoàng hậu Mahāmāyā.

Giấc mộng của Hoàng hậu Mayā

325. Đây là câu chuyện kể lại đầy đủ từ đầu đến cuối: Vào thời bấy giờ, người ta kể rằng, lễ hội thiên văn của āsālhi được tổ chức tại kinh thành Kapilavatthu. Người dân vui vẻ tham gia lễ hội. Hoàng hậu Mahāmāyā đã tham gia từ ngày thứ bảy trước ngày trăng tròn trong các lễ hội không liên quan đến rượu mạnh, bà vui tươi với vô số vòng hoa và nước hoa; bà dậy sớm vào buổi sáng ngày thứ bảy và tắm mình trong nước thơm, thực hiện đại thí với giá trị bốn trăm ngàn đồng tiền vàng và dùng những món ăn thượng hạng, trang điểm với tất cả những gì xa hoa nhất; bước vào phòng ngủ được trang trí lộng lẫy với tâm trí vững vàng, bà phát nguyện thọ Bát quan trai giới (uposatha). Khi ngủ thiếp đi trên chiếc trường kỷ hoàng gia, bà đã mơ thấy giấc mộng sau đây:

326. Bà cảm thấy như thể Tứ Đại Thiện Vương nhấc chiếc giường có bà đang nằm trên đó và đưa bà đến Hy Mã Lạp Sơn và đặt dưới một cây Sāla hùng vĩ cao bảy do tuần mọc trên một cao nguyên thạch tím đỏ rộng sáu mươi do tuần, rồi họ đứng một bên. Sau đó, chánh cung của chư vị xuất hiện, đưa hoàng hậu đến hồ Anotatta tắm để tẩy sạch những vết nhơ của loài người và mặc cho bà những bộ y phục của Thiên giới, xức những loại nước hoa thiên lên bà và trang điểm cho bà bằng những đóa hoa thiên. Cách đó không xa có một ngọn núi bạc và trong ngọn núi ấy có một buồng thất bằng vàng. Trong đó, họ chuẩn bị một chiếc trường kỷ cõi trời quay đầu về hướng Đông và đặt hoàng hậu nằm trên đó. Khi ấy, Bồ Tát, trong hình dạng một con voi trắng hùng dũng trên ngọn núi vàng lân cận từ từ bước xuống và đặt chân lên ngọn núi bạc; con voi đến từ hướng Bắc, mang theo một bông sen trắng quấn ở vòi có ánh sáng của một sợi dây chuyền bạc, và cất lên tiếng hí. Sau đó, bước vào buồng thất bằng

vàng, con voi đi vòng quanh giường của người mẹ một cách đầy cung kính ba lần và thể nhập vào bên trong bụng mẹ qua một lỗ ở phía bên hông phải. Ngài đã được thụ thai dưới chòm sao Asālha.

Các thầy xem tướng

327. Ngày hôm sau, hoàng hậu thức dậy và thuật lại giấc mơ cho nhà vua. Nhà vua triệu tập sáu mươi bốn vị Bà La Môn lỗi lạc và chuẩn bị chỗ ngồi quý giá cho họ trên sàn nhà đã chuẩn bị sẵn sàng cho buổi lễ, được bôi đầy phân vàng[83] và rải đầy laja và các vật dụng khác;[84] sau khi những vị Bà La Môn đã ổn định chỗ ngồi, đức vua cúng dường họ những chiếc bát bằng vàng và bạc, đậy bởi những chiếc khay bằng vàng và bạc, bên trong là cơm sữa thơm ngon được chế biến với bơ, mật ong và đường mía.

Nhà vua làm vui lòng tất cả họ với những món quà khác như vải thô và gia súc có màu hung. Sau đó đức vua thuật lại giấc mộng của hoàng hậu với những vị Bà La Môn, những người mà mọi mong muốn đều được toại nguyện như mơ, và hỏi họ tất cả những điều đó có nghĩa là gì. Các vị Bà La Môn đã đáp lại rằng: "Tâu Đại Vương, xin đừng lo lắng, một bào thai đã hình thành trong bụng hoàng hậu; hài nhi đó là một bé nam chứ không phải bé gái; một vị hoàng tử sẽ được sinh ra. Nếu vị ấy sống tại gia thì sẽ trở thành một vị Vua Chuyển Luân Vương, nhưng nếu vị ấy xuất gia sống đời phạm hạnh thì vị ấy sẽ trở thành một vị Phật, người sẽ che chở cho thế gian này."

Ba Mươi Hai Điềm Báo

328. Khoảnh khắc Đức Bồ Tát thụ thai trong bụng mẹ, toàn bộ mười ngàn thế giới rung lắc, vang động và rung chuyển dữ dội cùng một lúc. Ba mươi hai điềm báo tự hiện ra. Một ánh hào quang không giới hạn lan tỏa khắp mười ngàn thế giới. Người mù không còn mù nữa như để chứng kiến điều kỳ diệu này. Người điếc không còn điếc nữa. Người câm không còn câm nữa. Người gù đứng thẳng lưng. Những người tàn tật đã có thể đi lại trên đôi chân của mình. Những sinh vật bị giam cầm đã được giải thoát khỏi ngục tù và gông cùm. Lửa trong tất cả địa ngục bị dập tắt. Nạn đói khát của chúng sinh ngạ quỷ được vơi dịu đi. Nỗi sợ hãi giữa những con thú tan biến. Dịch bệnh giữa các loài vật lắng êm. Tất cả chúng sinh đều trở nên dễ mến. Ngựa hí nhẹ nhàng và voi cũng vậy. Tất cả nhạc cụ tự phát ra tiếng nhạc. Vòng tay và đồ trang sức

[83] Đọc harit upalittāya trog SHB.

[84] Hạt ngũ cốc, hay trong cụm từ, lajāpacamāni pupphani, "hoa với lajā là vật phẩm thứ năm". Hoa Dalbergia được đưa ra trong PED là không thể. Ngũ vật (bột gạo, mù tạt trắng, nụ hoa lài, cỏ kế và ngũ cốc) được tung rải như một tín hiệu chào đón.

của con người vang lên ngay cả khi chúng không va vào nhau. Tất cả các phương hướng đều trở nên yên tĩnh. Một làn gió mát và nhẹ nhàng thổi qua làm mọi người sảng khoái. Mưa rơi trái mùa. Nước phun ra từ lòng đất và chảy ra xung quanh. Bầu trời, chim ngừng bay. Sông ngừng chảy. Nước đại dương trở nên ngọt ngào. Khắp nơi đều có năm loại hoa sen bao phủ. Mọi loài hoa trên cạn và dưới nước đều khoe sắc; mọi loài hoa thân (dây) leo đều nở rộ. Trên mỗi cuống hoa sen mọc thành chùm bảy bông nối tiếp nhau xuyên qua những phiến đá trên vùng đất khô cằn. Hoa sen xuất hiện lơ lửng trên bầu trời. Những cơn mưa hoa trút xuống ở mọi phương. Thiên nhạc vang dội khắp trời. Toàn bộ mười ngàn thế giới như đội một khối vòng hoa, được quạt mạnh bằng đuôi con bò yak, được thấm đẫm hương hoa lẫn trầm hương và đạt đến sự huy hoàng tối thượng giống như một quả cầu hoa quay tròn rồi thả ra, hoặc giống như một vòng hoa được kết chặt vào nhau, hoặc giống như một bàn thờ hoa được trang trí đẹp mắt.

Thân mẫu của Bồ Tát

329. Khi Bồ Tát giáng sinh như vậy, Tứ Đại Thiên Vương đã cầm kiếm trong tay đứng canh giữ Bồ Tát và mẹ của Ngài từ lúc thụ thai để ngăn chặn mọi nguy hiểm. Mẹ Bồ Tát không có tư tưởng dâm dục đối với nam giới nào khởi lên trong tâm và bà đã trải qua thời gian vô cùng thoải mái và dễ chịu. Bà hạnh phúc và không gặp khó khăn về thể chất; và Bồ Tát nằm trong bụng mẹ hiện ra rõ ràng như một sợi chỉ màu vàng xuyên qua một viên pha lê trong suốt. Tử cung mà Bồ Tát nằm giống như một hương phòng đựng xá lợi của một ngôi đền và không có chúng sinh nào khác có thể nằm trong đó hoặc chiếm giữ nó. Sau khi sinh Bồ Tát được bảy ngày, mẹ của Ngài qua đời và được tái sinh ở cung trời Đâu Suất (Tusita). Không giống như những người phụ nữ khác sinh con trước hoặc sau khi tròn mười tháng, có người sinh con trong tư thế ngồi, có người sinh con trong tư thế nằm nhưng mẹ của Bồ Tát mang thai trong mười tháng tròn và sinh ra Ngài trong tư thế đứng. Đây là quy tắc chung với mẹ của Bồ Tát.

Hành trình đến Devadaha của Hoàng Hậu và Nhánh cây Sāla

330. Hoàng hậu Mahāmāyā đã mang thai bào Bồ Tát trong suốt mười tháng như dầu trong bình; lúc cuối thai kỳ, bà đã thông báo với đức vua Suddhodana rằng bà muốn về thăm quê hương của cha mẹ mình: “Thưa bệ hạ, thần thiếp muốn về Devadaha, thành phố trị vì của gia đình thiếp.” Đức vua đồng ý và nói: “Rất tốt, phu nhân” và cho san bằng phẳng con đường từ kinh thành Kapilavatthu đến thành phố

Devadaha, đồng thời trang trí dọc con đường với nhiều cây chuối, nhiều chum đựng đầy nước, biểu ngữ, cờ phướn và những thứ tương tự. Đức vua đặt hoàng hậu ngồi trong một chiếc kiệu vàng và giao cho một ngàn sĩ quan có nhiệm vụ khiêng nó, vua tiễn hoàng hậu cùng một đoàn tùy tùng đông đảo.

331. Giữa hai thị trấn có một khu rừng cây Sāla, được gọi là Vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbinī) thuộc về người dân của cả hai thị trấn. Lúc bấy giờ, tất cả cây cối đều là một khối hoa nở rộ từ gốc đến ngọn. Giữa những cành cây và giữa những bông hoa, từng đàn ong năm loại và những đàn chim nhiều loài bay lượn líu lo với những âm điệu ngọt ngào. Toàn bộ khu rừng Lumbinī giống như khu rừng Citralatā hay giống như phòng yến tiệc được bài trí đẹp đẽ của một bậc minh quân. Hoàng hậu nhìn thấy điều này cảm thấy muốn thư giãn trong khu rừng Sāla. Các sĩ quan khiêng hoàng hậu vào khu vườn này.

332. Sau khi đi đến gốc cây Sāla thiêng liêng, bà muốn nắm lấy một nhành cây. Nhánh cây cong thấp xuống như đầu một cây gậy dày dặn và lọt vào tầm tay của hoàng hậu. Bà đưa tay ra và nắm lấy nó. Ngay lúc đó, cơn đau chuyển dạ ập đến. Sau đó, mọi người kéo một bức màn tối quanh bà và rút lui. Khi đứng bám vào cành cây Sāla, hoàng hậu đã hạ sinh ra hoàng tử.

Tứ Đại Phạm Thiên

333. Gần như ngay lập tức, bốn vị Đại Phạm Thiên với tâm thanh tịnh đến gần và đỡ lấy Bồ Tát trong tấm lưới vàng và đặt hài nhi trước mặt người mẹ, họ nói: “Xin chúc mừng hoàng hậu! Đây là một đứa con trai tuyệt vời.”

334. Không giống như những chúng sinh khác bị vấy bẩn bởi những thứ bất tịnh ghê tởm khi ra khỏi bụng mẹ, Bồ Tát rời khỏi bụng mẹ giống như một nhà thuyết giáo bước xuống từ bục giảng hay một người đàn ông bước xuống từ cầu thang, duỗi thẳng tay và chân, trong tư thế đứng thẳng, không bị vấy bẩn bởi bất kỳ sự ô uế nào phát sinh từ trong bụng mẹ, tinh khiết, thanh tịnh và tỏa sáng như một viên ngọc quý được đặt trên một tấm vải lụa.

335. Mặc dù như vậy, hai dòng nước từ trên trời chảy xuống để tôn vinh Bồ Tát và mẹ của Ngài và để làm dịu cơn nóng trong cơ thể họ. Sau đó, từ bàn tay của các vị Đại Phạm thiên vẫn ở đó đã đón nhận Bồ Tát trong một tấm lưới vàng, Tứ Đại Thiên Vương đã đón nhận Ngài trên một tấm vải bằng da linh dương [được khâu lại với

nhau], mềm mại khi chạm vào và được xem là phù hợp cho các dịp nghi lễ, sau đó thì loài người mới đón nhận Ngài trong một đệm vải mềm.

Bảy bước đi

336. Ra khỏi tay họ, Đức Bồ Tát đứng trên mặt đất và nhìn về phương Đông. Nhiều ngàn thế giới như trở thành cái sân đối với Ngài. Chư thiên và loài người ở đó cung kính Ngài với hương thơm và vòng hoa và thưa: "Hỡi Bậc Đại Sĩ, ở đây không có ai sánh bằng Ngài, nói gì là ưu việt hơn Ngài ạ?" Theo cách này, Ngài quan sát mười phương bao gồm bốn hướng chính, bốn hướng phụ, hướng trên, hướng dưới và không thấy ai sánh ngang với mình, Ngài bước bảy bước và nói: "Đây là hướng Bắc," trong khi Đại Phạm Thiên cầm chiếc lọng màu trắng phía trên Ngài, Thiên chủ cõi trời Dạ Ma (Suyāma) cầm cái đuôi bò yak, những chư thiên khác theo sau mang những huy hiệu hoàng gia trong tay. Sau đó, ở bước thứ bảy, Ngài dừng lại và cất lên tiếng gầm của sư tử, thốt lên lời tuyên bố chiến thắng, bắt đầu bằng câu: "Ta là người đứng đầu thế giới".

Mahosadha

337. Có ba kiếp ngay sau khi Đức Bồ Tát rời khỏi bụng mẹ đã cất lên lời tuyên bố: khi sinh ra là Mahosadha, là Vessantara và trong lần sinh này. Kiếp Ngài sinh ra là Mahosadha, khi Ngài rời khỏi bụng mẹ, Vua trời Đế Thích Sakka đến và đặt vào tay Ngài một mẩu lõi gỗ đàn hương rồi ra đi. Ngài cầm nó trong tay và bước ra. Rồi mẹ Ngài hỏi: "Con đến mang theo gì vậy, con yêu?" "Thưa mẹ, thuốc ạ!"

Vì sự thật Ngài đến thế giới mang theo một loại thuốc nên Ngài được đặt tên là Osadha-dāraka (Đứa trẻ thuốc).

Người ta lấy thuốc đó rồi đặt nó trong một cái bình bằng đất nung. Chỉ riêng loại thuốc đó thôi đã được dùng để loại bỏ bệnh tật cho tất cả người mù, người điếc và những người khác đến đó. Vì danh tiếng đồn xa: "Thuốc này tuyệt vời, thuốc này tuyệt vời" nên Ngài có tên là Mahosadha.

338. Mặt khác, kiếp sinh ra là Vessantara, khi rời khỏi tử cung của mẹ, Ngài đã nói: "Mẹ ơi, có gì trong nhà không? Con muốn cho đi làm từ thiện." Sau đó, mẹ ngài nắm lấy tay Ngài và đặt vào đó một chiếc ví chứa một nghìn đồng tiền vàng và nói: "Con được sinh ra trong một gia đình giàu có, con yêu." Và trong lần đản sinh này, Ngài đã cất lên tiếng gầm của con sư tử. Bồ Tát đã nói lời tuyên bố của mình trong ba lần sinh khi rời khỏi bụng mẹ như vậy.

Bảy sự đồng sinh

339. Có ba mươi hai sự kiện xuất hiện vào lúc Ngài đản sinh cũng như vào lúc Ngài giáng sinh. Vào lúc Bồ Tát của chúng ta đản sinh ở vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbinī) thì có bảy sự đồng sinh khác cũng ra đời, đó là: hoàng hậu - mẹ của Rāhula, Channa, Kāludāyī, voi chúa, con ngựa hoàng gia Kanthaka, cây bồ đề vĩ đại, và bốn bình đựng châu báu. Trong số bốn bình, một bình có kích thước bằng gāvuta[85], một bình bằng nửa do tuần, một bình bằng ba gāvuta và bình kia bằng một do tuần. Bảy điều này được gọi là bảy sự đồng sinh (Sahajāta - xuất hiện cùng lúc). Cư dân của cả hai thành phố đến Kapilavatthu để theo hộ tống Bồ Tát.

Ẩn sĩ Kāḷadevala

340. Vào chính ngày hôm đó, chư Thiên ở cõi trời Đạo Lợi (Tāvatimsa) vui mừng và hân hoan vì đức vua vĩ đại Suddhodana trị vì kinh thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu) chào đón một người con trai ra đời và rằng vị ấy sẽ trở thành một vị Phật ngồi dưới gốc Bồ Đề, họ vui mừng đến nỗi vẫy những tràng hoa trên đầu. Lúc bấy giờ vị ẩn sĩ tên là Kāladevala thường lui tới cung điện của vua Suddhodana và là người đã chứng đắc tới tầng thiền thứ tám (Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ) đến cõi trời Đạo Lợi (Tāvatimsa) để nghỉ trưa sau bữa ăn. Lúc đang ngồi nghỉ ở đó, vị ấy nhìn thấy chư Thiên đó và hỏi họ: "Điều gì khiến các vị ăn mừng trong niềm hoan hỷ và vui mừng tột độ đến vậy? Hãy nói cho tôi biết lý do của nó nữa." Chư thiên đã trả lời: "Thưa ngài, vua Suddhodana đã sinh ra một hoàng nam; ngồi dưới gốc cây bồ đề, vị ấy sẽ trở thành một vị Phật và chuyển vận bánh xe Pháp. Lý do tại sao chúng tôi vui mừng là vì chúng tôi sẽ có cơ hội nhìn thấy sự huy hoàng vô biên của một Bậc Pháp Vương và nghe Giáo Pháp từ Ngài."

Vua cha đảnh lễ Bồ Tát

341. Vị Đạo sĩ nghe tin lập tức từ thiên giới hạ phàm, đi vào cung điện của đức vua, ngồi xuống chỗ ngồi cao quý đã được chuẩn bị sẵn rồi hỏi rằng: "Tâu Đại vương, bần đạo nghe nói Thái tử của Đại vương đã sinh ra đời, bần đạo xin được chiêm ngưỡng Thái tử". Đức vua truyền lệnh thay trang phục cho Thái tử, rồi đưa Thái tử ra đảnh lễ vị Đạo sĩ. Lúc này đôi chân của Đức Bồ Tát quay lại đặt ngay lên đầu của vị Đạo sĩ. Vì trong kiếp tái sinh cuối cùng này, không có ai xứng đáng để Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đảnh lễ. Nếu đầu Đức Bồ Tát đặt dưới chân của vị Đạo sĩ còn đầy

---

[85] Quãng đường mà một cỗ xe bò có thể đi được trước khi các con vật mệt mỏi. Bốn gãvutas = 1 do tuần.

phiền não kia, thì đầu của người này sẽ bị bể làm bảy mảnh. Vị Đạo sĩ nhận ra rằng mình không nên tự hủy hoại bản thân nên đứng dậy cung kính chắp tay đảnh lễ Đức Bồ Tát. Đức vua nhìn thấy oai lực phi thường của con mình, cũng cung kính đảnh lễ Thái tử.

342. Vị Đạo sĩ có năng lực thấy rõ, biết rõ những sự kiện xảy ra trong tám mươi đại kiếp, bốn mươi đại kiếp trong quá khứ và bốn mươi đại kiếp thời vị lai. Bằng cách ngắm nhìn những hảo tướng của Đức Bồ Tát, vị Đạo sĩ phân tích, suy xét xem liệu Thái tử có trở thành Phật hay không. Vị Đạo sĩ mỉm cười với đại thiện tâm hoan hỷ, không còn hoài nghi gì nữa, Thái tử chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác trong tương lai. Sau đó Đạo sĩ xem xét mình có cơ hội gặp Đức Bồ Tát khi Ngài trở thành Đức Phật Toàn Giác hay không và ông biết rằng mình không có cơ hội đó. Ông sẽ chết trước khi Đức Bồ Tát chứng đắc Phật Quả và sẽ tái sanh vào cõi Vô Sắc Giới, không có sắc uẩn (thân) nên không thể nghe Chánh Pháp, ông không thể chứng đắc tầng Thánh nào cho dù hàng trăm hay hàng ngàn Đức Phật xuất hiện trên thế gian đi chăng nữa. Biết rõ những mất mát to lớn của mình, vị Đạo sĩ đã đau lòng, bật khóc.

343. Đức vua trông thấy bèn hỏi rằng: “Đạo sư của chúng ta khi thì mỉm cười, khi thì cảm động khóc. Điều đó có ý nghĩa gì thưa Đạo sĩ? Có điều gì không may xảy ra với Thái tử hay chăng?”

“Chắc chắn không có điều gì không may xảy đến với Thái tử; Thái tử chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác.”

“Vậy tại sao ngài lại khóc?”

Vị Đạo sĩ thưa: “Tâu Đại vương, bần đạo không có duyên lành gặp lại Thái tử khi Ngài trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Đó là mất mát rất lớn của bần đạo. Bần đạo cảm thấy tủi phận nên đã bật khóc.

Đứa trẻ Nālaka

344. Sau đó, vị Đạo sĩ dùng trí tuệ quán sát họ hàng của mình xem ai có cơ hội được gặp Thái tử khi Ngài trở thành Đức Phật Toàn Giác hay không và vị ấy thấy rõ người cháu trai của mình, lúc bấy giờ là một đứa trẻ tên là Nālaka có duyên lành đó. Vị Đạo sĩ đến nhà cô em gái của mình và hỏi; “Đứa con trai Nālaka của em đâu?”

“Nó ở trong nhà, thưa anh.”

“Hãy gọi nó ra đây.”

Vị Đạo sĩ nói với đứa cháu trai khi cậu bé đi tới gần: “Con trai thân mến, có một vị Thái tử đã sinh ra trong cung điện của Đức vua Suddhodana; đó là một vị Phật tương lai.[86] Thái tử sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác sau ba mươi lăm năm nữa. Con sẽ có cơ hội gặp Ngài. Hãy từ bỏ cuộc sống gia đình ngay hôm nay.”

345. Đứa trẻ vốn sinh ra trong một gia đình giàu có sở hữu tám mươi bảy triệu (đồng tiền vàng), nghĩ rằng người chú sẽ không hối thúc nó mà không có lý do, nên đã nhờ mua ngay bộ y vàng và một chiếc bát bằng đất nung từ chợ; cạo bỏ râu tóc, đắp y vàng và nói rằng: “Việc xuất gia của ta có mục đích là gặp Ngài, Bậc Cao Thượng nhất trên thế gian này;” và chắp tay hướng về phương Bồ Tát, cung kính đảnh lễ Ngài; rồi đặt bát của mình vào một cái túi và đeo trên vai, đi vào dãy Hy Mã Lạp Sơn và hoàn thành các phận sự của một vị tu sĩ.

346. Sau khi Bồ Tát chứng đắc Phật quả Chánh Đẳng Chánh Giác, người cháu trai này đã tới đảnh lễ Thế Tôn và thỉnh cầu Ngài giảng Kinh Nālaka[87]; sau đó quay lại Hy Mã Lạp Sơn tiếp tục thực hành để chứng đắc Đạo Quả A La Hán. Sau khi đạt được sở nguyện, bảy tháng sau vị ấy viên tịch vô dư y Niết Bàn cạnh một ngọn núi vàng, thoát khỏi mọi sự ràng buộc trong vòng tử sinh.

Kiến giải về những hảo tướng

347. Khi được năm ngày tuổi, hoàng cung tiến hành nghi lễ đặt tên cho Bồ Tát; cung điện được trang hoàng với bốn loại nước hoa[88] và xen lẫn năm loại hoa trong đó lāja là loại thứ năm[89]; và chuẩn bị sẵn bữa cơm đặc biệt, mời một trăm lẻ tám vị Bà La Môn thông suốt ba bộ kinh Vệ Đà, thỉnh mời vào cung điện của Đức vua, thiết đãi các vị những món ăn thượng hạng nhất, bày tỏ sự tôn kính với các vị Bà La Môn và yêu cầu các vị xem tướng cho Thái tử, tiên đoán xem Thái tử sẽ trở thành ai trong tương lai. Trong số đó, tám vị Bà La Môn gồm Rãma, Dhaja, Lakkhana, Mantī, Koṅḍañña, Bhoja, Suyāma và Sudatta là tám vị nhiều kiến thức, tinh thông sáu phần của kinh Vệ Đà (Vedañga), rất am tường trong việc xem tướng.

348. Chỉ có tám vị Bà La Môn này tiên tri các tướng tốt của Thái tử. Giấc mơ trong ngày thụ thai của hoàng hậu cũng được các vị ấy giải thích. Bảy trong tám vị Bà

[86] “Một hạt giống Phật”- Đức Bồ Tát
[87] SN 679-723.
[88] Được liệt kê là kāla-agulu (lô hội đen), tagara (nước hoa hải quỳ), haricandana (gỗ đàn hương vàng), và dầu hoặc turukkha (?).
[89] Xem chú thích 4 trên tr. 67 ở trên. Trên thực tế, không có bông hoa nào ở đây ngoài nụ hoa nhài.

La Môn đưa hai ngón tay lên và tiên đoán có hai trường hợp xảy ra: "Người có đầy đủ trọn vẹn những tướng tốt này, nếu sống trong cung điện sẽ trở thành Vua Chuyển Luân Vương; còn nếu từ bỏ cung điện đi xuất gia thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác" và họ ca ngợi sự vinh quang và thịnh vượng của một vị Vua Chuyển Luân Vương.

349. Vị Bà La Môn trẻ nhất trong số đó là Koṇḍañña, sau khi xem xét các tướng tốt của Bồ Tát thì chỉ đưa lên một ngón tay, xác quyết rằng: "Không có lý do gì để Thái Tử bị ràng buộc trong đời sống gia đình, Ngài nhất định sẽ thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, người sẽ vén bức màn vô minh tăm tối của thế gian này". Do những ước nguyện của vị Bà La Môn trẻ này, kiếp này là kiếp cuối cùng của vị ấy, nên dù còn trẻ nhưng lại có trí tuệ hơn hẳn bảy vị còn lại và nhìn rõ chỉ có một con đường duy nhất mà Thái Tử sẽ đi trong tương lai. Vì vậy, vị ấy đưa một ngón tay lên và chắc chắn rằng: "Không có lý do gì để một vị có đầy đủ trọn vẹn những hảo tướng này tiếp tục sống trong gia đình. Không nghi ngờ gì nữa, chắc chắn Thái Tử sẽ trở thành Phật." Sau đó, Thái Tử được đặt tên là "Siddhattha", nghĩa là Bậc đem lại hạnh phúc cho cả thế gian.

Nhóm Năm vị trưởng lão

350. Sau đó, tám vị Bà La Môn thông thái trở về nhà và bảo những người con trai của mình: "Này các con, bây giờ chúng ta đã già. Chúng ta không biết mình còn cơ hội gặp con trai của đức vua anh minh Suddhodana sau khi Ngài trở thành Bậc Giác Ngộ hay không. Khi Thái tử đạt được Giác ngộ, các con hãy xuất gia trong Giáo Pháp của Ngài." Trong tám vị Bà La Môn trí tuệ, bảy vị sống cho đến khi mãn hết tuổi thọ và đi theo nghiệp riêng của mình. Riêng Bà La Môn trẻ tuổi Koṇḍañña vẫn khỏe mạnh. Vị ấy nghe nói rằng Bậc Đạo Sĩ đã trở thành một tu sĩ khổ hạnh, từ bỏ cuộc sống vương giả và thực hiện một sự Xuất Ly Vĩ Đại để tiến đến những năm tháng tự do, giải thoát, và cư ngụ[90] tại rừng Uruvelā, nơi mà Ngài đã xuất gia hợp thời và phát nguyện trong tâm rằng: "Nơi này thật lý tưởng cho những ai chuyên tâm tinh tấn tu tập". Koṇḍañña đến gặp con trai của những vị Bà La Môn trước kia rồi nói: "Này những chàng trai trẻ, ta nghe nói rằng Thái tử Siddhattha đã trở thành một vị tu sĩ. Chắc chắn rằng Ngài sẽ thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Nếu cha các cậu vẫn còn sống, có sức khỏe tốt thì chắc chắn họ cũng sẽ xuất gia sống đời đạo sĩ ngay hôm nay.

[90] Đúng Fsb. P. 56, dòng 24, buddhim đến vuddhim, và dòng 28 upagato đến upagato (thống nhất với Mahāsatte ở dòng 24 trong cấu trúc vị trí tuyệt đối); tiếp tục câu như với SHB.

Nếu các bạn muốn xuất gia thì hãy làm đi. Ta sẽ theo vị Thái tử cao quý và trở thành tu sĩ.” Họ đã không thể đi đến một quyết định thống nhất. Ba trong số họ đã không từ bỏ được cuộc sống thế tục. Bốn người còn lại đồng ý xuất gia thành tu sĩ và bầu Bà La Môn Koṇḍañña làm thủ lĩnh của họ. Năm người họ được biết đến với tên gọi Pañcavaggiya Theras (Nhóm năm vị Trưởng lão).

Bốn điềm tướng

351. Trong lúc đó, Đức vua hỏi rằng: “Con trai ta sẽ trông thấy những gì mà đi xuất gia?”

“Do thấy bốn điềm tướng.”

“Những điềm tướng đó là gì?”

“Một người già, một người bệnh, một người chết và một người tu.”

Đức vua truyền lệnh: “Từ giờ trở đi, đừng để bất kỳ đối tượng nào kể trên lọt vào tầm mắt của Thái Tử. Ta không muốn Thái Tử trở thành Phật. Ta chỉ muốn con trai ta làm Chuyển Luân Thánh Vương trị vì bốn đại châu với hai ngàn hòn đảo bao quanh và thống trị các vùng trời rộng lớn với đoàn tùy tùng đông đảo rộng ba mươi sáu do tuần.” Đức vua ra lệnh lính gác bố trí quanh bốn hướng, mỗi nơi cách nhau một gāvuta, ngăn chặn bốn loại người này lọt vào trong tầm mắt của Thái tử.

Buổi lễ đặt tên tổ chức trong cung điện của Đức vua có sự tham gia của tám chục ngàn hoàng thân và họ đã bàn bạc với nhau: “Dù Thái tử có thành một vị Phật hay một vị Chuyển Luân Vương thì mỗi người trong chúng ta hãy gửi một đứa con trai. Nếu Thái tử thành Phật, vị ấy sẽ xuất gia đứng đầu hội chúng Tỷ kheo gồm những người thuộc dòng dõi Sát Đế Lỵ; nếu Thái tử thành Chuyển Luân Thánh Vương thì đoàn tùy tùng theo sau ngài sẽ toàn là hoàng tử dòng Sát Đế Lỵ”.

Lễ Hạ điền

352. Đức vua đã tuyển chọn nhiều nữ hầu để chăm nom Thái Tử, họ đều là những mỹ nhân đẹp không tỳ vết. Thái tử lớn lên giữa những tiện nghi tuyệt vời với sự chăm sóc của đông đảo tùy tùng. Rồi một ngày, lễ hội Hạ điền hàng năm được diễn ra. Vào ngày hôm đó, toàn bộ kinh đô được trang hoàng đẹp đẽ như cõi trời. Tất cả dân chúng kể cả nô lệ, người hầu tập trung tại cung điện hoàng gia, phục trang đẹp nhất, xức hương thơm và mang tràng hoa. Ở những đám ruộng, nơi tổ chức lễ hạ điền, một ngàn chiếc cày được chuẩn bị sẵn, trong đó tám trăm chiếc cày trừ một chiếc, cùng với con bò, ách và dây cương được trang trí bằng bạc. Riêng chiếc cày của Đức

vua được trang trí bằng vàng đỏ. Sừng bò, dây cương và gậy cũng được trang trí bằng vàng. Nhà vua lên đường với một đoàn tùy tùng đông đảo và đưa Thái Tử đi cùng.

Đức vua đảnh lễ Thái tử lần thứ hai

353. Tại nơi tổ chức lễ Hạ điền có một cây táo hồng cành lá xum xuê, bóng mát dễ chịu, đức vua đặt Thái tử trên chiếc thảm nhung được trải dưới gốc cây, phía trên dựng một chiếc lọng có thêu những ngôi sao vàng và một tấm màn che kín xung quanh. Lính canh được lệnh đứng bên ngoài bảo vệ Thái Tử. Rồi đức vua y phục chỉnh tề cùng với đoàn đại thần đi đến nơi tổ chức lễ Hạ điền. Tại đó, đức vua cầm lấy chiếc cày bằng vàng, bảy trăm chín mươi chín vị đại thần cầm chiếc cày bằng bạc, và những người thợ cày dùng những chiếc cày còn lại. Tất cả mọi người điều khiển chiếc cày của mình và cày theo mọi hướng. Đức vua cày theo hướng từ gần tới xa và ngược lại. Đây là một màn trình diễn trang nghiêm và long trọng.

354. Những người hầu đang ngồi quanh Đức Bồ Tát bước ra khỏi tấm màn với mong muốn được chứng kiến buổi lễ hạ điền do đức vua tổ chức. Thái Tử nhìn quanh không thấy ai, nhanh chóng đứng dậy, ngồi kiết già, bằng việc quan sát hơi thở vào ra, Thái Tử chứng sơ thiền (một trạng thái an định phát sinh từ thiền) và an trú trong trạng thái thiền định ấy. Những người hầu vui chơi và thưởng thức đồ ăn thức uống nên quên mất phận sự của mình. Vào xế trưa, khi bóng của tất cả cây cối đã ngả về một hướng nhưng bóng của cây táo hồng che cho Đức Bồ Tát vẫn tỏa thành một vòng tròn. Những người hầu cuối cùng cũng nhớ ra Thái tử đang bị bỏ lại một mình nên vội vàng trở về và đi vào bên trong. Họ nhìn thấy Đức Bồ Tát ngồi kiết già trên tấm vải nhung rất tôn nghiêm và chứng kiến phép lạ của bóng cây táo hồng nữa nên họ đến gặp Đức vua và tâu rằng: “Tâu bệ hạ, Thái tử đang ngồi thanh tịnh như vậy. Bóng của tất cả các cây khác đã dời đi nhưng bóng của cây táo hồng vẫn trải rộng thành một vòng tròn như để che chở cho Thái tử”. Đức vua vội vàng trở về, thấy phép lạ đó, liền đảnh lễ Thái tử và thốt lên rằng: “Con trai yêu quý, đây là lần thứ hai, ta đảnh lễ con”.

Đức Bồ Tát trổ tài bắn cung

355. Thời gian dần trôi qua, Đức Bồ Tát đến tuổi mười sáu. Đức vua xây dựng cho Bồ Tát ba cung điện thích hợp cho ba mùa: một cung điện có chín tầng, một cung điện có bảy tầng và cung điện còn lại có năm tầng. Đức vua cũng tuyển chọn bốn mươi ngàn vũ nữ hầu hạ Thái Tử. Được bao quanh bởi những vũ nữ trong xiêm y xinh đẹp, Ngài giống như một vị thiên được bao quanh bởi các tiên nữ trên cõi trời, giải trí

bằng âm nhạc với dàn vũ công. Thái tử sống trong ba cung điện thuận theo từng mùa, tận hưởng sự xa hoa tột cùng. Thái phi, mẹ của Rāhula, là chánh hậu của Thái tử.

356. Một ngày nọ, trong khi Thái tử đang tận hưởng sự xa hoa vinh hiển này, thân quyến hoàng gia bàn tán rằng: "Siddhattha chỉ biết vùi đầu tận hưởng trụy lạc những thú vui mà không học bất kỳ môn nghệ thuật nào. Thái tử sẽ làm gì nếu chiến tranh xảy ra?" Đức vua bèn đến gặp Đức Bồ Tát và nói: "Con trai ta, các vương gia đang bàn tán rằng: 'Siddhattha dành thời gian của mình để tận hưởng những thú vui mà không học bất kỳ môn nghệ thuật nào.' Con nghĩ gì về lời buộc tội này?"

"Thưa phụ vương, con có biệt tài bắn cung. Phụ vương hãy cho người đi đánh trống và công bố khắp kinh thành rằng con sẽ biểu diễn thuật bắn cung. Bảy ngày nữa, con sẽ biểu diễn kỹ năng bắn cung với những vương tử, hoàng thân quốc thích của mình." Đức vua đã làm như vậy. Đức Bồ Tát tập hợp những cung thủ có thể bắn trúng mục tiêu trong chớp nhoáng hoặc có thể chẻ đôi sợi lông đuôi ngựa. Và đứng giữa hội chúng, Thái Tử đã biểu diễn biệt tài bắn cung với mười hai cung thuật mà các cung thủ tài năng khác không tài nào làm được. Điều này được nêu trong Câu chuyện Tiền Thân (Jātaka) số 522 về Sarabhañga. Sau đó, những quyến thuộc trong hoàng tộc không còn nghi ngờ gì nữa về khả năng của Ngài.

Bốn điềm báo

357. Rồi một hôm, Đức Bồ Tát muốn du ngoạn vườn thượng uyển nên đã ra lệnh cho người đánh xe đến. Người phu xe đáp lại, "Thưa vâng," và sửa soạn một long xa lộng lẫy, thù thắng với đầy đủ các vật dụng, được kéo bởi bốn con tuấn mã thuộc giống Sindhu, bộ lông thuần khiết như màu cánh hoa súng trắng, rồi thông báo với Đức Bồ Tát xe đã chuẩn bị sẵn sàng. Đức Bồ Tát bước lên cỗ xe lộng lẫy như cung điện của chư Thiên và đi đến vườn thượng uyển. Các vị Thiên bàn bạc với nhau: "Thời điểm Thái tử Siddhattha giác ngộ đang đến gần; chúng ta hãy để Thái tử nhìn thấy các điềm tướng," rồi một vị Thiên biến hóa thành một ông già ốm yếu, tóc bạc, răng rụng, lưng còng đang run rẩy chống gậy bước đi. Chỉ có Đức Bồ Tát và người phu xe mới có thể nhìn thấy hình ảnh do vị Thiên hóa hiện ra.

358. Sau đó, Đức Bồ Tát hỏi người phu xe, như được nêu trong Kinh Đại Bổn (Mahāpadāna)[91] "Này xa phu, ông kia là ai? Tóc của ông không giống tóc của những người khác." Khi nghe câu trả lời của người đánh xe, Thái tử nói: "Than ôi, thật buồn

[91] Mahāpadāna Sutta- Kinh Đại Bổn. Trường Bộ Kinh, số 14.

bã cho kiếp người khi tuổi già xuất hiện!"; với sự động tâm mạnh mẽ, Thái Tử quay về hoàng cung và đi tới cung điện của mình. Đức vua thắc mắc: "Lý do gì khiến con trai ta du ngoạn về sớm như vậy?"

"Thưa bệ hạ, Thái tử đã thấy một ông già."

Đức vua nói: "Các nhà tiên tri đã tuyên bố rằng Thái Tử sẽ từ bỏ thế gian khi nhìn thấy một ông già. Do đó, đừng để hoàng tộc này bị hủy hoại. Hãy nhanh chóng sắp xếp các buổi biểu diễn đàn ca múa nhạc để Thái Tử thưởng thức. Chừng nào còn hưởng ngũ dục, Thái tử sẽ không còn nghĩ đến việc xuất gia." Dứt lời, Đức vua truyền lệnh cho tăng cường lính canh trong cả bốn hướng, cứ nửa do tuần sẽ có quân lính canh giữ.

359. Khi Đức Bồ Tát xuất cung đi tới vườn thượng uyển vào ngày hôm sau, Ngài trông thấy một người bệnh được chư Thiên hóa hiện ra. Ngài cũng hỏi người đánh xe những câu hỏi như lần trước, và sau khi nghe câu trả lời, Ngài bị kích động mạnh mẽ và quay về cung điện của mình. Đức vua cũng hỏi nguyên do vì sao Thái tử về sớm và cuộc đàm luận tương tự đã diễn ra, một lần nữa Đức vua tăng cường lính canh trong toàn bộ khu vực xung quanh kéo dài ba gāvuta.

360. Và sau đó, vào một ngày nọ, khi Đức Bồ Tát xuất cung đi đến vườn thượng uyển, Ngài nhìn thấy một xác chết được chư Thiên hóa hiện ra. Ngài đặt các câu hỏi như hai lần trước và sau khi nghe câu trả lời từ người đánh xe, Ngài bị kích động mạnh mẽ và quay về cung điện của mình. Đức vua gọi người đánh xe tới và hỏi anh ta như trước. Một cuộc đàm luận tương tự diễn ra và Đức vua truyền lệnh tăng cường thêm lính gác khắp nơi, trong một khu vực kéo dài một do tuần.

361. Một lần nữa, vào một ngày nọ, khi Đức Bồ Tát đi tới vườn thượng uyển du ngoạn, Ngài nhìn thấy một vị Tỷ kheo, y phục chỉnh tề và nghiêm trang do chư Thiên hóa hiện ra. Ngài hỏi người đánh xe: "Này xa phu, vị ấy là ai?" Mặc dù người phu xe còn vô minh, không biết một Tỷ kheo thực sự là gì hoặc đặc tính nổi bật của vị ấy là gì, vì thời điểm đó Đức Phật chưa xuất hiện trên thế gian, mà do năng lực thần thông của chư Thiên khiến phu xe đáp lại rằng: "Thưa Thái tử, đó là một vị Tỷ kheo" và ca ngợi những đức hạnh cao quý của bậc xuất gia. Đức Bồ Tát phát nguyện mong muốn xuất gia và tiếp tục đi đến vườn thượng uyển ngày hôm đó. Nhưng các vị Tụng sư của Trường Bộ Kinh (Dīghanikāya) lại cho rằng: "Đức Bồ Tát đã nhìn thấy bốn điềm tướng vào cùng một ngày và đã phát nguyện xuất gia."

Đức Bồ Tát được phục trang lộng lẫy

362. Sau đó, Thái tử vui chơi trong vườn thượng uyển và tắm trong hồ hoàng gia; khi mặt trời lặn, Ngài ngồi một cách tao nhã trên tảng đá kiết tường và có ý muốn thay y phục. Những người hầu cận đứng xung quanh với những bộ trang phục nhiều màu sắc, nhiều loại đồ trang sức và vòng hoa, nước hoa và dầu thơm sẵn sàng trong tay. Ngay lúc đó ngai vàng của Vua trời Đế Thích (Sakka) trở nên nóng ran. Đế Thích tự vấn: "Ai là người muốn khiến ta rời khỏi chỗ ngồi này?" và thấy rằng đã đến lúc trang hoàng cho Đức Bồ Tát, Vua trời nói với Vissakamma: "Này Vissakamma, vào nửa đêm hôm nay Thái tử Siddhattha sẽ thực hiện một cuộc Xuất Ly Vĩ Đại. Đây là lần cuối cùng Thái tử được trang hoàng lộng lẫy. Hãy đến vườn thượng uyển và phục trang cho Bậc Đại Trí bằng tất cả những đồ trang sức sang trọng."

363. Vị Thiên tử Visakamma đồng ý và đáp lời: "Thưa vâng" và ngay lập tức nhờ năng lực thần thông của mình, vị ấy đến gặp Đức Bồ Tát trong hình dạng người hầu hạ Thái tử; lấy từ tay người hầu tấm vải dùng làm khăn trùm đầu, vị Thiên trùm lên đầu Đức Bồ Tát. Ngay khi chạm tay, Đức Bồ Tát biết rằng đó không phải là loài người mà là một vị Thiên tử (devaputta). Chiếc khăn xếp vừa được quấn quanh đầu thì hàng nghìn lớp vải dựng lên tạo thành hình dạng của những viên ngọc quý trên chiếc vương miện trên đầu Thái Tử. Vị Thiên tiếp tục xếp hàng ngàn lớp lên gấp mười lần, rồi một vạn lớp vải đứng thẳng. Đầu Thái Tử tuy nhỏ, nhưng người ta nghi ngại có bao nhiêu nếp gấp vải có thể xuất hiện trên đó. Tuy nhiên, nếp gấp lớn nhất trong số chúng có kích thước bằng bông hoa của cây leo Sāma[92], và những nếp gấp khác chỉ có kích thước bằng hoa Kutumbaka[93]. Đầu của Bồ Tát lúc này giống như bông hoa Kuyyaka[94] với những sợi tơ đan vào nhau.

364. Sau khi được trang hoàng lộng lẫy, Thái tử bước lên chiếc long xa được trang trí bằng nhiều loại trang sức quý báu; các nhạc công trong đoàn tùy tùng đang trình tấu kỹ năng nhạc cụ đặc biệt của mình; những vị Phạm Thiên tán thán, ca tụng Thái tử bằng những ca từ chiến thắng và vui vẻ, các vị Sūtas, Māgadhas, và những người khác đồng thanh hát vang những lời tán tụng như những tiếng reo hò trong lễ hội.

---

[92] Dây leo Ichnocarpus.

[93] Kutumbaka - một loại cây bụi có hoa nhỏ.

[94] Kuyyaka - một bông hoa có sợi nổi bật. Nó nở hoa thành cụm.

Rāhula ra đời

365. Lúc bấy giờ, Đức vương Suddhodana nghe tin hoàng hậu, mẹ của Rāhula, đã hạ sinh một hoàng nam, liền cho người thông báo đến Thái tử: "Hãy chuyển tin tốt lành đến con trai ta." Đức Bồ Tát nghe vậy liền nói: "Có một sự ràng buộc (rāhula) đã xuất hiện, thêm một ràng buộc đã xuất hiện." Đức vua, khi nghe kể lại những điều Thái Tử nói, liền đặt tên cho cháu nội của mình là Hoàng tử Rāhula.

366. Đức Bồ Tát trên chiếc long xa uy nghiêm đi vào thành phố với tất cả vẻ huy hoàng, vinh quang và rực rỡ. Lúc bấy giờ, công chúa Kisāgotamī thuộc dòng Sát Đế Lỵ, đứng trên sân thượng lâu đài của mình, chiêm ngưỡng vẻ đẹp uy nghi của Đức Bồ Tát khi Ngài diễu hành trên các con đường trong kinh đô, đã hoan hỷ thốt lên cảm nghĩ khi vô cùng hài lòng về diện mạo của Ngài:

Hạnh phúc và an lạc thay người mẹ, hạnh phúc và an lạc thay người cha, hạnh phúc và an lạc thay người phụ nữ có một Bậc cao cả như Thái tử.

367. Đức Bồ Tát nghe những lời này và suy nghĩ: "Cô ấy nói rằng hình ảnh thân sắc của một người sẽ đem lại sự vui sướng và tịnh lạc cho người mẹ, người cha, người vợ. Vậy điều gì khi diệt tắt sẽ đem lại sự an lạc thực sự cho tâm?" Khi ấy, tâm Thái Tử đã xa lìa các phiền não, Ngài khởi lên suy nghĩ rằng: "Khi ngọn lửa tham, sân và si bị dập tắt, và sự chú tâm đến tất cả những phiền não như tham, sân, si phát sinh từ sự kiêu ngạo và niềm tin mù quáng bị dập tắt, chỉ có vậy tâm mới được an lạc tịch tịnh. Công chúa đã nói những lời khả ái về ta và ta là người đang tầm cầu Niết Bàn (Nibbāna). Ngay hôm nay ta nên từ bỏ cuộc sống gia đình, xuất gia và trở thành một tu sĩ để tầm cầu Niết Bàn." Sau đó, Thái Tử tháo chiếc vòng cổ bằng ngọc trai trị giá một trăm ngàn (đồng tiền vàng) và gửi tặng nó cho Kisāgotamī, nói rằng: "Hãy mang chuỗi vòng ngọc này cho công chúa thay lời cảm ơn đến vị thầy đã nhắc nhở ta." Và công chúa vô cùng vui sướng, nghĩ rằng Thái Tử Siddhattha đã phải lòng cô và gửi cho cô một món quà.

Những vũ công nhảy múa

368. Rồi Đức Bồ Tát trở về cung điện nguy nga, tráng lệ của mình và nằm tựa trên chiếc long sàng. Gần như ngay lập tức, những vũ công trang điểm với đủ kiểu trang sức, thành thạo múa hát và nghệ thuật đàn ca, diện mạo và nước da đẹp như tiên nữ, đứng xung quanh với các loại nhạc cụ đa dạng, họ bắt đầu nhảy múa, ca hát và đánh đàn giúp Thái Tử thọ hưởng dục lạc. Vì tâm của Đức Bồ Tát đã xa lìa phiền não nên Ngài không còn vui thích khiêu vũ, đàn ca, v.v. nên đã ngủ thiếp đi trong chốc lát.

Và những nữ hầu, vũ nữ sau khi thấy Thái tử ngủ bèn suy nghĩ như sau: “Chúng ta múa hát và chơi nhạc cụ để mua vui cho Thái Tử, giờ Ngài đã đi ngủ rồi. Tại sao chúng ta không tranh thủ nghỉ ngơi một lát?”, rồi họ cũng lăn ra ngủ với nhạc khí ngổn ngang khắp phòng. Những ngọn đèn dầu thơm thắp sáng trong cung điện tiếp tục tỏa sáng lung linh. Khi Bồ Tát thức dậy và ngồi kiết già trên long sàng, Ngài nhìn thấy những vũ nữ đang ngủ đè lên nhạc cụ của họ, một số người thì nước bọt chảy ra từ miệng, một số người thì thân thể đầy nước bọt, một số người nghiến răng trèo trẹo, một số mê sảng trong khi ngủ, một số rên rỉ, một số há hốc miệng và một số khác ăn mặc xộc xệch, để lộ những phần đáng hổ thẹn. Thái tử nhìn thấy sự lộn xộn đáng kinh tởm và mong muốn xa lìa những thú vui nhục dục càng trở nên mạnh mẽ hơn. Sân thượng rộng lớn của cung điện được trang trí lộng lẫy giống như nơi ở của Vua trời Đế Thích Sakka, giờ đây đối với Ngài như một nghĩa trang đầy những thi thể nhờn gớm nằm rải rác đây đó. Sự hiện hữu trong tam giới đối với Thái tử giống như một ngôi nhà đang bốc cháy. Ngài đã thốt ra lời đầy cảm hứng: “Than ôi, đau đớn phiền não thay! Than ôi, bức bách thay!” Tâm trí của Thái tử đã bị cuốn vào ý nghĩa xuất ly một cách mãnh liệt.

Sự Xuất Ly Vĩ Đại

369. Thái tử đứng dậy khỏi giường, khởi tâm mãnh liệt: “Ngay hôm nay đã đến lúc ta xuất gia từ bỏ đời sống gia đình,” rồi đi đến cửa và gọi to: “Có ai không?”. Channa, lúc bấy giờ đang ngả đầu tựa vào ngưỡng cửa, đáp: “Thưa ngài, thần là Channa.” Thái tử truyền lệnh: “Ta muốn từ bỏ thế gian ngay trong ngày hôm nay. Hãy chuẩn bị cho ta một con ngựa.” Vị quan tuân lệnh, nói: “Thưa vâng” và mang theo dụng cụ cần thiết để thắng yên cương cho ngựa, vị ấy đi đến chuồng ngựa và nhìn thấy tuấn mã Kanthaka (Kiền Trắc) oai vệ đang đứng ở một nơi tuyệt đẹp bên dưới một chiếc lọng bằng lụa có treo chuỗi hoa lài; và trong ánh sáng lung linh của những ngọn đèn dầu thơm, vị quan thắng yên cương cho ngựa Kanthaka và quyết định: “Đây chính là con tuấn mã ta nên thắng ngày hôm nay.” Ngay cả khi đang được thắng yên cương như vậy, tuấn mã vẫn biết rõ. “Việc thắng yên cương lần này rất công phu; hoàn toàn không giống với những ngày khác, chẳng hạn như những ngày đến vườn thượng uyển. Có thể Thái tử đã quyết định từ bỏ thế gian để đi xuất gia trong ngày hôm nay.” Sau đó, con tuấn mã hoan hỷ hí vang đầy vui sướng. Tiếng hí rền vang đáng ra sẽ vang dội khắp kinh thành nhưng chư Thiên đã dùng thần thông khiến không ai nghe được tiếng hí này.

Rāhula

370. Và Đức Bồ Tát sau khi thấy Channa đi thắng yên ngựa, Ngài nghĩ đến việc thăm con trai mình trước khi giã từ. Thái tử đứng dậy khỏi chỗ ngồi rồi đi đến phòng của mẹ Rāhula và mở cửa phòng. Lúc này căn phòng tỏa sáng ấm áp bởi những ngọn đèn dầu thơm. Mẹ của Rāhula đang ngủ trên giường trải đầy hoa như hoa nhài cánh lớn và hoa nhài Ả Rập; và đầu của hoàng nhi tựa lên cánh tay nàng. Thái tử đứng ở ngưỡng cửa, nhìn Thái phi rồi nghĩ: "Nếu ta gỡ tay nàng ra và ôm con trai bé bỏng vào lòng, nàng sẽ thức giấc và điều đó sẽ cản trở chuyến đi của ta. Ta sẽ trở lại sau khi giác ngộ và gặp con trai mình". Với những suy nghĩ này, Thái tử đi xuống khỏi cung điện. Trong Chú giải Tiền Thân Đức Phật (Jātaka) thuật lại rằng vào thời điểm đó Hoàng tử Rāhula được bảy ngày tuổi nhưng chi tiết này không được tìm thấy trong bất kỳ chú giải nào. Do đó, sự việc này nên được chấp thuận như kể trên.

Con ngựa Kiền Trắc (Kanthaka)

371. Suy nghĩ vậy, Đức Bồ Tát đi xuống lầu khỏi cung điện của mình, đến gần con tuấn mã đã được chuẩn bị sẵn sàng và nói: "Này Kanthaka, người bạn đồng sanh của ta, hãy giúp ta đêm nay; và dưới sự giúp đỡ của ngươi, ta sẽ trở thành một vị Phật cứu vớt mọi loài chúng sinh bao gồm cả chư Thiên và nhân loại ra khỏi biển luân hồi." Rồi Thái Tử lên lưng tuấn mã Kanthaka. Kanthaka có chiều dài mười tám hắc tay tính từ cổ và có chiều cao tương xứng; nó có sức mạnh to lớn và tốc độ rất nhanh, toàn thân màu trắng khả ái như chiếc tù và mới được đánh bóng. Nếu Kanthaka hí hoặc đá gót chân, âm thanh ấy sẽ vang xa toàn kinh thành. Vì lý do này nên chư Thiên đã dùng năng lực thần thông của mình làm tiếng hí yên lặng để không ai nghe thấy và đặt lòng bàn tay của mình dưới móng guốc của con tuấn mã trên mỗi bước nó phuy. Đức Bồ Tát tự mình cưỡi lên lưng con tuấn mã oai nghiêm, cùng Channa đang nắm chặt vào đuôi Kanthaka, đi đến cổng chính của kinh thành lúc nửa đêm. Vào lúc này, Đức vua đã cho đóng tất cả cổng thành, mỗi cánh cổng chỉ có thể mở bằng sức mạnh của một ngàn quân binh để Đức Bồ Tát không thể mở được cổng thành mà rời đi bất cứ lúc nào. Đức Bồ Tát được phú cho sức mạnh thể chất vô song; Thái tử sở hữu sức mạnh tương đương mười tỷ con voi khỏe mạnh, tương đương một trăm tỷ người đàn ông khỏe mạnh. Do vậy Thái tử nghĩ: "Nếu cổng chính không mở thì ta sẽ trốn thoát bằng sức mạnh của riêng ta. Ta ngồi trên lưng tuấn mã Kanthaka và Channa đang bám chắc vào đuôi nó; ta sẽ kẹp chắc Kanthaka giữa hai đùi và nhảy qua bức tường thành cao mười tám hắc tay rồi khởi kinh hành". Channa cũng suy nghĩ: "Nếu cổng thành

không tự mở, ta sẽ nhảy qua bức tường thành, đặt Thái tử trên vai của ta, kẹp Kanthaka dưới nách bên phải và dùng tay phải ghì chặt lấy bụng con ngựa, từ đó mà rời khỏi kinh thành." Trong khi đó, tuấn mã Kanthaka cũng có suy nghĩ: "Nếu cổng thành không tự mở, ta sẽ giữ Thái tử ngồi yên trên lưng của ta cùng với Channa đang bám chắc vào đuôi, ta sẽ nhảy qua bức tường thành rồi rời khỏi kinh hành." Như vậy nếu cổng thành không tự mở ra thì một trong ba nhân vật trên cũng sẽ hành động theo những gì bản thân họ đã suy nghĩ và trù hoạch. Nhưng vị Thiên canh gác cổng thành rất hoan hỷ mở cánh cổng để Ngài đi ra.

Māra (Ma vương)

372. Cùng lúc đó, Ma Vương đến đó với ý định khiến Đức Bồ Tát từ bỏ cuộc hành trình. Đứng giữa hư không, Ác Ma lên tiếng: "Hỡi Thái tử, đừng xuất gia trở thành Sa môn; vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay, chiếc xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương sẽ xuất hiện và dành riêng cho Ngài. Ngài sẽ trị vì khắp bốn châu lục với hai nghìn hòn đảo xung quanh. Thưa Ngài, hãy trở về."

"Ngươi là ai?"

"Tâu bệ hạ, tôi là Vasavatti"

"Này Ác Ma, ta biết rất rõ chiếc xe báu chắc chắn xuất hiện cho ta nhưng ta không có chút ham muốn nào trở thành Vua Chuyển Luân Vương. Ta sẽ thành vị Pháp Vương làm vang dội cả mười ngàn thế giới."

Rồi Ác Ma nói: "Từ nay trở đi, bất cứ khi nào những trạng thái tham lam, sân hận, si mê xuất hiện trong tâm của ngươi, ta sẽ biết điều đó"; và Ác Ma đã theo sát Đức Bồ Tát như hình với bóng không rời, chờ cơ hội để tóm được Ngài.

Dòng sông Anomā

373. Về phần Đức Bồ Tát, Ngài từ bỏ quyền thống trị bốn châu lục chắc chắn dành cho mình, xem thường chúng như một bãi nước bọt, không hề khao khát nó. Ngài rời kinh thành trong ánh sáng rực rỡ của ngày trăng tròn tháng Asāḷha khi chòm sao Asāḷha và Mặt Trăng giao hội với nhau, rồi Ngài khởi sinh trong tâm ước muốn nhìn lại kinh đô một lần nữa. Khi ý nghĩ này nảy sinh trong tâm Thái tử, Trái Đất quay tròn giống như bánh xe của người thợ gốm bị gãy, như nói với Ngài rằng: "Hỡi Đức Bồ Tát, Bậc cao quý, Ngài đã làm xong những gì cần làm, nên Ngài không cần phải quay lại để nhìn bất kỳ điều gì". Đức Bồ Tát đã đứng trước kinh thành, nhìn ngắm kinh đô mà không cần quay lại, chỉ vị trí dựng bảo tháp tưởng niệm nơi tuấn mã

Kanthaka đã dừng lại; rồi Ngài tiếp tục lên đường một cách oai vệ và huy hoàng trên lưng tuấn mã Kanthaka. Vào lúc đó, người ta nói rằng, chư Thiên cầm sáu mươi nghìn ngọn đuốc thắp sáng phía trước, sáu mươi nghìn ngọn đuốc phía sau và sáu mươi nghìn ngọn đuốc mỗi bên phải và bên trái Đức Bồ Tát dọc suốt đường đi. Những vị Thiên khác mang vô số ngọn đuốc trên đỉnh của vũ trụ; đồng thời những chư Thiên khác, Long vương (nāgas), Kim Xí Điểu (supannas) và những vị khác theo sau tôn kính Ngài với hương thơm, tràng hoa, bột thơm và trầm hương. Bầu trời tràn ngập hoa Pāricchattaka và Mandārava, giống như cơn mưa rào nặng hạt khi những đám mây mưa dày đặc tụ lại. Những bản thiên nhạc được trình diễn. Bốn phía vang dội sáu triệu tám trăm ngàn nhạc cụ gồm tám loại và sáu mươi loại khác nhau; và dường như đó là lúc sấm sét đang rền vang từ đáy đại dương sâu thẳm hay đại dương rung động từ trái tim của núi Yugandhara★.

374. Tiếp tục khởi hành trong oai nghi đường bệ như vậy, Đức Bồ Tát đi qua ba vương quốc trong một đêm với quãng đường dài ba mươi do tuần, cuối cùng đến bờ sông Anomā. Tại sao con tuấn mã không thể đi xa hơn? Không phải vì Kanthaka không thể, thực ra nó có khả năng đi từ đầu này đến đầu kia thế giới, như thể phi trên vành một bánh xe đang nằm trên trục của nó, rồi quay trở lại đúng giờ ăn sáng để thọ hưởng thức ăn được chuẩn bị sẵn. Nhưng vào lúc này, tốc lực của con tuấn mã bị cản trở rất nhiều do phải ra sức vượt lách khỏi khối tràng hoa dày đặc cao đến tận sườn nó do chư Thiên và chư Phạm thiên, rồng và Kim Xí Điểu và những vị khác rải xuống từ trên không trung. Đó là lý do tại sao con tuấn mã chỉ đi được ba mươi do tuần trong một đêm. Rồi Đức Bồ Tát, nghỉ chân bên bờ dòng sông, hỏi Channa rằng: “ Tên con sông này là gì?”

“Thưa Thái tử, con sông này gọi là Anomā”

Thái tử nói: “Sự xuất gia của ta giống như tên gọi anomā (không thấp hèn), đó là sự xuất gia cao quý”. Rồi thúc gót chân vào hông con ngựa, Thái tử ra hiệu cho tuấn mã lao về phía trước và vượt sang bờ bên kia của dòng sông, rộng tám Usabhas.

★ Tên của một ngọn núi, dãy núi đầu tiên trong bảy dãy núi bao quanh đỉnh Sineru (Tu-di), có chiều cao bằng một nửa đỉnh Tu-di và trên đó là quỹ đạo của Mặt Trời và Mặt Trăng (ND).

Ngôi đền Xá Lợi Tóc

375. Đức Bồ Tát xuống ngựa, đứng trên bờ cát óng ánh giống như một tấm bạc, nói với Channa: "Này Channa, thần hãy mang những vật trang sức của ta và Kanthaka trở về kinh thành. Còn ta sẽ trở thành một tu sĩ."

"Thưa ngài, thần cũng muốn xuất gia."

Đức Bồ Tát từ chối vị quan Channa ba lần, nói rằng: "Bây giờ chưa phù hợp để thần xuất gia sống đời phạm hạnh, thần hãy quay về kinh thành đi". Nói rồi Thái Tử trao các vật trang sức và Kanthaka cho Channa. "Những lọn tóc này của ta thật không thích hợp với một tu sĩ. Hơn thế, ta không thấy một ai có đủ tư cách để cắt tóc Đức Bồ Tát, vì vậy, chính ta sẽ dùng kiếm của mình để cắt chúng." Và với cây kiếm trong tay phải, tay trái nắm búi tóc trên đầu cùng với vương miện, Thái tử cắt đứt nắm tóc. Những sợi tóc còn lại trên đầu dài hai ngón tay tự cuộn tròn về bên phải. Chiều dài tóc của Ngài vẫn giữ như vậy cho đến hết cuộc đời mà không phải cắt lại lần nào nữa. Râu Ngài cũng vậy, Ngài không cần phải cạo râu và tóc thêm một lần nào nữa. Rồi Đức Bồ Tát lấy nắm tóc của mình cùng với chiếc vương miện ném lên không trung với lời phát nguyện rằng: "Nếu ta thành Phật, hãy để mớ tóc này lơ lửng giữa hư không; nếu không, hãy để mớ tóc rơi xuống đất." Nắm tóc trên cùng được tết bằng ngọc, bay lên cao một do tuần và lơ lửng giữa hư không. Vua trời Đế Thích (Sakka), bằng thiên nhãn đã trông thấy mớ tóc của Bồ Tát và nhận lấy nó trong một hộp báu có kích thước bằng một do tuần và cất giữ trong Bảo tháp Xá Lợi Tóc (Cūlamani) trên cung trời Đạo Lợi (Tavatimsa).

Đức Bồ Tát đã cắt đứt búi tóc đẹp đẽ được xức loại nước hoa thượng hạng nhất và vứt lên hư không. Vị vua trời ngàn mắt Sakka, hậu duệ của Thiên chủ Vasu đã cúi đầu nhận nó một cách đầy cung kính và cất giữ trong hộp vàng quý giá.

Những vật dụng thiết yếu của một tu sĩ

376. Đức Bồ Tát lại nghĩ: "Những y phục bằng lụa này không thích hợp cho một tu sĩ." Bấy giờ Đại Phạm Thiên Ghatikāra, người bạn đồng hành đầu tiên của Đức Bồ Tát trong thời Đức Phật Kassapa, với tình bạn cao quý không hề nguội lạnh trong suốt một trung gian Phật thời (thời gian giữa hai vị Phật), nghĩ rằng: "Hôm nay bạn của ta đã thực hiện sự xuất gia vĩ đại. Ta sẽ đi gặp người bạn cũ và mang theo các vật dụng cần thiết của một Tỷ kheo."

Tam y, bình bát, dao cạo, kim chỉ, dây thắt lưng cùng với túi lọc nước – đây là tám vật dụng cần thiết của một vị tu sĩ tinh tấn sống đời phạm hạnh.

Tuấn mã Kanthaka

377. Đại Phạm Thiên Ghatikāra mang tám vật dụng thiết yếu của một Tỷ kheo và cúng dường chúng cho Đức Bồ Tát. Bồ Tát khoác lên mình tấm y được xem là lá cờ của Bậc Thánh (tấm y vàng), trang nghiêm trong bộ y phục của cuộc sống ẩn dật cao quý, dặn dò Channa rằng: "Này Channa, hãy thay mặt ta nói với vua cha và mẹ ta rằng ta vẫn khỏe mạnh." Channa đảnh lễ Bồ Tát, cung kính đi quanh ngài rồi quay trở về kinh thành. Nhưng con tuấn mã Kanthaka đứng gần đó nghe được cuộc trò chuyện giữa Đức Bồ Tát và Channa, nó đã không thể chịu đựng được sự buồn khổ khi biết rằng mình không còn cơ hội gặp lại Thái tử nữa. Và khi khuất khỏi tầm nhìn của Đức Bồ Tát và Channa, con tuấn mã chết vì quá đau buồn phải chia ly với người mình thương mến và được tái sinh ở cung trời Đạo Lợi (Tavatimsa) làm một vị thiên có tên là Kanthaka. Còn Channa, ban đầu chỉ đau buồn do giã từ Đức Bồ Tát, nhưng với cái chết của Kanthaka, vị ấy bị đè nặng bởi hai nỗi ưu sầu, lủi thủi trở về kinh thành, vừa khóc vừa sầu khổ.

Đến thăm thành Vương Xá (Rājagaha)

378. Sau khi trở thành tu sĩ, Đức Bồ Tát trải qua một tuần hưởng sự an lạc của đời sống xuất gia tại vườn xoài mang tên Anupiya; sau đó Ngài đi bộ một quãng đường dài ba mươi do tuần đến kinh thành Vương Xá (Rājagaha) trong cùng một ngày. Đức Bồ Tát vào kinh thành và đi khất thực từng nhà. Cả thành phố náo động khi nhìn thấy Bồ Tát giống như khi voi chúa Dhanapalaka tới Vương Xá Thành (Rājagaha) hay khi thiên chủ của A-tu-la bước vào thành phố của chư Thiên. Các triều thần đến gặp Đức vua Bình Xa Vương (Bimbisāra) và thưa rằng: "Tâu bệ hạ, có một con người kỳ diệu đang đi khất thực trong kinh thành của chúng ta. Chúng thần không biết vị ấy là ai, là một vị Thiên, một con người, một Long Vương hay một Kim Sí Điểu." Đứng trên sân thượng cung điện của mình, Đức vua nhìn thấy Đức Bồ Tát, vô cùng ngạc nhiên và truyền lệnh rằng: "Hãy đi tìm hiểu về vị ấy; nếu đó không phải là con người thì vị ấy sẽ biến mất khi rời khỏi kinh thành; nếu đó là chư thiên thì vị ấy sẽ đi trong không trung; nếu là rồng thì vị ấy sẽ độn thổ và biến mất; và nếu vị ấy là một con người thì sẽ độ thực ở một nơi nào đó."

379. Đức Bồ Tát nhận được nhiều loại vật thực đa dạng và biết rõ đã đủ cho sự nuôi mạng của mình, Ngài rời kinh thành bằng chính cổng mà Ngài đã đi vào, ngồi

quay mặt về hướng Đông, dưới bóng ngọn núi pandava và bắt đầu thọ thực. Sau đó, Ngài thấy khó chịu như ruột bị đảo lộn và buồn nôn. Cảm thấy ghê tởm loại vật thực mà trước đây Ngài chưa từng để mắt đến, Ngài bắt đầu tự trách mình: "Siddhattha, mặc dù ngươi xuất thân từ một gia đình không thiếu đồ ăn thức uống và đã quen với việc ăn cơm từ gạo sāli thơm được cất giữ ba năm, và với nhiều món ngon thượng hạng. Đến khi nào thì ngươi mới có thể ăn đồ khất thực và sống như vị tu sĩ mặc y khâu vá mà ngươi đã từng gặp. Ngươi đã từ bỏ thế gian và trở thành tu sĩ từ những ý nghĩ như vậy. Giờ thì xem ngươi đang làm gì đây!"

380. Sau khi tự khiển trách mình như vậy, Đức Bồ Tát chế ngự tâm bất toại và thọ dụng vật thực của mình. Các quan trong triều đình thấy sự việc bèn trở về báo tin cho Đức vua Bimbisāra. Sau khi lắng nghe những lời bẩm báo của các quan đại thần, Đức vua từ kinh thành của mình đã vội vã lên đường đến gặp Đức Bồ Tát. Đức vua cảm thấy rất hoan hỷ với oai nghi, diện mạo của Đức Bồ Tát nên đã định trao cho Ngài nhiều của cải và khoái lạc trần gian. Đức Bồ Tát trả lời rằng: "Tâu Đại vương, ta không cần của cải vật chất hay thú vui nhục dục. Ta đã quyết tâm xuất gia tầm cầu sự giải thoát cao thượng nhất." Khi Đức vua không thể thuyết phục được Đức Bồ Tát mặc dù đã thử nhiều cách khác nhau, cuối cùng Đức vua nói: "Thưa tôn giả, trẫm tin chắc rằng Ngài sẽ thành Phật. Sau khi Ngài chứng đắc Phật quả, xin hãy đến thăm vương quốc của trẫm trước." Đây là câu chuyện ngắn gọn, để tìm hiểu đầy đủ và chi tiết hơn xin xem thêm kinh Xuất gia (Pabbajjā sutta) bắt đầu với kệ ngôn: "Xuất gia ta tán thán/ Như Pháp nhãn xuất gia/ Sau khi Ngài quán sát/ Chấp thuận hạnh xuất gia" cùng với Chú giải của nó.[95]

381. Sau khi chấp thuận lời đề nghị của Đức vua Bimbisāra, Đức Bồ Tát lên đường tầm cầu Niết bàn, thọ giáo và đàm đạo với hai vị giáo chủ Ālāra Kālāma và Uddaka Kāmaputta rồi chứng đắc bát thiền. Nhưng Ngài từ bỏ nó, cho rằng sự tiến bộ này vẫn chưa phải là cứu cánh thực sự vì nhận ra đó không phải là con đường dẫn đến Giác ngộ; và để thể hiện cho thế giới loài người cùng với chư Thiên thấy sự kiên trì và nỗ lực của mình, Ngài đã sửa soạn đến Khổ Hạnh Lâm (Uruvela) với ý định dấn thân vào sự tầm cầu lớn lao và cư trú ở đó, nói rằng đây mới thực sự là một nơi thích hợp và bắt đầu thực hành sự nỗ lực phi thường để tầm cầu Đạo và Quả. Năm vị tu sĩ do Bà La Môn Koṇḍañña dẫn đầu đã tình cờ gặp Bồ Tát trong khu rừng khi họ đang đi khất thực qua các làng mạc, thị trấn và thành phố. Họ đã phục vụ Ngài trong suốt sáu năm

[95] SN 405-42

Ngài thực hành pháp khổ hạnh ép xác. Họ luôn theo Bồ Tát thực hiện các phận sự khác nhau như quét dọn cốc, v.v. Họ có niềm tin mạnh mẽ rằng: "Không bao lâu nữa Bồ Tát sẽ thành Phật! Không bao lâu nữa Bồ Tát sẽ thành Phật!" Và bản thân Bồ Tát, người quyết tâm thực hành khổ hạnh một cách tinh tấn không bất thối, bắt đầu sống chỉ bằng một hạt vừng hoặc hạt gạo mỗi ngày. Về sau Ngài thậm chí còn nhịn ăn hoàn toàn. Ngài đã ngăn cản chư Thiên tiết độ vật thực qua các lỗ chân lông cho mình.

382. Do sự nhịn ăn quá độ nên nước da của Bồ Tát từ màu vàng óng cường tráng chuyển dần sang màu đen, tiều tụy, ốm yếu. Ba mươi hai tướng tốt hoàn toàn biến mất. Và một ngày nọ, Ngài bị hành hạ bởi cơn đau mãnh liệt đốt cháy khắp châu thân khi đang tu tập pháp kiềm chế hơi thở và đã ngã xuống vì kiệt sức, bất tỉnh ở bên rìa ẩn thất. Sau đó, một số chư Thiên nói: "Sa-môn Gotama đã chết rồi"; trong khi những vị khác cho rằng, "Đây chỉ là một cách an trụ của một Bậc Hiền Giả." Những vị Thiên nào nghĩ rằng Ngài đã chết, đến gặp Đức vua Suddhodana và thông báo rằng: "Con trai Ngài đã chết."

"Con trai ta chết trước khi Giác ngộ hay sau khi Giác ngộ?"

"Ngài ấy đã không thể thành Phật. Ngài ấy đã ngã xuống và chết khi đang nỗ lực phấn đấu đạt được Phật quả".

Nghe vậy Đức vua không tin và khẳng định: "Trẫm không tin. Nếu chưa chứng đắc Nhất Thiết Trí thì cái chết không thể xảy đến với con trai ta."

Vì sao Đức vua lại không tin lời chư Thiên? Bởi vì Đức vua đã nhìn thấy những điều kỳ diệu vào ngày ông mang Thái Tử đến đảnh lễ Đạo sĩ Kāldevala cũng như khi ở dưới gốc cây Jambu (cây táo hồng) trong lễ Hạ điền.

383. Khi Bồ Tát tỉnh lại và đứng dậy, các vị Thiên đó quay lại và nói với vua: "Tâu Đại vương, con trai ngài vẫn còn sống." Và nhà vua trả lời: "Ta biết rất rõ rằng con trai ta không thể chết như vậy." Khi Bậc Đại Sĩ thực hành khổ hạnh khắc nghiệt trong sáu năm, đối với Ngài, đó giống như thời gian đan kết bầu trời bằng những nút thắt. Nhận thấy rằng việc thực hành pháp khổ hạnh như vậy không phải là con đường dẫn đến Giác ngộ, Ngài đã đi khất thực trong các làng mạc và thị trấn để quay lại thọ dụng thức ăn thô để sống. Sau đó, ba mươi hai tướng tốt của một Bậc Đại Nhân xuất hiện trở lại trong hình dạng tự nhiên của chúng, và cơ thể Ngài lấy lại sắc vàng. Nhóm năm vị tu sĩ (Pañcavaggiya) đã từ giã Bậc Đại Sĩ, nói rằng: "Ngài ấy đã thực hành khổ hạnh khắc nghiệt trong sáu năm ròng mà vẫn không thể chứng ngộ Toàn Giác

Trí. Bây giờ Ngài ấy đã bắt đầu ăn thức ăn cứng, đi khất thực trong những ngôi làng thì làm sao có thể chứng đắc được gì chứ? Bây giờ Ngài ấy đang sống một cuộc sống buông thả và đã đi chệch hướng khỏi những nỗ lực của mình. Chúng ta mong đợi những thành tựu tâm linh từ Ngài giống như một người đàn ông muốn tắm nghĩ đến việc sử dụng những giọt sương. Vậy thì Ngài ấy còn có ý nghĩa gì với chúng ta nữa?" Họ lấy từng cái bát và y của Ngài rồi rời đi, đi một quãng đường dài mười tám do tuần và đi vào khu vườn Isipatana.

Nàng Sujāta

384. Và lúc bấy giờ, một thiếu nữ tên là Sujātā, sinh ra trong gia đình của gia chủ Senāni ở làng Senāni ở Vruvela, đã đến tuổi trưởng thành và ước nguyện tại một cây đa: "Nếu tôi kết hôn với một người trong một gia đình môn đăng hộ đối và sinh được con trai đầu lòng thì hằng năm tôi sẽ cúng tế trị giá một trăm ngàn (đồng tiền vàng)". Mong ước của cô đã được toại nguyện. Muốn thực hiện buổi tế lễ vào ngày trăng tròn của tháng Vesākha, nhân dịp hoàn tất sáu năm tu khổ hạnh của Bậc Đạo Sĩ, trước tiên, nàng đã gửi một ngàn con bò đến đồng cỏ trong một khu rừng cam thảo. Sau đó, cô cho năm trăm con bò uống sữa của chúng, và hai trăm rưỡi con bò uống sữa của chúng. Cô đã làm như vậy để giảm số lượng xuống còn mười sáu con cuối cùng, và cho tám con bò uống sữa của chúng; cô sắp xếp việc uống sữa theo trình tự này để đạt được độ đặc, độ ngọt và độ đậm đà phù hợp. Dự định tiến hành lễ cúng dường vào sáng sớm ngày rằm tháng Vesākha, cô đã thức dậy sớm và vắt sữa từ tám con bò đó. Những con bê không đến gần các vú của mẹ chúng. Ngay sau khi đặt những chiếc chén mới dưới các vú con bò, dòng sữa tự động chảy vào chén. Nhìn thấy điều kỳ diệu này, Sujātā tự mình lấy sữa và đổ vào một cái nồi mới, tự tay cô nhóm lửa và bắt đầu đun sữa.

385. Khi nước cơm sữa đó đang sôi, bọt khí lớn nổi lên và chạy vòng qua bên phải. Không một giọt nào rơi ra bên ngoài. Ngay cả một làn khói yếu ớt bốc lên từ bếp lò cũng không có. Lúc bấy giờ, Tứ Đại Thiên Vương đã đến đó và đứng canh bếp lò, Đại Phạm Thiên cầm lọng của mình, Vua trời Đế Thích (Sakka) gom các khúc củi lại và nhóm lửa. Chư Thiên, bằng năng lực phi thường của mình, như thể họ đang ép mật từ một tổ ong được hình thành trên một nhánh cây, đã tập hợp nguồn năng lượng có ích từ chư thiên và nhân loại trên bốn đại châu và hai ngàn hòn đảo xung quanh và đặt vào đó. Những lần khác, chư Thiên truyền năng lượng vào từng miếng ăn, nhưng vào ngày Giác ngộ và ngày nhập Niết Bàn, họ truyền nó trực tiếp vào chén nước.

Bồ Tát dưới gốc cây

386. Sujātā đã nhìn thấy vô số điều kỳ diệu trong cùng một ngày, nói với nữ tỳ Puṇṇā của mình rằng: "Puṇṇā thân mến, hôm nay vị thần của chúng ta rất hài lòng. Trong những ngày qua, ta chưa từng thấy phép lạ nào như vậy. Hãy nhanh chóng đi chuẩn bị chỗ ngồi cho Ngài", Cô nữ tỳ nói "Tuyệt quá, thưa cô" và tuân theo mệnh lệnh của chủ nhân vội vã đi đến gốc cây. Trong khi đó, Bồ Tát đã mơ thấy năm đại mộng vào đêm đó và đi đến kết luận rằng không có nghi ngờ gì nữa, ngày hôm đó Ngài sẽ trở thành một vị Phật. Sau khi làm sạch cơ thể, khi đêm đã trôi qua, sáng sớm Bồ Tát đã ngồi dưới gốc cây đó, chiếu sáng cả cây bằng ánh sáng tỏa ra từ cơ thể và chờ đến lúc đi khất thực. Lúc đó, cô nữ tỳ Puṇṇā đến đó và thấy Bồ Tát ngồi dưới gốc cây, nhìn về phía Đông và cả cây biến thành màu vàng với ánh sáng tỏa ra từ kim thân của Ngài. Nhìn thấy tất cả những điều này, cô ấy nghĩ: "Hôm nay vị thần của chúng ta đã từ cây xuống và ngồi ở đó, chắc hẳn là để nhận lễ phẩm cúng dường trực tiếp từ tay mình." Cảm thấy phấn khích, cô vội vã chạy về gặp Sujātā và kể cho thân chủ nghe điều này.

Chiếc bát vàng

387. Khi nghe những lời ấy, Sujātā vui mừng trong tâm và nói với nữ tỳ: "Từ giờ trở đi, con sẽ ở vào địa vị là con gái lớn của ta," nàng đã tặng cho nữ tỳ tất cả đồ trang sức khi cô ấy trở thành con gái của mình. Việc Bồ Tát nhận được một chiếc bát vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng vào ngày Ngài chứng đạt Giác ngộ là điều phù hợp, cô ấy nghĩ ra ý tưởng phục vụ cơm sữa trong một chiếc bình bằng vàng và có một chiếc bát vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng đã được mang đến cho cô ấy. Với mong muốn cho cơm sữa vào đó, cô nghiêng chiếc bình đựng chân giò. Tất cả cơm sữa tràn vào bát như nước từ lá sen. Cái bát đã đầy đến miệng. Cô đậy chiếc bát bằng một chiếc bình bằng vàng khác và bọc nó bằng một tấm vải; sau khi trang điểm cho mình bằng tất cả nữ trang, cô đội chiếc bát đó lên đầu và đi đến gốc cây Đa với tất cả vẻ lộng lẫy của mình. Vô cùng hoan hỷ khi nhìn thấy Bồ Tát, nghĩ rằng Ngài là thần cây, cô đến gần Ngài và cúi đầu một cách khiêm tốn từ nơi mà lần đầu tiên cô nhìn thấy Ngài; lấy chiếc bát trên đầu xuống, cô mở nó ra; lấy một bình nước bằng vàng pha nước hoa thơm, cô đi đến chỗ Bồ Tát và đứng gần Ngài. Chiếc bình đất nung do Đại Phạm thiên Ghatikāra tặng, đã ở bên cạnh Bồ Tát bấy lâu nay, giờ đây đã biến mất. Không thể tìm thấy bình bát đó, Bồ Tát đưa tay phải ra nhận nước được cúng dường. Sujātā đặt vào tay Bậc Đại Sĩ cơm sữa cùng với cái bát đựng nó. Ngài

nhìn Sujātā. Cô hiểu ý nghĩa của điều đó và tác bạch rằng: "Bạch Ngài, xin hãy chấp nhận những gì con đã cúng dường và đi đến bất cứ nơi nào Ngài muốn. Như mong ước của con đã được thành tựu, cầu cho mong ước của Ngài cũng sẽ được thành tựu! Và cô ấy rời đi, không còn khao khát chiếc bát vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng như thể đó là một chiếc lá khô.

Chiếc bát trôi ngược dòng

388. Bồ Tát đứng dậy khỏi chỗ mình đang ngồi và cung kính đi vòng quanh gốc cây, tay cầm theo cái bát, Ngài đi đến bờ sông Ni Liên Thuyền (Nerañjarā). Có một khúc sông dễ dàng đi đến, nơi mà hàng trăm ngàn vị Bồ Tát xuống sông tắm vào ngày các Ngài chứng đắc Phật quả. Đặt bình bát trên bờ, Ngài đi xuống sông tắm rửa, khoác lên mình tấm y của chư vị Ứng Cúng và tấm nội y mà trăm ngàn vị Phật đã mặc, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông và ăn hết cơm sữa mật ong đã được chuẩn bị mà không dùng thêm nước. Sau khi đã chia thành bốn mươi chín vắt cơm có kích thước bằng quả thốt nốt. Đó là tất cả thức ăn mà Ngài có trong bốn mươi chín ngày (bảy tuần) mà Ngài đã trải qua sau khi giác ngộ dưới gốc cây Bồ Đề. Trong thời gian này, Ngài không ăn gì khác, không tắm, không rửa mặt cũng như không đi vệ sinh. Ngài trải qua thời gian trong niềm hỷ lạc của các tầng thiền định, trong niềm hỷ lạc của Đạo và Quả. Sau khi thọ dụng cơm sữa, Ngài cầm chiếc bát vàng và đặt nó trôi dạt trên sông, nói rằng: "Nếu hôm nay ta thành Phật thì hãy để chiếc bát vàng này trôi ngược dòng; nếu không, hãy để nó xuôi dòng trôi đi." Cắt ngang dòng nước, chiếc bát đi đến giữa sông và đi ngược dòng nước một quãng dài tám mươi hắc tay, đi theo hướng chính giữa, nhanh như một con ngựa phi nước đại. Nó chìm trong một xoáy nước, đến nơi ở của Long Vương Kāla và tạo ra một âm thanh leng keng khi va vào những chiếc bát mà ba vị Phật tiền nhiệm đã sử dụng và nằm chồng lên chúng. Long Vương Kāla nghe thấy âm thanh đó và bắt đầu hát những bài ca tán dương bao gồm cả hàng trăm bài kệ, nói rằng: "Hôm qua có một vị Phật, hôm nay lại xuất hiện thêm một vị nữa." Đối với Long Vương, tất cả khoảng thời gian mà Trái Đất vĩ đại mọc và lấp đầy bầu trời trong phạm vi một do tuần và ba gāvutas giống như hôm qua và hôm nay vậy.

389. Bồ Tát đã dành giờ nghỉ trưa an trú trong thiền định trong khu rừng Sala đang nở hoa bên bờ sông, đi về hướng cây Bồ Đề vào lúc xế chiều, những bông hoa nhỏ rụng xuống từ thân cây dọc theo con đường rộng tám usabha và được trang trí bởi chư Thiên, giống như một con sư tử rũ bỏ cơn buồn ngủ. Long Vương, Dạ xoa, Kim

Sí Điểu và tất cả những vị khác đã tôn vinh ngài bằng thiên hương, thiên nhạc, thiên hoa, v.v. Mười ngàn thế giới tràn ngập hương thơm và vòng hoa cùng những tiếng reo hò hoan hỷ.

Những bó cỏ và người bán cỏ Sotthiya

390. Vào lúc bấy giờ, một người bán cỏ tên là Sotthiya, mang theo một bó cỏ từ hướng ngược lại, cảm thấy rất ấn tượng với cung cách của Ngài, đã cúng dường Bậc Đại Sĩ tám nắm cỏ. Bồ Tát cầm bó cỏ đi lên bục dưới gốc cây Bồ Đề và đứng ở phía Nam quay mặt về phía Bắc. Vào thời điểm đó, sườn núi phía Nam của vũ trụ chìm xuống thấp và dường như đã chạm tới A-tỳ địa ngục bên dưới, và đỉnh phía Bắc của vũ trụ được nâng lên cao và dường như đã chạm tới vòm trời phía trên. Bồ Tát nghĩ rằng có lẽ đó không phải là nơi để chứng đạt Giác ngộ. Ngài đi vòng theo chiều kim đồng hồ và đứng ở phía Tây, quay mặt về phía Đông. Sau đó, sườn núi phía Tây của vũ trụ chìm xuống thấp và dường như đã chạm tới A-tỳ địa ngục bên dưới và sườn núi phía Đông nhô lên và dường như đã chạm tới vòm trời phía trên. Bất cứ nơi nào Ngài đứng, Trái Đất hùng vĩ bị uốn cong xuống ở một bên và nâng lên cao ở bên kia, giống như một bánh xe ngựa nằm trên trục với mép vành của nó bị giẫm đạp ở một bên. Bồ Tát nghĩ rằng có lẽ đó cũng không phải là nơi để chứng đạt Giác ngộ và Ngài đi vòng theo chiều kim đồng hồ và đứng ở phía Bắc, quay mặt về phía Nam. Sau đó, sườn núi phía Bắc của vũ trụ chìm xuống thấp và dường như đã chạm tới A-tỳ địa ngục bên dưới. Sườn núi phía Nam nhô lên và dường như đã chạm tới vòm trời phía trên. Bồ Tát nghĩ rằng có lẽ đó cũng không phải là nơi để đạt được Giác ngộ và ngài đi vòng theo chiều kim đồng hồ và đứng ở phía Đông, quay mặt về phía Tây. Chỗ tọa thiền của chư Phật ở phương Đông, không rung chuyển và không lay động.

Vô địch Bảo toạ

391. Bậc Đại Sĩ, sau khi nhận ra rằng đó là chỗ ngồi vững chãi, chưa từng bị bỏ qua của bất kỳ vị Phật nào, là chỗ ngồi cho Vị ấy đoạn trừ những phiền não trầm luân, cầm ở phần đầu những ngọn cỏ và Ngài lắc chúng. Ngay lập tức có một chỗ ngồi rộng mười bốn hắc tay. Và những ngọn cỏ đó tự đặt mình theo cách mà ngay cả họa sĩ hay nhà điêu khắc tài giỏi nhất cũng không thể nào thiết kế được. Đức Bồ Tát quay lưng vào thân cây Bồ Đề và quay mặt về hướng Đông, quyết tâm kiên định: "Dù cho ta chỉ còn da bọc xương, máu thịt trong ta khô cạn; chỉ cho đến khi đạt được Vô Thượng Chánh đẳng Chánh Giác thì ta mới rời bỏ vô địch bảo tọa này". Ngài ngồi khoanh

chân trên bảo toạ bất khả chiến bại của mình, với quyết tâm đó, Ngài không thể bị đánh bật dù hàng trăm tia sét có đánh vào Ngài.

Quân đoàn của Ma Vương

392. Lúc bấy giờ, vị Thiên tử của Ma Vương nghĩ rằng: "Thái tử Siddhattha muốn vượt khỏi tầm kiểm soát của ta, nhưng ta sẽ không cho hắn cơ hội để làm điều đó" bèn đi thông báo cho quân lính của mình và cùng họ tiến lên phía trước, thốt ra âm thanh khai chiến đặc trưng của Ma Vương. Đội quân của Ma Vương dàn trận là một hàng dài mười hai do tuần trước mặt Ngài và mười hai do tuần mỗi bên hai bên sườn; phía sau Bồ Tát, đội quân này kéo dài đến tận rìa của vũ trụ, và đi lên đến độ cao chín do tuần. Khi nó xé toạc không khí với âm thanh xung trận, như thể tiếng ầm ầm của một trận động đất tiến triển từ khoảng cách hàng ngàn do tuần. Sau đó, Thiên tử Ma Vương ngồi trên con voi tên là Girimekhala, cao một trăm năm mươi do tuần, Ma Vương được trang bị nhiều loại vũ khí với một ngàn tay. Tất thảy những binh sĩ trong đội quân của Ma Vương, không có ai mang cùng một loại vũ khí. Chúng xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau với nhiều chiêu trò khác nhau để áp đảo Đấng Tối Thượng.

Chư Thiên trốn chạy

393. Vào lúc này, chư Thiên của mười ngàn thế giới đứng quanh Bậc Đạo Sĩ hát những bài ca ngợi khen Ngài. Vua trời Đế Thích (Sakka) đứng đó thổi vỏ ốc xà cừ Vijayuttara, vỏ ốc này có chu vi hai ngàn hắc tay. Khi thổi không khí vào, nó phát ra tiếng vang kéo dài trong bốn tháng trước khi âm thanh cuối cùng tắt hẳn. Long Vương Mahākāla đứng ca ngợi hơn một trăm bài kệ. Đại Phạm Thiên đứng đó cầm lọng trắng. Khi đội quân Ma Vương đang tiến nhanh đến gốc cây Bồ Đề, không một ai trong số các vị Thiên có thể ở lại; họ chạy trốn theo bất kỳ hướng nào họ đang đứng. Thiên chủ Long Vương Kāla lặn xuống Trái Đất và chạy trốn đến nơi ở của Long Vương Mañjerika, rộng năm trăm do tuần và nằm xuống lấy hai tay che mặt. Đế Thích Sakka đứng ở đỉnh vũ trụ treo lủng lẳng chiếc vỏ ốc xà cừ Vijayuttara trên lưng, Đại Phạm Thiên để chiếc lọng trắng của mình ở rìa vũ trụ và đi thẳng đến Phạm Thiên giới. Không một vị nào có thể ở lại đó. Bậc Đại Sĩ đã ngồi đó một mình.

394. Ma Vương sau đó nói với đoàn tùy tùng của mình: "Hãy nghe đây, thế gian không có ai sánh bằng Siddhattha, con trai của vua Suddhodana. Chúng ta còn không xứng trực diện giao chiến với hắn, nên hãy tấn công hắn ta từ phía sau." Và Bậc Đại Sĩ nhìn ra ba phía và thấy toàn bộ nơi này vắng tanh vì tất cả chư Thiên đều

đã chạy trốn. Và một lần nữa khi nhìn thấy lực lượng Ma Vương ập xuống mình từ phương Bắc, Ngài tiếp tục ngồi đó suy nghiệm về mười Pháp độ Ba La Mật như sau: "Một lực lượng lớn như vậy đã nỗ lực thị hiện nhiều oai lực để chống lại một mình ta. Ở nơi này không có mẹ, không có cha, không có anh trai hay bất kỳ người thân nào khác của ta. Nhưng Mười Ba La Mật này giống như những tùy tùng mà ta đã vun bồi trong một thời gian rất lâu dài. Vì vậy ta hãy dùng chúng như những lá chắn và vũ khí để đánh tan đạo quân hung hãn này."

Trận Chiến Với Ma Vương

395. Sau đó, vị Thiên Tử Ma Vương dấy lên một cơn lốc xoáy như muốn cuốn phăng Siddhattha đi. Ngay lập tức những cơn gió lớn nổi lên từ phía Đông và các hướng khác, sức gió có thể làm vỡ vụn các đỉnh núi cao nửa do tuần, hai do tuần, hoặc ba do tuần, hoặc có thể làm bật gốc các bụi cây và cây cối trong rừng, hoặc có thể làm tan nát các làng mạc và thị trấn trong khu vực lân cận; nhưng trước đức hạnh và sự uy nghiêm của Bậc Đại Sĩ, chúng đã mất đi sức mạnh, và khi đến chỗ Bồ Tát, chúng thậm chí không thể lay chuyển được cái chéo y của ngài. Mong muốn nhấn chìm Ngài trong nước và giết chết Ngài, Ma Vương tiếp tục gây ra một trận đại hồng thủy như trút nước. Với thần lực vĩ đại của hắn, những đám mây tụ tập thành hàng trăm hàng ngàn đám, từng lớp từng lớp và trút mưa xuống. Trái Đất như bị khoét rỗng bởi sự dữ dội của trận mưa xối xả. Một trận lụt lớn ập đến nhấn chìm những ngọn cây trong rừng nhưng nó không thể làm ướt nổi chiếc y của Ngài dù chỉ bằng khoảng không gian nhỏ bé mà một giọt sương có thể rơi xuống.

Tiếp theo, hắn dựng lên một trận mưa đá. Những đỉnh núi lớn cuộn xoáy trong không khí tạo ra khói và lửa; nhưng khi đến chỗ Bồ Tát, chúng biến thành những vòng hoa từ cõi trời. Tiếp theo, hắn nổi lên một cơn bão tên lửa. Kiếm, dao găm, phi tiêu và các vũ khí khác, một lưỡi và hai lưỡi, lao vút qua bầu trời, bốc khói và rực lửa; nhưng khi đến chỗ Bồ Tát, chúng biến thành những bông hoa thiên. Tiếp theo, hắn phun lên một cơn mưa than đang rực cháy; than hồng màu của hoa Kimsuka[96] bay qua bầu trời và rải rác dưới chân Bồ Tát, biến thành những bông hoa cõi trời. Tiếp theo, hắn nổi lên một cơn bão tro tàn; tro nóng đỏ, rực rỡ như lửa bay trong không trung, rơi xuống chân Bồ Tát và biến thành bột gỗ đàn hương. Tiếp theo, hắn nổi lên một cơn bão cát; những hạt cát mịn bốc khói và bốc cháy khắp bầu trời, rơi xuống chân Bồ Tát và biến thành những bông hoa thiên. Tiếp theo, hắn nổi lên một cơn bão bùn; bùn bốc

---

[96] Butea frondosa, hoa của nó màu đỏ. kỷ nguyên Singhalese.

khói và bốc cháy trong không khí, rơi xuống dưới chân Bồ Tát và biến thành dầu thơm cõi trời. Tiếp theo, hắn tạo ra một bóng tối dày đặc như khi bốn điều kiện được kết hợp;[97] khi đến gần Bồ Tát, nó biến mất như bóng tối tan biến dưới ánh sáng rực rỡ của Mặt Trời.

396. Do đó, Ma vương không thể thổi bay Bồ Tát với chín cơn bão này: gió, mưa, đá, tên lửa, than hồng, tro, cát, bùn và bóng tối. Hắn ta ra lệnh cho quân lính: "Người của ta. Tại sao các ngươi vẫn đứng yên ra đó? Hãy bắt vị hoàng tử này hoặc đánh hắn hoặc đưa hắn đến địa ngục cho ta." Hắn cưỡi voi Girimekhala được trang bị một vũ khí hình đĩa bay đến chỗ Bồ Tát và la lên: "Này Siddhattha, hãy đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Nó không dành cho người. Nó thuộc về ta." Khi nghe những lời ấy, Bậc Đại Sĩ trả lời: "Ma Vương, ngươi đã không thực hành mười Pháp độ Ba La Mật, Ba La Mật bậc hạ, bậc trung và bậc thượng, cũng không thực hiện những hy sinh vĩ đại, ngươi cũng chưa hoàn thành nhiệm vụ tìm kiếm tri thức, tìm kiếm sự giàu có của thế giới và sự tầm cầu trí tuệ. Chỗ ngồi này không dành cho ngươi. Chỉ một mình ta mới có quyền đối với nó."

397. Tức giận, Ma Vương không thể kiềm chế cơn nóng nảy của mình, đã ném chiếc đĩa của mình vào Bậc Đại Sĩ. Nhưng nó lại biến thành một vòng hoa và lơ lửng ở trên đầu Bồ Tát trong lúc Ngài suy tư về mười Pháp Ba La Mật. Người ta nói rằng cái đĩa như thứ vũ khí sắc như dao cạo này, khi được ném ra lúc Ma Vương nổi cơn thịnh nộ, lao thẳng vào và chẻ những cột đá rắn chắc như thể chúng là măng tre vậy, nhưng bây giờ nó biến thành một vòng hoa và nằm yên ở đó. Những người khác trong đội quân của Ma Vương ném những tảng đá khổng lồ, nghĩ rằng nó sẽ khiến Ngài đứng dậy khỏi chỗ ngồi và bay đi. Nhưng ngay cả những thứ này cũng biến thành những vòng hoa và rơi xuống đất, trong khi Bậc Đại Sĩ tiếp tục quán chiếu về mười Pháp độ Ba La Mật.

Trái Đất làm chứng nhân

398. Chư Thiên đứng trên đỉnh của các tầng trời liên tục ngẩng đầu và vươn cổ nhìn ra ngoài, nói rằng: "Than ôi, thân hình đẹp đẽ của thái tử Siddhatta chắc sẽ bị hủy hoại! Ngài sẽ làm gì nhỉ?" Sau đó, Bậc Đại Sĩ nói với Ma Vương khi hắn đứng đó tranh giành vô địch bảo tọa, thứ được trao cho chư vị Bồ Tát vào ngày các Ngài chứng đạt Nhất Thiết Trí, đã vun bồi viên mãn các Pháp độ Ba La Mật. "Ma vương, ai sẽ làm

[97] Bốn điều kiện là: ngày thứ mười bốn của hai tuần tối (trăng khuyết), rừng rậm, mây đen và nửa đêm.

chứng cho việc bố thí của ngươi?” Ma Vương giơ tay về phía đội quân của mình và nói: “Tất cả những người này đều là nhân chứng của ta.” Ngay lập tức có tiếng kêu đồng thanh: “Ta là nhân chứng, ta là nhân chứng của Thiên chủ!” phát ra từ đội quân của Ma Vương vang dội như một trận động đất. Rồi Ma Vương nói với Bậc Đại Sĩ: “Siddhattha! Ai sẽ làm chứng cho việc bố thí của ngươi?” Bậc Đạo Sĩ trả lời: “Ngươi có chúng sinh làm nhân chứng cho việc ngươi đã làm thiện pháp bố thí, nhưng ở nơi này, ta không có chúng sinh nào làm nhân chứng. Hãy để sự bố thí mà ta đã thực hành trong vô lượng kiếp, hãy để Trái Đất rộng lớn và vững chắc này, không có sự thiên vị như nó vốn có, là nhân chứng của ta, cho bảy trăm lần bố thí vĩ đại mà ta đã thực hiện khi ta sinh ra làm Vessantara”. Ngài rút bàn tay phải ra khỏi những nếp gấp của chiếc y, duỗi thẳng nó xuống mặt đất và nói: “Bạn có phải là nhân chứng cho việc ta đã bố thí bảy trăm lần khi ta sinh ra là Vessantara không?” Và đại địa vang dội hàng trăm, hàng ngàn hay hàng trăm ngàn tiếng vang như thể để áp đảo những thế lực của Ma vương và như đang nói rằng: “Ta là nhân chứng cho điều đó.”

Đánh bại Ma Vương

399. Sau đó, khi Bậc Đại Sĩ tiếp tục suy ngẫm về sự bố thí mà Ngài đã làm trong kiếp sống là Vessantara, tự nhủ: “Hỡi Siddhattha, ngài đã bố thí nhiều vô cùng và hy sinh nhiều vô lượng,” voi Girimekhala cao một trăm năm mươi do tuần quỳ xuống trên đầu gối của nó, quân tướng của Ma Vương bỏ chạy tán loạn theo mọi hướng. Không có hai người chạy theo cùng một con đường. Họ chạy theo bất kỳ hướng nào trước mặt, bỏ lại đồ trang sức trên đầu và quần áo đang mặc.

Tuyên bố Chiến thắng

400. Khi các vị Thiên chủ nhìn thấy đội quân của Ma vương đang tháo chạy, trong số họ, các loài rồng đã gửi các sứ giả đến Long cung, loài Kim Sí Điểu (Suppanna) đến vương quốc của các loài chim, các vị Trời đến cõi trời và các vị Phạm thiên đến Phạm Thiên giới, nói rằng: “Ma Vương đã bị đánh bại, Thái tử Siddhattha đã chiến thắng, chúng ta hãy tôn vinh chiến thắng của Ngài.” Họ đến gần Bậc Đại Sĩ, đến chỗ tòa Bồ Đề của Ngài. Và sau đó họ hát vang để ăn mừng thời khắc linh thiêng và trọng đại này:

Vì đây là chiến thắng lừng lẫy của Đức Phật đánh bại Ma vương. Vì vậy, Thiên tử của loài rồng vô cùng vui mừng và tuyên bố dưới gốc cây Bồ Đề về chiến thắng của Bậc Đại Hùng.

Vì đây là chiến thắng lừng lẫy của Đức Phật đánh bại Ma vương. Vì vậy, các loài Kim Sí Điểu tràn ngập niềm vui và tuyên bố dưới gốc cây Bồ Đề về sự chiến thắng của Bậc Đạo Hùng.

Vì đây là chiến thắng lừng lẫy của Đức Phật đánh bại Ma vương. Vì vậy, chư Thiên vô cùng vui mừng và tuyên bố dưới gốc cây Bồ Đề sự chiến thắng của Bậc Đạo Hùng.

Vì đây là chiến thắng lừng lẫy của Đức Phật đánh bại Ma vương. Cũng vậy, chư Phạm Thiên vui mừng hoan hỷ tuyên bố dưới chân cội Bồ Đề chiến thắng của Bậc Đại Hùng Kiên Định.

Bậc Đạo Sĩ Chứng Đắc Nhất Thiết Trí

401. Các vị thiên còn lại của mười ngàn thế giới đứng đó tôn vinh Ngài với những vòng hoa, nước hoa và dầu thơm và ca ngợi Ngài theo nhiều cách khác nhau. Trong khi Mặt Trời vẫn còn chiếu sáng phía trên, Bậc Đại Sĩ đã giải tán quân đội của Ma Vương; những chùm lá non của cây Bồ Đề rơi xuống tấm y như để cúng dường Ngài, như thể chồi san hô đỏ. Canh đầu của đêm, Ngài chứng Túc Mạng Minh – trí thấy rõ những kiếp sống quá khứ; canh hai, Ngài chứng Thiên Nhãn Minh; và canh cuối cùng, Ngài chứng Lậu Tận Minh, tuệ giác thấy rõ biết rõ sự vận hành duyên khởi của dòng luân hồi và chấm dứt hoàn toàn phiền não. Khi Ngài tiếp tục suy ngẫm về bản chất của mười hai duyên khởi theo chiều thuận và chiều nghịch trong quá trình tăng trưởng hoặc tan rã, mười ngàn thế giới rúng động mười hai lần cho đến tận cùng giới hạn của các đại dương.

Khi Bậc Đại Sĩ chứng đạt Thẩm Sát Trí lúc bình minh, làm cho mười ngàn thế giới vang dội, toàn bộ mười ngàn thế giới đó như đều khoác lên mình phục trang lễ hội.

Vũ trụ chấn động trong niềm hân hoan

402. Ánh hào quang của các biểu ngữ và cờ phướn treo trên đỉnh phía Đông của toàn bộ thế giới lan rộng đến tận sườn núi phía Tây. Tương tự như vậy, ánh sáng rực rỡ của các biểu ngữ và cờ phướn được treo trên sườn núi phía Tây, sườn núi phía Bắc và sườn núi phía Nam lan rộng đến các sườn núi phía Đông, Nam và Bắc một cách tương ứng. Ánh hào quang của các cờ phướn và biểu ngữ được treo trên bề mặt của Trái Đất tiếp xúc tới tận Phạm Thiên giới, và những biểu ngữ được giương cao trong thế giới của Phạm thiên chiếu xuyên qua bề mặt Trái Đất. Các loài cây có hoa

trong mười ngàn thế giới nở rộ. Những loài cây ăn quả trĩu nặng với những chùm quả tươi. Hoa nở trên thân cây, cành cây và dây leo nở rộ lên ở những nơi tương ứng. Những bông sen trên thân mọc thành chùm bảy bông, xuyên qua các bề mặt đá và được xếp chồng lên nhau. Mười ngàn thế giới xoay chuyển giống như một vòng hoa tung bay hoặc giống như một bông hoa được sắp xếp đẹp mắt. Các không gian giao thoa rộng tám ngàn do tuần giữa các thế giới trước đó chưa từng được thắp sáng ngay cả với ánh sáng của bảy Mặt Trời chiếu sáng cùng lúc, nay trở thành một khối ánh sáng. Đại dương sâu tám mươi bốn ngàn do tuần biến thành nước ngọt. Những dòng sông ngừng chảy. Những người mù bẩm sinh có thể nhìn thấy đồ vật, những người điếc bẩm sinh đã có thể nghe thấy âm thanh và những người tàn tật bẩm sinh đã đi được bằng đôi chân của mình. Những ràng buộc và xiềng xích lơi lỏng và tháo gỡ.

Kệ ngôn xuất thần

403. Được tôn vinh với vinh quang và huy hoàng vô biên như vậy, trong khi nhiều điều kỳ diệu đang diễn ra, Ngài đạt được Thẩm Sát Trí - tuệ giác thâm nhập vào tri kiến Toàn Giác và thốt ra tuyên bố hùng hồn theo thông lệ của tất cả chư Phật ba đời mười phương:

Lang thang bao kiếp luân hồi
Tìm không gặp kẻ xây ngôi nhà này!
Ôi! đời sống thật buồn thay!
vần xoay đau khổ, thiên thu nhọc nhằn

Hỡi này anh thợ nhà kia!
Rui, mè, kèo, cột gãy lìa nát tan
bao tham ái thảy tiêu tàn
Tâm ta thắng đạt Niết Bàn thảnh thơi!

(Để tìm kiếm ngươi kẻ xây nhà, ta đã trải qua nhiều kiếp tái sinh trong dòng luân hồi nhưng vô ích; phiền não, đau khổ mịt mù khi phải trầm luân trong bao kiếp lăn trôi. Ôi kẻ xây ngôi nhà kia, ta đã tìm thấy ngươi rồi. Đừng xây thêm nhà nữa! Ta đã bẻ gãy các thanh xà cùng với các rường cột. Tâm ta đã vượt thoát khỏi tất cả lậu hoặc và đã đoạn diệt tham ái).[98]

Tất cả những sự kiện bắt đầu từ việc Ngài rời cõi trời Đâu Suất (Tusita) và kết thúc với việc chứng đắc Nhất Thiết Trí được gọi là Kỷ nguyên Trung Đại.

---

[98] Kinh Pháp cú kệ 153-54.

KỶ NGUYÊN GẦN ĐÂY (Santike Nidāna)

Bảy tuần: Tuần đầu tiên

404. Người ta nói rằng Kỷ nguyên Gần đây đề cập đến việc Ngài lưu trú ở nhiều nơi khác nhau, với những lời phát biểu như: "Đức Thế Tôn trú tại Sāvatthi trong tu viện của ông Anāthapiṇḍika ở khu vườn của Thái tử Jeta", hoặc "Ngài trú tại Vesāli trong Sảnh đường Năm nóc nhọn ở Mahāvana". Mặc dù được tuyên bố như vậy, tuy nhiên, nó nên được tuân theo ngay từ đầu theo cách sau:

Điều đó xảy ra với Đức Thế Tôn ngay cả khi Ngài đang ngồi ở đó, sau khi đã thốt lên một cảm hứng ngữ nội tâm trầm hùng, siêu thoát: "Ta đã theo đuổi con đường của mình trong đại dương luân hồi trong bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp để đạt được ngôi vị chiến thắng này. Vì lợi ích của vô địch bảo tọa này mà trong khoảng thời gian dài thăm thẳm biền biệt miên viễn đó, ta đã chặt cái đầu vương tộc khỏi cổ, móc đôi mắt được vẽ tô, móc trái tim mình và cho đi; ta đã cho đi những đứa con trai, con gái, người vợ như Hoàng tử Jāli, Công chúa Kanhājinā, Hoàng hậu Maddī của mình để làm nô lệ cho những người khác. Đây, ngai vàng chiến thắng của ta, là một ngai vàng duy nhất. Trong khi ngồi đây, mọi nguyện vọng của ta đã thành tựu và ta sẽ chưa đứng dậy khỏi nó." Và ngài ngồi đó trong bảy tuần, nhập vào trăm ngàn tỷ ức thành tựu. Liên quan đến việc này, kinh điển có đề cập rằng: "Do đó, Đức Thế Tôn ngồi thiền liên tục trong bảy ngày chứng nghiệm niềm an lạc của Đạo Quả giải thoát."

Điện thờ của ánh mắt kiên định

405. Một số vị Thiên ở đó bắt đầu phản ánh: "Ngay cả hôm nay Siddhattha chắc chắn còn có một nhiệm vụ khác phải thực hiện, nhưng Ngài vẫn chưa từ bỏ sự gắn bó của mình với bảo toạ chiến thắng." Thế Tôn biết suy nghĩ của họ, và để xua tan những nghi ngờ đó, Ngài đã bay lên không trung và thực hiện phép lạ song thông★. Phép song thân đó đã được Ngài thực hiện tại cội cây Bồ Đề, dưới sự chứng kiến của hoàng tộc Sakya, hoặc thị hiện trước mặt Patikaputta, tất cả đều giống nhau khi Ngài thực hiện dưới cội cây Gandamba.

Như vậy, sau khi xua tan nghi ngờ của chư Thiên bằng phép lạ này, Bậc Đạo Sư đã suy nghĩ: "Chính trên vô địch bảo tòa này mà ta đã đạt được quả vị Toàn Giác", Ngài đứng chếch về hướng Đông so với phía Bắc của Bảo toạ chiến thắng, nơi mà

★ Song thông (**Yamaka Patihariya)** "đôi thần thông lực", làm cho nước và lửa cùng một lúc phát sanh ra từ lỗ chân lông của Đức Phật. (ND)

Ngài đã đạt được quả báu của những Pháp độ Ba La Mật mà Ngài đã vun bồi viên mãn trong bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, nơi đó được gọi là Điện thờ của Ánh mắt kiên định.

Điện thờ con đường Kinh hành châu báu

Sau đó, Ngài tạo ra một đường kinh hành giữa bảo toạ chiến thắng và nơi Ngài đã đứng, Đức Phật trải qua bảy ngày đi đi lại lại trên đường kinh hành nạm ngọc trải dài từ Đông sang Tây. Và nơi đó được biết đến với tên gọi Điện thờ dường kinh hành Châu báu.

Điện thờ của Ngôi Nhà Châu Báu

Tuần thứ tư, các vị thiên đã tạo ra một ngôi nhà bằng các loại châu báu ở một nơi phía Tây Bắc của cội Bồ Đề. Và Ngài đã dành bảy ngày ở đó để suy ngẫm cẩn thận về nội dung của toàn bộ bộ luận trong Vi Diệu Pháp Tạng với vô số phương pháp giải thích của nó. Nhưng các thành viên của Trường Vi Diệu Pháp nói rằng ngôi nhà bằng châu báu ở đây không có nghĩa là một ngôi nhà được xây bằng châu báu mà là nơi Đức Phật đã suy ngẫm về bảy cuốn Vi Diệu Pháp. Vì cả hai cách giải thích đều có thể áp dụng ở đây, nên cả hai được chấp nhận, vì vậy nơi đó được gọi là Điện thờ của Ngôi Nhà Châu Báu.

Mười sáu đường của Ma Vương

406. Sau khi trải qua bốn tuần gần cội Bồ Đề như vậy, vào tuần thứ năm, từ cội Bồ Đề, Ngài dời sang cây đa Ajapāla. Ở đó, Ngài cũng ngồi suy tư về Giáo pháp và trải nghiệm phúc lạc của sự giải thoát.

Lúc bấy giờ, Thiên tử Ma Vương tự nghĩ: "Từ lâu nay ta đã theo dõi để chờ cơ hội nắm thóp được hắn. Nhưng ta không phát hiện ra lỗi lầm nào ở hắn cả, hắn đã vượt ra tầm kiểm soát của ta"; ngồi trên đường chán nản và thất vọng, Ma vương đã vẽ mười sáu đường trên mặt đất suy nghĩ về mười sáu điều. Vị ấy vẽ một đường và nghĩ: "Ta đã không hoàn thành Bố thí Ba La Mật như Ngài ấy, do đó ta không được như Ngài ấy." Tương tự như vậy, khi nghĩ rằng, "Ta đã không hoàn thành các Ba La Mật như Trì giới, Xuất gia, Trí tuệ, Tinh tấn, Nhẫn nãi, Chân thực, Quyết tâm, Tâm Từ và Tâm Xả như Ngài ấy, do đó ta đã không thể trở thành như Ngài ấy." Ma Vương đã lần lượt vẽ đến dòng thứ 10. Vẽ tiếp dòng thứ 11 và nghĩ: "Ta chưa vun bồi mười Pháp độ Ba La Mật như Ngài ấy đã làm, vốn là nền tảng cho sự chứng ngộ tri kiến độc nhất về hiểu được tâm của người khác, và do đó ta đã không trở thành giống như Ngài." Lại nghĩ rằng: "Ta chưa viên mãn như Ngài, Mười Ba La Mật vốn là nền tảng

cho trí tuệ vô song về khuynh hướng và nhân cách, về thành tựu tâm đại bi, về sự chứng đạt song thông, về việc loại bỏ mọi chướng ngại, và về trí tuệ Toàn Giác; do đó ta đã không trở thành giống như Ngài." Ma vương đã vẽ [đến tận] dòng thứ mười sáu. Vì những lý do này, ông ta đã ngồi trên đường và vẽ mười sáu đường theo cách đó.

Những người con gái của Ma vương

407. Lúc bấy giờ Taṇhā, Aratī và Ragā,[99] ba người con gái của Ma vương đi tìm ông và nói: "Phụ thân của chúng ta không thấy đâu, bây giờ cha đang ở đâu nhỉ?"; họ đã nhìn thấy ông chán nản cào cấu trên mặt đất. Trông thấy vậy, họ chạy đến hỏi: "Thưa phụ vương, sao cha buồn rầu và ủ rũ như vậy?"

"Các con của ta, vị Đại Sĩ này nay đã vượt khỏi tầm kiểm soát của ta rồi, ta đã theo dõi từ lâu nhưng không thấy cơ hội nào để tóm được Ngài. Vì vậy, ta buồn chán nản lòng.

"Nếu vậy thì cha đừng phiền lòng. Chúng con sẽ khuất phục hắn bằng phép thuật của chúng con và dẫn hắn đến cho cha."

"Không, các con thân mến, không ai có thể khuất phục được vị ấy. Người này đã an trú vững chắc trong đức tin không lay chuyển của mình."

"Nhưng thưa cha, chúng con là phụ nữ; chúng con sẽ trói buộc hắn trong niềm dục vọng và đưa hắn đến cho cha. Cha đừng lo." họ nói và rồi khi đến gần Thế Tôn, họ nói với Ngài. "Hỡi này vị Sa Môn, chúng thần thiếp sẽ chăm sóc Ngài như những người vợ của Ngài." Đức Thế Tôn không để ý đến những gì họ nói, cũng không mở mắt nhìn họ. Khi tâm ngài đã đạt đến trạng thái hoàn toàn giải thoát khỏi sự hủy diệt của mọi dục lạc, Ngài ngồi đó trải nghiệm phúc lạc của sự tĩnh lặng tuyệt đối.

408. Sau đó, ba con gái của Ma Vương đã đến gặp Thế Tôn sáu lần, thưa rằng: "Này vị Sa Môn, chúng thần thiếp sẽ hầu hạ Ngài như những người vợ của Ngài." rồi mỗi cô tự biến hoá ra một trăm hình dáng khác nhau như những trinh nữ, những người phụ nữ chưa sinh con, đã sinh một con, hoặc đã có hai con, phụ nữ ở tuổi trung niên, phụ nữ đã đứng tuổi rồi tự nghĩ: "Đa dạng thay là những ham muốn của đàn ông, một số bị thu hút bởi trinh nữ, một số bị phụ nữ ở độ tuổi thanh niên thu hút, một số bị phụ nữ ở tuổi trung niên thu hút và một số khác bị phụ nữ lớn tuổi thu hút. Chúng ta hãy quyến rũ Ngài bằng mọi cách có thể. Và Đức Thế Tôn thậm chí không quan tâm đến

[99] là 'Tham ái , ác cảm và dục lạc".

điều đó, bởi vì Ngài đã đạt được sự giải thoát hoàn toàn bằng sự diệt trừ hoàn toàn tất thảy ham muốn thuộc về vật chất.

Nhưng một số vị Trưởng lão cho rằng khi Đức Thế Tôn nhìn thấy họ cải trang thành những người phụ nữ lớn tuổi đến gần Ngài, Ngài quyết định rằng họ nên tiếp tục như vậy mãi mãi, với những chiếc răng rụng và tóc bạc. Điều này không nên được chấp nhận, vì Thế Tôn sẽ không thể nghĩ như vậy. Nhưng Đức Thế Tôn đã nói rằng: "Hãy đi khỏi đây. Các ngươi nỗ lực như vậy vì mục đích gì? Thật không hợp lẽ khi các ngươi hành động như vậy thậm chí trước mặt những người chưa vượt qua được dục vọng của họ. Về phần Như Lai, Như Lai đã chiến thắng tham dục, sân hận và si mê." Nói rồi Ngài thuyết giảng cho họ một bài kinh với hai câu kệ sau đây đề cập đến sự diệt trừ phiền não của Ngài, điều này có trong Phẩm Phật Đà (Buddhavagga) của Kinh Pháp Cú:[100]

Thắng dục tình chẳng ai hơn

Không còn thất bại, lụy hờn phàm tâm

Phật trí thanh tịnh hết lầm

Lấy gì cám dỗ, cầm nhầm kéo lôi.[101]

Người dứt hết trói buộc rồi

Ái dục đâu thể làm mồi đam mê

Phật trí thẩm sâu Bồ đề

Lấy gì cám dỗ rủ rê được nào!

Sau đó họ trở về với cha mình và cùng nói rằng: "Cha chúng ta đã nói đúng; Thế Tôn là một Bậc Ứng Cúng trên thế gian, Ngài không thể dễ dàng bị dục vọng thế gian dẫn dắt.

Long Vương Mucalinda

409. Và Thế Tôn ở tại đó bảy ngày và di chuyển đến cây Mucalinda. Ở đó, Ngài trải qua một tuần trong sự an toàn tuyệt đối, trải nghiệm phúc lạc của sự giải thoát như thể đang ở trong căn phòng thơm tho của mình, ngồi trên những nếp gấp của

---

[100] Dhp 197-80.

[101] có nghĩa là các phiền não đã được dứt trừ

Long Vương Mucalinda[102], vị Long Vương đã dùng chính thân mình quấn quanh Ngài bảy vòng để tránh sự lạnh lẽo và những điều kiện thời tiết khắc nghiệt khác, khi đó trời mưa và kéo dài suốt một tuần lễ. Sau đó Thế Tôn đi đến cội cây Rājāyatana. Ngài tiếp tục ngồi và tận hưởng niềm hạnh phúc của sự giải thoát. Ngài trải qua bảy tuần lễ ở đây. Trong khoảng thời gian này, Ngài không [cảm thấy cần phải] rửa mặt, tắm giặt hay ăn uống bất cứ thứ gì.

Ngài trải qua thời gian tận hưởng niềm hỷ lạc của trạng thái xuất thần của thiền định, của Đạo và Quả.

410. Sau đó, vào ngày thứ bốn mươi chín, khi bảy tuần lễ đã trôi qua, khi ngồi đó, Ngài cảm thấy cần phải rửa mặt. Vua trời Đế Thích (Sakka) đã mang theo quả hạch (myrobalan), loại trái có tác dụng chữa bệnh. Ngài đã thọ dụng và với tác dụng của nó, hệ tiêu hoá của Ngài đã được thanh tẩy. Tiếp theo, Thiên chủ Sakka mang đến cho Ngài một cây tăm bằng gỗ Nāgalatā và nước để rửa mặt. Thế Tôn dùng cây tăm đó, rửa mặt bằng thứ nước lấy từ hồ Anotatta, rồi lại một lần nữa, Ngài ngồi xuống dưới gốc cây Rājāyatana.

Tapussa and Bhallika

411. Vào lúc này, hai thương nhân tên là Tapassu và Bhalluka, trên chuyến buôn từ quận Ukkala đến Trung Thổ cùng với một đoàn 500 cỗ xe bò, đã được một vị Thiên, vốn là bà con họ hàng trong một tiền kiếp mách bảo; và họ đã dừng xe để dâng cúng vật thực đến Bậc Đạo Sư. Họ đến gặp Ngài, mang theo một chiếc bánh gạo và mật ong; họ thỉnh cầu rằng: “Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Ngài vì lòng bi mẫn, thọ nhận món vật thực này của chúng con.” và đứng sang một bên. Vì chiếc bát của Ngài đã biến mất vào đúng ngày Ngài nhận bữa cơm sữa của nàng Sujātā, Ngài bắt đầu tự hỏi nên nhận vật thực này như thế nào, vì Như Lai không dùng tay thọ nhận vật thực bao giờ. Lúc bấy giờ, Tứ Đại Thiên Vương đoán biết được ý nghĩ của Đức Phật nên đã từ bốn phương mang bốn cái bát làm bằng ngọc bích (sapphire) dâng lên Ngài. Đức Thế Tôn từ chối nhận chúng. Tiếp theo, họ mang đến dâng Ngài bốn cái bát làm bằng đá cẩm thạch (granite). Cân nhắc về tấm lòng của Tứ Đại Thiên Vương nên Thế Tôn đã nhận tất cả bốn cái bát và đặt cái bát này lên trên cái bát kia rồi chú nguyện cho chúng trở thành một. Bốn cái bát này trở thành một cái bát cỡ trung bình với những đường vân khác biệt xuất hiện ở miệng bát. Đức Thế Tôn đã thọ nhận món vật

[102] Được đặt tên theo cây Mucalinda, Barringtonia acutangula - cây Lộc Vừng, cây Trung bì của người Sinha.

thực trong cái bát bằng đá granite mới nhận và tri ơn. Hai anh em lái buôn đã quy y Phật và quy y Pháp, trở thành hai thiện tín đầu tiên quy y Nhị Bảo (vì lúc bấy giờ chưa có Tăng đoàn). Sau đó, hai anh em người thương nhân bèn bạch rằng: "Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Ngài ban cho chúng con một kỷ vật, để chúng con có thể tiếp tục thờ phụng." Đức Phật trao cho hai anh em lái buôn xá lợi tóc khi Ngài đưa tay phải lên đầu nhổ vài sợi tóc cho họ. Họ đã xây một bảo tháp ở thành phố quê nhà của họ để thờ những xá lợi (tóc) này.

Lời thỉnh cầu của vị Phạm Thiên

412. Về phần Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài từ đó đứng dậy và đi đến cây đa Ajapāla và ngồi xuống dưới gốc cây. Khoảnh khắc Ngài ngồi đó, khi đang suy ngẫm về sự sâu xa của Giáo pháp mà ngài đã chứng ngộ, trong Ngài nảy sinh ý nghĩ thông thường mà tất cả chư Phật ba đời mười phương đều có, rằng Ngài đã chứng ngộ Giáo pháp nhưng Ngài không có ý định tuyên bố Giáo pháp thậm thâm vi diệu cho chúng sinh khác. Lúc ấy, vị Phạm Thiên Sahampati than thở: "Than ôi, thế gian đang gặp nguy hiểm! Than ôi, thế gian phải đối mặt với đại thảm họa!" Lúc ấy, vị Phạm Thiên Sahampati than thở: "Than ôi, thế gian đang gặp nguy hiểm! Than ôi, thế gian phải đối mặt với đại thảm họa!" Thiên chủ Suyāmas của cõi trời Dạ Ma, Thiên chủ Santusitas của cõi trời Đâu Suất, Thiên tử Sunimmita của cõi Tha Hóa Tự Tại, Ma Vương Vasavattis và chư vị Đại Phạm Thiên đến trước Thế Tôn khẩn cầu Ngài truyền bá Giáo Pháp với những lời thỉnh cầu như sau: "Bạch Thế Tôn, mong Đức Thế Tôn hãy thuyết Pháp, mong Thiện Thệ hãy thuyết Pháp."

Hành trình đến Bārānasī của Ngài

413. Đức Phật sau khi chấp nhận lời thỉnh cầu thuyết pháp, Ngài tự nghĩ: "Ai là người đầu tiên sẽ thọ hưởng Giáo Pháp?", Ngài kết luận, "Đạo Sĩ Āḷara là người thông thái, ông ta sẽ nhanh chóng hiểu được Giáo Pháp"; nhưng khi Ngài quan sát lại bằng Phật nhãn, Ngài biết rằng ông ta đã mệnh chung trước đó một tuần. Ngài hướng suy nghĩ đến Uddaka và nhận ra rằng ông ta cũng đã mệnh chung vào tối hôm qua. Ngài nghĩ về năm vị đồng tu (Pañcavaggiyas) và tự nhủ: "Nhóm năm vị Đạo Sĩ đã nhiệt tình hầu cận ta." Ngài suy tư. "Bây giờ họ đang trú ở đâu?", Ngài nhận thấy năm vị này đang ở vườn Lộc Uyển tại thành phố Bārāṇasī và đưa ra quyết định: "Ta sẽ đến đó và chuyển vận bánh xe Pháp. "Ngài đi khất thực vài ngày trong thôn xóm ở gần cội Bồ Đề, và nghĩ đến việc đi đến Bārāṇasī vào ngày rằm tháng Asalhi. Thế Tôn đi trên con đường lớn dài mười tám do tuần, cầm y bát vào sáng sớm của ngày mười bốn.

Trên đường đi Ngài gặp đạo sĩ tu khổ hạnh Upaka và báo cho vị này biết về việc Ngài đã Giác ngộ, sau đó Ngài đến Isipatana vào buổi tối cùng ngày.

Năm vị đồng tu

414. Các vị Trưởng lão trong nhóm năm vị Đạo Sĩ thấy Như Lai từ xa đi về hướng của họ, họ cùng thỏa thuận với nhau rằng: "Này các Đạo hữu, Đạo sĩ Cồ Đàm (Gotama) đến đây với thân thể được nuôi dưỡng đầy đủ, các căn đã hoạt động và thân thể màu vàng như ngọc là kết quả của việc vị ấy quay trở lại cuộc sống lợi dưỡng. Đạo Sĩ ấy không đáng cho chúng ta niềm nở tiếp đón. Vị ấy đáng được tôn trọng với một chỗ ngồi chỉ vì được sinh ra trong một gia đình quý tộc, chúng ta sẽ chỉ chuẩn bị một chỗ ngồi cho vị ấy mà thôi." Đức Thế Tôn, với năng lực của tuệ giác, biết rõ những suy nghĩ khởi lên trong tâm của chúng sinh trên thế gian này bao gồm cả chư Thiên và nhân loại, Ngài hướng tâm đến những gì họ đang nghĩ và biết được những ý nghĩ ấy. Sau đó, Đức Thế Tôn hướng tâm từ lan tỏa đến tất cả chúng sinh mà không có sự hạn chế nào, Ngài đặc biệt hướng tâm từ đến họ. Được lan tỏa năng lực của tâm từ của Đức Thế Tôn và không thể tuân theo quyết định của khi Ngài đang dần dần đến gần phía họ, vì vậy, họ đã thực hiện tất cả nghĩa vụ của mình [đối với một vị khách] chẳng hạn như chào hỏi, đứng dậy tiếp đón Ngài, v.v. Và vì họ không biết rằng Ngài đã chứng đắc Nhất Thiết Trí nên họ vẫn gọi Ngài bằng tên hoặc bằng danh xưng "Đạo hữu".

Tuyên bố chuyển vận bánh xe Pháp

415. Sau đó, Đức Thế Tôn tuyên bố với họ rằng Ngài đã giác ngộ. "Này các Đạo Sĩ, không nên gọi Như Lai bằng tên hay bằng danh xưng "Đạo Hữu"; đối với các Đạo Sĩ, Như Lai là bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác". Ngồi bên chỗ đã được soạn sẵn cho một vị Phật và được bao quanh bởi một trăm tám mươi triệu vị Phạm thiên, Ngài gọi năm vị Trưởng lão đồng tu (Pañcavaggiya) và thuyết giảng Bài kinh Chuyển luân Pháp luân cho họ[103] trong khi cung điện mặt trăng Āsālha đang ở trên trục của nó. Trong số năm vị này, Trưởng lão Aññāsi Koṇḍañña đã bắt đầu hướng trí tuệ của mình theo bài kinh, cùng với một trăm tám mươi triệu vị Phạm thiên, đã đắc Quả Dự Lưu (Tu Đà Hoàn) vào lúc bài Kinh kết thúc. Bậc Đại Sư đã trải qua mùa mưa ở đó, vẫn ngồi trong trú xứ đó vào ngày hôm sau để giảng dạy cho Trưởng lão Vappa trong khi bốn vị kia đi khất thực. Trưởng lão Vappa đắc Quả Dự Lưu (Tu Đà Hoàn) ngay trong buổi trưa hôm đó. Cũng theo cách như vậy, Ngài đã giúp tất cả họ an trú trong Quả vị

103 Dhammacakkapavattana Sutta.Vin I 10-12, SV 420-23

Dự Lưu (Tu Đà Hoàn), Trưởng lão Bhaddiya vào ngày hôm sau, Trưởng lão Mahānāma vào ngày kế tiếp, Trưởng lão Assaji vào ngày kế tiếp nữa, và vào ngày thứ năm của hai tuần âm lịch, Ngài triệu tập tất cả năm vị và thuyết giảng cho họ Bài Kinh Vô Ngã Tướng.[104] Khi kết thúc bài kinh, tất cả năm vị Trưởng lão đều đắc Quả Vô Sanh (A La Hán).

Chàng Công tử Yasa

416. Rồi sau đó Bậc Đạo Sư đã nhận thấy sự túc duyên giải thoát chín mùi của chàng công tử Yasa, Ngài liền cho gọi anh lại và nói rằng: “Hãy đến đây, hỡi Yasa” khi anh ấy đi xa lúc giữa đêm, bỏ lại ngôi nhà của mình với sự ghê tởm. Ngài đã an trú công tử Yasa trong Quả vị Dự Lưu (Tu Đà Hoàn) ngay trong đêm hôm đó và đắc quả vị A La Hán vào ngày hôm sau, đồng thời cũng truyền giới cho năm mươi bốn người bạn của công tử với khẩu hiệu: “Hãy đến đây, này các Tỷ kheo!” và họ cũng đắc quả vị A La Hán.

Các chàng trai bạn của công tử Yasa

417. Theo cách này, khi có sáu mươi mốt vị A La Hán trên thế gian, Bậc Đạo Sư, sau khi trải qua mùa an cư kiết hạ, đã cử hành nghi lễ “Thỉnh mời” khi mùa an cư kết thúc và quyết định phái sáu mươi vị Tỷ kheo đi sáu mươi hướng khác nhau để hoằng dương Giáo lý: “Hãy ra đi, hỡi các Tỷ kheo. Hãy phục vụ vì lợi ích của chúng sinh”, còn Ngài đi về hướng Uruvela, Ngài đã gặp nhóm ba mươi chàng thanh niên (Bhaddavaggiya) trong khu rừng Kappāsiya và thâu nhận họ làm đệ tử. Trong số đó, người đắc Thánh quả thấp nhất là Dự Lưu và cao nhất là Thánh quả Bất Lai.

Ba anh em tu khổ hạnh tóc rối

418. Ngài tiến hành lễ xuất gia cho tất cả họ với khẩu hiệu, “Hãy đến đây, này các Tỷ kheo!”, và phái họ đi theo những hướng khác nhau còn Ngài sẽ hướng đến rừng Uruvela và hóa độ ba anh em tu sĩ khổ hạnh tóc rối gồm Uruvela Kassapa và những vị khác, cùng với một ngàn đệ tử của họ, bằng cách cho họ thấy ba ngàn năm trăm phép thần thông, sau đó cho phép họ thọ giới Tỷ kheo bằng cách gọi, “Hãy đến đây, này các Tỷ kheo!”. Ngài an trú tất cả họ vào Thánh Quả A La Hán tại Tượng Đầu Sơn (Gayāsīsa) với bài kinh Tất Cả Đều Bốc Cháy[105] cùng với hàng ngàn vị A La Hán ấy, Ngài đi đến khu vườn Laṭṭhivana ở ngoại ô thành Vương Xá (Rājagaha) với ý định thực hiện lời hứa khi xưa với đức vua Bimbisāra.

---

104 Anattalakkhana Sutta, Vin I 13-14, S III 66-68.

105 Ādittapariyaya Sutta. Vin I 34-35, S IV 19-20

Vua Bimbisāra

419. Đức vua sau khi nghe người bảo vệ khu vườn biết rằng Đức Thế Tôn đã đến, liền đi đến gặp Ngài cùng với đoàn tùy tùng gồm mười hai ngàn vị Bà La Môn và dân chúng; đảnh lễ dưới chân Như Lai, Bậc sở hữu lòng bàn chân mang biểu tượng bánh xe phát ra ánh sáng giống như một tán tròn bằng vàng, rồi đức vua ngồi một bên cùng với tùy tùng của mình.

420. Lúc bấy giờ, những vị Bà La Môn và gia chủ đó đã thắc mắc: “Vậy nghĩ là sao? Vị Đại Sĩ là học trò của ẩn sĩ Uruvela Kassapa hay ẩn sĩ Uruvela Kassapa là học trò của Vị Đại Sĩ?” Đức Thế Tôn với tâm thuần tịnh của mình biết được những ý nghĩ đang chất chứa trong tâm của họ, đề cập Trưởng lão Kassapa trong một bài kệ.

Thấy lợi ích gì, hỡi cư dân của Uruvelā, các ngươi có từ bỏ việc hiến tế bằng lửa không? Vì ngươi tuyên bố đã thực hành những lời thề khắc khổ [dẫn đến sự giải thoát].

Ta hỏi Kassapa câu này: “Làm thế nào ông từ bỏ việc tế lễ bằng lửa”?

Trưởng lão biết ý định của Thế Tôn nên liền đáp:

“Của lễ dâng cúng [hài lòng] chỉ toàn là vật chất, âm thanh, hương vị, cả khoái cảm giác quan lẫn đàn bà. Vì con đã nhận ra đây là ô uế trong cõi vật chất đê hèn. Chính vì thế con chẳng cảm thấy chút hứng thú nào trong những nghi lễ hiến tế và dâng cúng.”

421. Nói đoạn kệ này xong, để làm rõ cho người khác biết mình là đệ tử, trưởng lão Kassapa đã phủ phục dưới chân Như Lai và nói: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là Thầy của con và con là đệ tử của Ngài.” Nói rồi, Trưởng lão bay lên khỏi mặt đất bảy lần cao bằng bảy cây dừa cộng lại, bắt đầu bằng cây thứ nhất rồi cây thứ hai, thứ ba v.v., rồi lại hạ xuống đảnh lễ Như Lai và cung kính ngồi bên cạnh Ngài.

Dân chúng đã nhìn thấy phép màu mà Trưởng lão đã thực hiện, họ bắt đầu ca ngợi đức hạnh của Bậc Đạo Sư: “Thì ra Đức Phật có đại năng lực như vậy! Ngay cả Uruvela Kassapa với niềm tin giáo điều quá mạnh mẽ, tự cho mình là Thánh nhân rồi phá tan đi tấm lưới tà kiếp chấp thủ, Đức Như Lai đã thuần hóa được ông ta!”. Đức Thế Tôn nói: “Không phải chỉ bây giờ ta mới thuần hóa được Kassapa Uruvelā, trong quá khứ ta cũng đã làm tương tự như vậy”. Chi tiết trong Bổn Sanh Truyện Mahānāradakassapa (Số 544) có liên hệ đến tình tiết này và Ngài đã giải thích cho họ về Tứ Diệu Đế. Đức vua (Bimbisara) xứ Magadha cũng được an trú trong Quả vị Dự

Lưu (Tu Đà Hoàn) cùng với mười một ngàn vị Bà La Môn và gia chủ, một ngàn vị khác thì quy y và trở thành Phật tử.

Đức vua, lúc bấy giờ ngồi gần Bậc Đạo Sư đã truyền đạt năm ước muốn[106] đến Ngài, quy y Tam Bảo, mời Ngài dùng bữa trưa ngày mai, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đi quanh Đức Thế Tôn.

422. Vào ngày hôm sau, tất cả dân chúng thành Rājagaha, tổng số là một trăm tám mươi triệu người, cả những người đã thấy Đức Thế Tôn và những người chưa nhìn thấy Ngài, rời thành Rājagaha vào sáng sớm và đi đến Laṭṭhivana để đảnh lễ Như Lai. Con đường dài ba gāvuta không thể chứa hết tất cả họ. Toàn bộ khu rừng Laṭṭhivana lúc nào cũng đông đúc. Và đám đông được chiêm ngưỡng thân tướng đẹp đẽ nhất của Thế Tôn đã không thể kìm chế được niềm hoan hỷ của họ. Điều này được gọi là Vaṇṇabhūmi (lĩnh vực tán dương). Vào những dịp như thế này, tất cả sự huy hoàng của thân tướng Như Lai về ba mươi hai hảo tướng cùng tám mươi tướng phụ nhất thiết phải được ca ngợi.

Đế Thích Sakka

423. Không có chỗ cho dù chỉ một vị Tỷ kheo rời đi khi công viên và con đường lúc nào cũng chật cứng đám đông, dân chúng đang chiêm ngưỡng vẻ đẹp tuyệt hảo của ba mươi hai hảo tướng của Đấng Thế Tôn sở hữu mười trí lực (Thập lực trí). Vào ngày hôm đó, chiếc ghế của Đế Thích Sakka đang ngồi nóng lên ngụ ý cho vị vua trời biết rằng Đức Thế Tôn có thể bị lỡ bữa ăn và điều này không nên xảy ra. Đế Thích biết được sự thật đó, thận trọng cải trang thành một chàng thanh niên Bà La Môn đi xuống trước mặt Đức Phật: mở đường cho Ngài đi bằng cách sử dụng thần thông, Đế Thích đi đến trước mặt Bậc Đạo Sư, ngân lên những lời hát ca ngợi ân đức của Phật, Pháp và Tăng như sau:

Bậc Đạo Sư cùng với những vị tu sĩ tóc rối, những bậc đã giải thoát tâm hồn khỏi mọi ái nhiễm, Đức Thế Tôn với kim thân sáng chói như vàng ròng đã đi vào thành Rājagaha.

Bậc Giác Ngộ cùng với những tu sĩ tóc rối những bậc đã giải thoát tâm hồn khỏi mọi ái nhiễm, Đức Thế Tôn với kim thân sáng chói như vàng ròng đã đi vào thành Rājagaha.

Ngài đã vượt qua [cơn lũ trầm luân], cùng với chư vị đã vượt qua biển khổ trầm

106 Xem Vin I 37

luân, những tu sĩ tóc rối, những bậc đã giải thoát tâm hồn khỏi mọi ái nhiễm, Đức Thế Tôn với kim thân sáng chói như vàng ròng đã đi vào thành Rājagaha".

Ngài sở hữu mười Thánh trú (Dasa ariyavāsa)[107], Đấng Thập Lực (Dasabalani), Bậc viên mãn Thập Thiện Nghiệp[108] được ban cho mười đức tính, Đức Thế Tôn đã vào thành Rājagaha với một ngàn đệ tử theo sau".

424. Đám đông nhìn thấy hình dáng đẹp đẽ của một người trẻ tuổi, nghĩ rằng: "Chàng trai này vô cùng tuấn tú, nhưng chúng ta chưa từng thấy anh ta trước đây" và hỏi, "Chàng trai trẻ này từ đâu đến, và anh ta là con của ai?" Nghe vậy, vị Bà La Môn trẻ đáp bằng bài kệ: Ngài là bậc thông thái, đã thoát khỏi mọi cảnh giới tái sinh, đã thức tỉnh, vô song, đáng tôn kính, bậc trí giả trên thế gian này - tôi là thị giả của Ngài ấy."

Sự Chấp Nhận Tịnh Xá Trúc Lâm (Veluvana)

425. Bậc Đạo Sư đi trên con đường đã được Đế Thích Sakka khai lối và vào thành Rājagaha với Tăng đoàn gồm một ngàn vị Tỷ kheo. Nhà vua thực hiện cuộc đại thí đến Tăng đoàn do Đức Phật dẫn đầu. Cầm trong tay chiếc bình bằng vàng chứa nước hoa, nhà vua đã tự tay mình đổ nước lên tay Đức Như Lai Thập Lực lúc vua dâng cúng Tịnh Xá Trúc Lâm (Veḷuvana) với lời tác bạch: "Bạch Thế Tôn, con không thể sống thiếu Tam Bảo, vào lúc rảnh rỗi hay bận bịu việc triều chính, con đều muốn đến gặp Đức Thế Tôn. Thành phố Laṭṭhivana lại quá xa xôi, trong khi huê viên hoàng tộc Veḷuvana của chúng con lại nằm gần đó, dễ dàng cho tứ chúng gần xa đi đến và là nơi ở xứng đáng cho Thế Tôn. Xin Thiện Thệ hãy chấp nhận tịnh xá từ nơi con!" Vào dịp huê viên được chấp thuận, đại địa chấn động để kỷ niệm sự thiết lập vững chắc cội rễ Giáo Pháp của Đức Phật. Trong toàn cõi Diêm Phù Đề (Jambudīpa), không có nơi ở nào khác ngoài Tịnh Xá Trúc Lâm (Veḷuvana) mà khi Đức Phật chấp nhận nơi này, kèm theo một trận rung chuyển của địa cầu như vậy; và ở Đảo Tambapaṇṇi thuộc Sri Lanka, không có nơi nào khác ngoài Đại Tu viện mà khi được chấp nhận thì Trái Đất rung chuyển. Bậc Đạo Sư nhận Tịnh Xá Trúc Lâm, Ngài thuyết pháp cho nhà vua nghe khiến vị ấy hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Tịnh Xá Trúc Lâm, theo sau là chư vị Tỷ kheo.

---

107 *Dasa ariyavāsa,* see D III 269-291.

108 Dasadhammavidū, cp. Vin I 38, nơi chú giải (Sp 973) chú giải là mười "con đường của nghiệp" (kammapatha, xem PED S.V.).

Sāriputta và Moggallāna

426. Và lúc bấy giờ có hai du sĩ khổ hạnh tên là Sāriputta và Moggallāna đang ngự ở thành Rājagaha để khất thực với lòng tầm cầu chân lý bất diệt. Sāriputta đã gặp Trưởng lão Assaji đi khất thực, và đợi Ngài với tấm lòng thành kính. Khi nghe Trưởng lão nói lên bài kệ bắt đầu bằng: "Vạn Pháp tùy duyên sanh, vạn pháp tùy duyên diệt", vị ấy đắc Quả Dự Lưu (Tu Đà Hoàn), và lặp lại bài kệ đó cho người bạn đồng tu của mình là tu sĩ Moggallāna nghe. Nghe xong, Moggallāna cũng được an trú trong Thánh Quả Dự Lưu (Tu Đà Hoàn). Cả hai người họ, được sự chấp thuận của [vị thầy của mình] Sañjaya đã ra đi cùng với các đệ tử của họ và thọ giới Tỷ kheo dưới sự hướng dẫn của Bậc Đạo Sư. Trong hai vị, Trưởng lão Moggallāna chứng đắc quả vị A La Hán trong vòng một tuần và Trưởng lão Sāriputta chứng đắc trong vòng hai tuần. Thế Tôn xác nhận hai vị là hai bậc Chí Thượng Thinh Văn của Ngài. Vào chính ngày Trưởng lão Sāriputta đắc quả A La Hán thì Đại Hội Thánh Tăng lần thứ nhất được diễn ra.

Vua Suddhodana Mong Gặp Lại Con Trai

427. Trong khi Như Lai đang ngự trong công viên Veḷuvana, Vua Suddhodana nghe nói rằng con trai của mình, người đã dấn thân vào hành trình tu luyện khổ hạnh khắc nghiệt, đã Giác Ngộ viên mãn và đã chuyển vận bánh xe Pháp, đang trú ngụ trong Tịnh Xá Trúc Lâm của kinh thành Rājagaha để khất thực. Vua liền nói với một trong các quan đại thần: "Này khanh, hãy đến kinh thành Rājagaha cùng với một ngàn tùy tùng và thay ta nói với con trai ta rằng "Phụ vương của ngài, vua Suddhodana, muốn gặp Ngài và hãy quay trở về cùng với con trai ta." Quan Tể Tướng nói, "Thưa vâng, tâu bệ hạ," ông gật đầu chấp nhận mệnh lệnh của nhà vua, và chẳng bao lâu sau ông đã đi được quãng đường dài sáu mươi do tuần cùng với hàng ngàn tùy tùng theo sau. Ông vào Tịnh xá ngay lúc Đức Thập Lực đang thuyết Pháp giữa tứ chúng. Vị tể tướng suy nghĩ: "Hãy để thông điệp của nhà vua chờ một chút", đứng ở phía sau hội chúng, ông lắng nghe Bậc Đạo Sư thuyết Pháp và đắc quả A La Hán cùng với một ngàn tùy tùng theo sau. Ông xin được xuất gia, Đức Thế Tôn giang tay phải ra và nói: "Hãy đến đây, này các Tỷ kheo" và ngay lúc đó, do sức mạnh thần thông của Ngài, toàn bộ những người đó đã trở thành các vị Tỷ kheo trong tay cầm bình bát, khoác y và hình tướng trang nghiêm hệt như các vị Trưởng lão hàng trăm tuổi hạ.

Từ khi đắc quả A La Hán, các vị đã không chuyển lời thỉnh cầu của Đức vua đến Thế Tôn vì chư vị A La Hán không còn bận tâm đến chuyện thế gian nữa. Với tư

cách là vua, ông đã cử một vị tể tướng khác và cũng như lần trước, ra lệnh rằng: “Này hiền khanh, người đi trước chưa quay lại cũng chưa có tin nhắn nào gửi về, khanh hãy đi đến đó.” Vị ấy cũng theo cách như vị đầu tiên đắc quả A La Hán cùng với đoàn tùy tùng, họ giữ im lặng. Theo cách tương tự, Đức vua đã cử chín vị sứ thần khác cùng với đoàn tùy tùng gồm một ngàn người và tất cả họ đã hoàn thành xứ mệnh của mình và để lời thỉnh cầu của nhà vua rơi vào tịch lặng.

Kāludāyī

Đức vua không thể tìm được người mang tin đến cho mình, thầm nghĩ: “Ta đã cử nhiều người như vậy mà không một ai trong số họ mang tin về cho ta vì họ không trung thành.” Và xem xét tất cả các cận thần “Bây giờ ai sẽ thực hiện mệnh lệnh của ta?”, ông nghĩ đến Kāḷudāyī. Người ta nói rằng ông là một quan tể tướng thực hiện mọi mong muốn của Đức vua, thông thạo mọi công việc nội chính và rất đáng tin cậy, là người sinh cùng ngày với Đức Bồ Tát, là bạn đồng hành và bạn chơi cùng Bồ Tát thời thơ ấu. Đức vua triệu vị ấy đến và nói rằng: “Kāḷudāyī thân mến, vì nôn nóng muốn gặp con trai, ta đã cử chín ngàn người đi nhưng chưa một ai quay lại với tin tức gì, dù chỉ một tin tức nhỏ xíu về hoàng nhi của ta. Ta không chắc liệu có chuyện gì bất trắc xảy ra với ta hay không; mong ước khắc khoải của ta là trước khi chết, được gặp lại con trai mình. Khanh có thể mang con trai ta về để ta có thể nhìn thấy nó không?”

“Thưa bệ hạ, thần sẽ hoàn thành điều này nếu bệ hạ cho phép thần được xuất gia.”

“Khanh thân mến, xuất gia hay không tùy ý khanh, nhưng hãy mang con trai ta đến đây để ta được gặp.”

“Thưa vâng, tâu Bệ hạ,” mang theo thông điệp của nhà vua, vị ấy đi đến thành Rājagaha và đứng ở phía sau hội chúng vào lúc Bậc Đạo Sư đang thuyết pháp. Vị ấy lắng nghe Pháp và chứng đắc Quả vị A La Hán cùng với đoàn tùy tùng của mình, và được thọ giới với câu: “Hãy đến đây, này các Tỷ kheo”.

Bậc Đạo Sư, sau khi giác ngộ, đã trải qua mùa mưa đầu tiên tại Isipatana. Sau khi kết thúc mùa an cư và cử hành nghi lễ “thỉnh mời”, Ngài đi đến Uruvela. Ngụ ở đó trong ba tháng, Ngài đã thu nhận ba anh em, những tu sĩ khổ hạnh tóc rối làm đệ tử và trở về Rājagaha vào ngày trăng tròn của tháng Phussa, cùng với một ngàn Tỷ kheo theo sau, và sống ở đó trong hai tháng. Tính đến thời điểm này đã năm tháng trôi qua kể từ ngày Ngài khởi hành từ Bārānasi. Mùa đông buốt giá đã qua, và đã bảy hay tám

ngày trôi qua kể từ ngày Trưởng lão Udāyī đến. Vào ngày trăng tròn Phagguṇa, Udāyī nghĩ: "Mùa đông đã qua, mùa xuân lại đến; những người đàn ông đã thu hoạch và để lại chúng trên những con đường để tiện di chuyển, mặt đất được bao phủ bởi cỏ xanh tươi tốt, rừng cây đang trổ hoa, đường đi cũng thuận lợi hơn cho việc đi lại, đã đến lúc dàn xếp sự đoàn tụ của hoàng thân quốc thích của Đấng Như Lai Thập Lực." Và tiến gần lại Đức Thế Tôn, vị ấy hát vang một bài kệ khoảng sáu mươi đoạn, ca ngợi cuộc hành trình nhằm khiến Đấng Thế Tôn trở về lại thành phố quê hương của Ngài như sau:[109]

"Thưa Thế Tôn, cây cối bây giờ giống như than hồng; chúng đã rũ bỏ những tán lá của mình để nhường chỗ cho trái cây trổ quả; chúng tỏa sáng như những ngọn lửa ấm áp, và hỡi Bậc Đại Hùng, mùa tràn ngập niềm vui đang tới.

Trời không quá lạnh, cũng không quá nóng, trong xứ không có nạn đói, Trái Đất được bao phủ bởi đồng cỏ tươi xanh. Hỡi Bậc Toàn Trí, đã đến lúc lên đường."

Đức Thế Tôn Đến Kapilavatthu

430. Sau đó Thế Tôn hỏi Udāyī rằng: "Udāyī, sao ngươi lại hát những câu kệ du hành bằng một giọng ngọt ngào như vậy?"

"Bạch Đức Thế Tôn, vua Suddhodana, phụ thân của Ngài, mong được gặp Ngài; xin Thế Tôn hãy lên đường về thăm lại cố hương, nơi có phụ thân Ngài đang mong chờ khắc khoải."

"Được rồi, Udāyī, ta sẽ về thăm lại hoàng thân quốc thích của mình. Hãy nói với Tăng đoàn rằng họ sẽ có một chuyến du hành từ nơi này sang nơi khác."

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn", Trưởng lão đáp lại và thông báo cho chúng Tỷ kheo về điều đó.

431. Đức Thế Tôn khởi hành từ Rājagaha, với sự tham dự của tất cả hai mươi ngàn vị Tỷ kheo đã thoát khỏi phiền não, mười ngàn thị tộc đến từ Aṅga và Magadha và mười ngàn người từ Kapilavatthu, đã du hành một do tuần trong một ngày. Ngài tiếp tục một chuyến du hành nhàn nhã với ý định đến Kapilavatthu, cách Rājagaha sáu mươi do tuần, trong hai tháng.

Kāludāyī Nhận Đồ Khất Thực Tại Kapilavatthu

432. Nghĩ rằng mình sẽ thông báo cho nhà vua biết rằng Đức Thế Tôn đã lên

---

109 Xem Tn 527 theo sau, trong đó có mười bài kệ trong đó có hai bài được đưa ra ở đây.

đường, Trưởng lão bay lên không trung và xuất hiện tại cung điện. Đức vua rất vui mừng trước sự xuất hiện của Trưởng lão và mời ngài ngồi xuống một chiếc trường kỷ lộng lẫy; nhà vua chuẩn bị thức ăn ngon bỏ đầy bình bát rồi đưa cho vị Trưởng lão. Trưởng lão đứng dậy và ra hiệu rằng ông đã sẵn sàng khởi hành.

"Ngồi xuống ăn đi." nhà vua nói.

"Bệ hạ. Thần sẽ trở về với Bậc Đạo Sư của thần và ăn sau ạ."

"Vậy thì Bậc Đạo Sư đang ở đâu?"

"Bệ hạ, Ngài cùng với hai mươi ngàn Tỷ kheo đã lên đường đến gặp bệ hạ." Nhà vua hài lòng khi nghe điều đó và nói, "Khanh hãy dùng phần thức ăn này; và cho đến khi nào con trai ta đến thành phố này, trong suốt khoảng thời gian ấy, khanh hãy mang thức ăn đến cho con trai ta." Trưởng lão ưng thuận.

Nhà vua chờ cho vị Trưởng lão, làm sạch cái bát bằng bột thơm, và đổ đầy thức ăn ngon nhất vào bát, đặt vào tay Trưởng lão và nói. "Hãy mang đến cho Như Lai.", trong khi mọi người đang nhìn, Trưởng lão tung cái bát lên trời rồi tự mình bay lên không trung và lấy thức ăn đặt vào tay Thế Tôn. Bậc Đạo Sư nhận lãnh nó. Theo cách này, hằng ngày Trưởng lão mang thức ăn đến và Thế Tôn đã thọ dụng thức ăn do nhà vua cung cấp trong suốt cuộc hành trình. Trưởng lão cũng vậy, mỗi ngày sau khi dùng bữa xong, điều phục tâm của tất cả các thành viên hoàng gia ủng hộ Bậc Đạo Sư ngay cả trước khi họ gặp Ngài, bằng cách kể cho họ nghe về những đức hạnh của Đức Phật và nói với họ: "Hôm nay, Đức Thế Tôn đã đi chừng ấy, chừng ấy hành trình." Do đó, Đức Thế Tôn đã xác nhận rằng Trưởng lão là Đệ tử đệ nhất về mặt này và nói rằng: "Quả thật, vị ấy là đệ nhất trong số các đệ tử của ta, người có thể khơi dậy niềm tịn tín của các gia đình, tên là Kāḷudāyī[110]."

Đức Thế Tôn thị hiện Thần thông

433.Và những người thuộc dòng họ Thích Ca (Sākiya) cũng thảo luận với nhau: "Khi Đức Thế Tôn đến đây, chúng ta sẽ gặp được người họ hàng tuyệt vời của mình." Họ đi tìm nơi Đức Thế Tôn sẽ cư ngụ. Họ quyết định rằng huê viên hoàng gia Nigrodha là nơi thuận tiện cho Ngài lưu lại và họ sửa soạn đủ loại đồ thiết yếu rồi ra ngoài để gặp Đức Phật, họ cầm trong tay hương hoa, sau đó cử những chàng trai và cô gái trẻ của thành phố trang điểm lộng lẫy đi trước. Theo sau là các hoàng tử và công chúa của các gia đình quý tộc. Kế đến, chính họ đã đưa Đức Thế Tôn đến Rừng

110 A 125

Nigrodha và kính lễ Ngài với nước hoa, hoa tươi và bột thơm,v.v. Đức Thế Tôn đã ngồi trên chiếc ghế đã được sửa soạn chỉ dành riêng cho Ngài, vây quanh là Tăng Đoàn khoảng hơn hai mươi ngàn vị A La Hán, những bậc vô nhiễm, đã thoát khỏi mọi lậu hoặc trầm luân. Những vị Trưởng lão trong tộc Sākya đầy tự phụ, thầm nghĩ: "Hoàng tử Siddhattha còn trẻ hơn chúng ta, xét quan hệ họ hàng mà nói thì Ngài chỉ là em trai của chúng ta, Ngài chỉ bằng tuổi con trai chúng ta, chỉ bằng tuổi đứa cháu của chúng ta mà thôi." Họ đã nói những điều đó cho các thành viên trẻ tuổi thuộc hoàng tộc, "Các con đảnh lễ Đức Phật, còn chúng ta sẽ ngồi phía sau."

Khi họ đã ngồi theo cách như vậy, Đức Thế Tôn nhận thấy các hoàng thân quyến thuộc không có ý định đảnh lễ Ngài; để khiến họ tôn kính mình, ngài nhập định (jhāna) vốn là nền tảng cơ bản của tri kiến, và Ngài bay lên không trung như thể rắc bụi trên chân mình lên đầu họ và thị hiện song thông như lúc Ngài đã thực hiện dưới gốc cây Gaṇḍamba.

Gia tộc Sākiya đảnh lễ Thế Tôn

435. Đức vua nhìn thấy oai lực thần thông và nói: "Bạch Đức Thế Tôn, ta đã đảnh lễ Ngài khi nhìn thấy chân Ngài xoay tròn và gác chân lên đầu vị Bà La Môn vào ngày ta đưa Ngài ra ngoài để đảnh lễ Đạo sĩ Kāḷadevala. Đó là lần đầu tiên ta đảnh lễ Ngài. Ta đã tỏ lòng tôn kính dưới chân Ngài khi thấy cái bóng cây không di chuyển mà che chắn cho Ngài khi Ngài ngồi trên chiếc đệm hoàng gia dưới bóng cây táo hồng vào ngày lễ Hạ điền. Đó là lần thứ hai ta đảnh lễ Ngài. Bây giờ cũng vậy, điều kỳ diệu này ta chưa từng thấy trước đây. Ta xin đảnh lễ dưới chân Ngài. Đây là lần thứ ba ta đảnh lễ Ngài." Khi nhà vua bày tỏ lòng kính trọng đối với Đức Phật, không có một người hoàng thân nào thuộc dòng họ Thích (Sākiya) có thể làm ngơ mà không đảnh lễ Đức Thế Tôn. Tất cả họ đều bày tỏ lòng kính trọng đối với Ngài.

436. Bằng cách này, Đức Thế Tôn đã khiến hoàng thân quyến thuộc đảnh lễ Ngài, rồi Ngài bay xuống, ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Khi Thế Tôn an tọa, đại chúng quyến thuộc đã đông đến mức tối đa. Tất cả họ đều ngồi xuống với tâm khéo an trú. Vừa lúc ấy, một trận mưa hoa sen (*pokkhara-vassa*) lớn trút xuống. Những dòng nước màu đồng chảy bên dưới phát ra tiếng ầm ầm. Ai muốn bị ướt thì bị ướt, còn ai không muốn ướt thì không một giọt nước mưa nào rơi xuống họ. Thấy vậy, mọi người đều tán thán và kinh ngạc rồi thốt lên. "A! một phép màu! A! một phép màu vĩ đại!" Bậc Đạo Sư nói rằng: "Không phải chỉ bây giờ, khi ta ngồi trong hội chúng quyến thuộc, một trận mưa hoa sen giáng xuống do năng lực thần thông của ta, mà điều này đã xảy

ra trong kiếp quá khứ nữa"; Thế Tôn thuật lại câu chuyện đản sinh của Vessantara (Bổn Sanh Truyện (Jātaka) số 547) liên quan đến sự kiện này. Khi nghe xong thời pháp, tất cả đều đứng dậy đảnh lễ Ngài rồi rời đi. Nhưng không một ai trong số họ, dù là vua hay quan tể tướng thỉnh mời: "Chúng con thỉnh Thế Tôn thọ thực vào ngày mai" trước khi Ngài rời đi.

Đức Thế Tôn khất thực trong thành phố

437. Ngày hôm sau, Bậc Đạo Sư, với sự tham dự của hai mươi ngàn vị Tỳ kheo, đi vào những con đường trong kinh thành Kapilavatthu để khất thực. Không có ai đến thỉnh mời Ngài dùng bữa hay đặt bát cho Ngài. Đứng bên chiếc cọc đóng ở cổng thành, Đức Thế Tôn suy nghĩ: "chư Phật trong quá khứ lại đi khất thực tại quê hương của họ như thế nào? Trước hết, chư vị có đến nhà của giới quý tộc theo thứ tự không? Hay họ đi khất thực từng nhà theo đúng thứ tự?" Biết rằng không có một vị Phật nào đi đến những ngôi nhà không theo thứ tự, Ngài bắt đầu đi khất thực từng nhà một, bắt đầu từ ngôi nhà nằm ở cuối (phía ngoài), tự nhủ: "Ta cũng phải chấp nhận truyền thống, di sản này, để trong tương lai, chúng đệ tử sẽ theo sự chỉ dạy của Ta mà hoàn thành các phận sự liên quan đến việc khất thực hàng ngày của họ". Nghe tin Thái tử Siddhattha, chủ nhân của họ, đi khất thực, dân chúng đã mở toang các cửa sổ gác xép của những ngôi nhà hai tầng và ba tầng và tò mò nhìn.

438. Chính hoàng hậu, mẹ của Rāhula, nói: "Đức lang quân của ta đã quen đi lại trong thành phố này trên những chiếc kiệu vàng và những phương tiện vận chuyển khác, trong tất cả sự lộng lẫy và vương giả, giờ đây đi khất thực mang theo một cái bát [bằng đất nung] cạo râu tóc và mặc áo cà sa màu vàng; đây có thực sự là chàng không? Mở cửa sổ gác xép trên lầu và nhìn ra ngoài, nàng thấy Đức Thế Tôn rạng ngời trong sự uy nghiêm vô song của một vị Phật, khắp thân thể Ngài từ đỉnh đầu cho đến gót chân, uy nghi hùng dũng trong ba mươi hai tướng tốt của một Bậc Đại Nhân, tỏa sáng với tám mươi tướng phụ được bao bọc trong vầng hào quang sâu thăm thẳm lan tỏa xung quanh Ngài và chiếu sáng trên các đường phố trong kinh đô bằng ánh hào quang lan tỏa thành từng cụm nhiều màu sắc từ kim thân của Ngài. Nàng đã hát những lời ca ngợi Thế Tôn với tám bài kệ Narasīha (Bài kệ về con sư tử giữa những con người). Bắt đầu với: Tóc chàng bóng, đen, mềm và xoăn; vầng trán rộng ấy không tì vết như Mặt Trời; chiếc mũi dài cân đối, sóng mũi cao thanh tú; con sư tử giữa loài người được bao phủ bởi một vầng hào quang tuyệt hảo.

439. Và thông báo với đức vua: "Con trai của Bệ hạ đang đi khất thực." Nhà

vua lấy làm khó chịu khi nghe điều này và vội vàng rời khỏi nơi đó, cầm áo choàng trong tay; vua chạy đến đứng trước mặt Đức Thế Tôn và thưa rằng: "Này Thái Tử con ơi, sao con nỡ làm nhục ta? Vì sao con lại đi khất thực? Vì sao con lại tạo ấn tượng cho người khác rằng hoàng cung không thể lo đủ vật thực dâng cúng đến chư Tỷ kheo?

"Tâu Bệ hạ, đây là truyền thống của Như Lai."

"Bạch Đức Thế Tôn, dòng dõi Sát-đế-lị không phải là dòng dõi của vị chiến sĩ anh hùng Mahāsammata của chúng ta sao? Và trong dòng dõi này không có một vị Sát-đế-lị nào đi khất thực cả."

"Tâu bệ hạ, dòng dõi hoàng gia này là dòng dõi của ngài, nhưng dòng dõi của ta là dòng dõi của chư Phật ba đời mười phương, từ Đức Phật Dīpaṅkara, Đức Phật Koṇḍañña và những vị khác cho đến Đức Phật Kassapa. Những vị này, và nhiều vị Phật khác, với số lượng lên đến hàng ngàn, đã khất thực hàng ngày và nuôi mạng nhờ đồ khất thực mà các Ngài nhận được." Đứng giữa phố, Ngài ngâm bài kệ:

Hãy đứng dậy và đừng buông thả[111], hãy sống một đời sống ngay thẳng. Ai sống một đời chân chính sẽ an lạc cả ở đời này và đời sau.

Khi kết thúc bài kệ, nhà vua đắc Quả Dự Lưu (Tu Đà Hoàn).

Hãy sống một cuộc đời ngay thẳng, và không làm điều ác. Ai sống một cuộc đời chân chính sẽ an lạc cả ở đời này và đời sau".

Và sau khi nghe bài kệ trên, vị ấy đắc Quả Nhất Lai.

Khi nghe Câu chuyện Đản sinh của Mahādhammapāla (Bổn Sanh Truyện (Jātaka) số 447), ông đắc Quả Bất Lai. Ông đắc Quả A La Hán vào lúc viên tịch khi nằm trên chiếc trường kỷ hoàng gia dưới tán cây màu trắng.

440. Đức vua không cần thiết phải phấn đấu, sống cuộc sống ẩn dật trong rừng. Chỉ đến khi đắc Quả Dự Lưu (Tu Đà Hoàn), vị ấy mới cầm bình bát của Đức Thế Tôn, dẫn Ngài cùng đoàn tùy tùng vào cung điện hoàng gia và dâng đến chư vị những vật thực thượng hạng, cả cứng và mềm. Sau khi dùng bữa xong, tất cả cung nữ, ngoại trừ mẹ của Rahula, đến đảnh lễ Đức Thế Tôn. Mặc dù nàng đã được những người hầu cận thông báo, nhưng nàng không đi: "Các cô hãy đi và đảnh lễ điện hạ của chúng ta,"

111 Cụm từ này theo truyền thống được giải thích là "đừng lơ đễnh trong việc khất thực" (ud-sis-ta > ucchiṭṭha/uttiṭṭha).

và nói thêm rằng: "Nếu ta còn giữ được trong sạch một đức hạnh nào, thì chính Ngài sẽ đến đây. Khi ấy ta sẽ đảnh lễ Ngài."

Mẹ của Rāhulā đảnh lễ

441. Đức Thế Tôn trao bát lại cho Đức vua cầm, dắt theo hai vị Chí thượng Thinh Văn vào hoàng cung của Thái phi. Ngài bảo với họ rằng hãy để nàng đảnh lễ Như Lai theo ý thích (bất cứ) cách nào nàng muốn, không nên nói gì và ngồi trên chỗ đã được dọn sẵn cho Ngài. Nàng vội vàng bước đến, phủ phục ông lấy hai bàn chân Ngài, khấu đầu trên chân Ngài và đảnh lễ theo ý mình. Đức vua mở lời tán dương đức hạnh của nàng chẳng hạn như lòng kính trọng và nhiệt huyết mà nàng đã dành cho Đức Thế Tôn như sau:

"Bạch Đức Thế Tôn, khi con dâu của trẫm nghe tin Ngài đắp y vàng, thì nàng cũng đắp y vàng; khi được biết Ngài chỉ độ thực một lần trong ngày, nàng cũng làm như vậy; khi biết Ngài không nằm giường cao, nàng cũng nằm dưới thấp; khi biết Ngài từ bỏ không dùng tràng hoa, dầu thơm thì nàng cũng từ bỏ những vật ấy; khi các hoàng thân quý tộc cậy người đến mai mối, nàng không màng nhìn đến người nào. Công chúa quả thật tiết hạnh vẹn toàn."

"Tâu bệ hạ, không có gì lạ khi công chúa nên tự chăm sóc bản thân khi trí tuệ của nàng chín chắn, chưa kể có ngài ở bên để bảo vệ cho nàng. Trong tiền kiếp, lang thang một mình giữa đồi núi không ai che chở cho nàng, trong khi trí tuệ của nàng chưa chín chắn, nàng đã tự chăm sóc bản thân rồi." Nói xong, ngài thuật lại Câu chuyện Đản Sanh về Candakinnara (Bổn Sanh Truyện - Jātaka Số 485) và đứng dậy rồi rời đi.

Nanda

442. Hôm sau, khi cử hành lễ Phong Tước, tân gia, và hôn lễ của hoàng tử Nanda, Đức Phật đến nhà hoàng tử và muốn hoàng tử xuất gia, trao bát cho hoàng tử cầm; đọc câu kinh chúc phúc, Ngài đứng dậy ra về. Vị tân nương Janapadakalyānī,112/14 thấy hoàng tử ra đi, nghoảnh lại nhìn hoàng tử và kêu to: "Này hoàng tử yêu quý, chàng hãy mau trở lại." Nanda không có can đảm thỉnh cầu Đức Thế Tôn cầm bát và đi hết đoạn đường đến tịnh xá. Dù không có ước nguyện xuất gia nhưng Đức Thế Tôn đã cho ông thọ giới.

Như vậy, vào ngày thứ ba sau khi đến kinh thành Kapilavatthu, Đức Thế Tôn

112 "Cô gái đẹp nhất huyện", cô dâu.

xuất gia cho hoàng tử Nanda.

Rāhula

443. Vào ngày thứ bảy, mẹ của Rāhula mặc cho hoàng tử bộ y phục đẹp nhất và đưa con đến gặp Đức Thế Tôn, bảo rằng: "Này con, nhìn xem kìa, vị Sa môn đắp y vàng, trông như một vị Phạm Thiên giữa hai mươi ngàn vị Tỷ kheo, Ngài là cha của con và Ngài có một kho tàng vô cùng vĩ đại. Từ ngày Ngài xuất gia, chúng ta chưa được gặp nhau. Hãy chạy đến và xin Ngài trao lại cho con phần gia sản của con. Con nói như thế này: "Kính thưa cha, con là hoàng tử. Sau khi lên ngôi, con sẽ là một vị vua cai trị cả vương quốc. Hiện giờ con đang cần gia sản. Kính xin cha trao cho con, vì tài sản của cha tức là của con."

Hoàng nam Rāhula đi đến Thế Tôn, và với lòng yêu mến cha, cậu rất hoan hỷ đứng đó. Nói rằng: "Sa Môn ơi, chỉ cái bóng của Ngài cũng làm cho con an lạc." và đã bày tỏ ước nguyện mà thân mẫu đã kỳ vọng.

Lễ Xuất gia của Rāhula

444. Trong khi đó, Đức Thế Tôn sau khi dùng bữa xong, làm cho những vị thí chủ hoan hỷ với phần phước báu, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy. Hoàng tử theo sau Đức Thế Tôn và thưa rằng: "Sa Môn ơi! hãy ban cho con phần thừa kế. Hãy ban cho con phần thừa kế!" Đức Thế Tôn không gửi hoàng nam quay về. Ngay cả những thị giả cũng không thể ngăn cản cậu bé đi theo Đức Thế Tôn.

Theo cách này, hoàng tử đã đi cùng Đức Thế Tôn đến tịnh xá. Rồi Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Nó muốn gia tài của cha, nhưng tài sản trong thế gian quả thật đầy phiền não. Như Lai sẽ ban cho nó gia tài cao thượng gồm Thất Thánh Sản mà Như Lai đã thâu đạt dưới cội Bồ Đề. Như Lai sẽ giúp cho nó trở thành chủ sở hữu của một gia tài siêu thế." Đức Phật gọi Ngài Xá Lợi Phất (Sariputta) làm lễ xuất gia cho Rahula.

Đức Vua Chứng đắc Thánh quả A-na-hàm

445. Khi nghe tin người cháu nội xuất gia thì Đức vua vô cùng sầu muộn. Không thể chịu đựng được, Đức vua bạch với Đức Thế Tôn và thỉnh cầu một ân huệ từ Ngài: "Bạch Thế Tôn, xin Ngài chấp nhận lời thỉnh nguyện này, sẽ không ban hành lễ xuất gia cho một người con nào mà chưa được cha mẹ cho phép!". Đức Thế Tôn chấp thuận, và vào ngày hôm sau, sau khi Ngài dùng bữa sáng tại cung điện, Đức vua ngồi bên cạnh Ngài, bạch rằng: "Bạch Thế Tôn, trong thời gian ngài tu khổ hạnh nghiêm ngặt, một vị thiên đã đến gặp trẫm và nói rằng con trai trẫm đã chết rồi. Trẫm

từ chối tin những gì vị ấy nói và nói với vị ấy rằng con trai trẫm sẽ không chết trước khi đạt được Giác ngộ.” Ngài trả lời: “Làm sao để Bệ hạ tin bây giờ, trong quá khứ khi người ta chỉ đống xương, bảo là xương của người con, nhưng vua đã không tin”. Đức Phật kể lại câu chuyện tiền thân Mahadhammapala (Bổn Sanh Truyện Số 477). Khi nghe xong thời Pháp, đức vua đắc Quả Bất Lai.

Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika)

446. Bằng cách này, Đức Thế Tôn đã an trú cho phụ vương của Ngài vào Tam quả và trở về thành Vương Xá (Rājagaha) cư ngụ tại Sītavana. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đến thăm nhà người bạn thân của mình, một phú thương của thành Rajagaha cùng với năm trăm xe hàng hóa. Ông nghe nói rằng Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian, và vào lúc sáng sớm ông đã đến thăm Bậc Đạo Sư bằng cánh cổng đã được mở ra cho ông bởi năng lực thần thông của chư Thiên. Ông lắng nghe giáo Pháp và đắc Quả Dự Lưu (Tu Đà Hoàn). Vào ngày hôm sau, ông thực hiện đại thí đến Tăng đoàn do Đức Phật dẫn đầu và thỉnh mời Bậc Đạo Sư đến thăm thành Xá Vệ (Sāvatthi). Ông cho xây dựng các tịnh xá dọc theo con đường dài bốn mươi lăm do tuần (yojana) dẫn đến đó, chi phí cho mỗi tịnh xá là một trăm nghìn đồng tiền vàng, và mua lại khu vườn của Hoàng tử Jeta với mức giá một trăm tám mươi tỷ đồng tiền vàng, trải lên mặt đất của khu vườn từ đầu đến cuối và cải tạo nơi này. Ở khu trung tâm, ông xây dựng cho Đức Phật một hương phòng; và xung quanh đó, trên vị trí có địa hình tốt, ông bỏ ra thêm một trăm tám mươi tỷ đồng tiền vàng để xây dựng một tịnh xá trang nghiêm với nhiều nơi ở riêng biệt cho tám mươi vị Đại Trưởng lão, các chỗ ở khác bao gồm các tòa nhà có tường đơn và tường đôi, những chánh điện dài được trang trí bằng hàng đàn chim ngỗng và chim cút, sảnh đường, ao hồ, hành lang và những nơi để hành thiền vào ban ngày và ban đêm, và ông đã gửi một lời mời đến Như Lai Thập Lực. Khi nghe những lời của người đưa tin, Bậc Đạo Sư khởi hành từ thành Rajagaha cùng với tăng đoàn theo sau đến kinh thành Sāvatthi đúng giờ.

Sự Chấp Nhận Tịnh Xá Kỳ Viên (Jetavana)

447. Sau đó, vị đại phú thương chuẩn bị buổi lễ dâng tịnh xá. Vào ngày Như Lai đến Tịnh Xá Kỳ Viên (Jetavana), ông đã gửi con trai của mình trang hoàng với tất cả các đồ trang sức cùng với năm trăm cậu bé khác cũng trong trang phục lễ hội. Vị ấy cùng với đoàn tùy tùng mang theo năm trăm ngọn phướn bằng vải năm màu khác nhau, đi trước Đức Thế Tôn. Theo sau họ là Mahāsubhaddā và Cūlasubhaddā, hai người con gái của vị phú thương, cùng với năm trăm tỳ nữ khiêng những bình nước

đầy đến miệng. Theo sau họ là vợ của vị phú thương trang điểm bằng tất cả số tiền của mình, với sự tham dự của năm trăm phụ nữ mang bát đầy. Đằng sau tất cả họ chính là vị đại phú thương, mặc y phục mới, cùng với năm trăm vị phú thương khác cũng mặc y phục mới, và vị ấy đi đến yết kiến Đức Thế Tôn. Cử nhóm đệ tử cư sĩ đi trước, Đức Thế Tôn, được Tăng Đoàn tháp tùng, đi vào Tịnh Xá Kỳ Viên (Jetavana) với vầng hào quang vô song và vẻ đẹp vô đối của một vị Phật Toàn Giác, như thể ánh hào quang từ kim thân của Ngài biến những lùm cây trong rừng thành những cụm lông vũ được rải tinh chất vàng.

448. Sau đó, Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) hỏi Ngài: "Bạch Thế Tôn, liên quan đến tịnh xá này, con phải xử lý như thế nào cho phải lẽ?"

"Bây giờ, hỡi gia chủ, ông hãy hiến dâng tịnh xá này cho tứ phương Tăng cả ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai."

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn," vị đại phú thương nói; và lấy một bình nước bằng vàng, ông rót nước lên bàn tay của Đức Như Lai Thập Lực để ngụ ý việc cúng dường tịnh xá và nói: "Con xin dâng tịnh xá này cho tứ phương Tăng chúng với sự dẫn đầu của Đức Phật cả ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai."

Bậc Đạo Sư đã chấp nhận tịnh xá và nói về những lợi ích của việc cúng dường Tu viện trong bài thuyết Pháp nhằm khuyến khích họ tham gia vào việc tạo công đức.

Tán dương việc cúng dường Tu viện

Để ngăn ngừa lạnh và nóng, cũng như thú dữ, rắn, côn trùng và mưa vào mùa đông.

Khi gió lớn và sức nóng dữ dội phát sinh, Tu viện sẽ xua đuổi chúng. Việc cúng dường trú xứ đến Tăng đoàn là cúng dường nơi an toàn và thoải mái, để chư vị hành thiền và đạt được tuệ giác, được Đức Phật tán dương là món quà cao quý nhất.

Do đó, hãy giúp người trí thấy được lợi ích của việc xây dựng những Tu viện và cúng dường đến chư tăng để cư trú tại đó.

Và với tâm hoan hỷ, hãy để vị ấy bố thí vật thực, thức uống, quần áo và chỗ ở cho những người giới đức. Họ thuyết pháp cho vị ấy để giúp vị ấy thoát khỏi mọi nỗi khổ đau. Sau khi chứng ngộ giáo Pháp ở đây, vị ấy giải thoát viên mãn, thoát khỏi mọi phiền não." Như vậy Thế Tôn đã nói lên lời khen ngợi về sự cúng dường Tu viện.

449. Từ ngày hôm sau trở đi, Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) bắt đầu lễ cúng

dường Tu viện. Lễ dâng cung điện của bà Visākhā diễn ra trong bốn tháng, nhưng lễ cúng dường của ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) kéo dài đến chín tháng mới kết thúc. Và ngay cả đối với buổi lễ này, chi phí đã lên đến mười tám triệu đồng tiền vàng. Vì vậy, chỉ riêng Tu viện này, ông đã chi năm mươi bốn triệu đồng tiền vàng.

Tịnh Xá Kỳ Viên Jetavana - nơi ở của tất cả chư Phật

450. Trong quá khứ, vào thời của Đức Phật Vipassī, có một vị phú thương tên là Punabbasumitta đã mua mảnh đất này bằng cách trải những viên gạch vàng phủ lên đất và dựng lên một Tu viện rộng một do tuần (yojana) ở nơi đây. Vào thời Đức Phật Vessabhū, một phú thương tên là Sotthiya đã mua mảnh đất này bằng cách rải lên mặt đất những chiếc chân voi làm bằng vàng và xây dựng một tu viện kéo dài nửa do tuần (yojana) ngay tại nơi này. Vào thời Đức Phật Kakusandha, một phú thương tên là Accuta đã mua mảnh đất này bằng cách trải những viên gạch vàng lên mảnh đất và xây dựng một tu viện kéo dài một gāvuta ngay tại chỗ này. Vào thời Đức Phật Konāgamana, một phú thương tên là Ugga đã mua mảnh đất này bằng cách trải những viên gạch vàng lên trên mảnh đất và xây dựng một tu viện kéo dài một nữa gāvuta ngay tại chỗ này. Vào thời Đức Phật Kassapa, một phú thương tên là Sumaṅgala đã mua mảnh đất này bằng cách trải những viên gạch vàng lên trên mảnh đất và xây dựng một tu viện có diện tích mười sáu karīsas[113]. Và vào thời Đức Phật Gotama, phú thương Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đã mua mảnh đất này bằng cách đặt một triệu kahāpaṇas, và xây dựng ngay tại chỗ đó một tu viện kéo dài tám karīsas. Vì vậy nơi đây chưa có vị Phật nào mà chưa từng ghé tới. Theo cách này, từ khi Ngài đạt được Giác ngộ dưới gốc cây Bồ Đề vĩ đại cho đến khi Ngài nhập diệt Đại Niết bàn, bất cứ nơi nào Đức Thế Tôn cư ngụ đều được tính vào Kỷ nguyên gần đây. Và bây giờ chúng tôi sẽ giải thích tất cả những Câu chuyện Đản Sanh có liên quan.

***

113 Một vùng đất bên ngoài nơi có thể gieo hạt giống karīsa (một thước đo khô); Singhalese kiriya (thường được chứng thực trong các chữ khắc cổ đại).